

Nguyễn Huy Côn



Tuyển Tập

Văn và Thơ

Nguyễn Huy Côn

TRUYEN 100 CHU
TRUYEN 100 CHU



Hà Nội - 2008



Nhớ gì kể này
Nghĩ sao viết vậy
Trong trăm chữ ấy
Việc mình,
việc người,
việc Đông-Tây

陈全昌

陈全昌?

1. Giấc mơ đẹp

Cháu ngoại tôi, lên năm, mỗi buổi tối, khi đi ngủ chẳng bao giờ quên chúc tôi: “Chúc ông ngủ ngon và có những giấc mơ đẹp”. Con bé có nhiều quyển truyện tranh, toàn truyện thần tiên nên thích có những giấc mơ đẹp y như trong truyện. Mỗi sáng, nó lại hỏi tôi: “Đêm qua ông mơ thấy gì?” Tôi phải bịa ra một vài giấc mơ. Nó bảo: “Giấc mơ của ông chưa đẹp lắm”. Con bé nói đúng, ước mong ngày mai tốt đẹp hơn ngày hôm nay đâu phải là chuyện dễ dàng.



2. Ân hận lúc tuổi già

Hơn hai mươi năm tôi mới gặp lại cậu ấy, khi đưa tang một người bạn. Sau cái bắt tay ngỡ ngàng, tôi mừng rỡ, chưa kịp hỏi han gì thì cậu ấy đã lủi đầu mất. Có thể là cậu ấy chợt nhớ ra những gì đã đối xử với tôi khi cùng làm việc với nhau mấy chục năm trước. Tôi thì đã quên những điều ấy rồi, trả nó về dĩ vãng, nhưng cậu ấy thì còn nhớ như in. Tuổi già, nghĩ lại những gì mình làm, nhiều khi ân hận.



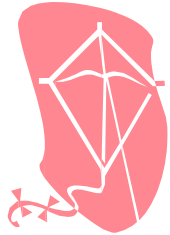
3. Quả chín

Chị tôi hay bị con cái kêu là khó tính, quá cẩn thận. Đến tuổi có cháu, bà ấy mới thấy những gì mẹ chồng làm, mẹ chồng đối xử trước đây là đúng, không quá quắt như bà ấy nghĩ về mẹ chồng khi mới về làm dâu. Lúc đó bà ấy mới hai mươi tuổi mà. Tự nhiên bà ấy thấy thương nhớ mẹ chồng và hay nhắc đến cụ khi làm bếp, khi nấu món này, khi mua thứ kia. Hơi muộn, nhưng nhận ra còn hơn là không bao giờ.



4. Thần đồng

Thằng bé mới năm tuổi mà biết đọc những tí to trên báo, biết quốc kỳ của mấy chục nước, biết chơi game trên máy tính. Bà mẹ tưởng con mình là thần đồng, đi đâu cũng khoe. Lại còn đi tìm xem có nơi nào bồi dưỡng thần đồng thì gửi gắm. Đến năm lớp hai thì nó chỉ vào loại học sinh trung bình ở trong lớp. Lên lớp ba, nó thuộc loại học sinh cá biệt của lớp, nghĩa là vừa học kém, vừa không ngoan. Lỗi tại bà mẹ cả thôi!



5. Con mồi

Ai cũng khen nhà ông độ này làm ăn khá khả. Nghe đâu ông làm ở công ty liên doanh, lương mấy trăm đô, con cái cũng sẵn việc làm, bà vợ phây phây béo trắng. Chẳng thế mà cứ tinh mơ và xẩm tối, ông ăn mặc rất sì po, quần sooc trắng, áo fông xịn, tay cầm vợt đi tới đi lui ngoài công viên, quanh hồ, nhàn nhã quá xá. Đến khi người ta niêm phong nhà ông, mới hay bà ấy bày trò đi lừa tiền của nhiều người. Ông chẳng biết chi.



6. phong độ

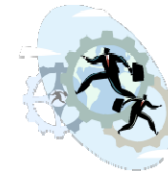
Ông xấp xỉ thất tuần rồi mà người ta bảo ông còn phong độ. Nghe sượng cái lỗ tai. Ông bảo bọn con gái tuổi chỉ bằng con út ông:” cứ phiên phiên gọi bằng anh, chú chú bác bác gì cho phiên hà”. Ông tưởng mình phong độ thật, đam lao theo mấy vụ tươi mát, nào quán bar, nào vũ trường, karaôkê tối ngày, rồi đua với bọn trẻ uống rượu, uống bia. Chúng mất gì

mà không tung hô ông phong độ. Hôm qua tôi được tin ông qua đời vì tai biến.



7. “Nơi gặp gỡ của thế hệ trẻ”

Thoáng nhìn thấy những chữ như thế này trên chiếc biển hiệu to tướng, ai cũng ngỡ rằng đây là một câu lạc bộ của thanh niên. Không đâu! Đây là nơi thưởng thức trà, lẽ ra là của lứa tuổi già. Chiếc biển hiệu thế mà nhử được khối thanh niên vào đây nhâm nhi tối ngày. Sáng sớm tinh mơ, từ trong quán trà này, họ nhìn các cụ đi tập thể dục và cười bảo:” thân làm tội đời, các cụ khốt sao không ở nhà ngủ cho khỏe !



8. Làm từ thiện

Ông từ trụ sở ra, nét mặt hớn hờ và tự hào. Chắc là tin này phải đưa lên truyền hình, vì ai dám mua một chậu hoa xoàng xĩnh thế tới cái giá năm mươi triệu đồng để góp cho Quỹ từ thiện của Tỉnh cơ chứ. Phen này thì tiếng tăm của người đại diện cho Công ty là ông phải lan khắp nước. Ông đang phẩn chấn tốt độ thì hai đứa trẻ rách rưới ở đâu níu ông

lại xin tiền. Ông gạt chúng ngã ngửa ra, miệng lầm bầm: đồ khốn, cút đi nào !



9. người ta tốt hơn mình nhiều

Hôm nay có một người khách đặc biệt đến chơi nhà . Tôi vừa mừng vừa ngạc nhiên vì đó là con người chủ nhà đã cho tôi cư trú qua hầu hết những năm sơ tán khỏi Hà Nội để chống Mỹ. Con gái tôi lâu lâu, nhớ nhớ vì có người lạ ngủ lại nhà mình. Tôi kể lại chuyện ngày xưa bố nó và cơ quan sơ tán nằm ở nhà những người nông dân như thế này, tính ra hàng nghìn ngày mà họ vẫn vui vẻ . Nó cảm thấy xấu hổ.



10. Chữ nhẫn (忍?)

Đạo này có một treo chữ tại phòng khách, chữ Hán ấy mà. Nào chữ đức (德), chữ ái (爱), chữ nhẫn (忍?). Chữ nào cũng có chữ “tâm” (心) bên trong. Thế ra người ta tu chí, muốn trở thành người có đức độ, yêu thương con người và kiên nhẫn đấy. Ông bạn tôi tính nóng như lửa, chẳng bao

giờ nhịn ăn, nhịn nói, nhịn làm cái gì mà cũng treo chữ nhẫn. May sao, nét chằng giữ chữ *đao* người ta lại viết quá đậm, con dao có bao giờ bị đứt mà rơi đúng trái tim !



11. Xa lạ

Bố chú rẻ vui mừng reo lên khi thấy tôi đến . Anh kéo tôi vào một bàn tiệc đã có năm người mà rằng: “ Có ông bạn tôi đây là đủ mâm rồi !”. Mọi người đều mừng rỡ vì chấm dứt được cái cảnh chờ cho đủ sáu người ăn. Định thần lại, tôi mới thấy là mình lọt thỏm giữa năm bà. Các bà ra sức tiếp thức ăn cho tôi, cứ như đi làm từ thiện. Rồi họ lại xoay sang khoe nhau đủ thứ, nghe mà ngượng cả người. Tôi bỗng thấy có cái gì xa lạ quá!



12. Cà cuống ... vẫn còn cay

Bạn bè ngoại thất thập còn trông thấy nhau là quý, nhất là cùng học từ hồi nhỏ. Nhưng không phải ai cũng nghĩ thế. Cùng lớp tôi, có anh chàng cay cú với bạn cùng lớp, đã ra sức kiện cáo bạn mình ròng rã bốn chục năm chỉ vì anh bạn này đồ đạc, ăn nên làm ra và được mọi người tín nhiệm hơn mình. Anh

kiện ông bạn vàng vì... mấy công thức mà anh cho là sai trong luận văn. Chẳng ai hưởng ứng, bởi họ không mắc bệnh tâm thần.



13. Cái danh thiệp

Chỉ nhìn hơn cái ảnh 6 x 4 một chút nhưng nó được việc lắm. Đọc qua mảnh bìa này, anh (hay chị) biết ngay uy thế của tôi. Là giáo sư, giám đốc, chủ tịch hay là tít người nào khác đều ghi rõ trong này. Tôi ở biệt thự Phong Lan, chung cư đô thị mới hay vẫn còn ở căn hộ lắp ghép bé tí, là thông báo tuốt. Tôi còn thạo cả tiếng Anh và vi tính nữa chứ, vì ở đây có in cả I meo, rồi đóp liu, đóp liu, đóp liu. Tiện thật !



14. Trái tim bị đánh cắp

Nó bị vứt ra ở chiếu nghỉ cầu thang. Ruột bị moi hết, bởi nó đựng tiền. Tiền mừng đám cưới ở khách sạn. Mấy người quá vui ngày cưới, để kẻ gian theo dõi từ khách sạn về đến nhà,

lấy trộm cả trái tim. Quên nói là nó bằng vải bọc ngoài cái hộp cứng và có hình trái tim. Khi khổ chủ trình báo, công an hỏi mất bao nhiêu tiền thì chịu. Ai mà biết được là người ta mừng bao nhiêu, khi chưa có cơ hội bóc ra mà đếm !



15. Hoa hồng tú cầu

Bông hoa này thật *đẹp*, như một vàng dương nhú lên từ mặt đất, tỏa ra như một quả *cầu* nhỏ, gồm hàng trăm cánh hoa nhỏ màu *đỏ* tỏa ra tứ phía, chẳng khác gì một chiếc bàn chải lông. Hàng năm, mỗi cây hoa chỉ nở một hoặc hai bông vào trung tuần tháng năm. Nó vừa nở một bông ở bồn đất nhỏ của nhà tôi làm cho tôi nhớ tới anh Ngọc. Anh cho tôi cây này đã ba năm từ cái mầm nhỏ xíu. Anh đi xa vào quãng này năm ngoái...



16. Tạ ơn

Hai vợ chồng tôi mang ít rượu và bánh đến nhà bà bác sĩ để tạ ơn bà đã tận tình khám bệnh cho. Không ngờ chúng tôi bị đuổi: bà bác sĩ nhét trả tất cả những thứ đó vào túi, trả lại vợ tôi và chỉ ra cửa: “ Xin mời các vị về ngay cho ! phiền phức quá”. Vợ tôi bực mình lắm, còn tôi cũng chẳng lấy làm ngạc

nhien vì bây giờ người ta chỉ biết “ Đồng tiền đi trước” còn “Tình cảm đến sau” như thế này thì họ làm sao hiểu được!



17. Người đang yêu

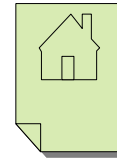
Anh làm gia sư, kèm học cho cô gái chỉ lớn hơn con anh hai ba tuổi. Trong khi dạy học, nhà hàng xóm thường nghe nhéo giai điệu “ Woman in love” do ca sĩ Barbra Streisand hát. Khi trở về nhà , anh thấy nhớ nhớ cái gì. Bẵng đi mấy ngày, nhà hàng xóm không ra rả bài hát ấy nữa. Anh về nhà vẫn đi hát trúng bài ấy mà vẫn không khuây nổi nhớ. Cảm lòng chẳng đặng, anh gửi cho cô học trò bài thơ ngắn . Lập tức anh mất chân gia sư.



18. Cơi nới

Từ điển làm gì có từ này. Người ta gọi như thế từ khi nhu cầu nhà ở tăng mà diện tích nhà có hạn. Căn hộ hai chục mét vuông nhà tập thể bây giờ quá chật và bất tiện cho gia đình có trai, có gái. Vậy là phải nghĩ cách : đục thủng trần nhà mà

leo lên sân thượng, xây thêm một cái tum hay nổi cho lô gia rộng ra, bỏ chân song, lan can đi mà quây thành buồng. Ai cũng làm như vậy. Cơi nới trở thành vấn nạn trong kiến trúc đô thị.



19. Cải cách

Cải cách mà không biết làm gì trước, làm gì sau thì chẳng có kết quả. Ví như cái việc học. Bây giờ gọi gộp lại là giáo dục-đào tạo. Vấn đề này cải cách đã nhiều: nào chữ viết, sách giáo khoa, tổ chức các cấp học. Xem chừng không chẳng tiến bộ là bao. Lúc thì nêu “ Dạy tốt, học tốt”, lúc lại treo “ Tiên học lễ, hậu học văn”. Cả thầy lẫn trò đều không hiểu, hoặc hiểu chưa đúng. Nó sai ngay từ việc tách bạch khái niệm giáo dục và đào tạo. ư



20. Cửa mở toang.

Để có đến mười năm rồi tôi mới trở lại thăm cơ quan cũ. Chỉ có độ một phần mười số người trong cơ quan nhận ra tôi. Cơ quan đã đổi mới, trẻ ra về lễ lới làm việc và tuổi tác. Gặp cậu B, cô L, bây giờ đã là viện trưởng, viện phó rồi. Thôi

thì tay bắt mặt mừng, bác bác cháu cháu vui vẻ đáo đẽ. Phòng nào cũng la liệt máy tính, trang bị nội thất hiện đại, cửa phòng mở toang, sẵn sàng đón các nơi đến cộng tác .



21. Người cũ thời mới

Độ này giá điện tăng vọt. Để hạn chế những hộ sử dụng nhiều điện, bên kinh doanh điện tăng giá điện theo giá lũy tiến. Hộ đông người bèn nghĩ ra cách đăng kí tách một công tơ điện ra nhiều công tơ cho đỡ tốn. Một bà mẹ già của căn hộ có bốn đời sống chung tưởng các con mất đoàn kết, muốn cái gì cũng riêng rẽ nên buồn rầu, nghĩ ngợi mà phát ốm. Các con khuyên nhủ mãi cũng chẳng khuây.



22. An toàn giao thông

Nhà tôi trước ở trong ngõ vắng, lối ra đường cái cũng khuất khúc, khó khăn. Từ ngày mở con đường đôi , nơi này trở thành con đường đẹp nhất thủ đô. Buổi sáng, vào giờ cao điểm, xe cộ tấp nập, chẳng ai nhường ai: rẽ phải, quẹo trái, vào ngõ, ra đường, mạnh ai nấy lách. Sự cố giao thông xảy ra hàng giờ.

Loa phường vẫn nheo nhéo nhắc an toàn giao thông, vậy mà người sang đường vẫn chẳng chịu đi qua vạch vôi.



23. Hàng xóm

Những câu loại : *Bán anh em xa mua láng giềng gần* hay *Tối lửa tắt đèn có nhau* có ư nghĩa ở thời nào, chứ bây giờ nghe lạ hoắc. Nhất là bọn trẻ. Chúng buồn cười và cho là lảm cẩm khi thấy mấy ông bà già gặp nhau ở cầu thang hay chào hỏi vui vẻ. Bây giờ không còn là nhà tập thể nữa rồi. Nó đúng là chung cư: chung cầu thang, chung hành lang, chung cửa vào. Còn phía sau cái cửa sắt đủ kiểu của các căn hộ là tất cả những gì khép kín.



24. Khúc dạo đầu

Không giữa các năm 1960 -70 ngành giáo dục bắt thầy giáo dạy văn phải có khúc dạo đầu khi dạy bài khóa. Một thầy giáo, khi dạy bài “ *Cái chăn quả thực*” đã gợi ý học sinh :

- Khi trời rét, nửa đêm tỉnh dậy thấy phía trên mẹ em có gì ?

- Dạ, bố em ạ !

Nguy to rồi, nhưng thầy vẫn tiếp:

- Thế trên bố em là cái gì ?

- Là hai bàn tay mẹ em

Chết rồi, phải gỡ ra mới được :

- Thế trên nữa là cái gì ?

- Dạ, là cái đình màn ạ !



25. Viết gia phả

Ông Thao đã tìm được việc làm, không phải để kiếm tiền đâu mà còn phải tiêu tiền nữa đấy. Ông viết gia phả. Ai cũng ngạc nhiên vì trước đây, khi còn tại chức ông khai trong lí lịch là thành phần bản cố nông, ba đời nghèo đói bị bóc lột ghê lắm. Bây giờ thì ông khoe nhà ông thuộc loại danh gia vọng tộc, xưa có nhiều người đỗ đạt làm quan trong triều. Có hỏi, thì ông bảo là trước khai thế cho nó an toàn (!).



26. Thư pháp

Vài năm nay rộ lên thư pháp tiếng Việt. Người ta dùng bút lông viết nguệch ngoạc mấy câu đối rồi khăng khăng đó là thư pháp. Chẳng ai dám đứng ra bảo là ta không có truyền

thống thư pháp đó. Sáng tạo trong nghệ thuật tạo hình là điều hay, song ngộ nhận là việc không nên làm. Đố ai nêu được từ xa xưa, ai là người sành thư pháp tiếng Việt, và khẳng định được việc dùng bút lông để viết sau khi tiếng Việt được Latinh hóa.



27. Thù vật

Ông viện trưởng và ông viện phó thường mâu thuẫn nhau. Cậu An được ông viện trưởng cử đi học ở nước ngoài. Ông viện phó không nhất trí song lặng thinh. Kịp đến ngày An ra sân bay lên đường thì có cú phen nặc danh báo với hải quan là cậu này mang nhiều kim cương, đá quý, có thể là dấu nướ trong bụng. Khổ cho cậu An bị bắt giữ để “ia bô” trước sự giám sát của hải quan. May mà chẳng có phen vàng nào, chỉ toàn vàng phen...



28. Tiếc người chưa quen

Anh ở tận thành phố Hồ Chí Minh. Tôi ở Hà Nội. Quen tên anh trong trang cuối của cuốn sách mà anh minh họa cho tôi. Tôi vui lắm vì tranh vẽ của anh rất phù hợp với nội dung sách truyện dịch đầu tay của tôi. Rồi tôi nhận được tin buồn, cũng qua sách báo : họa sĩ vừa mất bởi tai nạn giao thông.

Trong khoảnh khắc, tôi thấy mình bị mất và tiếc một cái gì quý giá lắm, bởi anh là một họa sĩ vừa có tài , vừa có tâm.



29. Hai con đường

Nam và Bắc cùng nhận tiền đền bù giải phóng mặt bằng. Nam chỉ dành một phần năm số tiền để làm ngôi nhà nhỏ, số tiền còn lại để lo cho các con học nghề, để mua sắm dụng cụ , máy móc nhỏ. Bắc thì khác, làm một ngôi nhà ba tầng thật oai, sắm cho mỗi con một xe máy đời mới rồi còn đi du lịch đó đây. Ba năm sau. Nam trở thành tỉ phú còn Bắc phải đi kiếm việc làm tại Libi, cả nhà thất nghiệp...



30. Cai thuốc

Cai thuốc lá là việc không dễ. Ai cũng biết thuốc lá có hại cho sức khỏe, và có một nghịch lý là tỉ lệ nghiện thuốc trong giới trí thức khá cao. Đó là do thói quen, vài tác dụng kích thích của thuốc lá và tâm lý của người nghiện thuốc lá. Tôi có mấy ông bạn cai thuốc ba bốn bạn mà không được. Còn

tôi, do sợ vợ, định cai là thành công ngay. Bà ấy dọa ly thân nếu tôi không chịu từ bỏ cái thứ hôi hám và tốn tiền ấy.



31. Quảng cáo chèn phim

Anh bạn tôi hay bực mình khi đang xem phim lại có quảng cáo chèn vào. Anh bảo:”nhất là phim đang tới hồi gay cấn, hoặc đang có cảnh tả nỗi buồn mà chấm dứt đột ngột bởi chèn quảng cáo: nào kẹo, nào bánh , nào dầu gội đầu...kèm những lời nói vô duyên (!)...” Đạo diễn phim có giỏi đến mấy thì cũng chịu, không làm cho người xem tiếp tục hồi hộp hay tiếp tục xúc động được nữa. Xem ra, lời anh cũng có lí.



32. Đưa được vào sách kỷ lục Guinness

Anh được phân căn hộ lắp ghép từ những năm bảy mươi của thế kỷ trước. Đến cuối năm kia nghe dọa hết hạn, anh phải đi làm hồ sơ xin xỏ cấp số đỏ và nộp được sau một tháng rưỡi tốn công tốn của. Đúng một năm anh sau mới được gọi để nộp tiền. Công ty thu tiền nhanh lắm, nhưng sau mười bốn

tháng rồi vẫn chưa thấy tăm hơi sô đồ đâu. Chắc là họ định lập kỷ lục viết chậm để đưa vào sách Guinness cũng nên !



33. Quảng cáo *

“Này đây bàn chải đàn hồi,
Kia là *Di Lắc* sáng ngời thông minh
Tiếp theo, sức sống thật kinh:
Hà Lan Cô Gái, đứng khinh sữ này
Đờ Ni công nghệ thời nay
Tối ưu màu sắc phơi bày *Samsung*
Thuốc này chống ngứa lầy lừng:
Chị em ta hãy tin dùng *Đề Pô*
Tiếp theo, tin thật bất ngờ:
Sê Da sáng tạo từng giờ không ngoa
Nói gần rồi lại nói xa:
Không còn rối nữa, hàng ta đã rành
Pan Mô Li của người sành
Cô gái hết rối, liếc tình người xem”...

—
*Một đoạn quảng cáo chèn phim chiếu ngày 28.11.2003



34. bốc đồng

Một nghìn năm Thăng Long sắp tới. Người ta chuẩn bị đủ thứ để Lễ hội này thật hoành tráng. Người thì nghĩ phải dựng bia tiến sĩ, kể lại muôn đức một nghìn cái trồng đồng Đông Sơn. Bia tiến sĩ thì bị phản bác liền trên báo, vì tiến sĩ bây giờ hơi bị nhiều và hơi bị ít tác dụng. Trồng đồng thì còn chưa xác định được là nhạc khí hay đồ cúng tế, cách đánh ra sao. Chẳng qua là bốc đồng, muốn ăn tiêu tốn kém, lấy thành tích khi có dịp sánh điệu!



35. Kỷ lục...lãng phí

Có tài, có sức làm những việc phi thường mà được ghi vào sách kỷ lục Ghi- nét như : nhỏ tuổi mà đã đỗ đạt cao, sống khó khăn mà giặt nhiều giải quốc tế, thì có lý lắm và thật đáng tự hào. Tuy nhiên, trong khi đất nước còn được xếp vào hạng nghèo trên thế giới, hà

tất phải khoa trương, sành điệu, ra sức thực hiện những kỷ lục về...lãng phí: lá cờ to hàng trăm mét vuông, chiếc bánh cho hàng nghìn người ăn, cái chuông nặng hàng trăm tấn...



36. Đề cao

Tôi hay dừng lại trước hiệu sách để xem có quyển gì hay. Song mắt kém chỉ đọc được cái tên tác giả, còn tên sách thì phải gỡ mục kính ra, bởi bây giờ tên người viết được đề cao, có khi chiếm hết một phần ba trang bìa. Chợt nhớ mình đã bị cơ quan kiểm điểm vì dám đề tên trong một cuốn sách mà chính mình là tác giả hồi những năm bảy mươi. Chẳng có luật nào quy định ngoài tên cơ quan, cá nhân không được có tên trong ấn phẩm!



37. Đổi tên

Một ngày bà mẹ ra thăm con làm việc ở tỉnh. Khi qua cổng xí nghiệp, ông gác hỏi:

- Bà đi đâu ?
- Trong này có con nào tên là Xu không ?
- Tên ấy thì làm gì có !
- Bà mẹ móc cái ảnh từ túi áo, chia ra:
- Nó như thế này !
- Người gác cổng cười và bảo:
- Tưởng ai, thế cô Tuyết Chinh là con bà đấy à ?
- Bà mẹ nhăn mặt, chép miệng :
- Con ơi là con, Chinh với Xu thì khác gì nhau mà con phải đổi tên để mẹ tìm hết cả hơi thế này !



38. Mũ bảo hiểm I

Tôi tụt xuống khi chiếc xe máy vừa dừng lại. Trả tiền người lái xe ôm xong, tôi quay ngoắt đi. Tiếng nói “xin bác cái mũ” làm tôi quay phát lại. Tôi xin lỗi vì quên không tháo trả anh ta cái mũ bảo hiểm. Anh ta cười bảo:” cái mũ này chỉ có tám ngàn bạc, cháu mua chỉ để che mắt công an, còn các bác lại nhẹ đầu”. Tôi cười, chợt nghĩ về tác dụng của chiếc mũ bảo hiểm và việc tự nguyện chấp hành luật giao thông của người dân.



39. Mũ bảo hiểm II

Anh bạn tôi cá với tôi là người dân chưa thấy tác dụng của chiếc mũ bảo hiểm khi đi xe máy, mặc dù đài truyền hình có đưa nhiều hình ảnh về tai nạn giao thông gây chấn thương sọ não để răn đe. Anh bảo: “ cậu có thừa nhận với tôi rằng các bà các ông quý con đến chừng nào mà vẫn không cho con đội mũ bảo hiểm chỉ vì luật quy định tuổi phải đội mũ không ? Đó là vì chưa bao giờ người ta đặt mình vào trường hợp bị tai nạn !



40. Không thống nhất

Cuốn sách “ Khí hậu Việt Nam” của mấy tác giả có tiếng ngành khí tượng vừa xuất bản thì bị thu hồi. Ai đòi sách dám nói khí hậu hai miền Nam, Bắc là khác nhau ngay vào dịp vừa mới thống nhất đất nước vào năm bảy lăm, lại còn phân rõ ra hai chương: khí hậu miền Bắc thế này, khí hậu miền Nam thế kia. Mấy tác giả ngơ ngác, ngỡ mình có tội mà không thanh minh được. Chỉ tại nước Việt Nam mình có hình chữ S và kéo dài đến mười mấy vĩ độ !



41. Phá cỗ

Có đến mấy trăm cháu bé ở *Trung tâm Tình thương* đang háo hức chờ phá cỗ Trung thu. Chúng vui lắm vì được chia quà, rước đèn và bây giờ sắp phá cỗ. Bỗng có một bác nào vừa đến, nghe giới thiệu thì biết là ở trên cao lắm về chúc Tết. Chúng em nghe mà ù cả tai ! Bác bảo chúng em có cỗ thế này là nhờ ở cơ quan này, đoàn thể nọ, phải biết ơn những ai, rồi phải phân đầu , phải ra sức...Mà chúng em chỉ muốn ăn bánh kẹo ngay thôi !



42. biết tiếng ý

Mặc dù tôi biết bốn năm ngoại ngữ, nhưng vợ tôi vẫn xem thường. Có lần tôi gặng hỏi, cô ấy bảo: “ những thứ tiếng ấy cũng cần, nhưng cần hơn là *tiếng ý* thì anh lại không biết”. Hỏi thêm nữa thì cô ấy lại bảo:” anh không hiểu ý người ta nói gì sau những câu, những chữ, thậm chí sau cả sự yên lặng”. Thế thì tôi dốt thứ tiếng này thật. Nó không có ngữ pháp và mẫu câu, không bao giờ ở thể khẳng định, không có cả thời khi chia động từ !



43. Tập thể dục bên hồ

Đó là thói quen của nhiều người sống ở gần hồ. Hít thở không khí trong lành ban mai, vươn vai, làm vài động tác cho dân xương cốt, ấy là lẽ thường. Thế nhưng cũng có người tưởng đây là sân chơi, phòng tập của họ : đu cây, với cành, nhún lên nhún xuống, rất chi là sức lực. Chỉ tội cho những cây non, mới vươn lên vài mét, sẽ bị gãy cành bất cứ lúc nào. Nhiều ánh mắt thiếu thiện cảm hướng về phía họ nhưng họ ngỡ là sự tán phục !



44. Hội trường Ba đình

Không lạ gì, đây là nơi diễn ra nhiều sự kiện trọng đại trong suốt gần nửa thế kỷ qua. Là nơi họp quốc hội, mít tinh trọng thể, nơi viếng các lãnh đạo tối cao khi họ qua đời... Năm rồi, công trình này bị phá đi để xây dựng một khu công trình hiện đại hơn, to lớn hơn nhiều. Bây giờ, mỗi lần qua quảng trường Ba Đình, tôi có cảm giác thiếu vắng lạ lùng. Dễ hiểu, vì tôi đã tham gia thiết kế công trình này từ những năm đầu của thập kỷ Sáu mươi.



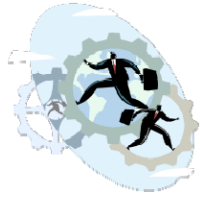
45. Động đất

Mấy năm nay , trên thế giới động đất liên miên. Tháng trước, nó hoành hành ở Tứ Xuyên Trung Quốc, hôm qua lại sờ đến Pa-kix-tan. Sờ lên gáy, nghĩ mà kinh vì nước ta cũng có khả năng bị động đất thực sự chứ không phải là chỉ hưởng “ dư chấn ” như một số người tưởng. Cần có nhiều biện pháp phòng tránh cụ thể, mà trước tiên là phải giáo dục cho dân kiến thức cơ bản về động đất , huấn luyện cách thức tự cứu cho cộng đồng một khi biến cố xảy ra.



46. tham nhũng

Ai cũng đồng tình với chuyện chống tham nhũng. Có là phải diệt, là phải xử. Nhưng đây là việc làm ở ngọn và ai cũng thấy. Có những chủ trương đưa ra đã ẩn chứa sự tham nhũng vì gây phiền hà cho dân; chúng là mới là gốc của những sự hối lộ do người dân muốn được việc mà phải làm. Tội tham nhũng này xét về nhiều mặt thì chúng nặng hơn. Đó là những tham nhũng gài trong thủ tục xin cấp giấy tờ, xin cấp kinh phí , xin xuất ngoại...



47. ngày cuối tuần

Mấy năm nay, đời sống dân đô thị khăm khá hơn thì ngày cuối tuần mới có ý nghĩa. Với bốn mươi tám tiếng đồng hồ, người ta có thể làm việc nọ, việc kia, nghỉ kiểu này, kiểu khác. Chẳng thế mà sáng thứ hai, xe ô tô riêng chen nhau nườm nượp từ phía ngoại thành đổ về Thủ đô. Nhớ lại hồi bao cấp, ngày nghỉ đã ít, lại phải dành để xếp hàng gạo, dầu và giải quyết mấy thứ lặt vặt trong bia phiếu. Có người gọi trêu là “ngày ngồi lê”.



48. sân hàn quốc

Đó là cách gọi *sân gôn* của dân ở vùng này, một cách gọi không mấy thiện cảm và xa lạ. Bởi vì nó mà người dân ở đây phải đi quãng đường xa gấp ba mới ra được đường cái, tốn quá nhiều thời gian và sức lực. Tại sao vậy ? Hơn một năm nay, người ta hợp tác với nước ngoài “quy hoạch” để xây dựng cái sân này rồi rào lại bằng dây thép gai. Sân chẳng thấy đâu, chỉ tổ khổ cho cho bà con vùng này vốn đã nghèo đói !



49. mệnh mông bể sở

Người đi làm thì không về được nhà, phải ngủ lại cơ quan; giao thông thì tắc nghẽn, đi cũng dở mà ở không xong; xe cộ ứ lại, đường sá chẳng thấy đâu, chỉ toàn một màu ...nước. Trời mưa hai ngày liền làm cho Thủ đô biến thành biển nước. Nghe đâu người ta đã tiêu mấy ngàn tỉ đồng cho dự án thoát nước đô thị mới đạt được cái cảnh này đây. Đành phải trách ông trời. Còn nếu nói theo cách khoa học thì là do...biến đổi khí hậu !



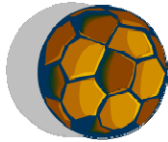
50. nhà ở ngã tư

Bạn tôi khoe rằng khi xem tử vi người ta bảo :” suốt đời nhà mình ở ngã tư, bất kể là ở tỉnh nào”. Ông thầy còn ngạc nhiên thốt lên : “Ồ hay, cái bà này, toàn ở ngã tư thôi”. Bạn tôi nghiệm lại : từ hồi còn ở Nam Định rồi lên Hà Nội, nơi ông bố được bố trí nhà ở cũng là ngã tư, rồi sau khi giải phóng miền Nam, phải chuyên nhà, cũng ở ngã tư; rồi gần đây nhất, lại phải dọn đến một chung cư cao cấp...ở ngã tư .



51. Xem Uôn cúp thời bao cấp

Tôi chỉ nói một việc lo điện đóm để xem ti-vi. Muốn xem trận nào thì phải có kế hoạch tập trung điện, nghĩa là nhin thấp đèn, có khi nhin cả quạt điện nữa. Ti-vi sẵn sàng nối với *suyéc vontơ* để kích điện mỗi khi nó tối om hoặc ti-vi nhập hàng muốn tắt. Ấy vậy mà nhiều khi vẫn bó tay, không xem được những pha giât gân, những quả mùi mẫn. Đây, cái hi nộ ai lạc của bóng đá là thế vì nó đầy kịch tính .



52. sao

“Chắc các cụ chẳng biết thế nào là sao đâu nhĩ. Thời các cụ chỉ có nghệ sĩ ưu tú, nghệ sĩ nhân dân là hết cấp, chứ là gì có sao như bọn cháu. Muốn thành sao, không phải chỉ hát hay mà được, còn phải có thể hình bắt mắt, trang phục sành điệu, phong cách biểu diễn độc đáo. Đây là chưa nói đến dòng nhạc hiện đại mà ca sĩ

theo đuổi. Có sao thì mới có các “fen”. Chắc các cụ dốt tiếng Anh nên còn lâu mới hiểu là người hâm mộ !”



53. cây xanh

Hà Nội có những đường phố nổi tiếng về cây xanh: Phan Đình Phùng, Lò Đúc, Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt...Chúng đã có hàng trăm tuổi, vậy mà vẫn xanh tốt, rợp bóng mát trên đường và tỏa hương hoa đầu mùa. Đó là vì người ta tuân thủ đúng phương pháp trồng cây xanh đô thị, biết chọn loài cây thích hợp, chứ không cố áp đặt chủng loại cây không thích hợp, ví dụ mang loài cây chỉ sống quần thể trên đồi núi trung du về Thủ đô để trồng trên đường phố.



54. phong cách

Trên ti vi vừa phỏng vấn thanh niên quan niệm thế nào là *phong cách*. Anh thì bảo: là sống hết mình, chị lại nói: là phải thể hiện cá tính, cô này đưa ra: phải tạo được sức sống mới, cậu kia vênh váo: cần nêu cao tính sáng tạo của bản thân. Nghe xong, tôi sờ lên gáy mà hú vía: tất cả những ý này, nếu nói vào khoảng thời gian từ

những năm sáu mươi đến tám mươi của thế kỷ trước, chắc chắn sẽ bị quy là mắc chủ nghĩa cá nhân nặng!

style

55. gần trời xa đất

Nghe thì có vẻ lạ tai, nhưng đó là sự thật. Bạn tôi năm nay thuộc loại U tám mươi, bỗng nhiên phải dọn nhà. Người ta thích cái khu đất bạn tôi đang ở, và bây giờ họ có đủ lý do di dời bà con đi nơi khác để đầu tư xây dựng cho thành phố khang trang, to đẹp. Thế là bạn tôi đang ở tầng một của biệt thự, nay phải dọn đến tận tầng mười tám cao ngất của ngôi nhà chung cư. Thế chẳng gần trời hơn là gì ?



56. Phong thủy

Ông Phú làm nhà, thuê một kiến trúc sư vẽ kiểu. Ông không quên nhắc kiến trúc sư nhớ thiết kế cửa sau và cổng sau. Kiến trúc sư ngạc nhiên, bảo: "Ông chủ không biết à, theo phong thủy, làm cửa sau sẽ tán tài, không vượng". Chủ nhà cười mà rằng: "Tán tài và vượng chẳng thấy đâu, nhưng thử hỏi nếu không có cửa

sau, ngộ nhờ có người đến đòi nợ tiền vay để làm cái nhà này, khi ấy tôi có lối nào mà chạy thoát được?!"



57. cái lô-gô

Nếu không có *đổi mới*, nhiều người không biết rằng cái ấy tên là lô-gô, mà chỉ quen gọi là nhãn mác của sản phẩm. Thực ra, nó là một thiết kế dùng trong ấn phẩm truyền thông, bao bì sản phẩm và trên chính sản phẩm đó, làm cho người sử dụng thấy sản và nhớ sản phẩm, rồi phân biệt được với sản phẩm khác. Muốn thế phải có hình dạng và màu sắc dễ nhận biết, hay thể hiện đơn giản tên của tổ chức. Thường có câu đi kèm, gọi là slô-gan.



vimecanics

58. cái cửa sổ

Không ai phủ nhận được tác dụng của cái cửa sổ trong kiến trúc nhiệt đới. Từ ngày thị trường bung ra, thân phận cái cửa sổ cũng thay đổi. Cửa sổ trong kính chớp ngoài kiểu tây cổ rồi, người ta xính kính nhôm, rồi cửa sổ nhựa chất lượng cao như *O rô uynh đô*, kín khít kinh người, cách âm cách nhiệt hết chê ! Thế rồi

khi có chung cư cao ngất của các đô thị mới mọc lên , người sử dụng mới thấy rõ nhược điểm khó khắc phục của cái cửa sổ.



59. bị bão bên bờ biển*

Bà Bùi Bích Bông buôn bán biết bao bận, bởi bị bại bà bên bờ bãi. Bởi bà bị, bạn bè bảo “ Bà Bông Béo”. Bà biết bơi, bên bờ buôn bán, bởi ba bốn buổi, bông bà bông bên bãi biển. Bông bụi bay, biển bùng bùng báo bão. Bão bên bờ biển ! Bà Bông Béo bỗng bị bởi ba bốn bận bởi “ ba biển”. Bọt biển bắn, ba bận bà Bông bỏ bên bãi biển bởi bị bởi bản bộ Bi, bà bị bê bết bùn bám bụng béo, bớt bao bì bạch...

tiểu thuyết toàn B



60. Chuyện 1 về chữ “tức”

Ngay trước của một hiệu thuốc bắc ở phố Huế có một số người hiếu kỳ dừng lại, dõi theo một chàng trai đang chỉ lên biển hiệu. Mãi rồi, anh ta mới nói được:” Nguy to rồi, thế này thì án mạng ắt xảy ra”. Mọi người đang ngơ ngác thì anh này lại tiếp:” Nguy rồi, thế nào họ cũng đánh nhau. Đây! nói rõ đến thế này cơ mà”.

Chỉ có một bà, đủ bình tĩnh đọc mấy chữ trên biển hiệu như thế này:” Lương y Thuận Thành *tức* ông lang Côm”.



61. Chuyện 2 về chữ “tức”

Có một anh vui tính, kể chuyện cho con gái một vị cách mạng lão thành rằng: “ Khi hoạt động, ai cũng phải có bí danh, nhưng tổ chức quy định không được đặt tên là ách”. Cô gái gặng hỏi thì anh này trả lời:” Chẳng lẽ, khi cách mạng thành công mà viết sử lại ghi rằng: “ Đổng chí Nguyễn Văn A *tức* anh ách” thì khó nghe và khó hiểu quá ! Cô gái kể lại chuyện này cho ông bố, ông cười mà bảo:” cái đứa nào nó nói bậy như vậy?”.

tức anh Ách

62. Chuyện 3 về chữ “tức”

Bạn tôi vừa đi Bắc kinh có tặng tôi một món quà đặc biệt. Đó là bức thư pháp trình bày một chữ “ Ái ” to tướng , viết mực nho trên nền nan trúc của Trung Quốc. Bên cạnh, theo hàng dọc còn chừa mấy chữ nhỏ: “Ái thị vĩnh bất chỉ *tức*”(có nghĩa: Yêu là mãi không ngừng

thờ). Như vậy, *tức* là thờ cơ đấy. Bây giờ ở ta có hội chứng ghép bừa chữ Hán, thì khi nói “tức thờ” dám thay bằng “tức tức” cũng không phải là điều lạ.

爱

爱是永不止息

63. bạn vong niên

Hôm rồi, anh gửi cho tôi bài thơ bằng tiếng Pháp của nhà thơ Pháp* nổi tiếng. Tôi dịch và gửi lại anh, người bạn vong niên:

A:

Khi gặp nhau: đã đời dang hiến
Nào mong anh thoát biến giọng rồi
Em toan riêng chiếm cuộc đời
Muốn luôn hạnh phúc quá trời với anh
Ngủ ru bút thành trang thơ mới
Với tâm tình khó gọi lời ra
Anh mong em đọc ngâm nga
Đấy là phương thuốc chữa ta hết sầu

B:

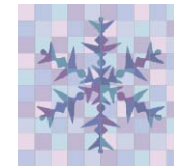
Tối huệ cho những thỉnh cầu
Nay em bén ngọn lửa đầu cùng anh !

* Lettre d'amour d'Alfred de Musset et de George Sand



64. tuyết

Lần đầu tiên tôi gặp *tuyết* ở Vũ Hán, Trung Quốc. Không thể tin đó là cảnh thật vì trước đó tôi chỉ có thể nhìn thấy trong bưu ảnh. Tám năm sau tôi gặp lại *tuyết* ở Mat-cơ-va. Khi này, tuyết mang màu của chia ly, vĩnh biệt: mẹ tôi vừa mất tuần trước; còn ở thủ đô Liên Xô này, người ta đang truy điệu Tổng bí thư Đảng Brê-giơ-nép. Tôi đứng như phỗng giữa một trời tuyết trắng xóa, tuyết rơi nhanh và mạnh, khác chi một tấm khăn tang khổng lồ.



65. thu nhập

Từ hồi đổi mới, người ta nói nhiều đến thu nhập. Khi nói thu nhập của cả nước, họ chum cái miệng lại để phát âm từ *Gi Đi Pi* cho sành điệu. Tây nó nói thế mà ! Thế rồi để kiểm soát cái món tham nhũng, người ta định bắt các vị có quyền có chức phải khai báo thu

nhập. Khó đấy, bởi ở ta, nhiều thứ thu nhập có thu mà không có nhập, chẳng có tài khoản, chứng từ gì. Vừa thấy động là họ chia tài sản cho con cái ngay tắp lự.



66. kỷ vật

ở nhà tôi hiện còn một kỷ vật duy nhất của thời bao cấp. Đó là một cái đĩa sắt tráng men. Khi dọn cơm, nhiều khi vương phải cái đĩa xấu xí và cũ kỹ ấy, con gái tôi làu bàu : “Không hiểu bố thích cái đĩa này vì cái gì cơ chứ?”. Vợ tôi bảo:” Kỷ niệm một thời của bố con đấy. Hồi con còn nhỏ, nước mình ít hàng hóa lắm, Bố con được cơ quan *phân phối* cái đĩa này trong khi đi công tác vắng, mà không phải rút thăm hay bình bầu”...



67. lấy vợ tàu

Hồi tôi lên năm, đang đứng ở cửa nhà trông ra ngõ thì có một lão thầy bói đi ngang qua và bảo: “cậu bé này sau có vợ Tàu”. Anh tôi hay mang cái việc này ra chế riễu tôi. Ngoài ba mươi tuổi, tôi lấy con một gái một gia đình ở thành Nam. Ông bà nhạc tôi mất sớm

nên vợ tôi biết rất ít về cha mẹ mình. Tình cờ, có người họ đăng vợ bảo bố vợ tôi là Tàu, ở phố Khách,lại rất giỏi Hán tự. Chẳng lẽ là thật sao ?



68. người yêu sách I

Năm ấy, phòng nghiên cứu của chúng tôi có thêm một phó tiến sĩ vừa ở Đức trở về. Tôi rất ngạc nhiên khi biết anh mang về nước đến hai tạ sách (trong khi người khác thường bỏ lại sách mà mang các vật dụng khác). Anh xin mang thẳng về phòng làm việc vì phòng ở tập thể chật chội. Xem ra thì toàn những sách mượn của thư viện mà ngại trả, có sách chỉ có tập I, có sách chỉ có tập II. Anh đổ thừa cho bạn mượn mà không chịu trả !



69. người yêu sách II

Hôm vừa rồi xem truyền hình thấy hình ảnh của một quán cà phê kê đầy những giá sách. Đó là quán “Cà phê sách Nhật Tân”. Chủ quán là một người rất yêu sách, ông đã dành dụm mua sắm suốt mấy chục năm trường được mấy ngàn cuốn sách quý. Ông lại muốn

cho mọi người cùng thưởng thức, bèn mở quán cà phê này. Thật là một trường hợp hiếm có và một tấm lòng đáng trân trọng. Điều đáng nói nữa là ông chưa từng là một học giả, một nhà nghiên cứu!



70. tai biến

Tôi có ba ông bạn thân thì đều bị tai biến. Cái thứ này thường rơi vào người già. Anh B. vừa đi năm ngoái, trước Nô-en, khi bị đến lần thứ ba. Anh T. nằm ròn rã bốn năm trời, hiện chỉ còn da bọc xương. Anh X. khỏe là thể mà méo mó tê liệt chân tay hồi Tết vừa qua. Nghe tôi kể chuyện này, anh K.- một nhà doanh nghiệp nổi tiếng-, bảo: “mình chỉ mong đi liền khi bị bệnh, chứ ngắc ngoải lâu thế này thì khổ cho nhiều người quá!”.



An toàn giao thông 13
ân hận lúc tuổi già 3



Bạn vong niên 34
Bị bão bên bờ biển 32
Biết tiếng ý 24
Bốc đồng 19



Cà cuống ... còn cay 8
Cai thuốc 17
Cái danh thiếp 9
Cái lô-gô 31
Cải cách 12
Cây xanh 29
Chuyện 1 về chữ túc 33
Chuyện 2 về chữ túc 33
Chuyện 3 về chữ túc 34
Chữ nhẵn 7
Con mồi 5
Coi nói 11
Cửa mở toang 12



Đề cao 21
Đổi tên 21
Động đất 25
Đưa vào Guinness 18



Gần trời xa đất 30
Giấc mơ đẹp 3

Hai con đường 17
Hàng xóm 14
Hoa hồng tú cầu 10
Hội trường Ba Đình 25
♣
Không thống nhất 23
Khúc dạo đầu 14
Kỷ lục lãng phí 20
Kỷ vật 36
♥
Làm từ thiện 6
Lấy vợ Tàu 37
♣
Mênh mông bề sở 27
Mũ bảo hiểm I 22
Mũ bảo hiểm II 22
♥
Ngày cuối tuần 26
Người cũ thời mới 13
Người đang yêu 11
Người ta tốt hơn mình nhiều 7
Nhà ở ngã tư 28
Nơi gặp gỡ của thế hệ trẻ 6
Người yêu sách I 37
Người yêu sách II 38
♣
Phá cỗ 23
Phong cách 30
Phong độ 5
Phong thủy 31
♥

Quả chín 4
Quảng cáo 19
Quảng cáo chèn phim 18
♣
Sao 29
Sân Hàn Quốc 27
♥
Tạ ơn 10
Tai biến 38
Tham nhũng 26
Tập thể dục bên hồ 24
Thần đồng 4
Thu nhập 36
Thù vật 16
Thư pháp 36
Tiếc người chưa quen 16
Trái tim bị đánh cắp 9
Tuyệt 35
♣
Viết gia phả 15
♥
Xa lạ 8
Xem Uôn Cúp thời bao cấp 28

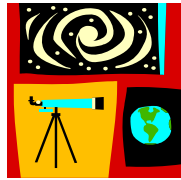


7.11.2008



Branixlav Nusits

Nạn nhân
của
KHOA HỌC



tập truyện hài hước Xéc bi



branixlav Nusit

nạn nhân của khoa học

(tập truyện hài hước xecbi)

Москва - 1957

Hà nội, 2008

Nguyễn Huy Côn
dịch theo nguyên bản tiếng Nga :

Бранислав Нушич
ЮМОРИСТИЧЕСКАЯ РАССКАЗЫ

Mục lục

Branixlap Nusit	3
Đứa trẻ có năng khiếu	5
Bài điếu ă.....	8
Lời bịa đặt.....	13
Kẻ chống đối.....	16

Nạn nhân của khoa học.....	20
Đêm trắng	24

Branixlav Nusit

Branixlav Nusit (1864-1938) ,là tác giả hài kịch, nhà hài hước xecbi nổi tiếng , sinh tại Belgrat trong một gia đình thương gia phá sản. Ông học luật nhưng không thích hành nghề luật sư hay toà án.Trong đời, nghề của ông thay đổi rất nhiều : đã từng là diễn viên, phóng viên, thư ký , sĩ quan, thầy giáo, nhà ngoại giao và giám đốc nhà hát.Ông chỉ làm ở cơ quan nhà nước trong thời kỳ cần kiếm sống.Tuy nhiên, sở trường của Nusit là nhà hát và văn học.

Nusit là nhân chứng của nhiều sự kiện lịch sử. Ông đã chứng kiến nhiều chế độ chính trị, , nhiều cuộc đảo chính ở cung đình, nhiều cuộc tàn sát và can thiệp chính trị. Ông đã sống trong một nước đã nhiều lần chịu đựng chiến tranh tàn khốc. Trong những năm phục vụ ở cơ quan nhà nước, Nusit tận mắt nhìn thấy những thói hư tật xấu của chính quyền quân chủ quan liêu, sự chuyên quyền, bạo lực và tội

ác của bè lũ phản động. Trong những năm sau này, nhà văn tham gia vào cuộc đấu tranh của quần chúng chống phát xít và nguy cơ chiến tranh.

Bằng những vở kịch hài hước, Nusit đã được quần chúng trong và ngoài nước yêu mến. Nhà văn châm biếm bậc thầy Nusit đã đóng góp nhiều cho nền văn học truyền thống và phong phú của xecbi. Tài năng sáng tác của ông chịu ảnh hưởng nhiều của Tuen, Mopatxăng, Xêkhốp và nhất là Gôgôn. Nusit đã viết như thế này trong lời nói đầu của hài kịch " Cá tính đa nghi" : Tôi đã chịu ảnh hưởng to lớn của Gogol, nhất là đối với các hài kịch của tôi viết vào những năm 80 : " Người đại biểu của dân", "Sự che chở", và " Cá tính đa nghi". Các vở hài kịch đầu tiên của nhà hài kịch trẻ đã bị cấm và đến hàng chục năm vẫn chưa ra mắt công chúng, còn tác giả của chúng, thiếu gì lý do xác đáng để bị tống giam. Chặng đường sáng tác ban đầu của nhà văn như vậy đây. Ông có kinh nghiệm tiếp cận với hệ thống chính quyền, cảnh sát quan liêu chuyên áp chế quyền tự do ngôn luận bằng mọi cách.

Trong " Bút ký" (viết tại nhà giam năm 1883), tiểu thuyết " Bọn trẻ của công xã" (1902), trong các bài ký sự và tiểu phẩm đăng ở báo " Chính trị" dưới bút danh Ben-Akiba (1905-1910), cùng với nhiều truyện ngắn, truyện vừa " Tự thuật", Nusit đã dũng cảm đấu tranh chống hệ thống quản lý chuyên chế và quan liêu, nghị viện giả hiệu, chế giễu trò dân chủ rở tiền, giả nhân giả nghĩa và sự thối nát của hệ tư tưởng thống trị. Ông đã đưa lên cân của tòa án độc giả các bộ trưởng có quyền hành vô hạn, các "đại diện của nhân dân", các sĩ quan, các nhà hoạt động quần chúng, các thủ trưởng cảnh sát, và cha cố. Ông đã chỉ ra họ là những người nhỏ nhen, tham lam, có tội, vô học, ngạo mạn, quy lụy trước từng bậc thang danh vọng.

Năm 1929, khi có cuộc chiến tranh đảo chính, để phản ánh kịp thời tình hình tăng khủng bố tàn bạo các tổ chức công nhân, các nhà hoạt động xã hội tiến bộ, Nusit đã sáng tác một loạt hài kịch. Vào những năm đó ông đã viết hài kịch " Bà bộ trưởng" (1929), " Ngài đôla" (1932), " Gia đình đau thương" (1935), " Ông bác sĩ"

(1936), " Người quá cố" (1937), " Quyền lực" (1938) và nhiều vở kịch khác. Trong các tác phẩm này ông bóc trần không thương tiếc những con người của chế độ tư bản tàn bạo và truy lạc, miếng đất mầu mỡ nuôi dưỡng nên quân chủ và tệ quan liêu.

Trong suốt cuộc đời của mình, ngoài những vở hài kịch, ông còn viết nhiều truyện ngắn và các tiểu phẩm. Những tác phẩm này là kết quả của nhiều năm dài trực tiếp theo dõi cuộc sống. Năm 1907 ông xuất bản riêng một cuốn tiểu phẩm " Ben-Akiba". Nusit nhận định rằng trong số những tác phẩm này có một số " chỉ gắn liền được với những sự kiện thường nhật" và có " giá trị nhất thời". Thực vậy, Nusit thường viết những sự kiện mới xảy ra, đáp ứng những vấn đề cấp bách hàng ngày. Trong đó tất nhiên có cả những phóng sự, bút ký, tiểu phẩm giá trị bình thường. Tuy nhiên qua đó, tác giả lại phát triển được các đề tài và hình tượng hài hước và châm biếm cho những vở hài kịch đầu tiên, mà thời đó không cho công diễn.

Có những sự việc thật là bi kịch nhưng được thể hiện ra bên ngoài một cách hài hước về các nhân vật như quan chức nhỏ, sản phẩm của chủ nghĩa quan liêu giấy tờ, khiếp sợ trước thủ trưởng. Cái đầu "nhiệt thành và chu đáo" của viên công chức Paya (*Nạn nhân của khoa học*) nhồi nhét đầy những đoạn công văn, những chỉ thị, với những con số đi vào rồi lại đi ra. Chúng không bao giờ phối hợp được với những khái niệm khoa học sơ đẳng về thế giới. Khi nắm được chân lý, thì chúng lại lộn xộn trong đầu óc Paya, để đến nỗi bị đuổi việc. Ông rầu rĩ và sợ sệt không thoát ra được khỏi cái luật lệ cứng nhắc của chính quyền. Paya là nạn nhân không chỉ của khoa học mà còn là của thói quan liêu, bóp chết mọi suy nghĩ sáng tạo của con người.

Nhà văn giễu cợt phẩm chất được đánh giá cao của một hạng con người, vốn đặc biệt xấu xa và tàn nhẫn, chỉ có một ưu điểm duy nhất là giàu có (*Bài điếu văn*). Nusit phê phán gay gắt những thứ khoa học, những nhà thông thái, những lý thuyết xa vời với những vấn đề bức thiết mà cuộc sống thực tế đang cần, hoặc kiêu đề cao quá mức một cách ngây thơ và rỗng tuếch của những người

chung quanh (*Đứa trẻ có năng khiếu*). Nhà văn đã từng quan sát hết thảy, từ những đám đông quần chúng, thương gia, người môi giới, những công tử thích trưng diện, những công chức ở các bộ cho đến những kẻ la cà ở quán cà phê. Ông tấn công ô ạt vào cách suy nghĩ lộn xộn của những kẻ tiểu nhân, hẹp hòi (*Lời bịa đặt*).

Trong truyện " *Kẻ chống đối*", Nusit đã chỉ ra một cách sâu sắc sự bôi bác của báo chí tư sản như thế nào bằng những thủ đoạn mỵ dân rẻ tiền và những lời lẽ khoa trương. Sự đối lập thiện ý của những người có giáo dục " vì nhân dân và thức tỉnh họ " với cái sáo rỗng trong rèn luyện văn chương đã nêu bật được mục đích châm biếm rõ rệt của câu chuyện.

Tiếng cười hiền hậu và sự châm biếm đầy phần nộ, sự hài hước nhẹ nhàng và phê phán sâu sắc, tính quần chúng rõ rệt và thú vị đến tấc cười đan xen nhau trong các tác phẩm của Nusit.

Con đường sáng tác của Branixlap Nusit khá phức tạp và có khi mâu thuẫn. Nhà hài hước đôi khi cũng phải nhường bước cho sự bông đùa, nên chưa thoả mãn được hết mọi yêu cầu của bạn đọc. Trong điều kiện đàn áp và khủng bố chính trị thì tài năng của Nusit không thể phát triển toàn hết được. Có thời gian, tác giả đã phải tránh viết những đề tài thực tiễn, quay về với quá khứ lãng mạn. Phát biểu tại Đại hội các bác học, nhà văn và nhà hoạt động nghệ thuật lần thứ nhất vào tháng 1 năm 1938, trước khi qua đời, Nusit nói : "Nền văn hoá trẻ cũng như cây non cần phát triển và nở hoa trong bầu không khí trong lành, tốt nhất là bầu không khí tận không trung. Dưới bầu trời mù mịt của chúng ta, cây cối không thể nhận được ánh sáng không nảy nở được; nói chính xác là sáng tạo tinh thần không thể tìm thấy con đường thể hiện một cách đầy đủ, vì nhiều từ còn không thốt ra được, nhiều ngữ không biểu đạt được..."

Người đương thời thường gọi nhà văn là " ông tiên cười vĩ đại" vì trong nhiều tác phẩm của mình, bằng tiếng cười ông đã nói lên được nguyện vọng và ý chí của quần chúng nhân dân./.



Đứa trẻ có năng khiếu

Chính tôi cũng ngạc nhiên về khả năng tiên đoán của mình về nhiều sự việc và hiện tượng. Chẳng hạn như năm tháng sau ngày cưới vợ, tôi biết rằng mình sẽ có con. Thoạt đầu, đứa con trai của tôi có đôi mắt màu da trời, sau đó trở thành nhiều màu, màu xanh lá cây, màu cánh gián rồi cuối cùng hoàn toàn đen.

Con trai tôi là một đứa trẻ đáng sợ, nó hiếu động một cách kỳ lạ. Chẳng hạn, khi cảm thấy khoái ghê gớm, hấn rút râu và bứt tóc tôi. Còn tôi, chảy nước mắt vì đau, nhưng cũng đành chịu cho hấn làm việc ấy vì bà nhạc giải thích cho tôi rằng cần phải kiên nhẫn, và người bố phải cảm thấy thích thú khi được con mình vặt râu. Vẫn là bà nhạc tôi nói, để làm cho đứa con bạo ngược vui lòng hơn, chỉ được nhắc lại mỗi một từ : " Rút, rút, rút !"

Thực ra, ban đầu, sự bận rộn là ở nơi người mẹ, nhưng về sau, qua vài năm, đứa con đã lớn thì mọi sự chăm sóc và giáo dục chuyển hết sang người bố, tức là tôi.

Khi tôi nói "chăm sóc", thì điều đó không đơn giản chút nào. Bạn biết đấy, đó là những việc rất cụ thể.

Chùng nào con tôi còn ngang nhiên nhảy vọt qua tường rào nhà khác, thì tôi phải tự an ủi rằng hắn sẽ là Ganibal, và trong tương lai hắn sẽ xẻ qua dây Anpơ. Chùng nào hắn còn nhảy phóc qua đầu tôi thì tôi phải tự an ủi rằng hắn là hình ảnh của Milôsa Voinovitsa, một diễn viên xiếc nổi tiếng đương thời, người nhảy vọt được qua ba con ngựa với lưỡi gươm rọc lửa cháy trên lưng. Chùng nào hắn còn ăn trộm trứng gà nhà hàng xóm, thì tôi phải hy vọng rằng hắn sẽ trở thành Napôlêông, người chinh phục vĩ đại.

Nhưng chẳng bao lâu hắn lại sáng tác ra những trò đùa mà tôi không thể tự an ủi được nữa, vì trong lĩnh vực chính trị cũng như trong lĩnh vực văn hoá tôi không thể tìm được sự so sánh nào thích hợp.

Chẳng hạn, hắn đập vỡ cửa kính nhà hàng xóm. Ngay cả việc đó cũng không hề gì vì có nhiều vĩ nhân thời niên thiếu cũng đã từng làm vỡ kính nhà hàng xóm. Nhưng có một lần hắn lấy cái áo khoác mỗi nhất về mùa hè rồi cắt nát ra làm cờ. Dưới lá cờ đó là một đội quân lớn hắn tụ tập được, vây hãm nhà tôi và ra hiệu tấn công. Bất kể là cửa sổ, vườn rau, bất kể là thứ gì khác, đội quân của hắn đánh chiếm pháo đài, và với tư cách là đội quân chiến thắng gây đổ máu thực sự, nên cả đàn gà con bị cắt cổ.

Sự việc này làm tôi quá buồn chán, vì trước tiên tôi là phụ huynh, thứ đến vì tôi là chủ sở hữu của đàn gà con.

Tôi cay đắng kể lại cho vợ tôi nghe, hình như cô ta cũng thấy ngán. Buổi chiều hôm đó, đôi vợ chồng chán ngán này gặp nhau để trao đổi ý kiến xem sao. Vợ tôi thì bảo thằng con trai tôi là một đứa trẻ rất có năng khiếu như bố. Tôi cũng hơi đồng ý nhưng cho rằng đứa con trai năng khiếu của tôi đã thể hiện năng khiếu của nó một

cách thái quá, đã tiêu xài khả năng của nó một cách vô bổ, sẽ làm mai một chính tương lai của một con người vĩ đại.

Và tất nhiên là tôi không thể nói rằng tôi rất muốn con tôi mang nhiều tính cách hoang phí và vô bổ của người Bắc Xecbi. Đơn giản là vì tôi sợ rằng năng khiếu của hắn phát triển quá mức. Tôi còn định ninh rằng nếu hắn rất có khiếu đi nữa thì, một là chẳng bao giờ có thể trở thành ông bộ trưởng, hai là nếu khá hơn thì hắn học cách giả mạo biên lai chứng từ hoặc con dấu, mà nếu trở thành người có chức thì hắn dối trên lừa dưới và tìm lý do xác đáng để bỏ túi tiền thuế của nhà nước, hoặc viết thư tố giác người quen và bạn bè. Nói tóm lại, hắn sẽ làm như những người có năng khiếu ở Xecbi đã làm. Có lẽ rằng, với những năng khiếu như thế, nó cũng sẽ được bổ nhiệm ngay làm quận trưởng, chủ tịch Hội đồng hoặc nhân viên thu thuế, hoặc người đưa thư hoặc tối nhất thì cũng là thủ quỹ ở một cơ quan tài chính. Còn tôi thì không thể hài lòng và phản đối tất cả các chức vụ này vì con trai tôi là một đứa trẻ có quá nhiều năng khiếu.

Việc chăm lo cho tương lai của đứa con làm tôi không khi nào yên tâm cả, chẳng phải vì đó là người thân của mình, mà chính vì tôi là bố của đứa trẻ có năng khiếu. Vợ tôi, như mọi đôi vợ chồng chung thủy khác phân công cho tôi những việc chăm sóc đó cũng giống như biết bao bà vợ khác phân công cho chồng. Còn đứa con của chúng tôi, rốt cuộc chắc phải từ bỏ cái mộng trở thành Ganibal, Voinovitsa hay Napôlêông. Và một ngày nào đó con mèo sẽ bị nhấn chìm; và tôi tin rằng chẳng phải do Ganibal, Voinovit hay Napôlêông đã dìm con mèo đi.

Việc chăm lo đến tương lai của đứa con trai buộc tôi phải lưu ý đến lời khuyên của một trong số những nhà sư phạm nổi tiếng nhất, là uỷ viên Hội đồng giáo dục, thành viên chính thức của tất cả các Hội đồng cải tổ trường học, sáng lập viên của nhiều chương trình giáo dục, uỷ viên danh dự của Hội giáo dục trẻ em, và ngoài ra còn là tác giả của các công trình nổi tiếng :

" Mẹ là người giáo dục trẻ em", " Gia đình là người giáo dục trẻ em" (tập I,II,III và chưa kết thúc), " Giáo dục trẻ em và nghĩa vụ công dân" (bài giảng công cộng); " Sai lầm của cha mẹ" (với châm ngôn ở ngoài bì: " Sai lầm của con cái là sai lầm của cha mẹ !"), vân vân.

Hôm qua tôi đã tới gặp nhà sư phạm và rất tiếc là vẫn không gạt đi được những nỗi băn khoăn có liên quan đến chính vấn đề ông thông báo cho, đó là vấn đề giáo dục trẻ em.

Ông mời tôi ngồi. Nhưng vừa đặt mông xuống ghế tôi đã phải nhồm phất dậy với tiếng kêu quái gở, tay thì sờ sờ rất bất lịch sự trước bộ mặt của nhà sư phạm.

- ối,ối, ối !một giọng như người bị chọc tiết của nhà sư phạm cũng cất lên và sờ sờ tôi.

- Xin lỗi, trăm ngàn lần xin lỗi ông. Tất cả là do thằng quý nhà tôi, cái thằng càn quấy này ! Ông xem, nó đặt kim ở dưới ghế... Nó thường làm như thế, ông thứ lỗi cho...

- Và ông cũng đã từng theo dõi khách khứa của mình nhồm lên khỏi ghế như thế nào ? - tôi hỏi lại, giọng cay độc. Nhưng vì tôi không phải là khách bình thường, mà là người đến xin xỏ nên tôi cũng biết thân mà ngồi yên.

Khi tôi vừa hỏi câu đầu tiên thì ở ngay ở ô kính trên cửa của đi dẫn sang phòng bên cạnh có cái gì tung toé,tiếp theo là đôi giày vải tương đúng chân tôi.

- Đồ súc sinh, - nhà như phạm kêu lên, mày làm gì thế, quý tha ma bắt mày đi !

Một cái đầu trẻ con thò qua ô cửa kính bỏ trống léo nhéo :

- Tôi bắn mẹ vì bà ấy không chịu đưa chìa khoá tủ thức ăn cho tôi.

- ối giờ ơi ! Có ngưng mặt không cơ chứ. Mày không biết là tao đang có khách à ?

Đứa trẻ nhìn tôi chòng chọc và bỗng hấn nhấn mặt, cứ như là chính tôi không đưa chìa khoá cho hắn.

Sau một hồi suy nghĩ lung lăm, nhà sư phạm cũng đọc cho tôi một bài giảng quan trọng : nào tôi phải giáo dục con cái như thế nào, tôi cần phải đọc kỹ những vấn đề mà ông đã chỉ ra cặn kẽ trong các công trình của ông, tôi cần phải nhận thấy là mình có lỗi về tất cả những gì đưa con gây ra. Luôn những ngón tay gầy guộc vào mái tóc rối bù, nhà sư phạm vĩ đại nhắc lại bằng giọng xúc động từng lời, từng lời trong châm ngôn ở bì công trình chí cốt của ông " Sai lầm của con cái là sai lầm của cha mẹ!".

Nhưng vào lúc đó ngoài phố đã vắng vào tiếng trống của bọn trẻ, và trước cửa sổ căn phòng có đến năm chục đứa trẻ xếp hàng ngay ngắn cứ như lính. Dẫn đầu là thằng con của nhà sư phạm vĩ đại, gương ngon cờ làm bằng vải hoa đỏ. (Đúng vào lúc này thì nhà sư phạm phát hiện ra rằng trên cửa sổ thiếu một chiếc rèm). Tên lính nào cũng vác một chiếc gậy trên vai, trên đầu gậy có ve vẩy một tờ giấy hình tam giác.

Nhà sư phạm vĩ đại nhìn ra ngoài cửa sổ; thoát đầu thì bình thản, rồi mặt bỗng xanh xám ngoặt như tâu lá , chân tay lẩy bẩy mở ngăn kéo bàn làm việc của mình ra. Khi nhìn thấy ngăn kéo rỗng không thì ông vung tay thẳng thốt :

- ối, ông ơi ! ối, ối, ối !

- Vì Chúa, xin ông nói cho biết đã có gì xảy ra ? - tôi hỏi.

- Đi tong hết rồi ! Ông ơi, thế là đi tong hết rồi ! - nhà sư phạm than vãn.- Ròng rã ngày đêm suốt sáu tháng giời của tôi để viết phần bốn của công trình " Gia đình là người giáo dục trẻ em" thế là mất hết. Tôi vừa hoàn thành mười ngày trước đây. Ông biết không, chỉ mới có mười ngày trước đây !...

- Thế thì tốt quá rồi, nhưng tôi chẳng hiểu gì, tại sao ông lại ...

- Thế ông không nhìn thấy những cái mũ giấy kia à ? Cái thằng con chết tiết của tôi lấy hết bản thảo ở ngăn kéo ra làm mũ cho lính tráng của nó đội đấy...

Nếu con người vốn là không thiện , thì lúc này tôi ở trong số đó, vì trong giây phút ấy tôi đã cười một cách lố bịch. Tôi đã hoàn toàn thoả mãn về cuộc phỏng vấn của mình: thế là chẳng cứ con tôi,

mà cả con của nhà sư phạm vĩ đại. Mà nếu tôi không cười thì cũng không thể không nhận xét :

- Thưa giáo sư, quả là cậu con ông cũng là một đứa có năng khiếu. Mai sau, chắc hẳn sẽ trở thành nhà phê bình giỏi và nghiêm khắc; và cái chính, sẽ là người chống đối lại cái lý thuyết mà hẳn đang đội ở trên đầu.

- Đành vậy thôi ! - nhà sư phạm vĩ đại thở dài.- Chắc ông cũng biết rằng : " Dao sắc không gọt được chuối"

Sau những lời đó, tôi cáo từ ra về, vừa đi vừa ngẫm về châm ngôn " Dao sắc không gọt được chuối".

Về đến nhà thì tôi được tin mừng : con tôi thoát chết.

Nghe đâu, nó ngã xuống giếng nhưng không việc gì. Người ta bảo rằng nó đẩy thành bạn xuống giếng nhưng trượt chân ngã theo.

Lạy Chúa cứu thế ! Từ rày phải cẩn thận hơn nữa trước khi đẩy ai xuống giếng để mình không bị ngã theo./.



Bài diếu văn

Việc này xảy ra vào ngày Thứ Ba, nghĩa là một ngày rất bình thường trong tuần và chỉ có những sự việc rất bình thường. Mặt trời vẫn mọc ở hướng đông, ngài quận trưởng vẫn đến văn phòng muộn, bà chủ nhà tôi vẫn cần nhàn với chồng từ sáng sớm. Tóm lại, toàn là

những việc bình thường, chỉ có thể xảy ra vào cái ngày Thứ Ba thường nhật .

Nhưng vào ngày Thứ Ba ấy lại xảy ra một điều gì không bình thường. Bảnh mắt ra đã có một vị khách rất lạ đến nhà tôi. Đó là viên cảnh sát ở Quận; và lạ lùng nhất đối với tôi là đôi mắt của vị khách này lại đăm lẹ, điều mà từ thuở cha sinh mẹ đẻ tôi chưa hề thấy cảnh sát khốc bao giờ. Tôi không dấu nổi sự tò mò.

- Thưa ngài...- viên cảnh sát áp úng

- Sao cơ ? - tôi hỏi lại, vừa đếm từng giọt nước mắt trên mắt hẳn.

- Ngài quận trưởng phái tôi đến ngài ..., hẳn tiếp tục nói với một giọng run run.

- Đến tôi ? được, để làm gì ?

- ... Phái tôi đến ngài để đưa ngài đến quận, - hẳn im bặt và rồi lại và khóc nức lên.

Mới nghe thấy những lời đó, nước mắt bỗng dâng lên trong khoé mắt tôi, bởi vì tôi hiểu ra rằng thật là phiến toái cho những ai phải dẫn đến quận. Tôi vỗ vai viên cảnh sát và cũng hỏi bằng một giọng run run :

- Nay anh bạn, chẳng hay có việc gì mà ngài quận trưởng lại cần đến tôi ?

- Tôi cũng có biết. Tối hôm qua, thương gia Iôxip Xtôit đã qua đời,... chết bất đắc kỳ tử. Buổi chiều còn sống mà đêm đã chết rồi.

- Trời ơi ! lại thế kia. Nhưng ngài quận trưởng cần gì ở tôi, cậu nói đi ?

- Thì chính về việc này đây !

- Về việc này ? Sao cơ ? Anh bạn ơi, có phải chính là thương gia Xtôit chứ gì ? Mọi người đều biết tôi có phải là một bà con trong số những người được thừa kế của ông ta đâu .

- Ai mà không biết , - viên cảnh sát nói tiếp - nhưng thành phố này phải chuẩn bị tang lễ cho thương gia Iôxip một cách trọng thể nhất, vì thế mà phải vội đến ngài ...

- à ra vậy, anh bạn ạ, nếu thế thì lại khác. Nhưng có liên can gì đến tôi nhỉ... anh bạn vừa nói...

Thế rồi tôi lặng lẽ theo viên cảnh sát về trụ sở quận, nước mắt lưng tròng.

Cả thành phố lo âu. Gặp người quen, ai cũng lặng lẽ mà chào nhau, nắm chặt vai nhau và nói với một giọng run run :

- Tiếc , tiếc thật. Iôxip Xtôit đã qua đời. Người như thế không sinh ra được nữa đâu.

Ngài quận trưởng tiếp tôi rất thân mật, mời ngồi và trong suốt thời gian tiếp khách đều nói bằng một giọng run run. Tôi chợt nghĩ có khi sáng nay chủ nhà tôi cũng rầy la chồng bằng cái giọng run run , tôi đoán vậy vì biết rằng cả thành phố đang chịu sự bất hạnh to lớn.

- Thưa ngài, - ông quận trưởng bảo tôi. Ngài đã biết tin về nỗi bất hạnh mà thành phố chúng ta phải chịu đựng. Đêm qua Iôxip Xtôit, người có công lao to lớn đáng tôn kính của toàn thành phố ta đã từ trần. Chính ngài phải biết công lao to lớn của người quá cố đối với thành phố của chúng ta với tình yêu nồng nhiệt và niềm tôn kính mà tất cả chúng ta dành cho thương gia. Ngoài ra, phải có ai đó đọc những lời ca ngợi đó trước linh cữu của ông . Tôi biết rằng ngài đã từng viết mấy câu chuyện hài , căn cứ vào đó có thể kết luận rằng ngài cũng là bậc văn chương.

Và vì vậy tôi cho rằng không có ai hơn ngài biết làm việc này.

Ông trưởng khu tuôn ra những lời trên đây một cách trịnh trọng và trôi chảy.

- Ngài quận trưởng biết đấy, - tôi bắt đầu lên tiếng, -đúng là tôi có biết một chút chữ nghĩa , nhưng ngài biết đấy,thế loại ... điệu văn này...

- ô, không không ! - ông quận trưởng vội ngắt lời tôi. Tôi để ngài hoàn toàn tự do . Chọn phong cách nào là tùy ngài. Mà nói chung không có yêu cầu gì, viết kiểu cổ điển cũng được. Đây không phải là kịch bản sân khấu , mà là ... Thế rồi ông quận trưởng lại nhấp nhòm trên chiếc ghế của mình.

- Vâng, nhưng thưa ông quận trưởng , ông cũng biết đấy, tôi không đủ tài liệu.

- Vậy à ! Thế ngài không biết gì về công lao của người quá cố ư ?

- Không.

- Cũng phải, ngài mới đến thành phố này...

- Vậy ông quận trưởng kể vắn tắt cho tôi nghe cũng được ... - nói rồi ,tôi móc túi ra một tờ giấy và cái bút chì.

- Được, được ... có thể tôi nói cho ngài biết... Ông trưởng khu nghĩ ngợi, gãi đầu gãi tai, hơi lúng túng, ông cựa quậy cái đầu, vớ lấy con dao rọc giấy và nghịch nghịch một lát rồi cuối cùng nói bằng giọng có vẻ ân hận:

- Chính tôi cũng mới về đây được có ba năm...Tôi cũng có thể nói cho ngài biết được đôi điều, nhưng chỉ là những câu chung chung, mà trong trường hợp này phải rất cụ thể, có phải không nhỉ ?

- Đúng như vậy, nhưng ai có thể cho tôi biết cận kề như thế ?

Ông quận trưởng nghĩ nghĩ một lát rồi chợt bật nói ra, giọng vui vẻ :

- Ngài muốn biết à ? Thế thì đến ngay cụ mục sư. Tốt nhất là đến cụ mục sư.

Tôi chia tay với ông quận trưởng rồi đến nhà cụ mục sư, vừa đi vừa nghĩ đoạn mở đầu bài điệu văn.

Tôi bắt gặp cụ mục sư ở nhà. Ông già ngồi trên ghế bành, chân đi tất trắng và giầy vải, trên tay còn cầm quyển sách có nhan đề : "Sách nấu ăn dân gian Secbia". Tác giả là Ekaterina Popovich-Mitzina viết tặng mẹ là bà Nanchik- Pêtrôvich-Puôcgêmaixte.

- Thật đáng khen, thật đáng khen !, - cụ mục sư nói với vẻ thán phục khi tôi nói về mục đích viếng thăm cụ.

- Thưa cụ, tất nhiên là , với cương vị mục sư , cụ mới biết và kể hết cho tôi nghe được về công lao của người quá cố mà chúng ta cần nhắc tới trong bài điệu văn.

- Tất nhiên, tất nhiên rồi, - cụ mục sư lên tiếng, vừa co chân phải lại để ruỗi chân trái ra và nhìn một cách hiên ngang vào đôi

giày vải. - Ông thấy đấy, đối với giáo hội, ông ta rất có công. Tất nhiên vì ông là giáo dân, nhưng cái chính là ông rất giàu, đúng là người giàu nhất thành phố này. Mà vì thế có thể nói với ông rằng... tốt nhất là ông tới ngài chủ tịch Hội đồng thành phố mà hỏi, vị này sẽ kể cho ông nghe từ A đến Z về công lao của người quá cố.

Cụ mục sư tiến tôi ra tận cổng, nắm chặt tay tôi và bảo :

- Nói chung là thật đáng ca ngợi, rất đáng khen... Công lao của Iôxip quá cố không thể chỉ nói biết ơn và tôn kính chung chung được.

Tôi vào đến nhà ông Hội đồng đúng lúc ông đang vô tình hay hữu ý rửa bố mẹ một mù hàng thịt nào đó ở thành phố. Vì ngại ông chủ tịch không nghĩ là tôi đến vì công việc của Hội đồng, nên để ngăn trước ông khỏi tuôn ra những lời vô văn hoá, tôi phải thông báo ngay :

- Chắc ngài cũng biết tin về cái chết của Iôxip mà cả thành phố chúng ta chịu đau buồn ! Tôi được giao soạn bài diếu văn.

Trước khi buông tha mù hàng thịt, ông chủ tịch còn nhắc đến tên bố mẹ mù một lần nữa, rồi sau đó quay về phía tôi, nói bằng một giọng run run :

- Vâng, tiếc thay, Iôxip quá cố !

- Ngài biết ông ta đã lâu chưa ạ ?

- Tôi ấy à ? Thì cùng lớn lên với nhau ...

- Tôi đề nghị ngài kể thật tỉ mỉ về công lao của ông ta từ A đến Z để tôi có thể đưa vào diếu văn...

- Vâng, vâng, tất nhiên phải có diếu văn rồi, này, tôi đề nghị ông viết thật dài... để cho thiên hạ biết rằng chúng ta từ biệt ông ấy như thế nào để xứng đáng với công lao của người quá cố. Ngay hôm nay tôi sẽ triệu tập họp các thành viên Hội đồng... có thể Hội đồng phải đặt vòng hoa trước linh cữu người quá cố...

Tôi lại rút giấy và bút chì ra :

- Vậy xin ngài nói cho tôi hết những điều ngài biết

- Hết mọi điều ư ? - ông chủ tịch lại thao thao: Trước tiên, tôi thấy cần phải có hai bài, - mà tiếc thật, người như thế không có được

nữa đâu, nên có thể viết nhiều bài hơn - một trước nhà người quá cố, một trước trụ sở Hội đồng, một ở trước nhà thờ và ... bài của ông thì đọc ngay trước huyệt.

- Nhưng ngài biết đấy, tôi cũng chẳng biết mình sẽ nói được gì ...

- Ông không biết ư ? ! Mà nếu tôi kể hết cho ông, thì đối với ông Iôxip quá cố vẫn hãy còn quá ít, - cái ông Hội đồng này vụt đứng dậy khỏi chiếc ghế, và vì xem ra đặc ý với câu vừa nói, ông nhắc lại một lần nữa.

- Nhưng tôi vẫn xin ngài kể cho biết tất về người quá cố ...

- Tất nhiên tôi sẽ kể cho ông nghe từ đầu chí cuối, vì trong trường hợp này không thể bỏ sót điều gì.

Ngài chủ tịch lại ngồi xuống, suy nghĩ hồi lâu rồi lẩm bẫm, giọng kéo dài:

- Người quá cố rất giàu có...

- Tôi đã ghi điều này rồi ...

- Những gì liên quan đến cái khác, rất cần cho ông thì tôi không biết. Theo tôi ông phải chú ý bám ngài quận trưởng...

- Ông quận trưởng chẳng nói được cho tôi điều gì cả. Ông ấy bảo vì mới sống ở thành phố này được có ba năm nên biết ít lắm.

- ừ, đúng như vậy đấy. Như thế có nghĩa là người thông thái này cũng chẳng đỡ đần gì được cho chúng ta.

Vị chủ tịch lạng thình rồi khoẳng tay vào túi tìm mùi xoa, nhưng vì chẳng thấy đâu nên ông bấm chuông và sai cảnh sát về nhà lấy cho ông. Trong lúc chờ đợi, ông quay lại câu chuyện dở dang, và vì lúc đó ông đã nghĩ ra cách trả lời. Quay ngoắt sang tôi, ông bảo :

- à này, sao lại phải tìm ai nữa cơ chứ ? Cụ mục sư sẽ kể hết cho ông nghe. Gõ cửa nhà cụ ấy nhanh lên, tôi sẽ viết cho ông cái giấy giới thiệu...

- Cảm ơn, nhưng tôi đã ở nhà cha mục sư rồi, chính cụ phái tôi đến ngài.

- Vậy ư ? - Ông chủ tịch bỗng thốt lên, buông tay đến tận đầu gối rồi lại bảo : - Ông có biết không, ngay ông viết hết được về ông

Iôxip quá cố thì vẫn là còn ít. Tốt nhất là làm bốn bài : một bài trước nhà người quá cố, một trước trụ sở hội đồng, một trước nhà thờ và một ở ngay chính mộ, và có thể ai đó viết một bài trước trường trung học sở tại, khi ấy có cả thầy năm bài, mà như thế đâu đã là nhiều đối với Iôxip quá cố...

- Vâng, chưa nhiều, tôi cũng nhất trí như vậy, nhưng xin ngài bảo cho biết những điều cần nêu về người quá cố.

- Bảo chứ, tất nhiên tôi sẽ bảo, - và vị chủ tịch chợt nhớ ra điều gì .- Ông có biết không nhỉ? tốt nhất là đến anh bạn tôi, thương gia Yanku Mladenôvit. Ông có biết anh ta không nhỉ. Nhiều năm anh ta đã làm chủ tịch Hội đồng và rất gần gũi với người quá cố. Không ai có thể kể cho anh đầy đủ và hay như cái anh này. Tất nhiên là tôi cũng có thể kể đấy, nhưng lại không nhớ hết được.

Vị chủ tịch tiến chân tôi ra tận cửa, bắt tay và bảo :

- Đây nếu có gặp ông quận trưởng, đừng quên nhắc ý kiến của tôi : đừng có lẫn lộn các bài đấy, một trước nhà người quá cố, một trước trường trung học, một ở ngay mộ. Cũng có thể còn một bài ở trước trụ sở quận. Để xem ngài quận trưởng có ý kiến gì không...

Yanko Mladenôvit tiếp tôi như thế này :

- Tôi cũng chẳng hiểu tại sao người ta lại bảo ông đến gặp tôi. Tôi chẳng biết cái quái gì. Cái ông vừa chết là một người rất giàu, được mọi người kính trọng vì công lao của ông ấy; nhưng là những công lao gì thì tôi không thể nói cho ông được. Sao không gõ cửa ngài quận trưởng ?

- Tôi đã đến đấy rồi.

- Lại nhà cụ mục sư.

- Tôi cũng đã ở đấy...

- Được rồi, thế thì đến nhà ông chủ tịch Hội đồng ...

- Tôi đến đấy rồi ...

- Thế thì tôi cũng chẳng biết gì ... Công lao, công lao ! Có nghĩa là có công chứ còn là cái quái gì nữa ! Những cái đó cần nhắc lại hết trong bài diếu văn , không được bỏ sót tí gì, nhưng tôi thì chẳng kể cho anh được . Đây, hay đến nhà ai khác nữa đi. à, này tôi

bảo, đến nhà ông bác sĩ của quận ấy. ông này điều trị cho người quá cố, đúng rồi, chắc là sẽ biết rõ tất cả.

- Tôi đến nhà ông bác sĩ của quận và tóm được ông này ở ngoài sân. Ông đang ngồi muối dưa chuột trên chiếc ghế ba chân nhỏ xíu.

- Thưa bác sĩ, hình như ngài đã điều trị cho thương gia Iôxip quá cố, và chắc ngài cũng hay tin ông đã từ biệt thành phố này , - tôi vừa nói, vừa ghé ngồi cạnh ông.

- Đúng, tôi đã chữa bệnh cho ông ấy. Nhưng tôi còn làm được cái gì kia chứ ? Tôi bắt ông ấy ăn món nhẹ nhất, vậy mà hôm qua ông ấy lại soi món đồ. Ông có thể tưởng được không, ngón đến ba đĩa ! Thế thì tôi còn làm được cái gì nữa ? Thử hỏi, như ông, người khoẻ mạnh đấy, nhưng mà soi đến ba đĩa đồ thì có khoẻ như voi thì cũng nghèo là cái chắc. Rồi sau đấy lại réo : ời ông bác sĩ, ông bác sĩ ời ! Nói thực nhé, ông bác sĩ có lỗi gì khi ngài chết vì soi đến ba đĩa đồ.

- Chúa tha tội cho ông ấy, - tôi nói bằng một giọng run run. Ba đĩa ấy đủ để ông ấy từ biệt cõi đời này .

- Đúng như vậy,- Ông bác sĩ rụt chân lại rồi chèn thêm một quả dưa chuột bị sót dưới sàn vào vại.

Sau những lời mở đầu đầy ẩn tượng ấy, tôi thông báo cho ông bác sĩ về mục đích đến của tôi. Ông bắt đầu gõ gõ ngón tay vào đầu gối, sau đó thọc ngón tay út vào miệng và ...xỉa răng.

- Ngài Xtôit quá cố yêu dấu của tôi là người có công lao, ông ta bắt đầu nói, và tất nhiên tôi lại chuẩn bị ghi chép. - Ngài là một người rất giàu,- ông bác sĩ nói tiếp.

- Tôi cũng đã ghi điều đó rồi... nhưng nhất là về công lao...

- Về công lao người yêu dấu của tôi thì tôi không nói với ông được điều gì. Nói chung là tôi không biết, mà sao ông lại nghĩ ra việc đến tôi để hỏi, khi mà thành phố này có ông hiệu trưởng trường trung học, người ấy hẳn nói cho ông biết một cách đích xác. Không, tôi chẳng giúp gì được cho ông.

Tôi đứng dậy và đến nhà ông hiệu trưởng. Ông hiệu trưởng cũng đang tập thể dục ở ngoài sân : ông chúc đầu xuống đất và trồng cây chuối, mặt mũi nhăn nhó.

Độ năm phút sau, ông đứng lộn người lại, mặt mũi đỏ gay và vã mồ hôi. Cởi tuột hết cúc quần áo đến cái cuối cùng, ông ngồi trên ghế dài và mời tôi ngồi cạnh. .

- Ông cũng tập đấy à ?

- Thưa ông hiệu trưởng, không ạ, tôi đến để viết bài điều văn.

- à, ngài Xtôit quá cố. Giá trị lắm, giá trị lắm ! ¹⁾ Một người hiếm có ! Thành phố chúng ta mất một công dân xứng đáng ...

- Bởi vậy tôi mới đến ngài để xin ý kiến về những công lao của người quá cố cần nhắc đến trong bài điều văn .

Chính tôi cũng muốn viết một bài, - ông hiệu trưởng vừa nói tiếp, vừa bẻ cái cổ áo, - nhưng nếu ông muốn viết thay tôi, càng tốt...

- Xin ngài nói hết cho tôi những điều ngài định viết trong điều văn của ngài ! Và tôi lại móc giấy bút trong túi ra.

- Xtôit là một người giàu có...

- Vâng, vâng, điều này tôi đã viết từ lâu rồi, nhưng còn công lao của ...

- à này, ông bạn thân mến, hãy nghe tôi đến nhà anh kỹ sư ở quận; ông có biết không, anh này thích hoạt động xã hội ghê lắm. Ông hãy đến anh ta đi, tha hồ mà biết từng ly từng tý.

Tôi lại vội vã đến nhà anh kỹ sư.

Ông hiệu trưởng trường trung học phái tôi đến nhà ông kỹ sư quận, ông kỹ sư quận bảo đến giám đốc ngân hàng, giám đốc ngân hàng đến sang chủ tịch phòng đọc của thành phố, chủ tịch phòng đọc của thành phố giới thiệu đến chủ tịch hội từ thiện, chủ tịch hội từ thiện bảo đến hội ca sĩ, hội ca sĩ mời qua hội cựu thương gia. Người ta còn gửi tôi đến đâu, đến đâu nữa không biết, - còn trên giấy của tôi chỉ vắn vắn có một câu duy nhất nói về công lao của Iô xip Xtôit quá cố : " Xtôit quá cố là một người rất giàu " .

Cả bốn tháp chuông đều đổ hồi. Mọi cửa hàng đều đóng cửa. Đám tang đã cử hành ở quảng trường : quan chức ở quận, các vị đứng đầu phường hội, các nhân vật tai mắt, hiệu trưởng các trường, nàothương gia, tiểu thương, nàovòng hoa, cờ quạt. Đám tang đã tiến vào nhà thờ, vậy mà tôi vẫn còn đang sưu tầm tài liệu để viết bài điều văn. /.



Lời bịa đặt

Dòng chảy của con sông, lực của từ trường, hơi nước, điện năng, làn sóng vô tuyến

- đó là những mãnh lực của thiên nhiên, vượt quá sức lực nhiều lần của con người. Các lực này đều dẫn đến chuyển động, đều lồi cuốn, có thể chuyển đi hoặc quay lại.

Nhưng có một thứ lực biểu hiện trí khôn của con người, mạnh hơn mọi lực trong thiên nhiên; đó là lời bịa đặt.

Không có một thứ lực nào nêu trên có khả năng tiêu diệt, bẻ gãy, thiêu hoặc đốt ra tro như lời bịa đặt có thể làm. Không một thứ lực thiên nhiên nào nêu trên lại vô hình nhưng lại bền bỉ như lời bịa đặt.

Nó thiêu đốt không cần ngọn lửa, phá huỷ mà không phát tiếng kêu, đánh bại mà không cần chiến đấu.

Nó còn có khả năng mà không một thứ lực thiên nhiên nào nêu trên có được, vì các lực này khi sử dụng thì giảm dần đi; còn trái lại, lời bịa đặt càng ngày càng tăng và càng mạnh hơn nhiều.

Sự khẳng định của tôi không phải là vu vơ. Trước khi tuyên bố như thế, tôi tiến hành nhiều thí nghiệm và kết quả có thể trình bày cho các bạn được.

Ái thực hiện những khảo sát chuyên môn, không phải cứ ngồi đợi là phát hiện chân lý, mà cần phải tìm sự việc, tạo ra chúng, tiến hành các thí nghiệm và thực nghiệm.

Tôi quan tâm đến hai vấn đề : lời bịa đặt lan hết Belgrat trong bao nhiêu lâu và quay lại nơi phát sinh dưới dạng nào.

Để làm sáng tỏ các câu hỏi trên đây, tôi đã làm như sau .

Hôm kia, đúng mười giờ mười bảy phút sáng, tại giếng phun nước , nhìn thấy bà Vída , tôi bèn lại gần và lân la hỏi thăm sức khoẻ rồi sau như vô tình nói thêm :

- Chắc bà chưa hay tin về ông Miêckôvit ?

- Chuyện gì cơ ? bà Vída hỏi lại , mặt tươi tỉnh hẳn lên.

- Nghe đâu, ông ấy ly dị vợ rồi...

- Không thể thế được ! bà Vída thảng thốt kêu lên. Thật không tài nào hiểu nổi ! Họ đang sống hạnh phúc ... Thế vì lý do gì ?

- Không biết nữa. Mà cũng chẳng tại làm sao cả. Đơn giản là họ chán nhau, thấy sống với nhau quá buồn tẻ.

Bà Vída vội từ biệt tôi, đi được mười bước thì gặp bà Pecxida.

- Này bà chị thân mến, khoẻ chứ, lại gặp bạn rồi. Lạy Chúa tôi, có biết tin gì không ?

- Tin gì thế ? - bà Pecxida tò mò hỏi.

- Người ta bảo lão Miêckôvit ly dị vợ rồi.

- Không có thể thế được !

- Sao lại " không thể" nếu họ đã không sống chung dưới một mái nhà. Hôm qua lão ta đã tống cổ mẹ vợ về nhà mẹ.

- Trời ơi, vì sao vậy ?

- Chẳng hiểu ra làm sao nữa. Nhưng có lẽ là mới ly thân thôi. Có nhiều người muốn chia tay vì chán sống chung thế thôi, chẳng có lý do gì.

- ừ, nhưng mình chẳng bao giờ nghĩ là họ ... Nhưng thôi, tạm biệt bà Vída nhé !

Và bà Pecxida đi tiếp trên phố Hoàng thân Mikhain và gần quán " Sa hoàng" thì chạm trán ông Liuba.

- Này em giận anh đấy, mẹ buông lời trách móc.

- Vì cái gì cơ ? - ông Liuba ngạc nhiên.

- Ra thế đấy, hôm qua anh ở chỗ em, nói đủ chuyện trên trời dưới biển ấy vậy mà chẳng hé răng đến một câu về cái việc quan trọng này.

- Chuyện gì cơ ?

- Thế anh không biết là Miêckôvit đã ly dị vợ rồi à ?

- Lạy Chúa, lần đầu tôi nghe thấy đấy.

- Có thể nào anh mới nghe lần đầu khi cả cái thành phố Belgrat chỉ bàn đến chuyện

này ? Không phải là chuyện cãi nhau bình thường đâu. Một vụ bê bối thực thụ. Anh có biết không, ông ta đuổi vợ về nhà rồi. Ông ta bắt quả tang tình địch ở trong nhà, nghe đâu họ đã ẩu đả với nhau. Tất nhiên là em không biết rõ lắm, nhưng thật là tiểu thuyết, thật là lãng mạn! Nay, anh tìm hiểu cho thật tỉ mỉ, để chiều tối nay hay sáng mai là cùng phải kể lại cho em nghe đấy.

- Tất nhiên là được ! Bây giờ tôi đến ngay Văn phòng là biết tất ấy mà. Tôi làm việc cùng với ba nhân viên đã có vợ. Thế nào chẳng biết tin tức gì từ các bà vợ ấy. Tạm biệt !

- Để xem, đừng có quên ghé qua chỗ em kể thật tỉ mỉ ấy !

- Tôi quên làm sao được !

Và ông Liuba đi đến văn phòng, nơi có ba chàng nhân viên đã có vợ, bọn họ đang ngồi uống cà phê và tán gẫu về đề tài hôm nay ai phải chuẩn bị bữa trưa cho cả bọn.

- Có cậu nào nghe tin đích xác vụ Miêckôvit ?

- Vụ gì ? - ba chàng nhân viên đồng thanh hỏi.

- Về bê bối trong gia đình ấy ! Chẳng lẽ các cậu không hay biết tí gì ư ?

- Tiếc thật. Câu chuyện cực hay. Chuyện mở màn như sau. Có anh chàng nào đó phải lòng vợ Miêckôvit. Các cậu không cần biết chi tiết làm gì, chủ yếu là hôm kia hẳn phải chuẩn ra khỏi nhà từ cửa sổ, còn Miêckôvit với hai nhân chứng đi vào từ cửa đi... Thế là có cuộc thách đấu, sáng hôm qua...Tất nhiên là có thách đấu, và nói chung việc đó phải xảy ra. Tôi không biết tỉ mỉ lắm, nhưng nghe đâu

Miêckôvit dặt tay vợ mang trả bà mẹ và bảo : " Của bà đấy, bà nhận cho!"

- Kể nữa đi ! - Ba chàng có vợ rất ngạc nhiên, và tranh thủ giờ nghỉ trưa đã lên về , anh nào về nhà nấy và tuôn hết cho vợ mình nghe những điều vừa biết, đại để như thế này :

- Mitsa này, em có thể tưởng tượng được rằng mục vợ lão Miêckôvit ...

- Miêckôvit nào ?

-Chẳng lẽ em không biết ư ?

-Biết rồi, nhưng làm sao ?

- Ai có thể ngờ rằng đấy lại là một người đàn bà hư hỏng

- Nhưng anh nói gì vậy ?

- Người ta bảo rằng đến lần này là lần thứ mười lăm bắt được, nhưng là người nhẫn nhục , không muốn ôn ỹ. Nhưng bây giờ thì hết chịu nổi rồi. Lão đuổi mục ta đi, hôm qua có cảnh sát dẫn thẳng về nhà mẹ và bảo : " Của bà đấy, bà ra mà nhận ! Rau nào sâu ấy !"

- Không thể thế được ! - Bà Mit sa khoát tay, đây vẻ ngạc nhiên.

- Thế mới là tiểu thuyết, chính cống tiểu thuyết ! Em có biết không, chính kẻ ngoại tình phải mặc vội quân áo vào và trốn ra khỏi nhà, hôm qua họ thách đấu và kẻ ngoại tình bị thương.

- Bị thương ở đâu ?

- Cũng chẳng biết. Nghe đâu trúng tay, một bàn tay lia hăn ra.

Bà Mit sa ... Và không chỉ có bà Mitsa , mà bà Lêpôxava và bà Ela, là phu nhân của hai viên thư ký có vợ kia cũng được chồng báo cho biết cái tin sốt dẻo này.

Và sau bữa ăn trưa, khi đưa chân ba người chồng về văn phòng, bà Mit sa, Lêpôxava và Ela lại toả đi các ngã khác nhau, cứ như là họ đã có kế hoạch phân khu Belgrat ra từ trước để đi rồi.

Một bà đi về phía tây Vracha và một phần phía đông. Bà khác thì chạy suốt khu Palilulu và một phần diện tích Teradi. Bà thứ ba

chịu trách nhiệm cả khu nhà ở Varôtxki và một phần Đoochôn, gần nhà hát.

Họ di chuyển từ nhà này sang nhà kia, và khắp nơi đều có người để theo dõi họ. Thoạt đầu tôi cũng đi theo họ để đếm xem họ đã vào bao nhiêu nhà, nhưng rồi tôi bị mất dấu một cách nhanh chóng. Điều cơ bản tôi nhận thấy là nhà nào có họ vào thì sau đó lập tức chủ nhà lại vội vã khoác áo ra đi.

Như vậy, tin tức về " vụ" Miêckôvit đã lan khắp thành phố nhanh như điện tín. Theo cách tính gần đúng (mà tài liệu thống kê bao giờ cũng được lập trên cơ sở cách tính gần đúng) đã được xác nhận thì đến quá trưa, từ ba đến năm giờ đã có hai trăm bảy mươi hai bà đi ra khỏi nhà và kể về vụ Miêckôvit.

Đến buổi chiều, tức là đúng sáu giờ hai mươi tư phút, tôi gặp lại bà Vîđa, người mà buổi sáng, lúc mười giờ mười bảy phút, đã nghe tôi phao một cái tin đầu tiên.

Bà Vîđa đang từ nhà một bà bạn ra, nhìn thấy tôi, liền vẫy tay rồi rít :

- Chúa ơi, chuyện hay đến như thế mà tại sao ông không nói cho tôi nghe hết. Tại ông mà tôi phải đi tìm hiểu căn kẽ hơn đây.

- Nhưng tôi có biết chi tiết đâu. Bà kể cho tôi nghe với. Tôi đang nóng lòng đây, xin bà !

- Tất nhiên rồi. Vừa rồi tôi ở nhà bà Iunka mới được nghe một bà biết chuyện tất tần tật. Thì ra thủ phạm là ông Iôxip. Nghe đâu ông này và bà Miêckôvit yêu nhau từ thuở thiếu thời, khi bà này chưa đi lấy chồng, như vậy bà ta đã không còn là con gái nữa khi lấy ông Miêckôvit. Nhưng ông ta bỏ qua, hy vọng bà này sửa chữa lỗi lầm.

Nhưng cuộc tình của họ vẫn tiếp tục, họ lén lút đến với nhau. Không chịu được nữa, họ cải trang, lúc thì mặc áo choàng phụ nữ, khi thì giả làm người đi thuê nhà, người nạo ống khói.

Họ vẫn đi lại với nhau chừng nào ông chồng chưa phát hiện ra. Nghe đâu chính ông Miêckôvit phát hiện ra dấu chân đầy mồ hôi trên giường. Việc vỡ lở từ đây ! Hai mươi cảnh sát vây nhà,

Miêckôvit đánh vợ thừa sống thiếu chết, làm hỏng cả đầu tóc, rồi giao cho cảnh sát dẫn về trả bà mẹ vợ và nhổ toẹt vào mặt bà ấy! Bảnh mắt sáng hôm sau thì đấu kiếm với tình địch và làm hấn lia sạch cả mười ngón tay. Tên thủ phạm phải giải ngũ. Đây là toàn bộ câu chuyện mà tôi nghe được hoàn toàn chính xác.

Chúng tôi từ biệt nhau. Cuộc thí nghiệm thành công rực rỡ. Sau tám giờ bảy phút lời bịa đặt có thể lan ra khắp Belgrat. Như các bạn thấy đấy, tôi tung nó ra dưới dạng nào và bà Vîđa trả nó về cho tôi dưới dạng nào.

Và đúng vào chiều tối hôm ấy, chính mắt tôi nhìn thấy ông bà Miêckôvit, tay khoác tay, vui vẻ tươi tỉnh, cùng nhau đi dạo phố và nói chuyện với nhau về hạnh phúc gia đình./.



Kẻ chống đối

Hồi đó, chúng tôi, những người có học thức muốn thể hiện lòng nhiệt thành của mình vì nhân dân và thức tỉnh họ. Năm ấy, khi ở thành phố nhỏ X., tôi có xuất bản một tờ báo. Đó là tờ báo đầu tiên, đồng thời cũng là tờ báo cuối cùng ở đây. Tờ báo mãi còn là biểu hiện duy nhất về văn hoá của thành phố X.

Chắc bạn cũng muốn biết tờ báo có mặt mũi ra sao ! Nó cũng chia ra các chuyên mục, các đại đề và tiểu đề. Trong đó chứa chất tin

về văn học, tin giạt gân, tin điện và nhiều mục khác làm cho tờ báo có một vẻ nghiêm túc. Phân công lao động trong toà báo như sau : tôi viết xã luận, thu thập tin điện, tôi cũng nhét cho đầy trang văn học " vui cười một chút ", tôi cũng viết trang " thương mại và lưu thông " và cuối cùng đến mục " quảng cáo" cũng là tôi viết. Nói tóm lại tôi là công tác viên chủ chốt của toà báo.

Đối với những bài quan trọng, tôi thường bắt đầu với văn phong thượng lưu. Chẳng hạn, viết là " Sine ira et studio"¹, hoặc " Jacta est alea "², hoặc "Vitam comprehendere vero"³, vv. Rồi tôi viết dài dòng văn tự về bụi ở thành phố, về đèn chiếu sáng công cộng và nhiều vấn đề khác nữa. Tôi thường kết thúc bài viết bằng những câu, đại để : " Quả hồ đào rắn không dễ gì cắn vỡ ! ", hay " Chẳng có nén cho chúa, mà cũng chẳng có gậy thônglò cho quý! ", hoặc "Đừng ý sức mà phi ngựa quá nhanh !"

Đối với các bài tổng quan về sự kiện quốc tế, việc này thật dễ. Nhắc tới tên vài ba chính khách, dăm ba nhà nghị, tại đó dẫn ra các hoạt động nhà nước, hai ba từ tiếng nước ngoài - thế là đủ lắm rồi. Tôi hay tra từ điển quốc tế và dùng các chữ : Bismark, Girs, Glaston, Bad-Ichil, Baden-Baden và sau hết là " tính sáng tạo", " việc thỏa thuận ", " tình đoàn kết ".

Trong mục " Tin trong ngày", tôi thường chú ý đến các hiện tượng xảy ra ở địa phương, chẳng hạn : " Hôm nay, thành phố chúng ta đón tiếp bốn nhà du lịch, do đó có thể đưa ra kết luận sâu sắc về sự phát triển của thành phố chúng ta". Hoặc : " chiếu sáng công cộng thành phố chúng ta tiến bộ nhanh chóng. Hôm qua Hội đồng thành phố đã quyết định dựng một cột đèn. Đó là cột đèn thứ chín trong hai mươi năm qua, và nếu Hội đồng thành phố chúng ta không sút giảm lòng nhiệt thành thì thành phố sẽ trở thành một trong những địa bàn có chiếu sáng công cộng mạnh nhất tỉnh ".

Về tin điện chính trị, tôi cho đăng tải từ các báo cũ đã đóng tập lưu lại mà tôi có trong tay. " Bismark bắt đầu đi thăm ...", " Thống chế vĩ đại đang ở Bad-Ichil"... và kết thúc mục tin điện. Nói cho cùng thì loại tin điện như thế tôi có tài liệu đủ đăng tải cả năm.

Đối với trang văn học , tôi chỉ việc mua một cuốn tiểu thuyết. Trong cuốn này viết về một câu chuyện tình mù mẫn. Đại để là có hai anh chị yêu nhau, nhưng gia đình không thuận vì có hận thù. Vì vậy họ không thể lấy nhau được. Cuối chuyện kết thúc bằng việc tự tử. Câu chuyện dài dòng này đã được đăng tải khá tốt và điền đủ trang văn học.

Đối với mục " Vui cười một chút", tài liệu không sẵn, nhưng tôi đã khéo léo thoát ra khỏi ngõ cụt bằng cách soạn " các danh ngôn thông thái ", trích thẳng từ kinh thánh, sách giáo lý và những sách tương tự khác.

Còn riêng mục " thương mại và lưu thông ", cho đến nay, mỗi khi nghĩ lại ,vẫn thấy quay cuồng. Chuyên mục này làm khổ tôi nhất, nhiều khi tôi phải cắn ngòi bút để phịa. Hôm trước tôi viết : " giá cả trên thị trường Budapét đang hạ vì sức mua giảm "; thì hôm sau lại viết : " Vì sức mua đang giảm nên giá cả thị trường Budapét có hạ xuống...". Ngày thứ ba viết được gì nữa đây ?

Về quảng cáo, có ai đến đăng thì tốt quá đi rồi còn gì, nếu không thì tôi tự quảng cáo rằng có bán : " nhiều bình cổ", " 500 lít rượu vang đen", " gỗ sồi và gỗ thông ", " 1000 viên ngói ", lại cả : " bình đã cũ, nhưng tráng men", - và có trời biết tôi còn quảng cáo gì nữa.

Như vậy, các bạn thấy đấy, tôi khoác cho tờ báo từ đầu đến chân.

Toà soạn của tôi ở ngay một phố chính. Thực ra cái buồng thì xoàng, nhưng tôi chẳng mong gì hơn thế. ở góc tường, bên cái cửa sổ con là chiếc hòm to tướng , trong đó có một cái chai đựng nửa lít rượu vang , bút, mực để tôi viết xã luận, quảng cáo và danh ngôn thông thái. Đến nay cũng chẳng ai tin nổi rằng tất cả những thứ đó chỉ được viết bằng một ngòi bút duy nhất.

Trên mặt hòm bao giờ cũng bừa bãi những tờ giấy dài để viết những bài xã luận, và trên đó mấy tháng trước còn vẽ cả mảng sét. Trên tường treo hai ba tờ báo tiếng nước ngoài để nhỡ có ai ghé vào

toà soạn thì có thể xem; bên cạnh đó lủng lảng chiếc quần mỗi của tôi.

Tôi mô tả toà soạn của tôi đại khái như vậy.

Người hàng xóm gần nhất của tôi là anh thợ cắt tóc Iôsa Bochaki, người có tư cách và có giáo dục, người nổi tiếng ở cái thành phố này vì ít nhất là đã bảy lần bị xử về tội ẩu đả, hay dùng cây đàn tabura để quật người ta, và đã có hai dự thẩm tố cáo anh tại toà án rằng xem đó là vũ khí giết người. Tôi cho không anh ta các số báo, vì anh ta luôn giúp đỡ tôi trong những khi có ai đến định choảng tôi vì đã đặt báo mà không nhận được.

Người phát hành báo cho tôi không thật được việc lắm, nhưng hẳn ta là một người đáng kính, biết tự cấu giận với bản thân mình, và để không tự hành hạ mình lâu hơn nữa, anh ngủ khì. Có trường hợp xảy ra khi báo vừa ra mà hẳn ta nổi xung lên, tự nguyên rửa mình và chui vào cái hòm mà tôi vẫn dùng làm bàn, rúc đầu vào các chồng báo cũ mà ngáy vang. Khi đó tôi phải nhẹ nhàng bảo :

- Iakôp, xin cậu dậy mang báo đi cho !

Hắn ta nhìn tôi từ cái hòm ấy với một vẻ khó chịu, như muốn nói : " Ông trả công thế thì sai tôi thế nào được ", và lại xoay trở sang phía khác và tiếp tục ngủ. Khi đó, tôi đành phải tống báo vào sau vạt áo bành tô để tự mang đi rồi khi về lại báo cáo với hẳn ta là công việc xong xuôi rồi.

1. Không giận dữ và thiên vị (tiếng Latinh)

2. Việc đã định rồi (tiếng Latinh)

3. Cuộc sông thù thách sự dũng cảm (tiếng Latinh)

Có một hôm, vào phiên chợ, anh ta rất cần tiền mà tôi không biết. Thoạt đầu hẳn ta tự nổi xung, rồi điền tiết tóm cổ tôi và ghì chặt vào tường. Đấy, trong những trường hợp như thế, anh hàng xóm

Bochaki của tôi kịp chạy đến cứu trợ; anh đẩy chúng tôi ra, bắt xin lỗi nhau và giải hoà.

Mọi việc cứ trôi qua. Đôi khi tôi có tiền thì đi ăn tiệm. Ở đó tôi thường được tiếp xúc với những người xem tôi là rất có học, hay ít ra cũng cho tôi là thông minh. Tôi thường chẳng nói gì.

Có những lần cần phải viết bài xã luận quan trọng, tôi bèn chụp mũ xuống tận mắt mà lang thang khắp các phố, nơi có bạn đọc đặt báo. Suốt ngày đi đến những nơi tụ tập đông người, đứng hàng giờ ở hai bãi chợ, vẫn cứ xùm xụp cái mũ để mà ngắm nhìn thiên hạ, chẳng có ai ngạc nhiên nhận ra tôi mà cũng chẳng có ai vẫy gọi.

Tôi không thích can dự vào chuyện chính trị, nhưng có một lần tôi bị lâm vào tình thế không dễ chịu chút nào. Kỳ ấy, cần phải viết một bài xã luận, tôi đã đề một cái tí như thế này "Quisque suorum verborum optimus interpres" (Từng cá nhân phải chịu trách nhiệm về lời nói của mình- *tiếng La tinh*). Và có quý biết được rằng cái gì sẽ xảy ra với tôi khi cái tí như thế ám chỉ ai khác ngoài lãnh đạo Hội đồng thành phố. Tôi định loại trừ nguy hiểm của cái tí đó và bắt đầu viết rằng thành phố chúng ta cần phải có hai cái chợ y như là ở thủ đô... Nhưng than ôi ! Tại làm sao " Quisque suorum..." lại ám chỉ cái chợ được ? Cái tí như thế thích hợp với lãnh đạo Hội đồng.

Về Hội đồng thì có thể viết được nhiều điều, nhưng không hiểu tại sao, tôi không muốn rút bỏ cái tí đó và đành phải kết thúc bằng lời than thở : " ơn đền ơn, oán trả oán"

Dù sao thì sự kiện này cũng là một điều lạ ở cái thành phố này. Người ta không thể không dõi theo tôi bằng con mắt khuyến khích và động viên về hành vi dũng cảm mà tôi đã làm. Tôi đi qua đâu, là người ta để ý, chỉ trỏ.

Có đến ba tiếng đồng hồ ngày hôm ấy tôi tha thẩn ở bãi chợ rồi sau đó dạo qua các phố không có độc giả đặt báo. Tôi ghé vào mấy cửa hàng và buổi chiều thì đi tới nhà thờ. Vừa thoáng thấy vài

ba người tụ tập , tôi lân la đến gần ngay , và ở đâu họ cũng ngó nhìn tôi với vẻ ngạc nhiên.

Hình như những người đó những người (đặc biệt là thành viên Hội đồng) nhìn tôi bằng thái độ khinh bỉ. Trong tâm trí tôi bỗng cảm thấy rằng chỉ vì sự tận tụy của tôi mà đã gây ra đối địch với nhiều người.

Và thực ra, sau bài báo đó, mọi sự không suôn sẻ như trước nữa.

Phải đến hai ba ngày sau đó tôi ngồi ỳ cho đến trưa tại toà báo để viết cho xong mục " thương mại và lưu thông". Đúng vào hôm đó, Iakôp dậy sớm, mượn tôi cái quần mỗi để đi đâu không biết, thành thử tôi chỉ còn một mình ở nhà. Đang mệt mỏi chán nản thì một người lạ, diện mạo kỳ quái bước vào tòa báo. Hắn bước thật nhanh, mặt mày cau có và thủ thủ vật gì dưới áo. Tôi chợt nghĩ đây là một trong những kẻ phản đối tôi được phái đến , có thể là của Hội đồng thành phố để buộc tôi trả lời về bài báo. Tôi quay sang phải, sang trái, nhưng ngoài cái chai dùng để đựng mực, không có một thứ gì ở gần khả dĩ làm vũ khí tự vệ được.

Khi tên lạ mặt tới bàn của tôi, tôi co chân trên ghế, chán ngán nhìn ra cửa, mà ở khoảnh khắc đó tôi thấy nó ở xa thế.

- Xin chào ! - tên lạ mặt lên tiếng và ghé ngồi xuống chông báo.

- Chào ông ! - tôi vừa nắm tay, vừa nuốt nước bọt

- Có phải ông là thư lý toà soạn ? Hẳn dò hỏi, mặt quàu quạu.

Mãi tôi mới mở miệng nói được một tiếng " Đúng, là tôi" vừa lí nhí vừa không thành tiếng, cứ như là nói qua ống sậy.

Trong nháy mắt tôi bỗng thấy hắn thò tay vào khoảng dưới áo ở ngực và toàn thân tôi run bắn lên.

Và - thật là khủng khiếp, các bạn có biết không?, hắn rút ra một ...khẩu súng lục to tướng ! Chiếc bút của tôi rời khỏi tay.

- Này , ông có trông thấy khẩu súng không đấy ? - hắn hỏi tôi, giọng cứng rắn.

Khốn khổ thay cho cái ông thư ký toà soạn! Tôi muốn nói câu gì đó, song lúc ấy răng ở hàm trên cứ như muốn rụng ra, tuồng như đã bị lung lay cả năm nay rồi.

- Ông thích khẩu súng này chứ? - con người độc ác ấy gầm lên và dí khẩu súng vào mũi tôi.

Tôi la lên với một giọng khản đặc, lấy hết hơi sức nhảy vọt qua cái quây, làm vỡ kính vỡ tung toé, chẳng mũ áo, nhảy xổ ra phố, môm lẩm bẩm, và không hiểu tại sao lại bật ra câu viết ở tít bài xã luận: "Đừng ỷ sức mà phi ngựa quá nhanh!". Trong lúc cực kỳ chán ngán ấy, tôi chợt nhìn thấy biển hiệu của anh hàng xóm Iôchi Bôchaki, tôi sực nhớ đến chiếc đàn tambura giết người của anh ta mỗi khi nổi giận. Tôi ập vào trong hiệu cắt tóc, kêu toáng lên và đập như trống:

- ối! Có đứa giết người, tên chống đối! cứu với!

Iôchi Bochaki và khách cắt tóc -, những người dân lương thiện không dính líu đến chính trị này như tôi bây giờ đều giật thót người lên.

- Đâu, ai cơ, thế nào? Iôchi Bochaki gào to và chạy với vội cây đàn tambura ở trên tường, còn người dân lương thiện kia, vừa kêu la, vừa chạy ra phố, để nguyên cả áo choàng và sà phòng đang khoe nhoe nhoe trên mặt.

- Nhanh lên, giữ chặt cửa toà báo, để tôi chạy đi gọi cảnh sát đấy. Tôi vừa bảo anh, vừa chạy như lao ngoài phố, đầu trần, mình mẩy be bết máu vì kính vỡ.

Khi tôi quay về với cảnh sát thì đã có hàng trăm trẻ con và người vô công rồi nghề. Iôchi đứng tựa vai vào cửa ở toà báo, còn cậu học việc Xtêva Đanhin thì đang lấy một tấm ván lớn vẫn dùng để nhào bột chặn voà cửa sổ bằng vai.

Cảnh sát đã đứng lại và tập hợp nhanh chóng. Họ đưa mắt nhìn nhau và cuối cùng, một người có bộ ria rậm, cảnh sát Vucha, người luôn luôn khoe rằng đã từng làm thổ phỉ và cướp bóc hai trạm đường sắt của nhà nước (đặc biệt nhấn mạnh mình là người tỉnh thành), -

giờ cây dùi cui to tướng, xì một cái, vẻ quan trọng rồi ra lệnh: "Buông ra!"

Iocha buông cửa ra và cảnh sát tuân tự theo nhautiến vào trong nhà, ùa theo sau là đám dân rối việc.

Tên chống đối bình thân ngồi cạnh cái hòm, trên mặt hòm là khẩu súng lục quái ác.

Phải một lúc lâu, chúng tôi mới vỡ lẽ. Việc xảy ra hết sức đơn giản. Anh chàng này đâu phải kẻ chống đối chính trị, mà là người môi giới cho một nhà buôn, muốn bán khẩu súng. Anh chàng đến toà báo để hỏi xem tôi có thích mua khẩu súng này không. Thế mà tôi không hiểu anh ta!

Dù sao thì, từ bấy đến nay, không khi nào tôi dùng danh ngôn " Quisque suorum verborum" nữa và nói chung rất ghét tiếng La tinh./.



Nạn nhân của khoa học

Đã nhiều năm nay, ông Paya là công chức tập sự ở Văn phòng trưởng khu. Ông là một người nhiệt thành, chu đáo và như ngài trưởng khu nhận xét, - là một viên chức đáng kính. Cũng đã hai mươi năm nay ông hài lòng với tiền lương " tập sự toàn phần", với niềm an ủi là được phục vụ các thủ trưởng ở quận đã đưa ông vào biên chế và nguyện sẽ làm việc bằng bốn, bằng năm người...

Ông kính cẩn, phục tùng và tin cậy nơi các quan chức cấp trên. Đứng trước họ, lòng ông xúc động và đôi khi lại xốn xang như đứng trước thầy giáo. Ông không ít chữ lăm đầu (ở giấy chứng nhận có ghi là ông đã học hết lớp bốn tiểu học), nhưng là viên chức, ông được đánh giá rất cao nhờ trí nhớ của mình. Ông chẳng cần biên bản, cũng không phải ghi chép, ông thuộc lòng từng trang giấy, từng con số. Không chỉ có thế : ông nhớ bất cứ một bản chỉ thị nào, số của tài liệu đó và số của " Công báo" đã được xuất bản. Không một ngài trưởng khu, không một ông trưởng phòng nào phải ngó vào giấy tờ hoặc báo chí: khi cần gửi cái gì đi, họ gọi đến ông Paya và ông trả lời tron tru. Ông là quyển cảm nang sống, hiếm khi ông được rỗi rãi ngồi ở ghế, suốt ngày đi từ phòng này sang phòng kia để trả lời về các con số.

Trong cuộc sống riêng tư của ông Paya, cũng theo nhận định của ngài trưởng khu, - thì cũng đáng kính. Chẳng bao giờ ông vào tiệm; ở sở về, ông đi dạo qua phố và trở về nhà. Chỉ có thể thôi. Ông ở cùng nhà với một bà goá, bà Milêva gì đó, nhà có năm buồng thì cho thuê hai. Sống trong một buồng cho thuê đó là ông Xima Xtanôevit nhân viên thu thuế, hầu như chẳng ở nhà mấy khi. Buồng cho thuê thứ hai nhỏ hơn, là chỗ ở của ông Paya, người lúc nào cũng ở nhà.

Đã năm năm trời ông trọ ở nhà bà goá và luôn cảm thấy như ở nhà mình. Sáng sớm ông đi chợ mua sắm các thứ cần thiết. Ông chăm lo cả đến củi lửa và mọi việc nội trợ khác. Chẳng thế mà bà goá đã phải bảo :

- Ông hoàn toàn thay thế được ông chồng quá cố của tôi !

Song không hoàn toàn như vậy : ông Paya làm sao thay thế hết được ông chồng quá cố. Ông chỉ đi chợ, chăm lo chuyện nội trợ và chiều đến chơi bài với bà Milêva.

Cũng phải nói rằng ông Paya nhiều khi muốn nhàn lúc chơi bài mà suông sã một chút, có lúc lại làm như vô tình duỗi chân dưới gầm bàn hoặc buông lời bóng gió về đề tài tế nhị :

- Có khi nào bà nằm mơ thấy ông nhà không ?, - ông hỏi giữa lúc trang bài.

- Trả lời ông Paya thế nào nhỉ, - bà goá bình thản trả lời. - Cái ông già quá cố này chẳng khác khi còn sống, vẫn là một con lợn chính cống.

- Thế nào kia ?, - ông Paya ngạc nhiên hỏi.

- Thế đấy! Tôi bảo này, cái con lợn này nó lại còn tính chuyện tục tĩu cơ đấy. Lặng nhắng theo tôi trong giấc mơ và...Thôi, nói ngượng cả mồm...

Ông Paya xuýt xoa thì thào, - Thế cơ đấy, - thế bà có... bà nói sao nhỉ... Bà tránh người sống nhưng sao lại ...

- Ông không được nói tôi như thế, - bà Milêva ngắt lời ông Paya. - Thứ nhất, ông phải nhớ tôi là đàn bà đoan chính, thứ hai là tôi chỉ cần biết người thuê nhà xem sau này họ có trả đầy đủ tiền nhà không.

Có lẽ sau những lời lẽ cứng cỏi ấy, ông Paya chẳng còn gì để nói, tốt nhất là ngừng câu chuyện lại và tiếp tục chơi bài.

Một lần khác, ông Paya lại khơi chuyện :

- Đây bà Milêva. Chơi bài không chán lắm, chơi ăn gì đi ?

- Được, chơi ăn đinar.

- Không, chơi thế cũng chẳng thích. Ngày nào cũng thắng, chẳng nhẽ lấy của bà ba mươi đinar hay sao.

- Thế thì chúng mình có chơi không nào ?
- Cái chính là...- ông Paya hỏi hộp nói tiếp, - nếu như ... chẳng hạn ...
- Thôi đi, ông Paya, ông nói bóng gió gì đấy, tôi chỉ chơi bài thôi.

Thế là mưu toan của ông Paya không thành; tuy vậy, điều này cũng khuấy động nhẹ nhàng và êm ái cuộc sống trong nhà .

Bỗng có một sự việc khuấy động sự yên tĩnh trong cuộc sống ở đây. Ông Xima, nhân viên thu thuế, người sống ở căn buồng bên cạnh phải chuyển công tác tại một thành phố khác, thay vào đó là một thầy giáo dạy trường tư thục bốn lớp của thành phố.

Người trẻ tuổi này vừa mới tốt nghiệp,- mà có thể là chưa tốt nghiệp đại học tới thành phố, trúng kỳ thi tuyển kiếm được một chân giảng viên về khoa học tự nhiên.

Anh ta dọn đến căn buồng với một đồng sách to tướng. Những ngày đầu, anh ta còn đi ăn ở tiệm, rồi sau bảo bà Milêva rằng sẽ ăn ở nhà cho tiện. Bây giờ đã có ba người ngồi ở bàn ăn. Chúng tôi gọi người khách mới là " giáo sư". Ngồi chung bàn nhưng anh chẳng chuyện trò gì, trong lúc ăn cũng không rời khỏi cuốn sách . Ông Paya và bà Milêva đành phải thôi cái trò đánh bài vì ông Paya cũng bắt đầu thấy thính thích cái anh khách mới đến.

Nhưng đó chỉ là thời gian đầu, còn đến lúc nào họ trở thành đôi bạn thân cũng không biết nữa. Có những chiều ông Paya và giáo sư đi dạo quanh thành phố, và khi ngồi vào bàn ăn, cũng đã thấy giáo sư chuyện trò.

Giữa giáo sư, một người vừa vào nghề, với một viên chức tập sự đã từng làm việc hai mươi năm xuất hiện một tình bạn chân chính. Quên cả chơi bài, chiều chiều sau bữa ăn, giáo sư và ông Paya trở về phòng của nhà giáo, tại đây đã có biết bao nhiêu chuyện thích thú, trong đó có những đề tài có liên quan đến các môn dạy của giáo sư.

Thoạt đầu cũng tưởng giáo sư truyền đạt thông tin bất kỳ cho ông Paya, nhưng càng về sau càng rõ là giáo sư nhồi vào đầu ông Paya bài giảng của mình mà ngày mai ông phải đọc cho học sinh. Vì

vậy ông Paya bất hạnh , trong nhiều tháng liền đã phải nghe đủ các môn, nào sinh vật, nào khoáng vật, và có trời biết được còn những môn gì nữa.

Điều này gây một ảnh hưởng bất thường cho ông Paya. Ban đầu, như người ta thường nói là cải biến và đổi thành màu trắng con quạ trong bầy của mình. ở Văn phòng , giữa đám viên chức, ông không nói những chuyện thông thường như trước nữa mà chỉ nghĩ cách thể hiện ra những lời có tính chất khoa học. Chẳng hạn, nếu có ai đó trong số viên chức nói là :

- Nay, ra mà xem, mây kéo đen kịt cả rồi kìa!

Thì lập tức ông Paya nói lại và giảng giải :

- Nếu mây khô và tích điện, thì khi những đám mây di chuyển , hai cực của chúng tiếp nhau và sinh ra ánh sáng chói, mà chúng ta gọi là chớp, còn nếu mây ẩm...

Và khi nếu có ai trong số họ nói rằng anh ta ăn thịt quay trong lò, bên trên phủ bằng giấy, thì ông Paya nói rõ rằng thịt quay sẽ ngon hơn hẳn nấu ta dùng " lò papinôp", ông vừa nói, vừa lấy giấy ra vẽ để giải thích thế nào là " lò papinôp"

- Ông bạn, ông không đang yêu đấy chứ ? - Anh bạn đồng nghiệp hỏi.

- Không đâu ! - ông trả lời cương quyết.

- Thế thì làm sao vậy, ông không nhớ một thứ giấy tờ, một con số nào, một chỉ thị nào nữa hay sao ?

Và để giải thích điều này, ông Paya đã giảng cho anh bạn định lý về khối lượng, theo đó các vật rắn nhúng trong nước sẽ làm trào ra ngoài một lượng nước có khối lượng đúng bằng khối lượng của vật rắn. Ông Paya muốn nói rằng khoa học - đó là vật rắn, hiện được tích trong đầu ông đã đẩy ra hết một khối lượng các con số có cùng khối lượng.

Tất nhiên anh viên chức kia vui vẻ cười, và câu chuyện có lẽ đến đây là kết thúc nếu không xảy ra một sự kiện rất quan trọng mà đi vật của nó có khi phải lưu lại ở lưu trữ của khu cũng nên.

Ngoài những bài giảng mà ông Paya tiếp thụ sau bữa ăn từ giáo sư thông thái trẻ, rồi phải học thậm trí trong giờ dã ngoại ngoài thành phố cũng như trước khi đi ngủ, giáo sư còn lên lớp cho học viên của mình nhiều lý thuyết khác và dần dần đẩy hết những số hiệu của giấy tờ và chỉ thị ra khỏi đầu ông ta. Chẳng hạn, giáo sư giải thích cho ông rằng trái đất tròn, rằng mặt trăng là vệ tinh. Giáo sư nói cho ông hay về y học, về công nghệ và nhiều thứ khác nữa.

Có một buổi chiều như thế, trong lúc dạo chơi, giáo sư kể cho ông nghe về nguồn gốc loài người. Anh ta nói rất lâu và rất nhiều rằng con người xuất thân từ một loài khỉ, anh nhắc đến tên Đac Uyn là người đã tạo ra học thuyết này, và ông Paya thì rất kinh ngạc, nên khi đi dạo về, ông hoàn toàn ngượng nghịu và chán nản.

Tối hôm ấy, ông Paya không sao ngủ được. Nằm dưới chăn, ông sờ sờ cái lưng của mình, thử tìm cái khúc đuôi còn lại không phát triển được nữa (chính giáo sư bảo như thế). Rồi ông cũng ngủ thiếp đi. Trong mơ ông thấy bà Milêva là một con khỉ cái, đánh đu từ cây này sang cây kia, còn ông, - một con khỉ đực già thò đuôi giữa đôi chân, cố thử nhảy đến với những con khỉ ngây thơ đang nhảy nhót trên cây.

Sáng hôm sau, vừa tỉnh dậy, ông đã soi gương để chắc rằng mình vẫn là người và đi đến sở với nỗi trầm tư và lo lắng.

Trong ngày hôm ấy ông rất ít chuyện trò với đồng nghiệp, rồi buổi chiều khi đi dạo, ông lại gọi chuyện ra nói với giáo sư để làm rõ nhưng điều còn nghi hoặc.

- Giáo sư à, được, cứ cho là tôi, một viên chức quen xuất thân từ khỉ đi, nhưng còn...- ông Paya không dám nói thêm nữa: các ngài quyền cao chức trọng cũng xuất thân từ khỉ ư?

Giáo sư lại phải giải thích cho ông toàn bộ lý thuyết, làm cho ông an tâm và tin tưởng. Ngày hôm sau, khi đến sở, ông chủ tâm gọi chuyện với các đồng nghiệp, sẵn sàng lao vào bất kỳ cuộc tranh luận nào, vì những điều chứng minh của giáo sư đang còn tươi rói trong tâm trí ông.

- Đúng, đúng, các bạn ạ, tất cả chúng ta đều xuất thân từ khỉ!
- Ông kêu lên, khi các bạn đồng nghiệp trêu cười ông.

- Thế ông trưởng phòng Xveta cũng vậy à?, người thư ký hỏi.

- Tất nhiên rồi.

- Thế ngài trưởng khu? - một viên chức tập sự khác hỏi, về ác ý và xô xiên.

Ông Paya luống cuống: trong khoảnh khắc có sự đấu tranh giữa ông Paya ngày xưa, xem ngài trưởng khu là quyền cao chức trọng với một ông Paya vừa ra đời, am hiểu khoa học. Ông Paya sau này thắng, và ông trả lời rút khoát:

- Cả ngài trưởng khu cũng thế.

- Ngài trưởng khu của chúng ta là khỉ ấy à? một viên chức tập sự khác giọng the thé kêu lên.

- Tôi không bảo rằng ngài là khỉ mà xuất thân từ khỉ!

- Được, viên chức này tiếp tục khiêu khích, - nếu không phải là ngài, thì bố hoặc ông ngài là khỉ, và có nghĩa là ngài cũng xuất thân từ khỉ chứ còn gì nữa?

Ông Paya lắng thính, vì bỗng nhiên ông hơi sợ cái học thuyết này. Nhưng khi viên tập sự nọ lại nhắc đến một lần nữa thì không thể dừng lại được nữa, mà khẳng định.

Tất nhiên gã viên chức tập sự kia mách lại hết với ông trưởng phòng và ông trưởng phòng thưa với ngài trưởng khu.

- Cậu ta có cái gì không ổn đây, vị thủ trưởng của khu nói, tôi thấy gần đây đầu óc cậu ta đúng có vấn đề.

- Hoàn toàn điên đại! Ông trưởng phòng khẳng định.

Một lát sau, ông Paya bước vào phòng, sợ phát khiếp vì ông biết rằng mọi chuyện đã đến tai ngài trưởng khu.

- à, anh đấy ư? - ngài trưởng khu nhẹ nhàng nói khi ông vừa bước đến ngưỡng cửa. - Có thật anh bảo tôi là khỉ trước mặt đồng đủ anh em ở đây không?

- Không, tôi xin thề có Chúa, ngài trưởng khu! - ông Paya dụt dè thưa.

- Mọi người đều bảo thế, có hay là không?

- Tôi không dám nói như thế, mà chỉ nói... về toàn thể nhân loại...

- Còn cái nhân loại nào nữa khi mà anh động đến bố mẹ tôi, ông bà tôi...

- Cái đó..., ông Paya áp úng nói, - ấy là nói cả loài người...

- Nghe đây, anh không giả vờ ngây dại đấy chứ, hãy trả lời tôi : anh có nói tôi là khỉ không ?

- Không.

- Nhưng anh nói tôi xuất thân từ khỉ ?

- Cả loài người...- ông Paya thì thào, cảm mặt xuống đất mà không biết rằng mình đang run như cây sậy.

- Thế nào là cả loài người ? Có nghĩa anh khăng khăng rằng cả ngài quận trưởng cũng xuất thân từ khỉ ?

Ông Paya im như thóc

- Có nghĩa là anh khăng định rằng cả vị bộ trưởng cũng xuất thân là khỉ, có phải không Ông Paya vẫn đứng im.

- Có nghĩa rằng anh bạn khăng khăng rằng cả ...

Đến lúc đó thì chính thủ trưởng cũng không dám nói tiếp nữa và ông Paya run như lên cơn sốt rét vì không giải vây được vấn đề khó chứng minh này. Bây giờ thì ông đã rõ ràng càng đan dứ sâu với cái khoa học , cái khoa học chết tiệt này thì chỉ làm cho con người nghiêm chỉnh và hiền lành càng trở nên bất hạnh. Trong giây phút ấy, ông chỉ muốn quỳ xuống mà hôn tay ngài ngài thủ trưởng và từ bỏ tất cả, nhưng ông không làm như thế được vì thủ trưởng đã quát :

- Cút ra khỏi đây cái thằng ngu dại ba hoa này !, - và ngài mở cửa để đẩy ông ra, sau đó quay lại và ra lệnh cho ông trưởng phòng Xvêta , là người đã chứng kiến toàn bộ màn kịch , bắt ông Paya viết bản tự kiểm điểm.

Ông Paya bất hạnh ngồi ỳ có đến nửa giờ trước tờ giấy để viết bản kiểm điểm về tội báng bổ thánh thần và lăng mạ nhân vật quan trọng nhất của quốc gia. Ông Paya ngồi nhìn chòng chọc vào trang giấy mà ngẫm nghĩ, nghĩ mãi xem nên bắt đầu viết bản kiểm điểm như thế nào. Ông lấy tờ giấy trắng, chấm mực và viết như sau :

" Nếu con người tự sờ ra phía sau, phía dưới lưng, thì sẽ tìm thấy ..."

Ông thấy ngay rằng nếu bắt đầu như thế thì quá thô thiển, bèn vò tờ giấy đi và viết một tờ khác :

" Trước khi được tiếp xúc với khoa học, tôi vốn là một viên chức nghiêm chỉnh và là một công dân lương thiện. Ngài thủ trưởng có thể xác nhận cho tôi điều đó..."

Tuy nhiên, phương án viết này vẫn còn thô. Ông cảm thấy rằng bản kiểm điểm của ông cần phải mang tính chất ăn năn hối lỗi, và cần phải bắt đầu bằng một khái niệm khác. Bởi vậy ông bắt đầu như thế này :

" Nhân danh cha và con, và thánh thần , Amen ! Tôi là người theo thiên chúa giáo và công dân của đất nước này nguyện tin tưởng, trung thành và tôn trọng luật lệ quốc gia..."

Đến đây thì ông thấy rõ là không biết viết gì được nữa, vì màn kịch vừa xảy ra trong phòng của thủ trưởng đã làm ông lo lắng. Vì vậy, ông ra khỏi bàn, gõ cửa ông trưởng phòng, ngài Xvêta. Ông xin ngài trưởng phòng cho phép nộp bài vào ngày hôm sau.

- Sao lại ngày mai ? - ngài trưởng phòng gay gắt hỏi, và chính ngài cũng cảm thấy bị nhục mạ, chẳng phải cái ông Paya này đã khăng định đầu tiên rằng ngài xuất thân con khỉ là gì.

- Bây giờ tôi xúc động lắm, cần ngủ và nghĩ thêm.

- Lại thế nữa, này ông bạn, nghĩ gì nữa. Hãy cải chính những lời nói của mình và xin khoan hồng, bằng không ...

Ngài Xvêta cũng động lòng và cho ông nộp bài vào ngày hôm sau. Ông Paya bỏ giấy vào túi và ra về.

Đối với ông Paya, tốt nhất là đến sở để giải thích cho xong, mở đầu bằng các chữ " Nhân danh cha và con...", nhưng vì ông được phép hoãn đến ngày hôm sau , nên khi về nhà ông nghĩ nên kể tất cho giáo sư nghe. Thoạt tiên, giáo sư xỉ vả, sau rồi dịu đi rồi nói với vẻ kiêu hãnh :

- Để giấy ở trên bàn để tôi trả lời.

Ông Paya sợ hãi hỏi :

- Anh có biết không, công ăn việc làm của tôi tùy thuộc ở câu trả lời đây... Đã hai mươi năm phục vụ không xảy điều tiếng gì.

Nhưng giáo sư vẫn bắt đầu kể dài dòng văn tự về Galilê, Húc, Luytte và nói chung là những người cống hiến cho khoa học và tiến bộ của loài người. Việc này khích lệ ông Paya, và ông quyết định sẽ trả lời như giáo sư đã viết.

Suốt đêm đó giáo sư viết bài trả lời, chẳng khác gì một công trình khoa học. Trong đó có những câu như thế này :

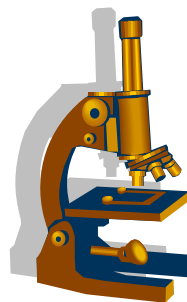
" Chân lý khoa học không bao giờ bị tiêu diệt bởi những trang giấy và các con số", Chân lý càng bị truy nã thì thắng lợi càng to !". Và sau hết, khi kết luận thì khẳng định rằng con người xuất thân từ một loài khỉ.

Giáo sư thức trắng đêm để viết trong căn phòng của mình, còn ông Paya, nằm dưới chân và thấy một giấc mơ kỳ lạ. Ông tóm lấy đuôi ngài trưởng khu và không chịu thả ra, còn ông tổng giám mục, Luytte và Húc lại xông vào để bóp cổ ông, chỉ có Galilê và bà goá Milêva là bên vực ông. Sau đó lại xuất hiện con lợn quá cố xoa đầu bà Milêva, còn Galilê thì mắng nhiếc ngài trưởng khu đến nỗi cảnh sát phải đến can thiệp. Ông Paya chẳng muốn buông cái đuôi của ngài trưởng khu ra.

Sáng hôm sau ông tỉnh dậy, mồ hôi vã ra và nhận thấy rằng trong tay còn nắm chặt cái dải rút quần lót.

Ông Paya mang đến cho ngài trưởng phòng Xvêta bản trả lời dài sáu tờ giấy và đến trưa thì ông hay tin rằng mình đã được thôi việc.

Nghe nói suốt năm đó ông nhịn ăn để sám hối và cầu kinh, ngừng chơi bài với bà Milêva, ngừng kết bạn với giáo sư và đoạn tuyệt với khoa học , vì chính nó đã làm cho ông trở thành nạn nhân. Chỉ khi nào đoạn tuyệt được với khoa học thì các con số đã ra khỏi đầu ông, bấy giờ mới trở lại theo như định luật về khối lượng. Và đến lúc đó ông mới được gọi đi làm./.



Đêm trắng

Trifun Trifunovits hay uống rượu vào những đêm trắng, mặc dù hẳn không phải là tay sâu rượu. Trong khi say, hẳn chỉ liếc nhìn bằng một con mắt, đầu tóc rối bù, chẳng xứng gì với tư cách của một viên thư lại hạn ba, đã từng có hai mươi năm làm việc tại văn phòng Quận. Đôi khi hẳn còn vò nhàu cái mũ quá mức cần thiết, người rũ ra, lấm bầm chửi rửa, vung cái ghế lên hoặc đấm xuống mặt bàn để cãi cho cái lẽ phải của mình, để biểu lộ sự bất mãn và bêu rếu thượng cấp. Hẳn là tay say rượu “hồn nhiên” vì đã có lần hẳn thổ lộ toẹt ra rằng hẳn rất xứng đáng nhận cái danh hiệu “quan chức chậm tiến”.

Trái lại, khi uống đủ rồi thì hẳn đặc biệt kính nể các ngài quan trên.

Chẳng hạn, có lần hẳn đã xin lỗi một viên cảnh sát, đã khen ông thư lại hạng hai là “bông hồng của quan chức Xecbi”. Hẳn còn tặng bốc ngài tham tá như thế này: “Ồi ! Lạy Chúa Toàn Năng, ước gì đất Xecbi có thêm được một quan chức như thế !”. Còn với ngài thẩm phán thì hẳn cũng chẳng tiếc lời khen ngợi : “Con người này tất phải sinh ra từ thớ thịt, từ bắp đùi của Adam, nghĩa là đùi mà Chúa đã

tạc ra theo khuôn mẫu giống Người đến như vậy !” Nhưng còn đối với ngài Quận trưởng thì Trifun Trifunovits chẳng dám nói gì, vì e rằng nói bao nhiêu thì vẫn là quá ít, chỉ tổ làm ngài nổi giận.

Trifun Trifunovits hay mủi lòng đến mức, ngay sau khi tọp đến ly rượu thứ năm, hắn bắt đầu khóc, khóc một cách chua xót, đáng thương; rồi lại uống, uống mãi, và con người tốt bụng ấy bắt đầu kể tội suốt đêm trắng.

Một đêm, trời rất sáng, Trifun Trifunovits càng nheo nheo con mắt nhiều hơn, càng vò nát cái mũ nhiều hơn và càng khóc lóc nhiều hơn ngày thường. Hắn than thân trách phận và nói về các quan trên của hắn: “ Ôi ! Những con người mới cao đẹp làm sao, chỉ mới nghĩ đến họ mà đã muốn khóc rồi “.

Bỗng một đám mây đen từ đâu kéo đến, mặt trăng bị che lấp chỉ còn lại một chút ít, mặt đất tối sẫm xuống. Trifun Trifunovits xốc cái cổ áo, ngẩng đầu lên và bước về nhà, lê đôi chân khập khiễng, cứ như là đi chững vì bị lạnh cóng từ hồi chiến tranh ấy. Nhưng vừa loạng choạng được vài bước, hắn đã dừng lại:

- Thế nào, Trifun ? hắn vừa lẩm bầm vừa phẩy tay và đi thêm chút nữa. Nhưng vừa tiến được hai ba bước thì hắn đã phải dừng lại, tựa vai vào cái cổng của ngôi nhà hai tầng của ai đó. Hắn lại lẩm bầm:

- Chúa sáng tạo ra cả thế gian này ư ? Nói thật nhé: đã tốt hết chưa ? Đấy, như loài vật ấy, chúng có biết uống rượu đâu ? Đấy là ý Chúa ư ? Không, chẳng phải thế đâu ! Đơn giản là vì chúng chẳng có trí khôn như người !...Đấy, như cái con châu chấu ấy, vì sao nó không say rượu ? Có biết uống rượu đâu mà say như tao cơ chứ. Ngài tham tá cũng biết uống, ngài Quận trưởng cũng biết uống, vì chẳng qua các ngài ấy có phải loài vật đâu. Đúng rồi, có phải là châu chấu đâu !

Trifun bung trán và tiếp tục lải nhải, thì ngay lúc ấy hắn chững lại vì cái tiếng gì là lạ ở ngay gần đó.

Tiếng gầm gừ của một con chó đang ngủ gập cái cổng mà Trifun mỗi lúc một tựa mạnh vào đó, làm cho con chó giật mình tỉnh dậy. Trifun nhìn chằm chằm vào con chó và rồi dăm chiêu hồi lâu.

-Gâu ! gâu ! con chó tiếp tục sủa.

Trifun nhún vai và phẩy tay:

-Tao chẳng hiểu, chẳng hiểu ra làm sao nữa... Nói trắng ra là cứ thấy người là mày phải sủa âm lên hay sao ? Thế là không có lôgic. Mà mày thì cần quái gì cái lôgic kia chứ. Thế hộ nhờ gặp bà con mày, cái con lừa ngu xuẩn chính cống ấy, thì mày có sủa đâu nhỉ? Thậm chí mày chẳng hiểu là súc vật không có trí khôn, mà người thì... Thế tao hỏi mày, người và súc vật khác nhau ở cái gì nào ?

-Ai mà cấm được mày cơ chứ ! Thôi tao xin mày... Nhưng được thôi, trong trường hợp này thì súc vật có nhiều tự do hơn con người; mặc dù người có trí khôn nhưng bị cấm sủa, còn súc vật không có trí khôn thì sủa thoải mái, có ai cấm mày đâu ? Vì vậy có thể kết luận được rằng có sự không bình đẳng giữa con người và súc vật. Thế thì, xin thưa với ngài rằng, ngài hãy cút đi ! nghe không ?, và Trifun vừa quát, vừa dậm chân để dọa con chó.

- Gừ... gâu, gâu, gâu !

- á à !... Vẫn sủa à, thưa ngài ? Được lắm. Như thế là ngài muốn tự do ngôn luận ư ? Mới đây thôi, ngài có dám láo thế đâu. Vì vậy, nếu ngài có trí khôn thì ngài cũng phải sủa chữa... Có nghĩa là đến một hôm khác mày lại sủa để nhạo báng ngài Quận trưởng, và cứ như thế thì có khi lại xông vào sủa ngài Bộ trưởng mất thôi... Nhưng tao xin lỗi nhé, mày không dám sủa ngài Bộ trưởng đâu ! à, mày bảo cái gì nhỉ ? hắn ngả hẳn người về phía con chó, tuồng như muốn ghé nhìn tận mắt nó để tin chắc rằng đối phương đã bị lúng túng bởi những lí lẽ sắc sảo của mình.

- Gừ... gâu! gâu!

- Được, được lắm ! Có nghĩa là mày nằng nặc đòi sủa nữa, - Trifun tiếp tục nói và đứng thẳng người lại như trước. Nhưng anh bạn ơi ! Hãy đồng ý với tao rằng chính tao cũng có thể sủa được đấy ! Mày chẳng thấy tao đã sủa thượng cấp của tao rồi đấy ư ? Nhưng cái đó, thưa ngài cũng chẳng đi đến đâu, vì rằng nếu tao có sủa một cách nhẹ nhàng thì lập tức cũng bị xuyên tạc, làm méo mó đi. Và rồi đến một ngày, mày biết chứ, tao lại phải chối phất đi khi ở ngoài phố, đứng như tao đang kể với mày bây giờ ấy ! Thế nên, tao bảo mày nhé, sủa

vừa vừa thôi. Bây giờ tao cho mày một gậy vào mũi thì mày sẽ biết ngay rằng sữa cũng phải có giới hạn ... Mày biết không, tao rất thích... vào mồm mày như thế này !...

- Gâu, gâu, gâu !

- á à ! mày lại tái phạm khuyết điểm.... Mày dám sữa cả quan chức hả ? Này, ngài ơi, ngài có biết rằng theo điều khoản tương ứng của Bộ Luật,- mà làm sao mày biết luật được nhỉ ?.Không biết thì tha cho đấy. Còn cứ chiếu theo luật, dựa vào đoạn..., à không, vào điều một trăm linh bốn của bộ luật hình sự, không nhớ là mục A hay B nữa, mà chưa chắc đã là A hay B, nhưng ý tú thì như thế này : “ Kể nào dùng lời nói, văn bản, hoặc dấu hiệu cũng như hình ảnh để làm nhục bất kỳ một nhân viên văn phòng nào; mà tao- xin phép tự giới thiệu, chính là nhân viên văn phòng đây. Còn tiếng sữa, chính là một dấu hiệu, mà nếu không phải là dấu hiệu thì là một hình ảnh..., hoặc quỳ tha ma bất đi, nếu không phải là hình ảnh thì là lời nói. Tao là nhân viên văn phòng, còn mày dùng lời nói...có nghĩa là xứng đáng chịu một cái gậy này vào mồm !...

- Gừ...gâu, gâu, gừ...

Con chó xông vào Trifun, đóp được cánh tay áo, kéo về phía nó; còn hấn ta thì chẳng hề chống cự được, để áo rách xoạc đến tận vai.

Trifun kinh sợ khi nhìn thấy cái khủy tay của mình lộ ra.

-à , ra bây giờ tao mới biết mày thế đấy ! Thế ra mày biết cả cần nữa à ? A ha ! Thế sao mày không xông thẳng vào ngực tao thật mạnh để ngày mai tao chẳng thể đến văn phòng được nữa ? Tốt quá ... Tất nhiên là tao cũng biết trừng phạt, nhưng tao không thể xé tay áo của mày được vì mày làm gì có. Được, xin phép mày, ngay bây giờ tao sẽ cho mày một gậy vào mồm để cho mày biết tao thích cái mồm như thế này này...

- Gâu!gâu! gâu! gừ...

- Thế nào... Không thích à ?, - và Trifun Trifunovits khoái trí nhắc lại một lần nữa: “ Thế nào? Không thích à ?”...Nhưng đúng lúc đó, trên tầng hai của ngôi nhà, nơi hấn đã đọc diễn cuộc đối thoại dài

dòng ấy, một cánh cửa sổ hé mở và xuất hiện một người đàn ông trong bộ đồ pyjama màu trắng.

Trifun Trifunovits đứng ngay cán tàn : hấn nhìn thấy ngài Quận trưởng đứng nơi cửa sổ. Trong khoảnh khắc đó hấn muốn xin tha lỗi vì chột hiểu đây chính là con chó của ngài. Giá mà biết trước thì, thứ nhất là Trifun đã không xuác phạm con chó, thứ hai là không lải nhải với nó, và thứ ba - điều này quan trọng nhất- là không choảng nó.

- Con chó becgiê là chó ngoại, vì thế tôi không thể biết là chó của ngài, -Trifun định mở mồm thanh minh như thế, nhưng hấn lại lặng thinh vì thấy chưa ổn lắm.

- “Tốt nhất là chuẩn khỏi đây thôi”, hấn nghĩ bụng, xốc cái cổ áo lên, rảo bước đi nhưng không quên liếc nhìn cái cửa sổ mở toang, còn thấy rõ môn một bộ pyjama của ngài Quận trưởng trắng lóa dưới ánh trăng.

Trống ngực đập thình thình, mãi rồi Trifun mới trấn tĩnh được. Khi nghe thấy ở phía sau có tiếng cửa đóng lại, hấn mới yên tâm và thở dài một hơi.

Trên đường về, hấn gặp một con becgiê nữa chạy giữa đường phố, cái đuôi cụp xuống, nhưng Trifun chẳng thèm phí lời với nó. Biết đâu những lời đùa cợt ác ý kia lại gây phiền toái; nhớ ra con chó này lại là của ngài Bộ trưởng thì sao nào ?. Cứ cảm như thóc là hơn cả!

Khi đã đi được một quãng khá xa, Trifun mới tựa vào cửa nhà ai đấy và nghĩ bụng :” Trifun, bây giờ mày nên rẽ qua phố khác, nói chung là không nên lảng vảng gần nhà ngài Quận trưởng.”

Nhưng hấn lại là vì ngẫu nhiên mà hấn đã đến đúng phố của ngài Quận trưởng, vậy nên tốt nhất là trở về nhà cho an toàn.

Về đến nhà, việc đầu tiên là lấy một tờ giấy trắng để soạn thảo một bức thư xin lỗi ngài Quận trưởng. Hấn mở đầu như thế này:

□ *Thưa ngài Quận trưởng ! Như mọi người đều biết, becgiê là một loài chó ngoại, vì vậy làm sao tôi biết được nó lại là chó của ngài. Hơn nữa, người gây sự trước tiên với tôi là nó. Nó chửi tôi trước, vì vậy tôi buộc phải chống trả lại như thường làm với những con chó khác. Tôi nện nó vì nó xé rách áo khoác ngoài của tôi.* □

Nay kính thư: *Trifun Trifunovits*

Viết xong, hấn thấm khô nét mực trên lá thư, tắt ngọn nến và lăn ra ngủ.

Sáng hôm sau Trifun Trifunovits tỉnh dậy, đầu nhức như búa bổ. Bóp tay lên trán, hấn phẩy tay phải rồi lẩm bẩm:

-Chúa ơi ! Đêm qua mình làm cái gì mà ngu dại đến như vậy !

Chợt thấy lá thư viết sẵn cho ngài Quận trưởng nằm ở trên bàn, Trifun mỉm cười đau đớn, thò hai ngón tay vào phong bì rút lá thư ra rồi đặt vào lòng bàn tay trái, vò nhàu đi và vứt xuống gầm bàn.

Hấn mặc quần áo chỉnh tề, nấn lại chiếc mũ bị nhàu nát, vớ lấy cái batoong, soi gương rồi đi đến sở.

Ra khỏi nhà được hai chục bước, hấn dừng lại, nghĩ ngợi điều gì rồi quay trở về nhà.

Hấn lấy ở gầm bàn lá thư nhàu nát ra, xé nát thành từng mảnh nhỏ và nhét vào túi. Khi đó hấn mới yên tâm đi đến văn phòng và thề độc rằng không bao giờ uống rượu nữa.



THƠ HÀ NỘI

*

1. Pháo hoa Tết bên Bờ Hồ

Thăng thiên lao vút tận trời
Long lanh loé sáng, ánh ngời nước soi
Văn minh từ thuở xa rồi
Hiển dâng bao phút cho người reo vui !

2. Cảm hứng từ Văn Miếu

Ngàn năm văn vật đất Thăng Long
Quốc tuý còn đây với Nhị Nùng
Cửa Không đòi phen mưa nắng giải
Sân Trình mây lớp cỏ rêu phong
Trái bao thế kỷ trơ tường móng
Biết mấy xuân thu vững cột đồng
Gió Mỹ mưa Âu dù đổi mới :
Con nhà Tử Giám vẫn thờ chung

Nghìn năm văn vật đất Thăng Long
Trái mấy triều nay đạo vẫn sùng
Bể học mênh mông trên đất Bắc
Rừng Nho man mác khắp trời Đông
Dấu thơm bia tạc cùng trời đất
Xứng mãi lưu danh cháu Lạc Hồng
Học mới ai ơi, nhìn ngắm lại :
Kìa nhà Giám cũ, những hoài mong...

3. Phố Cổ

Tôi đã có cả thời thơ ấu
Qua đi trong phố cổ Hà thành
Phố hẹp
 Nhà sâu
 Mái nâu
 Cửa nhỏ
Tôi chỉ thấy những tôi tâm, ngọt ngọt
Thiếu luồng gió mát, thiếu giọt nắng vàng
Phố đông
 Nhà tôi
 Mái dột
 Cửa long
Tôi đã rời xa nơi phố cổ
Đến ở nơi chót vót tầng cao

THƠ XÂY DỰNG

*

ở đây cũng có tháp Piza

ở đây
Cũng có Tháp Piza
Như trên đất nước I-ta-li-a
Khác chẳng
Đây chỉ là nhà
Dăm chục căn hộ
Vài ba đơn nguyên
Năm tầng không quá

*

Chuyện rằng :
Xây xong chưa qua mùa hạ
Nó đã ngã nghiêng
Và lún nứt khắp nhà
Nó đã trở thành công trình lạ
Không khả năng cứu chữa
Như Piza
Cho người ta đến hằng ngày chiêm ngưỡng
Mà phải
Đập phá đi
Di dân đi
Phòng nguy cơ sập đổ
Nếu cứ để :
Nghiêng nghiêng mãi ra hồ
Nêu cứ để :
Nứt nứt toác theo tường
Nếu cứ để :
Lún lún chìm tầng một

*

Giờ đây
Nhà đã xây lại
Khiêm tốn hơn, "rút" lại hai tầng
Chắc là tồn tại được nhiều xuân

*

ở đây
Cũng có Tháp Piza
Nhưng không phải ở I-ta-li-a
Đây chỉ là ngôi nhà

(1) Nhà B2 trong khu tập thể hồ Ngọc Khánh, Q. Ba Đình Hà Nội bị lún nứt nặng ngay sau khi xây dựng xong năm 1987. Năm 1990 phải dỡ bỏ đi 2 tầng trên để chống lún.

Đến và đi

Khi Anh tới
Đôi hoang heo hút gió
Lúc Anh đi
Bao thành phố lên đèn
Khi Anh tới
Phà ngang sông vạt vạt
Lúc Anh đi
Cầu nổi nhịp xe qua
Khi Anh tới
Người trông mưa từng hạt
Lúc Anh đi
Đập xối nước trắng đồng
Anh tới không ai biết
Anh đi chẳng ai hay
Bởi vì nghề anh vậy :
Đời gọi là Thợ Xây

1992

Anh bõm ngành ta

Biết anh là " kiến trúc gia'
Phú ông thuê vẽ vin -la một toà
Anh rằng " sẽ có ngôi nhà
Vừa ý ông chủ, nhưng mà... đầu tiên"
Chủ rằng : " Cậu chớ ngại phiền
Tiền đâu tôi chịu, tất nhiên chu toàn
Chỉ cần thiết kế đàng hoàng
Mô- đéc thời thượng thật sang với đời
Miễn là cậu cứ nghe lời
Thể hiện đúng ý chơi của mình"
Thế rồi lên một công trình
Ai nhìn cũng phải giật mình thất kinh
Nhà ở hay một cái đình ?
Com-lê đội nón, dáng hình quái thai
Lại còn trang trí mặt ngoài
Đá đen tầng dưới, trát mài tầng trên
Chủ nhân được dịp khoe tiền
Rào sắt uốn éo từ hiên đến vườn
Ông làm cho đẹp phố phường
Hay là bôi bẩn môi trường cảnh quan ?
Còn điều nữa đáng phàn nàn :

Về anh " kiến trúc" tham lam hơn Bờm
Méo nghề vì cái niêu com !

1993

Điều đơn giản

Anh chẳng hiểu sao lại toái đây
Tháng năm dan díu với nghề này
Dù ai có bảo : " Mần chi khô..."
Lặng thinh, anh nghĩ : mình thợ xây.
Anh chẳng hiểu sao lại toái đây
Dãi dầu mưa gió suốt đêm ngày
Dù ai có bảo: " Này hâm thế..."
Có lẽ, nhưng mà: tở thợ xây
Anh chẳng hiểu sao bỏ nơi đây
Xây xong chẳng ở lại đi ngay
Dù ai có bảo: Sao khờ thế..."
Anh cười, và nói :tôi thợ xây"

1993

Một tuần

Thứ hai, đường phá: dất xe
Thứ ba, xếp đá: lên hè mới xong
Thứ tư: nhựa nóng bỏng đường
Ung dung hạ mã vì thương xe mình
Thứ năm: đường đã ngon lành
Thong dong xe đạp ngon lành quăng ni
Thứ sáu: lại xây chuyện chi?
Xuống xe tìm hiểu cứ vì sao đây
Người ta lắp đoạn ống này
Quãng đường lại phá sau ngày chỉnh trang
Thứ bảy: người lại nối hàng
Xuống xe dất bộ quăng đàng thi công
Người làm, kẻ bới như không
Cảnh này cứ diễn mà đầu đốn lòng
Phải rồi, chỉ tại của công !

1993

Trước các mô hình công trình đoạt giải của sinh viên

Những công trình với tỉ lệ nhỏ xíu
Động trên mặt sa bàn
Nhưng thoát ra nhiều ý đồ sáng láng
Khiến đàn anh phải khâm phục ngỡ ngàng
Hoan hô kiến trúc trẻ
Đã cố vượt thời gian
Tiến mau lên phía trước

Đề bắt ngay cho được
Điều đất nước đang cần

1994

Tâm sự ngôi nhà tập thể cũ

Em đây tuổi mới mười niên
Mà trông tiều tụy như "lên lão" rồi
Tường hoen, mái toác nhòm trời
Gạch bong, cửa nứt, đầu thời vàng son
Lan can hoa hoét đầu còn
Cầu thang bậc lở, lối mòn khó đi
Bếp hun mù khói đen xì
Máng tràn, nước tắc, nói gì vệ sinh
"Pha xát" mới thật là kinh
Nói, coi tranh thủ từng "inh" đất vàng
Nhà mình nội thất thì sang
Nhưng mà thấy kệ cảnh quan láng giềng
Xế chiều đã phải lên đèn
Lô gia ngăn lại, sân chen mất rồi
Tuy em tuổi có lên mười
Chẳng ai chăm sóc nên người già nua
Nhìn người, đã ngẫm ta chưa :
Nhà nay ọp ẹp, sao xưa vững vàng ?

1994

Thân phận khu phụ xưa và nay

Xưa kia Em bé tí teo
Vì trong nhà ở, ăn theo, phụ nhờ
Diện tích nếu có mâu thừa
Đặt em vào đó là vừa vụn thay
Thiếu cả nhs sáng ban ngày
Xí tám chật chội, phơi bày cả ra
Bếp thì chỉ lọt người qua
Nếu có toa khói: xa hoa quá rồi !
Tiện nghi chẳng phải lời thôi
Toa-lét là chỗ kiêu nuôi lợn gà
Nuôi nhốt đảm bảo tăng gia
Dù cho ở tí tâng nhà thứ năm.

*

Từ ngày khí thế làm ăn
Bung ra tứ phía, tháng năm phát tài
Khu phụ cũng được như ai
Thông thoáng, sang trọng và oai ra trò
Khách đến, xin hãy đứng chờ
Ghé xem khu phụ, chủ nhà hân hoan:
" Nào là nóng-lạnh đàng hoàng
Nào là tủ bếp toàn hàng Nhật, Tây
Nào là vòi tắm ngắt ngay
Chẳng phải vụn vẹo như ngày thủa xưa
Nhà ăn liền bếp, xướng chưa
Bếp điện là vút, bây giờ xài ga

*

Khu phụ bộ mặt ngôi nhà
Bỏ ngày em phải là bà ăn theo
Mới hay có sớm, có chiều
Khi là của ghét, con yêu của người.

1996

Tâm sự ngôi nhà cổ

Trăm năm Em đứng ở đây
Uy nghi, trang trọng, tràn đầy ánh dương
Ngắm nhìn thiên hạ qua đường
Mái tươi ngói đỏ, mảng tường vàng hoe
Tuổi cao sức sống tràn trề
Trông vài trăm tuổi chưa về cõi Tiên
Ngờ đâu tại hoạ đến liền:
Có anh Hiện Đại chèn bên hông mình
Chiều cao anh đến là kinh
Trên năm chục thước, đây mình kính nhôm
Lêu nghêu đáng đáp anh còn
Đứng bên lùn tịt, tôi còn là chi
Tính duyên một cuộc hài bi
ép nhau chung sống đến kỳ nào đây
Ghé tai xin nhủ điều này :
" Phát triển xây dựng nhớ ngày mai sau
Để con cháu đỡ càu nhàu
Người xưa mà cũng ám đầu thế ư ?"

1996

Nhà và đất

Trăm năm trong cõi người ta
Chữ may chữ rủi ai mà biết đâu ?
Trải qua một cuộc bể dâu
Căn hộ mà kém mẫu đầu mảnh sân

*

Lạ gì năm tháng khó khăn
Trong thời bao cấp làm ăn nhọc nhằn
Tiêu chuẩn ông được một căn
Còn chị chưa đạt, ông phân mẫu vườn
Bây giờ chị chẳng vui lòng
Phận mình ngồi bệt sao bằng được ông
Bây giờ có mát ruột không ?
Đúng thời kinh tế đã bung ra rồi
Có đất, chị sẵn ra xơi
Bao nhiêu tác đất, vàng mười trời cho
Còn ông, căn hộ có to
Trên cao hít gió có no không nào ?
Thị trường đất lại sốt cao
Háy cứ đợi đấy, vàng vào túi đây
Thật là ai có ngờ đâu
Căn hộ mà kém mẫu đầu mảnh sân !

1996

Và từ đây nhìn về nơi ấy
Mới xôn xao màu " Phố Phái" năm nào ...

4.Hà nội - đô thị hoá

Xưa kia
Đây chưa có nhà
Xưa kia
Đây là bãi tha ma
Giờ đây
Người về ngỡ ngác
Bãi rác còn đâu ?
Nhà cao
Ngảng sái đầu
Mà vẫn chưa thấy chòm
Chòm xóm
Đường lầy
Khóm cây
Đâu cả ?
Ồ !
Người ta có phép lạ
Biển hoang tàn thành phố sá đông vui !

5.Đâu ? Ngôi nhà Việt Nam ?

Tôi trở về đây
Giữa lòng Hà Nội
Trái tim hồi hộp
Tình cảm xôn sang
Như trở lại làng
Quê hương xa nhớ
Nhưng sao bỗng ngỡ
Kinh ngạc sửng sờ
Vì muôn cảnh vật
Quá khác ngày xa :
Đường phố rộng ra
Toả đi nhiều ngã
Đa dạng muôn nhà
Thắm tươi màu sắc
Nhưng mà xa lạ
Nếp nhà Việt Nam:
Đâu còn mái ngói
Nhà thoáng hiên chơi
Nắng chiếu khoẻ người

Gió lùa xuyên cửa
Giàn cây buông toả
Mát rượi không gian ?
Đâu còn mặt nước
Làm dịu nắng hè
Chỉ thấy lô nhô
Tháp cao, chòm nhọn
Kính nhòm bung bít
Kín mít không gian
Nhà cửa xen đan
Không theo quy hoạch
Chẳng chừa ngõ ngách
Giữa các ngôi nhà
Chen lấn bung ra :
"Đất là vàng bạc !"

*

Tôi trở về đây
Giữa lòng Hà Nội
Lại gặp " nhà tây"
Y bên hải ngoại !

Cần khai thác đúng chức năng yếu tố Mặt nước trong đô thị

Nguyễn Huy Côn

Yếu tố mặt nước thường đi kèm với cây xanh trong quy hoạch và kiến trúc đô thị. Tuy nhiên, trong sách báo, vấn đề mặt nước mới điếm qua một cách sơ sài. Ngay cả giáo trình vật lý- môi trường cũng chỉ nói nhiều về cây xanh, tuy đề mục thì nêu chung là *cây xanh-mặt nước* kèm theo những tác dụng của cây xanh là : làm trong sạch bầu không khí, làm giảm bức xạ mặt trời, làm thay đổi nhiệt độ và độ ẩm , chế độ gió trong một khu vực nhất định. Nội dung của yếu tố mặt nước thường được nêu chung chung như thế này : "*Mỗi đô thị Việt Nam cần có ít nhất một công viên cây xanh mặt nước*", hoặc: "*Trong các công viên lớn, nhất thiết phải tổ chức các hành thức mặt nước*", hoặc : "*Riêng đối với các công trình công cộng cao tầng, nhất thiết phải tạo quảng trường cây xanh mặt nước phía trước để tạo tầm nhìn* " ...v.v.... Thực ra, cần hiểu mặt nước là một bộ phận không gian mở gồm : sông, hồ, bể bơi, vườn cảnh, thác nước, suối, mảng nước tiểu cảnh trang trí trong khu đất công trình. Không phải chỉ ở nước ta, mà yếu tố mặt nước đã sớm tham gia vào việc hình thành đô thị thời xa xưa, tại nhiều nước, khi mà quá trình hình thành đô thị đó, tụ điểm thương mại thường bắt đầu từ một đầu mối giao thông thuỷ. Tiếp đó, mặt nước tồn tại xung quanh những thành lũy quân sự, và cuối cùng là trong khuôn viên của các dinh thự, các lâu đài của vua chúa phong kiến. Sự xuất hiện của mặt nước trong các đô thị cổ của Trung Quốc là một minh chứng về tác dụng to lớn của yếu tố này về thương mại, quân sự và giải trí. Ngày nay, trong xây dựng và phát triển đô thị hiện đại, mặt nước càng có vai trò và tác dụng to lớn, đó là:

- **Điều hoà nước mưa** : đảm bảo thoát hết nước mưa trong mùa mưa (bên cạnh hệ thống thoát nước còn hạn hẹp), tránh cho đô thị khỏi úng ngập cục bộ. Các hồ, ao có tác dụng chứa nước mưa, rồi sau đó mới thoát dần theo hệ thống cống . Các hồ điều hoà có khả năng hỗ trợ hệ thống thoát nước trong đô thị, bởi làm giảm được lưu lượng nước chảy sau đó, giảm công suất trạm bơm,v.v.

- **Tạo cảnh quan cho đô thị** : Đâu phải ngẫu nhiên mà các công viên, nơi giải trí trong đô thị thường ở gần hay ngay trong khu vực mặt nước của đô thị. Lấy các hồ có tại Hà Nội mà xem xét, rõ ràng là hồ Hoàn Kiếm, hồ Thuyền Quang, hồ Tây v.v. đều có là những nơi vui chơi giải trí, có cảnh quan đẹp vì địa hình, vị trí tương đối với không gian kiến trúc chung quanh.

- **Xử lý nước thải** : Đó là khả năng tự làm sạch chất ô nhiễm thông qua các quá trình làm sạch tự nhiên (lý học, hoá học, sinh học) diễn ra trong môi trường nước . Quá trình này diễn raturong đối nhanh và làm phân huỷ hoàn toàn chất hữu cơ có trong nước sau 20 ngày. Tác dụng dẫn xuất là tạo ra thức ăn cho nguyên sinh động vật, rồi sinh vật phù du và nhuyễn thể,v.v. làm cho nước ngày càng sạch hơn.

- **Nuôi trồng thuỷ sản**: Nuôi cá nhằm giữ gìn vệ sinh môi trường đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng mặt nước đô thị. Tuy nhiên , phải có sự cân đối thích hợp giữa sản lượng cá nuôi , diện tích mặt nước và chất lượng nước hồ.

Trong thời gian qua, việc tận dụng khai thác yếu tố mặt nước không mấy khả quan. Đó là do :

- Chưa có ý thức và biện pháp hữu hiệu để bảo vệ mặt nước hồ ao đô thị;

- Chưa khai thác sử dụng các bề mặt nước có trong đô thị, nhất là trong việc cải thiện vi khí hậu đô thị, tạo môi trường cảnh quan sinh thái theo đúng nghĩa của nó.

- Chưa có biện pháp khắc phục và bù đắp tình trạng giảm diện tích mặt nước ngày càng thấy rõ trong đô thị do quá trình đô thị hoá mạnh mẽ.

- Chưa xác định được đầy đủ và chưa có sự kết hợp hài hoà, đan xen các tác dụng của mặt nước đã nêu ở phần trên.

Vấn đề quản lý khai thác sông hồ tại thủ đô Hà Nội là một ví dụ cụ thể về hiện trạng quản lý mặt nước tại Việt Nam. Hầu hết các hồ (tự nhiên và nhân tạo) đều khai thác tương đối tùy tiện. Do vậy, dẫn đến sự không thống nhất trong quản lý khai thác, nhiều khi gây mâu thuẫn giữa các mục đích khác nhau trong sử dụng hồ. Các hồ đã không làm được vai trò điều hoà vi khí hậu mà cũng không thể hiện được vai trò của nơi vui chơi giải trí, danh lam thắng cảnh. Tình trạng ngập lụt ở một số tuyến phố khi có mưa to là kết quả của việc không xác định diện tích mặt nước cần thiết cho nhu cầu điều hoà nước mưa cho cả khu vực đô thị.

Để thiết thực cải thiện điều kiện vệ sinh vi khí hậu trong đô thị , thời gian tới cần có kế hoạch phát triển không gian mặt nước đô thị. Phân loại rõ đô thị xây dựng mới hoặc cải tạo để có biện pháp thích hợp. Ví dụ : đối với các đô thị xây dựng mới thì phải tính toán đầy đủ hết các nhu cầu về mặt nước cần đáp ứng, còn đối với đô thị cải tạo mở rộng thì cần xác định diện tích mặt nước còn thiếu theo chỉ tiêu để bổ xung, bên cạnh đó phải chính xác hoá chức năng chính của từng hồ. Đặc biệt, đối với các hồ có chức năng vui chơi giải trí , không để nước thải sinh hoạt chảy vào , có thể thiết kế hệ thống cống bao nước bẩn chung quanh hồ. Đây cũng là cách giải quyết tình thế, còn trong tương lai, phải thiết kế xây dựng các hệ thống thoát nước bẩn riêng và tách khỏi hệ thống nước mưa. Để chống ô nhiễm nước hồ, thiết kế hệ thống kè và đường dạo chung quanh hồ là điều nên phát huy. Tại thủ đô Hà Nội, một số hồ nội thành như Giảng Võ, Ngọc Khánh,v.v. đã làm được điều này.

Cuối cùng, xin nhắc lại rằng, nhu cầu không gian mặt nước cũng cao như đối với cây xanh trong việc tạo cảnh quan đô thị và cải thiện vi khí hậu nơi đây. Chúng ta không thể chỉ quan tâm đến cây xanh mà không chú ý đến không gian mặt nước. Cả hai yếu tố này đều có những tác dụng đáng kể trong việc làm giảm nhiệt độ, tăng độ ẩm, cấp oxy và chống ô nhiễm đô thị. Và rõ ràng là tại công viên, nơi vui chơi giải trí, hai yếu tố này sẽ tạo điều kiện hình thành cảnh quan đô thị tươi đẹp. Vấn đề là ở chỗ quỹ đất và quỹ mặt nước đô thị có đến đâu. Hiện trạng khai thác và sử dụng hệ thống hồ tại Hà Nội là một ví dụ:theo nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch tổng thể của thành phố năm 1998 thì số lượng các ao hồ sẽ tăng thêm về phía bắc thành phố, chiếm khoảng 8% đất xây dựng. Trước mắt, diện tích mặt nước cần thiết cho Hà Nội phải đảm bảo mục tiêu cấp bách là điều hoà nước mưa cho khu vực. Tất nhiên, các hồ của thủ đô cũng có vai trò đặc biệt trong sinh thái, du lịch, cần đồng thời được bảo vệ và tôn tạo. ♠

bảo tồn và cải tạo Khu phố cổ Hà Nội như thế nào ?

Kim Thi

Khu phố cổ không phải là khu phố cũ

Trước hết, cần phân biệt hai loại khu phố: khu phố cổ và khu phố cũ. *Khu phố cổ* của Hà Nội là kiểu kiến trúc nhà ống tiêu biểu, sản phẩm kiến trúc của Thăng Long thời phong kiến vào các thế kỷ 17-18. *Khu phố cũ* là kiểu kiến trúc thuộc địa Pháp tại Hà Nội vào thế kỷ 19-20, mang phong cách của kiến trúc châu Âu.

Quen gọi là *khu Ba mươi sáu phố phường*, khu phố cổ Hà Nội hình thành khi các phường nghề trở nên phân thịnh, tạo thành một trung tâm hành chính-thương mại, một không gian cư trú của dân kẻ chợ Thăng Long. Bài thơ của tác giả khuyết danh sau đây đã kể rất đầy đủ về tên các phố trong khu phố cổ:

*Rủ nhau đi khắp Long Thành
Ba mươi sáu phố rành rành chẳng sai
Hàng Bồ, Hàng Bạc, Hàng Gai,
Hàng Buồm, Hàng thiếc, Hàng Bài, Hàng Khay,
Mã Vĩ, Hàng Điếu, Hàng Giầy
Hàng Lờ, Hàng Cót, Hàng Mây, Hàng Đàn,
Phố Mới, Phúc Kiến, Hàng Ngang,
Hàng Mã, Hàng Mắm, Hàng Than, Hàng Đồng,
Hàng Muối, Hàng Nón, Cầu Đông,
Hàng Hòm, Hàng Đậu, Hàng Bông, Hàng Bè,
Hàng Thùng, Hàng Bát, Hàng Tre,
Hàng Vôi, Hàng Giấy, Hàng The, Hàng Gà
Quanh đi đến phố Hàng Da,
Trái xem phường phố thật là cũng xinh.
Phồn hoa thứ nhất Long Thành,
Phố dăng mắc cử, đàng quanh bàn cờ
Người về nhớ cảnh ngẩn ngơ
Bút hoa xin chép nên thơ lưu truyền.*

Khu phố cổ có *cấu trúc không gian* đặc biệt, xuất phát từ nguyên lý hình thành đô thị cổ. Đặc biệt, nằm trong tổng thể không gian đô thị Thăng Long,

đặc điểm này càng nổi trội với đầy đủ 3 loại cấu trúc: khu thành cổ, khu phố cổ và khu phố cũ nằm tương ứng ở phía bắc và phía nam Hồ Gươm. Trong các cơ cấu này thì không gian đô thị của khu phố cổ thể hiện đầy đủ các nét truyền thống như: bố cục mạng lưới đường phố hẹp và không thẳng; các ngôi nhà trong phố cổ sắp xếp lô nhô và có dạng hình ống, trong đó xen lẫn các phòng ở và sân trong.

Phố và phường

Phường xuất hiện từ thời Lý, Trần và Lê. Nếu ở thời Lý, Trần có đến 61 phường thì đến thời Lê chỉ có 36 phường. Đây thực chất là đơn vị hành chính cơ sở, tương đương với các xã ở nông thôn thời đó. Cần nhắc thêm rằng đến thời Nguyễn thì cấp phường với 36 đơn vị bị bãi bỏ và Hà Nội khi này chia thành 249 phường, thôn, trại. Các phường, thôn, trại này quản lý luôn cả việc lập ra các phố buôn bán, sản xuất và tất cả các việc trong phố. Cách tổ chức này khác hẳn với các nước châu Âu thời trung cổ. Một bên là khu phố buôn bán ở thành thị do giai cấp tư sản lập ra, còn một bên lại mang tính tự trị. Chính vì thế mới có quy định : “ *Mọi thứ hàng hóa bán trong thành phố đều được bán riêng ở từng phố, mỗi phố dành riêng cho một hay vài làng đã được phép mở cửa hàng tại đó*”.

Sau này, đến thời Nguyễn thì xuất hiện cấp tổng, thực chất tương đương với cấp phường thời Lý, Trần, Lê, có khác là quy mô lớn hơn, gần gấp 3 lần quy mô phường. Và khi này, Hà Nội có 13 tổng (Thọ Xương 8 tổng và Vĩnh Xương 5 tổng).

Giải pháp bảo tồn

Nếu đã xác định được là cổ, thì phải bảo tồn. Cụ thể là bảo tồn cái cổ xưa của những ngôi nhà ống, đáp ứng sinh hoạt của người dân phường nghề truyền thống với những cái sân trong, vừa đảm bảo thông gió, lấy ánh sáng và không gian yên tĩnh. Nếu so với các phố cổ của Người La Mã ở Italia, hoặc nhà ở dân gian của người Ai Cập, Ba Tư thời xa xưa thì cũng không có gì là khập khiễng. Tính chất “ cổ” còn thể hiện ở ngay ô phố và đường phố. Nó có ranh giới rạch ròi giữa một bên là *thành* của vua chúa và một bên là *thị* (nơi buôn bán, sinh hoạt) của dân. Đó chính là phố phường và chợ cùng phát triển trong dải đất hẹp, chiều rộng không quá 1 kilomet. Đó là cấu trúc chung của nhà phố ở các đô thị cổ, trong vùng khí hậu nhiệt đới nóng ẩm, đó là kinh nghiệm xây dựng từ ngàn xưa, không dễ gì có được.

Đến nay, nhiều ngôi nhà ống trong phố cổ đã bị hư hỏng, phá đổ một phần do tác động của khí hậu-thiên nhiên qua thời gian, phần khác do phát triển

xây dựng bừa bãi, không theo quy hoạch, không có chỉ đạo trong hơn nửa thế kỷ qua.

Bảo tồn cái cổ, có người cho rằng chủ yếu là lưu giữ lại đặc điểm sử dụng bởi Hà Nội có 3 thực thể đáng hấp dẫn, có thể nói là tác phẩm kiến trúc-văn hóa- nghệ thuật độc đáo là:

- song song tồn tại giữa lịch sử và cuộc sống hiện đại ở thế kỷ 21;
- còn vật chứng của sự tồn tại đồng thời hai nền văn hóa đô thị: khu 36 phố phường và khu phố Pháp;
- những không gian đường phố khá hoàn hảo (về cảnh quan đô thị, về tỉ lệ, mặt nhà, màu sắc, cây xanh, v.v..), thể hiện được là một đô thị (cận) nhiệt đới.

Bảo tồn cái cổ, có người cho rằng chính là bảo tồn cái vẻ cổ sơ của phố phường Hà Nội xưa, không gì ngoài bố cục không gian và cấu trúc của ngôi nhà truyền thống ở phố cổ. Xưa cũ tồn tại như vậy, chấp nhận gìn giữ nó như bảo vật một thời, nhưng không ai xây dựng mới, sao chép nguyên xi như vậy. Thử tưởng tượng một khu phố xây dựng những ngôi nhà mới với vật liệu mới, trang bị mới mà làm sân trong, sân phụ, lòng nhà chật chội, thiếu ánh sáng, v.v. thì có hợp lý và khả thi không? Bảo tồn cái truyền thống, không gì khác là trùng tu, phục chế lại để thấy rõ một di sản độc đáo: cấu trúc và không gian. Chẳng hạn, cách bố trí mặt bằng nhà từ ngoài vào có: cửa hàng, phòng khách, sân trong (có giếng trời), bể nước/hòn non bộ. Có thể có thêm: cầu thang từ sân dẫn lên buồng ngủ và gác nhà cầu. Đối với những nhà để sản xuất còn thêm: buồng cơm, xưởng thợ. Tất nhiên nhà phải có bếp, buồng tắm, xí, v.v. ở phía trong.

Khu phố cổ không chỉ là tập hợp những ngôi nhà ống hẹp và sâu hun hút mà kèm theo cả một hệ thống đường phố chật hẹp nữa. Khởi phải kể những bất tiện do sự chật chội cả nhà lẫn phố này gây ra nếu xảy ra hỏa hoạn hay làm dành lối đi cho các phương tiện làm vệ sinh chung.

Và giải pháp cải tạo

Muốn bảo tồn cái cổ, phải tiến hành cải tạo.

Công cuộc bảo tồn sẽ không thực hiện được nếu không song song thực hiện việc cải tạo. Bảo tồn đã là công việc cấp bách thì cải tạo càng cấp bách hơn. Phần lớn những ngôi nhà trong khu phố cổ đã bị xuống cấp nghiêm trọng, nếu không muốn nói là rệu rã, cũ nát. Do yêu cầu sinh hoạt và làm ăn, mạnh ai nấy làm khiến những nhà trong phố cổ ngày càng mất tiện nghi, thiếu vệ sinh, chen chúc, chật chội, khó mà giữ được nếp sống thanh lịch của ngàn xưa.

Không cải tạo sao được khi muốn lưu lại giá trị lịch sử văn hóa và cả vị trí địa lý của nó. Khu phố cổ vẫn là một bộ phận hữu cơ của Hà Nội, đâu có thể tách rời sự phát triển chung của cả thành phố, nhất là trong điều kiện của kinh tế thị trường. Nếu không bảo tồn mà không cải tạo, thì cả chức năng đến hình thức kiến trúc của phố cổ cũng không tồn tại nữa, chưa nói rằng sẽ thành trở ngại chung cho sự phát triển và chỉnh trang đô thị.

Vậy, sẽ *cải tạo* như thế nào ?

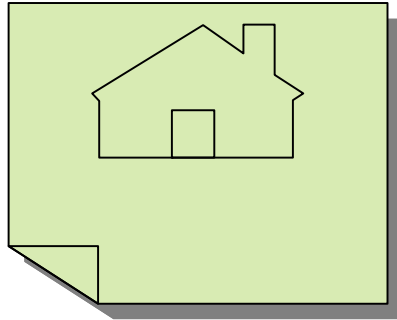
- Cải tạo phải nằm trong kế hoạch và giải pháp phát triển chung của thành phố về kinh tế, xã hội, văn hóa.
- Cải tạo để có thể mở rộng công năng của khu phố cổ. Không những có đầy đủ tiện nghi cho dân sinh hoạt, đi lại, giải trí mà còn tạo điều kiện mở ra các dịch vụ kinh doanh, du lịch khác nữa.
- Cải tạo vẫn giữ được thẩm mỹ chung của dãy phố, nhưng phải có hướng dẫn về kiến trúc mặt tiền, nhằm đảm bảo hài hòa về hình khối, đường nét, nhịp điệu, màu sắc vật liệu sử dụng, v.v.
- Cải tạo với giải pháp tạo một không gian sân vườn mới (không gian xanh, chỗ nghỉ ngơi giải trí, để xe của cộng đồng dân cư. Có thể thực hiện được điều này với giải pháp “ khoét lỗ” của ô phố hoặc dành riêng tầng trệt cho các dịch vụ công cộng khác (vệ sinh, để xe, giao nhận hàng, cứu hỏa, v.v.)
- Cải tạo với những giải pháp mở rộng, ăn thông hai hoặc ba nhà với nhau, tạo cửa hàng lớn. Tất nhiên mặt tiền vẫn giữ kích thước và nhịp điệu cũ.
- Cải tạo, nhưng vẫn nên giữ những nét trang trí độc đáo của phố cổ. Chẳng hạn như đối với cấu kiện gỗ ở mặt tiền hoặc cửa sổ ở tầng gác, hàng hiên, giếng trời, sân tròng, gác sân thượng, v.v.
- Cải tạo luôn cả các hệ thống cấp thoát nước, cấp điện và các hệ thống công trình vệ sinh khác.

Để bảo tồn và cải tạo khu phố cổ có hiệu quả và mau chóng, điều cơ bản là phải đảm bảo đồng bộ các mặt từ kế hoạch, tài chính đến kỹ thuật và quản lý. Triển khai thí điểm, hạn chế, rút kinh nghiệm rồi rút kinh nghiệm, giới hạn mở công trường trong khu vực nhỏ, độ một hai ô phố, tránh gây cản trở và làm xáo trộn sinh hoạt của khu phố cũng như của thành phố.

Ngoài ra, để đảm bảo thực hiện có hiệu quả việc bảo tồn và cải tạo khu phố cổ, thì ngay từ việc lựa chọn tuyến phố để thực hiện cần phải nghiêm túc và theo các điều kiện sau đây:

- không gây khó khăn lớn cho việc kinh doanh buôn bán của dân tuyến phố đó;

- tuyến phố có có nhiều nhà thuộc quyền sở hữu hoặc quản lý của nhà nước;
- tuyến phố có tỷ lệ các hộ là cán bộ công nhân viên nhà nước, tạo điều kiện dễ dàng di dời, thuận lợi cho việc bảo tồn và cải tạo khu phố cổ.



Giản sử phát triển quy hoạch và xây dựng hà nội

Tri Tân

Cũng có người lầm tưởng rằng Thăng Long bắt đầu có quy hoạch phát triển ngay từ khi người Châu Âu đặt chân đến nơi này bởi từ thế kỷ 16 người Bồ Đào Nha đã đến Việt Nam. Nhưng thực ra, bắt đầu từ thế kỷ 17 mới có những mối quan hệ trực tiếp (thời chúa Trịnh) do các nhà truyền giáo thuộc Thiên chúa giáo. Tiếp đến, phải kể tới các nhà buôn của Hà Lan, Tây ban Nha, Anh, Pháp, và cả Bồ Đào Nha nữa. Trong số này, Hà Lan và Pháp là những người Châu Âu đầu tiên được phép mở thương điểm ở Kẻ Chợ (Thăng Long). Tuy nhiên những công trình ban đầu này cũng chỉ là tạm bợ, chúng không có vai trò gì trong kiến trúc Thăng Long, bởi có rào cản lớn là chính sách bế quan tỏa cảng của chúa Trịnh (1700).

Mãi đến thế kỷ 19, khi Việt Nam khi thực dân Pháp tìm cách xâm chiếm Việt Nam lâu dài để phục vụ quyền lợi cho bọn tư bản, lần dần từng bước để thực hiện việc cai trị tại đây thì Hà Nội mới nằm trong kế hoạch bình định và khai thác. Để đạt mục đích này, khi bọn thực dân nhận thức được tầm quan trọng của Hà Nội là một vị trí quan trọng, một trung tâm chính trị cổ xưa đầy truyền thống, một địa danh nổi tiếng... thì việc phát triển Hà Nội càng được xác định. Đó là việc áp dụng các biện pháp can thiệp sâu bằng quy hoạch và xây dựng cần thiết.

Ban đầu là việc triển khai xây dựng các công trình quân sự, rồi mới đến các cửa hàng phục vụ buôn bán và dịch vụ ở phố Paul Bert (nay là Tràng Tiền), ở rue des Inscrusteurs (nay là Hàng Khay) và chợ Đông Xuân. Việc phát triển đô thị đầu tiên thể hiện ở giải pháp mở rộng và liên kết các điểm xây dựng phân tán, đồng thời bước đầu xây dựng đường sắt để liên hệ với bên ngoài. Tất nhiên việc mở rộng hệ thống giao thông, trước tiên nhằm mục đích phục vụ quân sự, rồi mới đến khai thác các nguồn lợi kinh tế.

Nhằm mục đích này, Hoàng Thành là mục tiêu chiếm đóng đầu tiên của thực dân Pháp. Chúng nhanh chóng phá hủy toàn bộ hệ thống tường thành của công trình này và những gì có liên quan đến trung tâm hành chính và kinh tế của phong kiến Việt Nam xưa.

Xây gì, phá bỏ gì ?

Thực dân Pháp không phá bỏ tất cả những gì là xưa cũ. Chúng sớm nhận thấy vai trò của khu vực 36 phố phường Hà Nội xưa do nhận thức được rằng đây là một trung tâm buôn bán có truyền thống lâu đời và vẫn còn khai thác được các nguồn lợi qua việc thu thuế các loại. Để thực hiện mưu toan cai trị đặc lực của mình, thực dân Pháp nhanh chóng triển khai việc xây dựng các công trình tôn giáo như nhà thờ và trường dòng.

Trong giai đoạn đầu xây dựng ở Hà Nội của thực dân Pháp mới chỉ dựa trên các yêu cầu thực tế, chưa tính kể đến phát triển lâu dài. Bởi vậy các kiến trúc ban đầu này mang tinh thần của chủ nghĩa công năng, phản ánh chính sách kinh tế thực dân trong buổi sơ khai. Tuy nhiên, chúng cũng thể hiện rõ ý đồ chiến lược của thực dân Pháp là ban đầu chốt lại những điểm quan trọng, sau đó từng bước mới mở rộng, liên kết các điểm phân tán và làm chủ toàn bộ đô thị.

Trong quy hoạch ban đầu của Pháp tại đây cũng thấy rõ ý đồ từ những hạt nhân đã chiếm được mà phát triển ra xung quanh. Rõ ràng nhất là hệ thống đường phố được quy hoạch theo mạng lưới ô cờ, bước đầu trang bị hệ thống kỹ thuật hạ tầng kiểu Tây phương. Có đường giao thông rồi, tất phải tăng cường các phương tiện giao thông, và chính những xe cơ giới đầu tiên này đã thúc đẩy quá trình phát triển, mở rộng thành phố.

Dần dà, hình ảnh quy hoạch thành phố Hà Nội cũng hiện lên với những khu vực có chức năng riêng biệt. Đó là các khu buôn bán, dịch vụ trên trục đường phố Tràng Tiền-hàng Khay, rồi khu hành chính ở phía đông hồ Hoàn Kiếm và ngay tại khu Hoàng Thành cũ, rồi khu ở của người Pháp ở phía nam hồ Hoàn Kiếm. Đó là chưa kể đến một số nhà máy và kho tàng ở rải rác nhiều nơi trong thành phố. Tất nhiên, khi 36 phố phường vẫn được bảo tồn là khu thương mại và dịch vụ truyền thống.

Có một điều dễ nhận ra là, các công trình được xây dựng trong giai đoạn này, dù là dân sự hay quân sự, dù là cửa hàng hay nhà ở cũng mang sắc thái kiến trúc thuần Pháp, cụ thể hơn là theo tân cổ điển hoặc địa phương Pháp. Ban đầu, do đặc điểm khí hậu địa phương của Hà Nội và đặc điểm văn hóa chưa có điều kiện để quan tâm, nên công trình vẫn phản ảnh nguyên xi các kiểu mang từ Pháp sang, hoặc nếu thiết kế tại chỗ thì do chính các kỹ sư, kiến trúc sư Pháp thực hiện, theo phong cách Pháp. Đặc biệt, người dân Việt Nam có thể thấy hình ảnh của một đô thị Pháp khi đi qua khu phố mới được xây dựng dành riêng cho người Pháp ngay trên đất Thăng Long cổ kính của mình.

Từ công trình quân sự tại Hà Nội...

Cũng phải nói thêm rằng, công trình quân sự đầu tiên và lớn nhất về quân sự được xây dựng ở Hà Nội, chịu ảnh hưởng của kiến trúc Tây phương là Thành Hà Nội, xây năm 1805 theo kiểu Vauban. Năm 1873, ngay sau khi chiếm thành Hà Nội, Francis Garnier đã chiếm toàn bộ những công trình trong Hoàng Thành cũ, đóng quân và luyện tập tại Tràng Thi. Cũng phải kể tới khu “nhượng địa” ở phía đông thành phố, bên bờ sông Hồng rộng đến hơn 18 hecta (ký kết theo Hiệp ước Philastre năm 1874) đã được xây dựng nhiều công trình kiên cố do sĩ quan công chính Vareine thiết kế theo nguyên tắc tổ chức các thương điểm châu Âu ở hải ngoại. Chúng có bố cục truyền thống theo trục đối xứng quan công chính, xung quanh có xây tường cao để bảo vệ; điều đáng quan tâm là các công trình này xếp theo trục song song với bờ sông Hồng.

Mưu đồ chiếm Bắc Kỳ của thực dân Pháp lộ rõ ngay cả khi họ chưa hoàn toàn bình định được nơi đây. Để biến nó thành trung tâm quân sự (và chính trị) trong tương lai và tạo điều kiện khai thác thuộc địa một cách mau chóng về sau này, ngay từ tháng 5 năm 1883 họ đã mở một con đường nối từ nhượng địa đến khu vực Tràng Thi và Hoàng Thành cũ (nơi đặt trụ sở bộ máy chỉ huy quân sự).

...đến những khu phố, trung tâm thương mại và dịch vụ

Từ năm 1884, các phố Tràng Tiền và Hàng Khay đã trở thành một trục của trung tâm buôn bán, mở đầu thời kỳ xây dựng khu phố Pháp ở Hà Nội. Cũng nhắc lại rằng trước đây, khi chưa có người Pháp sang thì đường phố Việt Nam có chiều rộng khoảng 3m, hai bên là những ngôi nhà, sử dụng để ở, để buôn bán hoặc sản xuất thủ công (làm hàng gỗ, khảm, v.v.). Đây là kiểu nhà đặc trưng ở thế kỷ 19, nhà một tầng mái tranh xen lẫn nhà gạch mái ngói, với chiều rộng khá hạn chế, thường không quá 3-4m, có mặt bằng hình ống, phát triển theo bề sâu và có sân trong. Đặc biệt là ở phía đông của phố có cổng, nằm ở vòng ngoài thành Hà Nội, có hào sâu và xây cầu dẫn. Tất cả những phố dạng này không còn nữa, bởi từ tháng 10 năm 1886 đã xây thành các phố rộng đến 18m, mặt đường rải nhựa, hai bên phố là cửa hàng buôn bán, là một số khách sạn đầu tiên của người Âu châu ở Hà Nội.

Tiếp đó, các phố vuông góc với Tràng Tiền và Hàng Khay cũng được mở mang và Rue Jules Ferry (phố Hàng Trống) nối với Rue GiaLong (phố Bà Triệu), Rue Francis Garnier (phố Đinh Tiên Hoàng) nối với Rue des Cartes (phố Hàng Bài), Rue Henri

Rivière (phố Ngô Quyền) nối với Rue Jacquin (phố Ngô Thì Nhậm). Người Việt Nam lần đầu tiên tiếp xúc được với một hệ thống đường phố được trang bị kỹ thuật hạ tầng. Những công trình này chính là cơ sở để phát triển khu trung tâm hành chính thời Pháp thuộc ở phía đông hồ Hoàn Kiếm (tức là phía bắc trục đường Tràng Tiền - Hàng Khay). Về sau, đường phố còn phát triển về phía nam để hoàn thiện tiếp khu phố Pháp, vẫn theo dạng ô bàn cờ; đó là Boulevard Rollandes (đại lộ Hai Bà Trưng), Boulevard Careau (đại lộ Lý Thường Kiệt) và Boulevard Gambetta (đại lộ Trần Hưng Đạo).

Chúng ta chưa nói đến phía tây Hồ Hoàn Kiếm có gì ? trước đây là thôn Báo Thiên, năm 1883, giáo hội đã phá chùa Báo Thiên ở đây để xây Nhà thờ Saint Joseph (Nhà thờ Lớn) vào những năm, 1884-1886. Tại khu vực hồ Hoàn Kiếm, thực dân Pháp phá hủy gần hết hệ thống di tích văn hóa, di tích kiến trúc nằm rải rác ở xung quanh để xây dựng khu phố Pháp.

Tiếp đó, họ tiến hành “ sờ” đến khu 36 phố phường, mà bắt đầu từ việc lấp đoạn sông Tô Lịch từ Rue du Riz (phố chợ Gạo), rồi phá dỡ các cổng ngăn giữa các phường trong phố, phá dỡ cả lều quán để mở rộng các con đường: trải đá, lát hè, làm hệ thống cống rãnh thoát nước. Xây dựng các chợ có mái che, một số dinh thự nhỏ dùng làm nơi làm việc tạm thời của chính quyền thực dân,v.v.

36 phố phường, ta vẫn là ta

Mặc dù có sự can thiệp về xây dựng của người Pháp, song Người Hà Nội vẫn ở mức độ hạn chế. Điều đó có nghĩa là người Hà Nội vẫn tiếp tục xây dựng mới và sửa chữa những ngôi nhà của mình theo phương pháp truyền thống tại đây. Vẫn là những ngôi nhà một tầng , khung bằng gỗ, lợp mái ngói ta, mặt nhà rất hẹp và sâu hút vào trong (mà sau này ta quen gọi là *nhà ống*). Quang cảnh chung của Hà Nội 36 phố phường vẫn lộ nhô các lớp mái thấp, vừa tự nhiên, vừa đơn giản, vẫn hết như mô tả trong các tranh “phố” của họa sĩ tài danh Bùi Xuân Phái sau này. Chúng thật đối lập với khu phố Tây đang dần hình thành với những đường nét quy hoạch đặc trưng của châu Âu. Ba mươi sáu phố phường vẫn là nơi tập trung cư dân, diễn ra các hoạt động buôn bán, sản xuất thủ công như nó vẫn tồn tại như vậy.

Sau này, khoảng các năm 1920-45, khu vực này cũng có những biến đổi nhất định. Những người buôn bán mới giàu lên, những công chức làm việc cho Pháp ở trong khu này đã cải tạo hoặc xây dựng mới ngôi nhà của mình hoặc xử lý kiến trúc mặt ngoài nhà theo phương Tây v.v.làm cho bộ mặt kiến trúc ngay trong khu 36 phố phường bị ảnh hưởng. Tuy vậy, nhìn chung bộ mặt truyền thống của khu này vẫn khác biệt với khu vực của người Pháp ở Hà Nội

Giai đoạn phát triển xây dựng giữa hai cuộc thế chiến

Để khắc phục những hậu quả chiến tranh và củng cố địa vị của mình trên trường quốc tế, thực dân Pháp đã chủ trương đẩy mạnh đầu tư, khai thác thuộc địa ở Đông Dương với quy mô và tốc độ gấp nhiều lần so với thời kỳ trước đó. Hệ quả là bên cạnh các quan hệ kinh tế tư bản chủ nghĩa vẫn tồn tại các tính chất của một xã hội thuộc địa, nửa phong kiến. Điều này thể hiện rõ nét trong cơ cấu quy hoạch đô thị Hà Nội, với *khu phố Tây* và *khu phố ta*.

Quy hoạch và xây dựng thành phố Hà Nội trong thời kỳ này tuy vẫn theo những nguyên tắc của Tây phương, nhưng đã có những tiến bộ so với thời kỳ trước đó. Về không gian lẫn chức năng đô thị, nguyên tắc quy hoạch có tính tổng hợp hơn. Không

dừng lại ở việc xây dựng các công trình phân tán mà tập trung vào từng khu vực dành riêng cho người Pháp tại đây. Khu này nằm ở vị trí Hoàng Thành xưa, với một hệ thống đường phố hình ô cờ cùng những trục bố trí chính chạy theo đường chéo cắt qua ngang các đường phố kẻ ô bình thường khác được thiết kế xung quanh Phủ Toàn Quyền. Điều dễ nhận biết là các công trình kiến trúc quan trọng đều được bố trí ở chính đầu các trục chính, tạo thành các điểm nhấn quan trọng trong tổng thể không gian của đường phố. Không ai phủ nhận được những ưu điểm của khu phố này: thoáng đạt, tiện nghi, có tính thẩm mỹ đô thị cao.

Bám lấy Hồ Hoàn Kiếm, người Pháp tập trung xây dựng và hoàn thiện các quy hoạch ở phần phía Nam Hồ Hoàn Kiếm. Nơi này cũng trở thành một trung tâm của Hà Nội, phục vụ cho cư trú và hoạt động kinh tế của người Pháp và một số ít người Việt Nam.

Điều đáng nói thêm là trong thời kỳ này cũng xuất hiện một số cơ sở sản xuất công nghiệp đầu tiên (nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng, nhà máy in, nhà máy sửa chữa xe hơi, nhà máy nước đá, v.v) cũng như một số cơ sở sản xuất thủ công nghiệp trang bị kém, năng lực hoạt động thấp. Những công trình này chưa đủ làm cho Hà Nội trở thành một trung tâm công nghiệp mà vẫn chỉ là một thành phố hành chính.

Nhìn lại những khu nhà ở tập thể cũ của Hà Nội : quá trình Xây dựng và khả năng cải tạo

Kim Thi

■ Quá trình xây dựng qua nhiều thời kỳ

Trước Cách mạng Tháng Tám : Có thể nói tóm tắt là có 3 loại:

- + Nhà ở xây theo kiểu ô phố: nhà hẹp nhưng rất sâu (từ 30-60m). Ngoài là nơi buôn bán, trong là ở, vệ sinh kém, cây xanh không có, mật độ dân cư dày đặc .
- + Một số khu ở mang tính chất biệt thự dành cho công chức: chiều ngang hẹp, đất vườn ít.
- + Một số khu ở có biệt thự (khu Pháp) dành cho quan chức Pháp và rất ít nhà giàu người Việt.

Từ Giải phóng Thủ đô đến khi bắt đầu Đổi mới: Từ 1954, trên cơ sở nắm bắt tình hình nhà ở và cải tạo XHCN, nhà đất do nhà nước quản lí thì từ 1959 có kế hoạch xây dựng các khu nhà ở tập thể cho cán bộ công nhân viên nhà nước.

Trong thập niên 1960:

- + Xây dựng các khu nhà ở tạm , cấp thấp : Khu nhà ở An Dương, Mai Hương (2066m²), Thịnh Hào (3116m²), xây thêm một số gian nhà ở Phúc Xá.
- + Nhà cao tầng Nguyễn Bình Khiêm (1676m²), Tương Mai (11.960m²), An Dương (thêm 598m²), Quỳnh Lôi (736m²).
- + Khu tập thể Nguyễn Công Trứ, Trần Quốc Toản (45.200m²).
- + Khu tập thể Thủ Lệ, Văn Chương (45.120m²).
- + Khu Kim Liên, Khương Trung, Cánh đồng Si (8700m²).

Tổng cộng, trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-66), Hà Nội xây mới được 150.000m². Đặc biệt, trong các năm 1968-85 đã triển khai xây dựng nhà tám bê tông lắp ghép 2 tầng tại các khu nhà ở Trương Định, Yên Lãng, 4 tầng ở Văn Chương và 5 tầng Trung Tự, Giảng Võ, Thành Công. Năm trung bình được 10 vạn m², năm cao nhất (1984-85) đạt 20 vạn m².

■ Những ưu điểm, nhược điểm và tồn tại cần khắc phục:

+ Do vốn tập trung của Nhà nước nên xây dựng khá hoàn chỉnh từ hạ tầng kỹ thuật, nhà ở đến các công trình công cộng trong khu nhà ở. Việc quản lí xây dựng khá tốt, giữ được bộ mặt của đô thị theo lối sống mới. Trên hết, là đã giải quyết- dù còn hạn chế- được nhiều chỗ ở cho cán bộ công nhân viên nhà nước trong hơn 30 năm xây dựng thủ đô. Ngoài ra, cải thiện bộ mặt Hà Nội: không chỉ có khu phố cổ, khu phố cũ mà còn có những khu nhà ở tập thể được xây dựng theo “ tiểu khu nhà ở”.

+ Phải nói rằng những tiểu khu nhà ở được xây dựng tại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác là những hình mẫu đáng học hỏi. Nó đáp ứng được nhu cầu của người dân đô thị về giáo dục, chăm sóc trẻ em và người già, bảo vệ sức khỏe, tạo điều kiện sinh hoạt văn hóa, v.v. nhằm phát triển toàn diện cho con người về vật chất và tinh thần. Tuy nhiên, sự phát triển các khu nhà ở cũng phải có điều kiện, trước hết là phù hợp với các đô thị có một nền kinh tế phát triển, tương thích với trình độ sản xuất và đời sống được xã hội hóa cao.

+ ở Việt Nam, việc áp dụng khu nhà ở kiểu “tiểu khu” vào một số thành phố, trong đó có Hà Nội trong lúc nền kinh tế chưa phát triển, trình độ xã hội trong sản xuất và đời sống

còn thấp nên khi rập khuôn theo mô hình của các nước đã phát triển hơn ta mấy thập kỷ thì không khỏi bộc lộ những nhược điểm có liên quan đến những vấn đề quan trọng. Có thể nêu ra những vấn đề không giả quyết được một cách đồng bộ như: không gian ở, hệ thống phục vụ công cộng, tiêu chuẩn ở (diện tích ở/ đầu người), phương tiện vận chuyển công cộng, v.v. Cụ thể hơn là: tiêu chuẩn ở đã thấp, lại phải dành một phần diện tích ở cho sản xuất, dịch vụ để có thu nhập, tất dẫn đến chật chội; vốn đầu tư xây dựng hạn hẹp nên các công trình công cộng, dịch vụ, văn hóa, nghỉ ngơi, cây xanh không được đồng bộ. Hơn nữa, lối sản xuất nhỏ và sinh hoạt cư dân có các thành phần kinh tế cá thể làm ăn manh mún, không phát huy được ưu thế của mô hình “ tiểu khu nhà ở”, vốn có của các nước đã đi vào sản xuất lớn. Tuy nhiên, chúng ta cũng thấy rằng việc ra đời của khu nhà ở theo kiểu tiểu khu rất phù hợp với một nền công nghiệp xây dựng đã phát triển. Nó phù hợp với lí luận về cơ cấu tiểu khu nhà ở: gồm trung tâm động và trung tâm tĩnh. Trung tâm động gồm các công trình dịch vụ đời sống vật chất, bám sát đường giao thông bao quanh tiểu khu. Trung tâm tĩnh gồm các công trình văn hóa-giáo dục, cây xanh bên trong tiểu khu. Chỉ riêng việc đưa nhà trẻ, mẫu giáo, trường tiểu học vào tập trung vào trung tâm tiểu khu đã đảm bảo an toàn cho học sinh trong việc đi lại và học tập, nhằm thực hiện lí tưởng cao đẹp là tạo điều kiện phát triển toàn diện con người về vật chất và tinh thần.

Thực trạng các khu nhà ở tập thể sau thời kỳ bao cấp

+ Cơi nới và lấn chiếm gây hậu quả lớn :

Từ khi bỏ chế độ bao cấp về nhà ở, người dân được phép tự xây dựng. Với việc phát triển kinh tế thị trường, nhà ở không chỉ để ở mà còn làm dịch vụ, còn kinh doanh; do vậy không có khu tập thể nào không xảy ra tình trạng lấn chiếm (có nơi diện tích gấp 2-3 lần diện tích được phép ở), nhất là tầng trệt để mở cửa hàng, quán giải khát, nơi trông giữ xe đạp, xe máy không đếm xỉa gì đến pháp luật.

Do cơi nới nên các phòng ở bị tối, kém thông gió. Bên ngoài nhà, cống rãnh thoát nước, đường ống nước, bể phốt đều bị xây đê lên trên nên bị vỡ, làm tắc cống, gây ô nhiễm môi trường. Cũng do cơi nới nên đường giao thông bị thu hẹp, xe ô tô không vào được đến tận cửa công trình. Các sân chơi của thiếu nhi đều bị chiếm dụng, không có chỗ trồng cây xanh để cải thiện môi trường khu dân cư, chỗ nghỉ ngơi cho người già.

+ Căn hộ quá tải về số người trong nhà, diện tích tính trên đầu người thấp do quá trình phát triển các hộ dân, nhiều thế hệ sống chung. Ngoài ra, nhiều trang thiết bị, phương tiện mới xuất hiện làm cho căn hộ đã chật hẹp lại càng thêm chật chội. Chưa nói đến tập quán sinh hoạt cũng dần thay đổi khi người dân giàu lên mà vẫn phải sống trong những căn hộ bao cấp.

+ Buông lỏng quản lí là một trong những nguyên nhân gây sự cơi nới, lấn chiếm, làm hư hoại công trình do mạnh ai nấy làm, không đếm xỉa gì đến pháp luật.

Có cải tạo được không ?

+ Thực tế đã có những dự án cải tạo hoặc xây dựng lại tại chỗ có những nhà ở tập thể thời bao cấp. Từ những ngôi nhà siêu vẹo, xập xệ, có nơi đã mọc lên cao ốc cao 15-20 tầng đàng hoàng và chất lượng cao. Tuy nhiên, chúng ta chưa có một chính sách đồng bộ để cải tạo và nâng cấp toàn bộ những nhà ở tại các khu tập thể cũ, mà thiên về hỏng nhiều sửa trước, hỏng ít làm sau.

những công trình công cộng được xây dựng trong thời kỳ Pháp thuộc ở Hà Nội : phong cách kiến trúc và đặc điểm

Kim Thi

Dưới đây, chúng ta sẽ đi qua một số công trình công cộng chủ yếu, còn lưu lại và hầu như vẫn khai thác sử dụng ở Hà Nội. Đó là những công trình mà người Pháp đã xây dựng từ cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20. Những công trình được thiết kế và xây dựng trong buổi đầu vẫn mang phong cách kiến trúc thực dân, theo *xu hướng công năng* giản đơn.

Bước sang thế kỷ 20 mới thực hiện theo phong cách *kiến trúc cổ điển châu Âu*, cụ thể là phong cách của Đế chế đệ nhị chuyển sang đệ tam của cộng hòa Pháp. Trong giai đoạn này, thường sử dụng thiết kế của kiến trúc sư Henri Auguste Vildieu, theo nguyên tắc có mặt bằng đối xứng nghiêm ngặt, có sử dụng hệ cột thức kiến trúc và những trang trí cổ điển khác.

Mãi đến những năm 1920 các công trình mới mang dáng dấp của *kiến trúc phương Đông*. Có người gọi nó là phong cách kết hợp, mang ít nhiều những đặc điểm về văn hóa, khí hậu địa phương. Đi đầu trong phong cách này, phải kể tới kiến trúc sư Hebra.

Đến những năm 1930 trở đi mới thấy xuất hiện một số công trình mang phong cách *kiến trúc hiện đại*, theo nguyên tắc hợp khối và trang trí đơn giản. Có thể nêu ví dụ: Ngân Hàng Đông Dương (nay là Ngân Hàng Nhà nước Việt Nam), văn phòng hãng Shell (nay là trụ sở Bộ Khoa học Công nghệ), câu lạc bộ thể thao Ba Đình, v.v.

Trụ sở Bộ chỉ huy pháo binh quân đội Pháp

Đây là một công trình được xây dựng sớm nhất, vào khoảng năm 1885, một kiến trúc tiêu biểu, thuộc thể loại kiến trúc thực dân tiền kỳ. Công trình này có mặt bằng hình chữ nhật với hành lang rộng bao quanh. Với hệ thống cửa kính, chớp lôn đầu tiên xuất hiện trong công trình công cộng ở Việt Nam, là những yếu tố có chú ý đến khí hậu của xứ nhiệt đới nóng ẩm. Cần nói thêm rằng công trình này xây bằng gạch, không có trang trí phức tạp, cầu kỳ gì. Hiện nay, đây là Bảo tàng Quân đội nằm trên đường Điện Biên Phủ ở Hà Nội.

Tòa Đốc Lý Hà Nội

Công trình được xây dựng khoảng năm 1886-1887 do các kỹ sư làm việc trong bộ máy quân sự Pháp thiết kế theo tinh thần của phong cách kiến trúc thực dân tiền kỳ. Tuy nhiên, khác với công trình trên ở chỗ có thay đổi về quy mô và tỷ lệ, đồng thời có các trang trí phức tạp hơn, phỏng theo kiến trúc cổ Pháp. Hiện nay, chính tại vị trí này xây dựng Trụ sở Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hà Nội, trên phố Đinh Tiên Hoàng.

Phủ Toàn Quyền

Công trình này nằm ở phía bắc thành phố tại một vị trí có địa hình khoáng đạt, gần Hồ Tây và vườn Bách thảo (xưa gọi là Trại Hàng Hoa). Công trình xây dựng từ năm 1902, cao 3 tầng, dưới cùng là tầng hầm, bố trí các phòng phục vụ, các phòng ở tầng trên là phục vụ nghi lễ và làm việc. Tầng trên cùng cũng gồm các phòng để làm việc và để ở. Công trình có phong cách Phục Hưng, cổ điển Châu Âu, do hai kiến trúc sư Pháp thiết kế, xây dựng trong 5 năm thì hoàn thành. Công trình này hiện nay là Phủ Chủ tịch, nằm trên đường Hùng Vương.

Nhà hát thành phố

Mặt quay về phía Hồ Gươm, lưng tựa vào sông Hồng, công trình công cộng này nằm trên khu đất nhượng địa, ở ngay vị trí chặn trục đường quan trọng nhất khi đó là đường Tràng Tiền. Khởi công năm 1901, xây dựng theo đồ án thiết kế của kiến trúc sư Broger và Harlay. Công trình này có quy mô khá lớn, với phòng khán giả 900 chỗ ngồi và bố trí cả một hệ thống không gian phụ, theo kiểu nhà hát châu Âu đương thời. Tuy mang phong cách Phục Hưng, kiểu như Nhà hát kịch ở Paris, nhưng nhỏ hơn và không hoàn toàn là bản sao của công trình nói trên. Nội và ngoại thất nhà hát được trang trí cầu kỳ. Mặt trước là tiền sảnh, có thang lên gác và xuống tầng hầm. Quen gọi là Nhà hát Lớn, nằm ở vị trí giao điểm của các đường phố Tràng Tiền với Lý Thái Tổ, Lê Thánh Tông và Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm. Phía trước Nhà hát lớn Hà Nội là một quảng trường đẹp, nơi diễn ra nhiều sự kiện quan trọng trong và sau Cách mạng tháng 8. Công trình đã được tu bổ, tôn tạo vào các năm 1996-1997.

Dinh thống sứ

Đây là một công trình thiết kế theo phong cách kiến trúc cổ điển Pháp, nằm trên đường phố Ngô Quyền hiện nay, kê gần vườn hoa “ Con cóc”. Từ tổ hợp mặt bằng, mặt đứng đối xứng đến những chi tiết kiến trúc sử dụng, công trình mang đây phong cách châu Âu. Sau cách mạng tháng 8, gọi là Bắc bộ phủ, nay là Nhà khách Chính phủ. Cũng nói thêm rằng, trên đường phố Ngô Quyền còn có Phủ Thống sứ và khách sạn Métropole (nay là trụ sở Bộ Thương binh xã hội và khách sạn Sofitel), đều là những công trình công cộng được xây dựng từ đầu thế kỷ 20.

Tòa án tối cao

Nằm ở giao điểm của trục đường Lý Thường Kiệt và phố Dã Tượng, công trình này có hình khối đồ sộ, đường nét mạnh mẽ, thể hiện được sức mạnh của quyền lực. Gây ấn tượng nhất là hàng cột ngoài nhà, sử dụng “thức kiến trúc” cổ điển châu Âu, cùng với các bậc thang bê thế ngoài nhà, tạo vẻ uy nghi, chấp pháp. Không thể nhận nhầm là kiểu nào khác, ngoài kiểu Pháp khi nhìn thấy phần mái lợp đá đen chạy suốt nhà. Từ sau cách mạng tháng 8, công trình này vẫn sử dụng đúng công năng thiết kế của nó.

Trường Đại học Đông Dương

Công trình được xây dựng từ năm 1923 đến 1926, do kiến trúc sư Pháp nổi tiếng Herbera thiết kế từ Pháp. Tòa nhà nổi bật với bộ cửa lớn ở tiền sảnh vừa trang nhã, vừa gây ấn tượng học đường, cùng với khối tháp chính giữa mang bộ mái nhiều lớp, ít nhiều có dáng dấp phương Đông. Công trình này nằm trên đường Lê Thánh Tông. Từ sau Cách mạng tháng 8, vẫn là một trong những cơ sở đại học quan trọng (Tổng hợp, Dược khoa,v.v.) của Hà Nội.

Sở tài chính

Công trình thiết kế và xây dựng trong khoảng 1925-1930, với mặt bằng hình chữ “cong”. Trong công trình này, tác giả muốn thể hiện những tìm tòi sáng tạo của mình theo xu hướng á Đông với hệ thống mái ngói nhiều lớp độc đáo. Ngoài ra, những chi tiết kiến trúc ở ban công hay mái hắt cũng gây ấn tượng đáng kể. Hiện nay, công trình vẫn là trụ sở Bộ Ngoại giao, nằm trên khu đất giữa đường Điện Biên Phủ và đường Chu Văn An.

Bảo tàng Viễn Đông- Bác Cổ

Còn gọi là bảo tàng Louis-Finot, nay là Bảo tàng Lịch sử. Công trình nằm ngay phía bắc khu nhượng địa cũ, ở sau Nhà hát thành phố và giáp liền với sông Hồng. Công trình xây

dựng trong 4 năm, theo thiết kế của kiến trúc sư Hebra. Công trình này rất thành công , gây ấn tượng cho mọi người, với một phong cách kiến trúc gân gũ, phương Đông. Về tổng thể thì hài hòa với cảnh quan thiên nhiên, thể hiện quan hệ hợp lý giữa không gian bên trong và bên ngoài, qua hệ thống hàng hiên có mái che. Về công năng, kiến trúc đáp ứng các yêu cầu của công trình trưng bày, với hệ thống cửa đảm bảo chiếu sáng tự nhiên theo phương thức trên-bên. Phải nói đây là một công trình văn hóa tiêu biểu ở thủ đô Hà Nội.

Viện Pasteur

Là công trình xây dựng năm 1930 theo thiết kế của kiến trúc sư Hebra. Gắn với cảnh quan khá đẹp ở mặt trước, tổng thể công trình thể hiện được sự cân đối hài hòa về tỷ lệ của không gian vườn, nơi đây có đặt tượng bán thân của nhà y học lỗi lạc Louis Pasteur. Công trình cũng mang dáng dấp của kiến trúc á Đông với hệ thống mái nhiều lớp chính phụ và những chi tiết trang trí tinh tế. Nay là Viện về sinh dịch tễ –Bô Y tế.

Nhà thờ Cửa Bắc

Nhà thờ còn có tên gọi là Regina Martyrium Ora Pro Nobis (có nghĩa: Nữ vương các Thánh tử đạo) . Nằm trên góc phố Nguyễn Biếu- Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, Hà Nội. Đây cũng là thành công của kiến trúc thời kỳ 1925-1930. Công trình thể hiện sự sáng tạo của các kiến trúc sư trong việc tổ hợp, bố cục mặt bằng phug hợp với cảnh quan xung quanh. Khu đất trải dài theo đường phố, vậy mà vẫn đảm bảo bố trí mặt bằng nhà thờ theo đúng nguyên tắc một hình chữ nhật kiểu Basilique truyền thống và mặt chính công trình vẫn quay ra góc phố Nguyễn Biếu ở hướng nam. Tháp chuông đặt ở mặt hướng đông nhà thờ, nơi có vườn, cây xanh, tượng Đức Mẹ. Đặc biệt, sảnh vào nhà thờ được che bởi một mái dốc bốn phía, đỡ bởi một hàng sau cột chia theo nhịp nhỏ dần đều. Kiến trúc nhà thờ Cửa Bắc khá phug hợp với khung cảnh nhiệt đới, về cơ bản vẫn có những trang trí theo kiểu nhà thờ của châu Âu, song toát lên một hình thức thanh thoát của phương Đông.

Câu lạc bộ thủy quân

Nay là trụ sở của Tổng Cục Thể dục thể thao trên đường Trần Phú. Xây dựng năm 1939 theo thiết kế của kiến trúc sư Cruise. Việc thiết kế một chòi bát giác vào phía bên ngoài của khối nhà giữa làm cho công trình không gò bó mà thể hiện nét mới của kiến trúc hiện đại châu Âu. Tuy nhiên, vẫn nhận rõ tính chất phương Đông của công trình, với hệ thống mái cong và những chi tiết trang trí của bản xứ: chữ triện, con sơn, đầu đao, gạch trần, vv. Công trình còn được chú ý bởi hệ thống thoát nước mưa lộ thiên nằm ngang trên hệ mái. Thêm vào đó, công trình càng hoàn chỉnh hơn với vườn hoa xinh xắn ở mặt trước nhà.





Lại nói về khu biệt thự
của người Pháp tại Hà nội

An Ngọc

Hà Nội có nhiều môi trường cư trú khác nhau về điều kiện địa lý, thời kỳ xuất hiện, đặc điểm kinh tế-xã hội. Trong các môi trường cư trú này, cần phải kể đến khu biệt thự của người Pháp (từ đây gọi là Khu Pháp) , do họ thiết kế và xây dựng , phần lớn ở phía nam và phía tây trung tâm Hà Nội cũ. Khu này được phát triển và xây dựng vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Là một khu vực nổi tiếng mà nhiều tác giả trong nước đã đề cập đến trong các bài báo của mình. Tuy nhiên nghiên cứu và viết về những tồn tại của khu này thì còn khiêm tốn. Đặc biệt là việc cư trú và sử dụng trên 500 biệt thự của khoảng 10.000 người, hàng trăm văn phòng, nhiều cửa hàng tư nhân, công ty, sít quán,v.v.

Trong bài này, chúng tôi xin phản ánh sự biến đổi mà khu này đã trải qua trong hơn nửa thế kỷ qua, do một số tác giả nước ngoài nghiên cứu và nhận xét để chúng ta cùng tham khảo.

1. Mở đầu

Hà Nội nổi tiếng với di sản của thực dân Pháp để lại trong sự phát triển đô thị với 80 đến 90 cụm nhà ở trong “ Khu Pháp”. Trong khoảng từ 1883 đến 1954, nhà cầm quyền thuộc địa đã thiết kế và xây dựng khá nhiều nhà tại phía nam, tây nam và đông nam hồ Hoàn Kiếm- biểu tượng trung tâm của Hà Nội cũ. William Logan, trong bài : □*Quy hoạch kế thừa sau Đổi Mới*” đã viết:

“ Phía nam Hồ Hoàn Kiếm chủ yếu là một khu ở của người Pháp. Ban đầu chỉ là một điểm tựa trên bờ sông Hồng, rồi từ những năm 1880 khu vực đô thị của Pháp này lan dần theo bờ nam của Hồ Hoàn Kiếm, hướng về phía Hoàng Thành , và như vậy đã mở đường cho trung tâm thương mại đầu tiên, chính yếu tại phía tây. Qua hơn 30 năm nhà cầm quyền thuộc địa mở rộng quyền lực, củng cố thương mại và cơ sở hạ tầng, cải tạo đầm lầy ở chung quanh và về thực chất, đã xây dựng một đô thị kiểu Tây Âu ở phía nam hồ Hoàn Kiếm. Tiếp đó còn bổ sung những công trình công cộng theo xu hướng Tân cổ điển : một nhà hát kịch, một hệ thống đường sá có 3 tuyến, các công viên và quảng trường. Phải nói rằng khu vực này thật tương phản với khu phố cổ của người Việt Nam. Nó thể hiện được mọi ý đồ về “ sứ mạng khai hóa văn minh ” của thực dân Pháp tại đây.”

Trong thời Pháp thuộc, những nhà ở liền kề, cửa hàng, trụ sở cơ quan,v.v. được xây dựng tại khu này, nhưng nhiều nhất vẫn là các biệt thự : hoặc đứng riêng biệt, có thể là những ngôi nhà lớn nằm giữa thửa đất rào kín, thường có gia nhân sống ngay bên thửa đất này. Nhìn chung, khu Pháp ở Hà Nội có mật độ dân cư thấp. Tuy nhiên, mật độ này đã tăng lên đáng kể vào nửa sau của thế kỷ 20 và sau đó lại giảm đi tương đối. Tình hình này có thể giải thích là do nằm trong mạng lưới các đại lộ lớn, vốn có mật độ tương đối thấp, nhưng các cụm nhà thì buộc phải tăng lên.

Những biệt thự được ưu tiên xây dựng bởi cư dân Pháp sống ở Hà Nội, như thương gia, kỹ thuật viên; còn công chức thuộc địa thì có sẵn nhà riêng ở trong khu Thành. Tại đó,

cũng có xây nhà dành cho quan cai trị và cả trại lính của quân đội thuộc địa nữa. Trong bài này không đề cập tới khu Thành.

Quy hoạch và phát triển “khu Pháp”, theo Michiel Kossen nhận định trong luận văn Thạc sĩ của mình mang tiêu đề “*Hà Nội trong thời Pháp thuộc: một sự phát triển ngoạn mục*?” là có nhiều tư liệu tốt, và thực tế nó cũng có những ảnh hưởng tốt đẹp đến sự thay đổi về chất, cần phải chú ý để “bảo tồn” và thậm chí khôi phục lại khu dân cư này theo nguyên gốc.

Do bận trăm công nghìn việc từ khi Việt Nam được độc lập, các biệt thự này ít được quan tâm sau đó. Họ sử dụng chúng như thế nào, vào việc gì? Cứ tình cờ nhìn vào khu Pháp thuộc địa cũ thì vẫn thấy có những biệt thự dành để ở. Gia đình người Việt bây giờ được vào ở theo ủy quyền hay theo cách nào khác? Có sự thay đổi loại dân cư trú hay thay đổi công năng của ngôi nhà? - nhất là từ khi có “Đổi mới”. Và nếu có sự thay đổi thì ai là đối tượng và cách thức thay đổi chính là gì? Cư dân nào chịu ảnh hưởng của những thay đổi đó?

Thông tin về sự phát triển của các biệt thự khu Pháp cũ từ năm 1954 trở về sau này chưa đầy đủ lắm. Chỉ có thể phân biệt giữa phần lớn các biệt thự do chính phủ Việt Nam quản lý và một số biệt thự đã được các chủ Pháp bán cho người Việt Nam trước năm 1954 và những biệt thự vốn là của chủ sở hữu người Việt Nam. Nhóm sau này được gọi là “biệt thự tư” để phân biệt với “biệt thự công”. Đặc biệt là khi những biệt thự tư thuộc quyền sở hữu của những người không bị quy là “tư sản” (như: nhà giáo, bác sĩ, viên chức nhà nước) thì còn được sử dụng những ngôi nhà này. Nếu chủ sở hữu lại bị quy là “tư sản” (chủ cửa hàng, thương gia, v.v.) thì gia đình họ chỉ được phép ở một số diện tích của biệt thự, còn những phần khác của biệt thự phải dành cho những gia đình từ nơi khác đến. Trong trường hợp này, có thể gọi đây là nhóm trung gian giữa biệt thự tư và biệt thự công.

Các biệt thự của chính phủ chủ yếu được sử dụng để giảm nhẹ tình trạng khó khăn trong việc thiếu nhà ở của Hà Nội những năm 1950. Chúng được phân cho các cán bộ cao, trung và sơ cấp của nhà nước, tùy theo chức vụ. Không hiếm trường hợp các cán bộ cao cấp (như bộ trưởng) được phân cả một biệt thự, trong khi những cán bộ, nhân viên nhà nước là cán bộ sơ cấp (giáo viên, bác sĩ, công nhân xí nghiệp) thì được nhiều lắm là một phòng và chỗ để bố trí bếp và vệ sinh, tùy theo quy mô kích thước của biệt thự. Cán bộ trung cấp (như sĩ quan quân đội) có thể được một vài phòng của biệt thự.

Ngoài ra, chính phủ còn nhượng lại một số biệt thự cho các sứ quán nước ngoài sử dụng (làm nơi ở và trụ đại sứ quán) cũng như làm trụ sở cơ quan nhà nước.

Theo tính toán của chúng tôi và những thông tin thu thập được, đến năm 1986 có trên 500 biệt thự thì có đến 435 cái dùng để ở. Ngoài số này, phần lớn (khoảng 362) là “biệt thự của chính phủ”, 53 là “biệt thự tư” và khoảng 20 cái là hỗn hợp công tư. Nói chung, tính chất cư trú của khu Pháp thuộc địa xưa vẫn là chủ đạo trong suốt các thập kỷ 1960-1980.

Tuy nhiên, tính chất cư trú của của khu biệt thự này cũng biến động nhiều sau những năm 1950. Chủ yếu là do bùng nổ dân số trong một quần cư hạn chế. Mỗi biệt thự khi đã được một gia đình duy nhất của người Pháp hay người Việt Nam sử dụng thì chính từ biệt thự này, sau nhiều thập kỷ sinh sôi ra nhiều thế hệ; và vì vậy, có hàng tá gia đình là công nhân viên nhà nước cư trú tại đây. Tình trạng thiếu nhà ở không dễ dàng gì cho những cặp mới cưới dọn vào ở căn hộ riêng của họ, nên đành phải ở với bố mẹ hoặc ở rể. Tình trạng thiếu nhà ở biểu hiện ở số mét vuông bình quân trên đầu người. Theo Maclaren (trong luận văn “*Khu ở Pháp thuộc địa: các biện pháp bảo tồn*”) thì diện tích cư trú bình quân của người dân ở trung tâm Hà Nội là 4,84m² vào năm 1954; 3,9m² vào năm 1960 và chỉ còn 3,04m² vào năm 1984. Theo Evertsz, trong luận văn thạc sĩ có tựa đề “*Nhà ở*”

của nhân dân ở Hà Nội (kết quả nghiên cứu hai khu nhà ở)” có nêu diện tích ở bình quân trên đầu người ở toàn Hà Nội năm 1989 là 5,8m²; đây là một trị số thấp nhất của Việt Nam.

Ngoài việc xây dựng mới những khu nhà ở lớn theo kiểu Liên Xô, hoạt động xây dựng nhà ở rất kém. Tuy nhiên, cũng có một số ngôi nhà nhỏ cũ của gia nhân trước đây nằm trong các vườn biệt thự cũng được xây dựng lại và được chính phủ phân cho cán bộ. Vào thời đó, nhà nước thực chất là người độc quyền quản lý nhà ở tại khu Pháp, mọi hoạt động xây cất nhà tư đều phải được phép.

Sau “*Đổi mới*” năm 1986, vị thế của các biệt thự và cư dân ở đó thay đổi đáng kể, và quá trình đáp ứng với việc cải tạo kinh tế xảy ra rất phức tạp. Do áp lực về dân số, bộ mặt kinh tế-xã hội mới của Hà Nội ngày một rõ rệt: công năng của các biệt thự thay đổi từ đây. Ngoài ra, một cuộc vận động văn hóa-xã hội nhằm bảo tồn các biệt thự ngày càng mạnh mẽ.

2. Những thay đổi sau năm 1986

Đi dạo dọc theo các đường phố chính ở phía đông- tây hoặc nam- bắc của khu Pháp thì phát hiện ra rằng cơ cấu cư trú của khu này đã thay đổi cơ bản. Những cửa hàng, tiệm ăn, quán giải khát dọc theo đường phố đã từng là những bức tường có cổng và vườn bao quanh một biệt thự. Ghé mắt nhìn qua một cửa hàng sẽ tình cờ thấy mặt nhà nguyên trước là của một biệt thự ở ngay sau lưng cửa hàng. Thậm chí có những quần cư biệt thự đã biến mất chỉ để trở lại một vài công trình tạm để ở hoặc sử dụng vào việc khác.

Hiển nhiên là diện tích của khu Pháp đã bị tái định cư khá nhiều, có nghĩa là người dân Hà Nội đã vào sử dụng sau khi Pháp dời đi. Song, hầu hết không phát triển làm nơi cư trú. Tính đến năm 1997 đã phát hiện số biệt thự để ở chỉ còn 358 cái so với năm 1986 là 435, tức là cứ 6 biệt thự để ở thì có 1 cái thay đổi công năng, chỉ trong vòng 11 năm ! Những thay đổi chủ yếu xảy ra ở nhóm các biệt thự tư và biệt thự hỗn hợp công-tư. Số biệt thự tư dùng để ở trong năm 1997 giảm từ 53 trong năm 1986 xuống còn 15. Tương ứng, số biệt thự hỗn hợp giảm từ 20 xuống 5. Ngoài các biệt thự của chính phủ, chỉ có 24 ngoài tổng số 362 đã thay đổi công năng.

<i>Biệt thự</i>	<i>Để ở</i>	<i>Không để ở</i>	<i>Tổng cộng</i>
1986	435	65	500
1997	358	136	494

<i>Biệt thự để ở</i>	<i>Tư</i>	<i>Công-tư</i>	<i>Công</i>	<i>Tổng cộng</i>
1986	53	20	362	435
1997	15	5	338	358

Xuất hiện câu hỏi mới: tại sao có sự khác biệt rõ rệt giữa các biệt thự tư, công-tư và công về phương diện sử dụng, từ sử dụng để ở sang không để ở, thực chất của sự thay đổi này là gì ? Và những vấn đề xảy ra sau đó có liên quan đến những người cư trú trong các biệt thự xưa kia dùng để ở: điều gì đã xảy ra đối với họ, việc thay đổi có liên quan gì đến họ ?,v.v.

Nguyên tắc về thay đổi công năng từ ở sang không để ở đã rõ, thậm chí không quan trọng. Giải phóng kinh tế, như đã biết trong *Đổi Mới* đã tạo ra một thị trường bất động sản giả, nhất là đối với các công ty nước ngoài muốn nhập cư vào Hà Nội. Những biệt thự và

vị trí tuyệt vời của nó giữa trung tâm Hà Nội đã là mục tiêu dễ thấy trong sự cạnh tranh này. Tuy nhiên, thực chất của những thay đổi như vậy còn phức tạp hơn nhiều.

Trong trường hợp có đối tượng cần cư trú tại một biệt thự nào đó thì có thể thương thảo qua cơ quan quản lý nhà của chính phủ, và trong trường hợp là biệt thự tư thì có thể tiếp cận trực tiếp với chủ sở hữu. Đối với các biệt thự tư, chủ sở hữu phải là chủ hộ gia đình. Khi việc thương thảo thành công, người ở mới phải trả tiền thuê nhà cho chính chủ sở hữu theo một hợp đồng khoảng 5 năm hoặc theo thời hạn thuê nhà thích hợp. Người “chủ mới” phải chịu chi phí sửa chữa nhà và phải ứng trả trước khoản tiền lớn để người chủ sở hữu có thể mua hoặc xây một hoặc nhiều ngôi nhà cho gia đình di đến nơi khác ở Hà Nội. Đôi khi người chủ mới chỉ thuê một phần của biệt thự; còn phần kia chủ sở hữu có thể sử dụng để xây nhà mới cho gia đình họ. Sau đây là một trường hợp cụ thể.

Tại phố Trần Bình Trọng có một biệt thự mà ông C. là chủ sở hữu từ năm 1955, do bố ông mua lại của một chủ nhà người Việt Nam. Đến năm 1991, gia đình này phát triển thành 5 hộ nên ngôi nhà trở nên chật chội. Trong năm đó, ông C. thương thảo qua công ty nhà HANECO với một ngân hàng nước ngoài để được vào ở trong các khu Pháp. Gia đình được phép của Văn phòng Kiến trúc sư trưởng thuộc Ủy Ban Nhân dân Hà Nội để mở rộng và xây dựng lại cái gara cũ thành một ngôi nhà 3 tầng với 5 căn hộ, với diện tích khoảng 50m² cho mỗi hộ gia đình. Ngôi nhà mới này phải thanh toán tiền thuê nhà qua ngân hàng nước ngoài là 5000 USD một tháng.

Thực ra, đơn giản nhất là kết hợp chỉ của bên cho thuê bất động sản với một nhóm ít người cư trú. Điều này tạo điều kiện dễ thương lượng, trong khi một công ty nước ngoài lại muốn tạo điều kiện tiện nghi mới cho chủ nhà- đôi khi cho cả một tổ hợp biệt thự - trong việc trao đổi, giao dịch nhanh chóng và minh bạch. Song tình hình không cho phép áp dụng như vậy: các biệt hoàn toàn của nhà nước, và ưu tiên cho các cán bộ trung, sơ cấp và gia đình của họ, thường có đến trên chục hộ gia đình. Việc cư trú đông đúc quá, nhiều khi phá hoại chất lượng của biệt thự. Trong trường hợp đó, hiển nhiên là không thể cung cấp lại chỗ ở cho tất cả các cư dân bị loại ra ngoài, bởi vừa tốn thời gian, vừa tốn tiền. Việc này cũng gây khó khăn để khôi phục lại các biệt thự đã bị chia năm xẻ bảy ở bên trong và tản mát ở bên ngoài với những công trình phụ để ở hoặc để buôn bán.

Chính phủ đã cố tìm các giải pháp, đặc biệt là từ khi có sự khuyến thưởng cho những người nước ngoài thuê nhà với giá cao. Biện pháp áp dụng đồng thời củ cà rốt và cái gậy được cơ quan của chính phủ áp dụng nhằm mục đích cuối cùng: một biệt thự trống đang sẵn sàng cho “ công ty nước ngoài giàu có”.

Những phương tiện cám dỗ của hệ thống chuyển chỗ ở do chính phủ khởi xướng gồm có một hệ thống đền bù tài chính cho việc dọn đi khỏi biệt thự. Giá trị đó tính bằng VN đồng trên mét vuông sử dụng biệt thự, bất kể công trình chính hay phụ, dựa trên giá trị sử dụng đất trong khu vực đó. Khoản tiền này có thể thanh toán bằng tiền mặt trong trường hợp hộ gia đình bị đẩy đi tự tìm kiếm lấy chỗ ở riêng của mình. Trường hợp này xảy ra ở khu vực không chính thức gọi là “ nhà dân”, hiện là một kiểu cung cấp nhà ở chủ yếu. Một số người thường trú tại biệt thự phải chọn cách này bởi tiền thưởng ít ỏi không thể mua hay làm nhà được. Cứ như kinh nghiệm của chúng tôi thì chỉ khi nào những hộ gia đình này đã sẵn sàng xây dựng rồi thì mới nên theo cách này. Chính phủ cũng có thể tạo điều kiện thuận lợi để vào những căn hộ của nhà nước, hầu hết mới xây dựng gần đây, rộng rãi hơn và có chất lượng tốt hơn những căn hộ xây vào các thập niên trước, nhưng lại xa trung tâm và khu vực buôn bán của thành phố. Do giá trị sử dụng đất thấp hơn giá trị diện tích biệt thự nên các căn hộ khá lớn mới có thể cân bằng về mặt tài chính với một

phòng đông chật những người ở của một biệt thự đã cũ kỹ. Hầu hết các cư dân bị chuyển đi không còn có cách chọn nào khác.

Giá tính toán trong trường hợp phải di chuyển khỏi biệt thự ở khu Pháp đến một khu vực ngoài trung tâm thành phố: 7,2 triệu VN đồng cho 1m² của biệt thự chính (khoảng 720USD ở thời điểm nghiên cứu, 1997); 3,6 triệu VN đồng cho 1m² khu chung quanh biệt thự, bao gồm các khu nhà phụ có mái bằng và 1,8 triệu VN đồng cho 1m² cho nhà có mái dốc. Đối với căn hộ mới thì tính với 2,2 triệu VN đồng cho 1m². Nếu giá trị tính cho biệt thự lớn hơn thì hoàn trả cho người ở biệt thự, còn nếu thấp hơn giá trị của căn hộ mới nhận thì cũng không phải trả thêm sở quan lý nhà đất.

Như đã nêu ở trên, không phải ai cũng muốn chuyển đến căn hộ ở ngoại thành. Trong trường hợp này, nhà nước phải ép buộc chuyển đi bằng cách giơ cái gậy theo luật định. Hãn hữu có trường hợp người dân từ chối di chuyển khỏi biệt thự, nên phải có cảnh sát cưỡng chế cùng dọn, rồi còn phải chi trả tiền công chuyển nhà. Cũng có thông tin khác nói rằng việc đền bù hay không tùy theo thỏa thuận. Những cư dân cứng cổ có thể làm cho “ giá thị trường” tăng lên.

Hiển nhiên là trong trường hợp “ biệt thự hỗn hợp”, vừa chịu sự kiểm tra tư lẩn công, nằm ở vị trí trung gian nếu bị đẩy đi. Từ khi số hộ gia đình trong các biệt thự như thế ít hơn nhiều so với số đông biệt thự của chính phủ thì tốc độ thay đổi công năng của những biệt thự mà chúng tôi khảo sát ngày càng nhanh. Ngoài ra, loại biệt thự hỗn hợp này hình như có sự vận động và biến mất, dù là trường hợp nhà nước mua lại phần biệt thự của tư nhân hay là trường hợp chủ sở hữu của các phần biệt thự này được hưởng quyền sở hữu toàn bộ biệt thự trước đây. Những khả năng này có thể minh họa trong hai ví dụ sau.

- Ông D. trước đây cư trú tại một biệt thự ở phố Hàng Bài. Cha mẹ ông là nhà buôn, đã mua biệt thự này từ một người Pháp từ năm 1959. Năm 1960, một nửa biệt thự để lại của cha ông bị trưng thu trong đợt nhà nước tiến hành “cải tạo tư sản”, và các phòng được phân cho 4 hộ gia đình cán bộ sơ cấp (tổng cộng 20 người). Năm phòng còn lại dành cho gia đình 16 người của ông. Biệt thự liền kề là của người chú ông D, một bác sĩ. Ông chú này muốn giữ cả tòa biệt thự để hành nghề. (Trước đây bọn con nhà ông chú đã cho một tổ chức nước ngoài là Alcatel thuê lại). Như thế ông chú không thể có riêng biệt thự cho gia đình, vì đã được phân cho những hộ gia đình khác rồi.

Mặc dù ông D. và gia đình đã hy sinh cả chỗ ở và kiến trúc của biệt thự, họ cũng không thể chung sống lâu với những hộ gia đình “ mới”. Năm 1993, họ quyết định bán phần biệt thự của mình cho một cơ quan của nhà nước (Công ty Thương mại Hà Nội); cơ quan này cũng mua luôn cả phần khác của các hộ mới được phân. Ông D. mua nhà mới từ số tiền thu được của 6 hộ thuộc gia đình ông. Vì tiêu chuẩn ở trong biệt thự thấp nên số tiền chẳng được là bao. Biệt thự được Công ty Thương mại Hà Nội sửa chữa nâng cấp và sau chuyển cho Bộ Ngoại giao làm sứ quán năm 1995.

Mặc dù biệt thự đã được xây dựng lại theo nguyên mẫu, song gara và các nhà phụ bị phá bỏ, hàng rào và cổng cũng thay đổi nhiều.

- Từ hồi Pháp thuộc, có một biệt thự của dược sĩ Việt Nam và gia đình ông nằm trên phố Trần Hưng Đạo. Vì chủ sở hữu bị quy là nhà tư sản nên năm 1960, hai phòng ở tầng trệt (cửa hàng thuốc và phòng bào chế) bị thu hồi để phân cho cán bộ sơ cấp của nhà nước.. Người ta xây tường để phân riêng phần của công và của tư.

Năm 1990, một người con của ông dược sĩ mua lại hai phòng đó. Những người đang ở hai phòng này đáng lẽ là người thuê nhà của nhà nước thì nay là của anh ta, nhưng chẳng phải trả tiền thuê nhà từ đó. Mấy năm sau, ông chủ muốn mọi người dọn đi hết để bán hoặc cho thuê toàn bộ biệt thự. Trong năm 1995 và 1996, mọi hộ gia đình đều dọn đi nơi khác, chỉ trừ ông T, là người được chúng tôi phỏng vấn.

Từ năm 1983, hộ gia đình ông gồm hai vợ chồng và một cô con gái sống tại cửa hàng dược trước đây: một phòng 18m² nằm ngay sau cửa vào biệt thự. Vào thời gian chúng tôi phỏng vấn, mọi buồng khác đều không có người và khóa kín rồi.

Ông T. nói rằng ông từ chối nhận tiền của người chủ nhà để dọn đi, vì món tiền quá nhỏ để mua hoặc làm một ngôi nhà, dù cho nó ở tại một khu hẻo lánh của Hà Nội. Song như vậy thì rất bất tiện vì thực tế là mọi hoạt động hàng ngày của hộ gia đình ông đều ở khu trung tâm. Ông yêu cầu chủ nhà đổi cho ông một ngôi nhà khác, có những điều kiện sống tương tự như ông đang ở hiện nay, nhưng chủ nhà từ chối. Ông chủ dọa đưa ông T. ra tòa nếu ông này không chịu nhận tiền. Ông T. bảo rằng theo luật định, mỗi công dân đều có quyền có nhà ở, nhưng bây giờ nhà nước không phân nhà nữa, trừ phi nó có liên quan đến việc dọn các nhà của dân có nhà công. Vì thế mà ông T. sợ mà phải dọn đi dưới áp lực cao như vậy.

Những cách chuyển đổi thành công những biệt thự từ để ở sang không để ở, ám chỉ cả những nhà phụ nếu có, vốn được xây dựng ở bốn bề của biệt thự đã được người thuê nhà mới đến phá dỡ. Phổ biến nhất mà cũng là sự thay đổi quan trọng về kinh tế, đó là sự biến mất của những cửa hàng, v.v. nằm trước biệt thự. Những người ở đây đã làm ăn bằng những cửa hàng, quán cà phê, tiệm ăn v.v., và họ mất hết thu nhập sau khi phá dỡ.

Chúng tôi có thể rút ra kết luận là từ việc sử dụng các biệt thự để ở đang bị mất đất, bởi việc cho các cơ quan nước ngoài thuê biệt thự tư là một sự thay đổi lớn. Ngoài ra, chúng tôi thấy rằng nhiều hoạt động ngoài mục đích cư trú đã phát triển tại các tổ hợp biệt thự, nhất là ở mặt tiền có sự thay đổi về lượng.

Những người ở có thể dễ dàng mở cửa hàng ngay trong phòng ở của một biệt thự, nhất là khi phòng này ở mặt tiền, hoặc họ có thể “coi” thêm một cửa hàng, hoặc quán cà phê ở mặt trước biệt thự. Các hình thức hoạt động kinh doanh này gây thêm khó khăn cho quá trình dọn đến một khi nhà nước muốn tìm một chủ thuê nhà mới, bởi khó mà khôi phục biệt thự lại ở nguyên dạng ban đầu. Ngoài ra, có nghĩa là mất thu nhập của cử dân dọn đến. Nói một cách khác, “sự thay đổi về lượng” này đối lập với “những thay đổi lớn” đã nêu trên.

Từ đó, việc sử dụng không gian để buôn bán có xu hướng thay thế chức năng cư trú theo hai cách. Về mặt vị trí và ảnh hưởng của khu Pháp, điều đó biện minh cho cái gọi là sự tạo lập quá trình cải cách. Ngoài ra, khu Pháp còn có những thay đổi khác. Có trường hợp, các biệt thự tư được người nước ngoài thuê. Về mặt thu nhập có thể cải thiện được ít nhiều song trong tương lai, tất nhiên còn tùy thuộc nhiều vào tham vọng của những ông chủ Việt Nam giàu có. Trong các trường hợp khác, kế hoạch thực hiện theo hướng này.

Chúng tôi biết rằng ít nhất có một Phòng kiến trúc dự kiến phát triển mặt bằng để xây dựng một căn hộ mới bên trong khối nhà, có nghĩa là sẽ đưa người vào ở quanh khắp biệt thự, khôi phục lại biệt thự và cho những người giàu có hoặc cơ quan thuê để kiếm lời. Phòng kiến trúc này hy vọng tìm đối tác đầu tư cho giai đoạn đầu của một loạt thay đổi: xây dựng một căn nhà. Mặc dù theo tính toán, việc đầu tư ban đầu có thể tạo điều kiện thu

nhập tốt trong cả quá trình và là cơ sở tài chính cho những kế hoạch khác. Tuy nhiên, vào thời gian khảo sát của chúng tôi (1997), vẫn chưa triển khai được bước nào.

Rút ra khỏi kế hoạch này, nhiều người đã bị buộc dời khỏi biệt thự để đến căn hộ nằm trong khối nhà sẽ bị lợi dụng và mất một nguồn thu nhập quan trọng, kiếm được bằng những hoạt động kinh tế quy mô nhỏ ở ngay trước biệt thự. Tính chất sôi động của khu ở cũng thay đổi nhiều do bị dời khỏi phố xá đông vui. Ngoài ra, tiền thuê nhà ở những căn hộ trong thời hạn dài, tất nhiên phải cao hơn tiền thuê hàng tháng trong biệt thự. Tồi hơn nữa là cư dân có thu nhập thấp phải thuê những chỗ kém tiện nghi của Hà Nội; là các căn hộ của những người giàu có hơn.

3. Người ở thuê và cư dân xưa của biệt thự

Những người ở thuê

Những thay đổi nêu ở phần trên xảy ra tại Khu Pháp sẽ nảy ra câu hỏi: những cư dân ở biệt thự đã từng trải nghiệm các điều kiện cư trú không biết có cảm thấy bị đe dọa bởi những thay đổi đang xảy ra và họ ứng xử thế nào trước những thay đổi đó. Điều này cũng nảy ra câu hỏi về kinh nghiệm của cư dân ở biệt thự bị buộc dời đi đến chỗ ở mới và sống trong môi trường mới.

Theo dữ liệu thu thập được khi phỏng vấn 15 người ở biệt thự và 17 người ở căn hộ mà chính phủ buộc họ phải dọn tới; tuy số người được phỏng vấn chưa đại diện được cho số người có liên quan, song họ cũng nêu những điều kiện, triển vọng, v.v. của cư dân ở Khu Pháp và những gì mà họ đã tận dụng để sống tại đây. Việc chọn người để phỏng vấn là ngẫu nhiên và tình cờ, theo phương pháp “ném hòn tuyết”. Cư dân ở biệt thự cũng mong muốn và có khả năng trả lời những câu hỏi về điều kiện sống, v.v. có liên quan đến tất cả những người ở trong “biệt thự của họ”.

Trước tiên, cư dân trong các biệt thự này sống ra sao? Trong 15 biệt thự* đã thu thập thông tin, chỉ cho phép chúng tôi trả lời ngắn gọn. Năm 1954, các biệt thự này có từ 4 đến 13 buồng, bình quân là 8 buồng. Thế mà 40 năm sau, số buồng bình quân đã tăng lên đến 12 vì có đến 9 biệt thự xây phòng ở mới. Từ 1997, nhà bếp đều riêng cả, nhưng nhà vệ sinh có đến nửa số biệt thự vẫn còn chung dụng.

Trong những biệt thự này, có 104 gia đình** với 155 hộ cư trú gồm 477 nhân khẩu, xem qua cũng biết tỷ số buồng phòng trên hộ gia đình là 1:1. Tuy nhiên, cá biệt cũng có biệt thự, chỉ với 15 người trong 4 hộ gia đình đã chiếm 8 phòng. Cũng có thể tính bằng số mét vuông trên số người cư trú. Các gia đình của cán bộ cao cấp được khoảng 12m² / người, cán bộ trung cấp khoảng 9m² và cán bộ sơ cấp thì dưới 8m². Tuy nhiên, trong số các biệt thự cũng có phòng sử dụng làm cửa hàng quán (10 phòng của 15 biệt thự lấy làm quán cà phê hoặc tiệm ăn), chưa kể trường hợp sử dụng làm cửa hàng và trụ sở cơ quan nữa. Cứ như vậy, có sự thay đổi thiên về sử dụng không để ở, và đã có 11 biệt thự đã xây coi thêm ở mặt ngoài phố. Các biệt thự có cán bộ sơ cấp ở thì hay có các phòng như thế hơn là cán bộ cao cấp.

* Trong số 15 gia đình được phỏng vấn thì có đến 9 là cao cấp, 3 trung cấp và 3 sơ cấp. Tỷ lệ này đại diện gần đúng cho toàn bộ cư dân ở biệt thự. Tất cả các biệt thự đều là của nhà nước, hẳn hữu mới có trường hợp hỗn hợp công tư.

** Trong bài này, thuật ngữ gia đình để chỉ mọi thành viên cư trú trong một đơn vị ở. Không hiếm gia đình gồm nhiều thế hệ sống chung, như vậy là có nhiều hộ cư trú hơn. Thuật ngữ hộ cư trú nói theo quan niệm của Việt Nam về hộ tịch, hộ khẩu.

Các biệt thự có người cư trú hiện nay mà bố mẹ họ là cán bộ sơ trung cấp những thập niên 1940,1950 và 1960 thì nay đã về hưu rồi. Khi được phỏng vấn thì họ đều hài lòng về những người hàng xóm sống ở đó, thậm chí thỏa mãn với điều kiện cư trú tại đó không tốt lắm. Có đến 40% số người được hỏi, cho rằng thế là được. Nhân đây cũng thấy rõ có sự cách biệt giữa các cán bộ cao cấp có tiêu chuẩn ở cao và điều kiện chật chội của của cán bộ sơ cấp. Được phỏng vấn, các cán bộ cao cấp đều hài lòng về điều kiện ở của họ, ngoại trừ 1/3 thuộc các gia đình cán bộ sơ cấp. Có tình trạng khó xử: người sống tại Khu Pháp thích ở tại đó hơn bởi có nhiều cơ hội tạo việc làm và buôn bán, song còn về “ không khí xã hội” thì không thích cách cư trú như hiện nay.

Tình trạng khó xử này không chỉ có riêng trong cư dân Hà Nội. Cả những biệt thự sang trọng như trong mơ ở trong khu Champs Elisées (Paris) hoặc đại lộ New York cũng ghi nhận được phản ảnh như vậy.

Cư dân xưa của biệt thự

Những người sống tại một số biệt thự đã được tái định cư tại khu vực ven đô thị, trong khi những nhà họ ở cũ mang một công năng mới. Có trường hợp phải dời đi do phá bỏ biệt thự, chẳng hạn nhóm 3 biệt thự gần Nhà hát lớn để xây dựng một khách sạn hạng sang do công ty nước ngoài đầu tư. Thông tin cũng thu thập được từ các gia đình có gốc tích từ các biệt thự này và từ các gia đình ở những biệt thự khác tản mát trong Khu Pháp có tất cả là 25.

Trong số 17 gia đình được phỏng vấn thì có 5 gia đình là cán bộ sơ cấp, 9 trung cấp và 3 cao cấp. Trước đây, trong số này có 12 biệt thự của chính phủ, 2 cái là hỗn hợp, 3 cái là của tư nhân.

Trong số 17 gia đình được phỏng vấn thì có 12 gia đình nhà nước buộc dọn đi và 5 gia đình được dọn về. Những trường hợp sau này, đặc biệt là những” nhà dân” đã được xây dựng ở Quận Hoàn Kiếm, trong đó còn 3 gia đình vẫn ở trong Khu Pháp.

Trong số 12 gia đình nhà nước buộc dọn đi có 10 gia đình được nhận căn hộ mới tại các khu nhà ở ngoại thành, 2 gia đình dọn về chỗ ở cũ bé xíu tại khu phố cổ.

Thực vậy, những người đã từng ở biệt thự trước đây hiện sống tại căn hộ của những ngôi nhà cao tầng mới xây. Những căn hộ khá rộng, có từ 40 thậm chí đến 200m², tất cả đều có bếp, vệ sinh riêng. Như thế có nghĩa không gian ở đã rộng gấp đôi. Vậy mà những người ở cũ không thích những chỗ ở rộng rãi mới này: 11 trong số 17 gia đình hài lòng với điều kiện ở biệt thự hơn, trong khi có 13 gia đình dời đi đến nơi ở mới. Tất cả các gia đình cán bộ cao cấp, 2/3 gia đình cán bộ trung cấp và khoảng 1/2 gia đình cán bộ sơ cấp hài lòng với điều kiện sống ở các biệt thự xưa cũ. Nếu phân biệt giữa biệt thự của công và của tư thì mọi cư dân ở biệt thự tư hài lòng với các điều kiện ở đây, trong khi có đến hơn một nửa số cư dân ở biệt thự tư lại không hài lòng.

Các gia đình phải dọn về ở “ với dân” thường bố trí vào các căn hộ nhỏ và cũng thích nghi với điều kiện cư trú mới; và phỏng vấn rộng rãi cư dân ở các khu nhà ở mới ở ngoại trung tâm thành phố thì có khoảng 50% hài lòng.

Nhiều ý kiến thẳng thắn về sự thay đổi cũng được phóng viên ghi lại khi tiếp cận với “những người ở vùng lân cận”. Hỏi 17 người thì có đến 13 người vẫn thích sống ở Khu Pháp, khi mà chỉ có 4 trong số 14 gia đình dời chuyển đến vùng lân cận ngoài Khu Pháp hài lòng với chỗ ở mới. Chúng tôi càng ngạc nhiên khi trao đổi với họ về những hấp dẫn về kinh tế-xã hội khi được cư trú ở trung tâm đô thị. Do đó dễ hiểu rằng việc dời chuyển từ trung tâm thành phố ra ngoại vi thì chẳng thích thú chút nào.

Lý do về những ý kiến không hài lòng của những người tái định cư đã rõ. Tiền thuê nhà của căn hộ mới nhận thường cao hơn một hoặc hai phòng trong biệt thự, và tiền đền bù nhà nước trả cho thường dùng để sửa chữa những căn hộ dù có mới nhưng rất xoàng. Do những người đó vẫn phải tiếp tục làm việc ở trung tâm thành phố Hà Nội nên chi phí về đi lại, xe cộ tốn kém. Có khi mất việc thì phải bán hàng ở vỉa hè, ngay trước “biệt thự của họ”.

4. Những nhận xét cuối cùng

Yêu cầu về những biệt thự trong khu vực thuận lợi của Hà Nội ngày càng cao, chính quyền địa phương cố khuyến khích các cư dân ở đó di chuyển đi bằng cách bù thường nhiều tiền. Tuy nhiên, vị thế về thị trường của các biệt thự hình như giảm sút đi. Một vài trụ sở cao ốc mới và nhà ở cao tầng đã được phép làm trong Khu Pháp.

Thấy rõ nhất là khu trụ sở và nhà ở cao tầng xây ngay bên “Khách sạn Hilton” (nhà tù đã giam phi công Mỹ). Một cái cổng nhỏ gọi lại lịch sử nhà tù thời Pháp thuộc.

Việc kinh doanh trong thị trường mới và phát triển nhà ở diễn ra nhộn nhịp xung quanh Hồ Tây, cách Khu Pháp vài cây số. Tóm lại, các biệt thự trở nên kém hấp dẫn. Hãy xem ví dụ sau.

Việc tái định cư cho những người ở tại một biệt thự ở phố Lý Thường Kiệt được quản lý bởi sở Nhà đất Hà Nội. Nhân viên của sở này nói rằng trước đây vài năm biệt thự này có thể cho thuê đến 10.000 USD một tháng, nhưng bây giờ rớt giá xuống chỉ còn 5.000 USD. Một biệt thự ở phố Trần Quốc Toản được một công ty Việt Nam xây dựng năm 1995 sau khi mọi người ở đó phải dọn đi. Chủ công ty nói rằng biệt thự được một người úc thuê với giá 10.000 USD một tháng trong thời hạn một năm rưỡi. Nhưng đến tháng 4.1997, do công ty có nhiều khó khăn nên đành phải cho người khác thuê với giá 5.000USD. Hai sứ quán nổi tiếng về việc đã đổi các biệt thự của họ trong Khu Pháp lấy một cơ ngơi rộng rãi và tiện nghi hơn tại Hồ Tây.

Có thể lý giải chiều hướng mới này là một thuận lợi cho cư dân ở biệt thự và các ngôi nhà khác tại Khu Pháp. Về lâu dài mà nói thì các điều kiện ở sẽ sút giảm: tiếp tục tăng nhân khẩu và chất lượng tiện ích cũng như điều kiện sống chắc chắn kém đi.

Vị thế của những người bảo vệ môi trường có thể bị lu mờ*. Những thay đổi về lượng hiện thời chắc chắn sẽ gây hại cho di sản văn hóa (thuộc địa) của Khu Pháp, nhưng lại làm thêm phong phú những pha trộn sinh động về kinh tế và sử dụng chỗ ở trong những khối nhà. Trong khi nhiều công ty muốn khôi phục lại hình ảnh của những biệt thự xưa cũ, muốn hình thức bên ngoài của chúng được bảo tồn thì chỉ tồn tại “hình thức” về thuộc địa của công trình**.

*Tại Hà Nội, có một số nhóm, trong đó có nhóm “ Bạn bè của Hà Nội” chuyên bảo tồn các biệt thự ở Khu Pháp, như là di sản văn hóa của Hà Nội.

** Ví dụ: một biệt thự được một ngân hàng nước ngoài thuê năm 1991 đã được khôi phục lại nguyên kiểu truyền thống. Trong năm 1996, lại dự kiến khôi phục lại một biệt thự khác với mặt tiền lấp đầy kính.

Nhưng có ai muốn quay lại với hình thức Khu Pháp trong thời thuộc địa ? Những nhà đầu tư trong nước hoặc nước ngoài muốn biến đổi các biệt thự vì mục đích lợi nhuận liệu có cho rằng chúng phải được bền vững, thậm chí chịu được các điều kiện thay đổi như bổ sung các phòng để kinh doanh, bán hàng hay làm kho chứa ? Thiết kế kiến trúc kiên cố cần phải đảm bảo 3 mục tiêu là đảm bảo môi trường sống , khôi phục lại được hình thức bên ngoài như cũ cho biệt thự và cả giá trị kinh tế của Khu Pháp. Có lẽ là sự kiểm tra việc khôi phục sẽ nghiêm ngặt hơn, song hiện còn đang sa lầy vì việc di dời những cư dân ở các biệt thự này ra ngoài vi Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

Evertsz, Helen □ Popular Housing in Hanoi, a Study of two Popular Housing Areas. Master Thesis, Department of Human Geography, Faculty of Environmental Sciences, University of Amsterdam, December 1997.

Koperdraat, Anne - Functional Change of French-era Villas in Hanoi since 1986. Paper, Hanoi-panel, Euroviet III Conference, Amsterdam, July 1997.

Koperdraat, Anne □ Hanoi's Colonial Villas in transtion. Master thesis, Department of Human Geography, Environment Sciences, University of Amsterdam, June 1998.

Kossen, Michel □ Development of Hanoi during French Colonial Rule : a prestige development ? Paper., Hanoi-panel, Euroviet III Conference, Amsterdam, July 1997.

Logan, William S.- Heritage Planning in post-Doi Moi Hanoi. In APA Journal, 61 (3) 1995, pp. 328-343 -1995.

Maclaren, Fergus Tyler □ The French Colonia Quarter in Hanoi, Vietnam: a preservation approach. Thesis, University of Calgary, Alberta □ 1995

Mangin, France □ Heritage buildings in Indo-China: the case of Hanoi. Paper, Hanoi-panel, Euroviet III Conference, Amsterdam, July 1997.

Mangin, France □ Journées d'étude □ Patrimoine Urrbain et Modernité □ Hanoi à travers la Cartographie Ancienne. Institut Francais d'Urrbanisme, Université de Paris VIII. -1995.



xây dựng Hà Nội theo kiểu phương Tây từ khi nào ?

Tri Tân

Cũng có người lầm tưởng rằng Thăng Long bắt đầu có quy hoạch phát triển ngay từ khi người Châu Âu đặt chân đến nơi này bởi từ thế kỷ 16 người Bồ Đào Nha đã đến Việt Nam. Nhưng thực ra, bắt đầu từ thế kỷ 17 mới có những mối quan hệ trực tiếp (thời chúa Trịnh) do các nhà truyền giáo thuộc Thiên chúa giáo. Tiếp đến, phải kể tới các nhà buôn của Hà Lan, Tây ban Nha, Anh, Pháp, và cả Bồ Đào Nha nữa. Trong số này, Hà Lan và Pháp là những người Châu Âu đầu tiên được phép mở thương điểm ở Kẻ Chợ (Thăng Long). Tuy nhiên những công trình ban đầu này cũng chỉ là tạm bợ, chúng không có vai trò gì trong kiến trúc Thăng Long, bởi có rào cản lớn là chính sách bế quan tỏa cảng của chúa Trịnh (1700).

Mãi đến thế kỷ 19, khi Việt Nam khi thực dân Pháp tìm cách xâm chiếm Việt Nam lâu dài để phục vụ quyền lợi cho bọn tư bản, lần dần từng bước để thực hiện việc cai trị tại đây thì Hà Nội mới nằm trong kế hoạch binh định và khai thác. Để đạt mục đích này, khi bọn thực dân nhận thức được tầm quan trọng của Hà Nội là một vị trí quan trọng, một trung tâm chính trị cổ xưa đầy truyền thống, một địa danh nổi tiếng... thì việc phát triển Hà Nội càng được xác định. Đó là việc áp dụng các biện pháp can thiệp sâu bằng quy hoạch và xây dựng cần thiết.

Ban đầu là việc triển khai xây dựng các công trình quân sự, rồi mới đến các cửa hàng phục vụ buôn bán và dịch vụ ở phố Paul Bert (nay là Tràng Tiền), ở rue des Inscrusteurs (nay là Hàng Khay) và chợ Đồng Xuân. Việc phát triển đô thị đầu tiên thể hiện ở giải pháp mở rộng và liên kết các điểm xây dựng phân tán, đồng thời bước đầu xây dựng đường sắt để liên hệ với bên ngoài. Tất nhiên việc mở rộng hệ thống giao thông, trước tiên nhằm mục đích phục vụ quân sự, rồi mới đến khai thác các nguồn lợi kinh tế.

Nhằm mục đích này, Hoàng Thành là mục tiêu chiếm đóng đầu tiên của thực dân Pháp. Chúng nhanh chóng phá hủy toàn bộ hệ thống tường thành của công trình này và những gì có liên quan đến trung tâm hành chính và kinh tế của phong kiến Việt Nam xưa.

Xây gì, phá bỏ gì ?

Thực dân Pháp không phá bỏ tất cả những gì là xưa cũ. Chúng sớm nhận thấy vai trò của khu vực 36 phố phường Hà Nội xưa do nhận thức được rằng đây là một trung tâm buôn bán có truyền thống lâu đời và vẫn còn khai thác được các nguồn lợi qua việc thu thuế các loại. Để thực hiện mưu toan cai trị đắc lực của mình, thực dân Pháp nhanh chóng triển khai việc xây dựng các công trình tôn giáo như nhà thờ và trường dòng.

Trong giai đoạn đầu xây dựng ở Hà Nội của thực dân Pháp mới chỉ dựa trên các yêu cầu thực tế, chưa tính kể đến phát triển lâu dài. Bởi vậy các kiến trúc ban đầu này mang tinh thần của chủ nghĩa công năng, phản ánh chính sách kinh tế thực dân trong buổi sơ khai. Tuy nhiên, chúng cũng thể hiện rõ ý đồ chiến lược của thực dân Pháp là ban đầu chốt lại những điểm quan trọng, sau đó từng bước mới mở rộng, liên kết các điểm phân tán và làm chủ toàn bộ đô thị.

Trong quy hoạch ban đầu của Pháp tại đây cũng thấy rõ ý đồ từ những hạt nhân đã chiếm được mà phát triển ra xung quanh. Rõ ràng nhất là hệ thống đường phố được quy hoạch theo mạng lưới ô cờ, bước đầu trang bị hệ thống kỹ thuật hạ tầng kiểu Tây phương. Có đường giao thông rồi, tất phải tăng cường các phương tiện giao thông, và chính những xe cơ giới đầu tiên này đã thúc đẩy quá trình phát triển, mở rộng thành phố.

Dần dà, hình ảnh quy hoạch thành phố Hà Nội cũng hiện lên với những khu vực có chức năng riêng biệt. Đó là các khu buôn bán, dịch vụ trên trục đường phố Tràng Tiền-hàng Khay, rồi khu hành chính ở phía đông hồ Hoàn Kiếm và ngay tại khu Hoàng Thành cũ, rồi khu ở của người Pháp ở phía nam hồ Hoàn Kiếm. Đó là chưa kể đến một số nhà máy và kho tàng ở rải rác nhiều nơi trong thành phố. Tất nhiên, khi 36 phố phường vẫn được bảo tồn là khu thương mại và dịch vụ truyền thống.

Có một điều dễ nhận ra là, các công trình được xây dựng trong giai đoạn này, dù là dân sự hay quân sự, dù là cửa hàng hay nhà ở cũng mang sắc thái kiến trúc thuần Pháp, cụ thể hơn là theo tân cổ điển hoặc địa phương Pháp. Ban đầu, do đặc điểm khí hậu địa phương của Hà Nội và đặc điểm văn hóa chưa có điều kiện để quan tâm, nên công trình vẫn phản ảnh nguyên xi các kiểu mang từ Pháp sang, hoặc nếu thiết kế tại chỗ thì do chính các kỹ sư, kiến trúc sư Pháp thực hiện, theo phong cách Pháp. Đặc biệt, người dân Việt Nam có thể thấy hình ảnh của một đô thị Pháp khi đi qua khu phố mới được xây dựng dành riêng cho người Pháp ngay trên đất Thăng Long cổ kính của mình.

Từ công trình quân sự tại Hà Nội...

Cũng phải nói thêm rằng, công trình quân sự đầu tiên và lớn nhất về quân sự được xây dựng ở Hà Nội, chịu ảnh hưởng của kiến trúc Tây phương là Thành Hà Nội, xây năm 1805 theo kiểu Vauban. Năm 1873, ngay sau khi chiếm thành Hà Nội, Francis Garnier đã chiếm toàn bộ những công trình trong Hoàng Thành cũ, đóng quân và luyện tập tại Tràng Thi. Cũng phải kể tới khu “nhượng địa” ở phía đông thành phố, bên bờ sông Hồng rộng đến hơn 18 hecta (ký kết theo Hiệp ước Philastre năm 1874) đã được xây dựng nhiều công trình kiên cố do sĩ quan công chính Vareine thiết kế theo nguyên tắc tổ chức các thương điểm châu Âu ở hải ngoại. Chúng có bố cục truyền thống theo trục đối xứng quan công chính, xung quanh có xây tường cao để bảo vệ; điều đáng quan tâm là các công trình này xếp theo trục song song với bờ sông Hồng.

Mưu đồ chiếm Bắc Kỳ của thực dân Pháp lộ rõ ngay cả khi họ chưa hoàn toàn bình định được nơi đây. Để biến nó thành trung tâm quân sự (và chính trị) trong tương lai và tạo điều kiện khai thác thuộc địa một cách mau chóng về sau này, ngay từ tháng 5 năm 1883 họ đã mở một con đường nối từ nhượng địa đến khu vực Tràng Thi và Hoàng Thành cũ (nơi đặt trụ sở bộ máy chỉ huy quân sự).

...đến những khu phố, trung tâm thương mại và dịch vụ

Từ năm 1884, các phố Tràng Tiền và Hàng Khay đã trở thành một trục của trung tâm buôn bán, mở đầu thời kỳ xây dựng khu phố Pháp ở Hà Nội. Cũng nhắc lại rằng trước đây, khi chưa có người Pháp sang thì đường phố Việt Nam có chiều rộng khoảng 3m, hai bên là những ngôi nhà, sử dụng để ở, để buôn bán hoặc sản xuất thủ công (làm hàng gỗ, khảm, v.v.). Đây là kiểu nhà đặc trưng ở thế kỷ 19, nhà một tầng mái tranh xen lẫn nhà gạch mái ngói, với chiều rộng khá hạn chế, thường không quá 3-4m, có mặt bằng hình ống, phát triển theo bề sâu và có sân trong. Đặc biệt là ở phía đông của phố có cổng, nằm ở vòng ngoại thành Hà Nội, có hào sâu và xây cầu dẫn. Tất cả những phố dạng này không còn nữa, bởi từ tháng 10 năm 1886 đã xây thành các phố rộng đến 18m, mặt đường rải nhựa, hai bên phố là cửa hàng buôn bán, là một số khách sạn đầu tiên của người Âu châu ở Hà Nội.

Tiếp đó, các phố vuông góc với Tràng Tiền và Hàng Khay cũng được mở mang và Rue Jules Ferry (phố Hàng Trống) nối với Rue GiaLong (phố Bà Triệu), Rue Francis Garnier (phố Đinh Tiên Hoàng) nối với Rue des Cartes (phố Hàng Bài), Rue Henri

Rivière (phố Ngô Quyền) nối với Rue Jacquin (phố Ngô Thì Nhậm). Người Việt Nam lần đầu tiên tiếp xúc được với một hệ thống đường phố được trang bị kỹ thuật hạ tầng. Những công trình này chính là cơ sở để phát triển khu trung tâm hành chính thời Pháp thuộc ở phía đông hồ Hoàn Kiếm (tức là phía bắc trục đường Tràng Tiền - Hàng Khay). Về sau, đường phố còn phát triển về phía nam để hoàn thiện tiếp khu phố Pháp, vẫn theo dạng ô bàn cờ; đó là Boulevard Rollandes (đại lộ Hai Bà Trưng), Boulevard Careau (đại lộ Lý Thường Kiệt) và Boulevard Gambetta (đại lộ Trần Hưng Đạo).

Chúng ta chưa nói đến phía tây Hồ Hoàn Kiếm có gì? trước đây là thôn Báo Thiên, năm 1883, giáo hội đã phá chùa Báo Thiên ở đây để xây Nhà thờ Saint Joseph (Nhà thờ Lớn) vào những năm, 1884-1886. Tại khu vực hồ Hoàn Kiếm, thực dân Pháp phá hủy gần hết hệ thống di tích văn hóa, di tích kiến trúc nằm rải rác ở xung quanh để xây dựng khu phố Pháp.

Tiếp đó, họ tiến hành “sờ” đến khu 36 phố phường, mà bắt đầu từ việc lấp đoạn sông Tô Lịch từ Rue du Riz (phố chợ Gạo), rồi phá dỡ các cổng ngăn giữa các phường trong phố, phá dỡ cả lều quán để mở rộng các con đường: trải đá, lát hè, làm hệ thống cống rãnh thoát nước. Xây dựng các chợ có mái che, một số dinh thự nhỏ dùng làm nơi làm việc tạm thời của chính quyền thực dân, v.v.

36 phố phường, ta vẫn là ta

Mặc dù có sự can thiệp về xây dựng của người Pháp, song Người Hà Nội vẫn ở mức độ hạn chế. Điều đó có nghĩa là người Hà Nội vẫn tiếp tục xây dựng mới và sửa chữa những ngôi nhà của mình theo phương pháp truyền thống tại đây. Vẫn là những ngôi nhà một tầng, khung bằng gỗ, lợp mái ngói ta, mặt nhà rất hẹp và sâu hút vào trong (mà sau này ta quen gọi là *nhà ống*). Quang cảnh chung của Hà Nội 36 phố phường vẫn lộ nhô các lớp mái thấp, vừa tự nhiên, vừa đơn giản, vẫn hết như mô tả trong các tranh “phố” của họa sĩ tài danh Bùi Xuân Phái sau này. Chúng thật đối lập với khu phố Tây đang dần hình thành với những đường nét quy hoạch đặc trưng của châu Âu. Ba mươi sáu phố phường vẫn là nơi tập trung cư dân, diễn ra các hoạt động buôn bán, sản xuất thủ công như nó vẫn tồn tại như vậy.

Sau này, khoảng các năm 1920-45, khu vực này cũng có những biến đổi nhất định. Những người buôn bán mới giàu lên, những công chức làm việc cho Pháp ở trong khu này đã cải tạo hoặc xây dựng mới ngôi nhà của mình hoặc xử lý kiến trúc mặt ngoài nhà theo phương Tây v.v. làm cho bộ mặt kiến trúc ngay trong khu 36 phố phường bị ảnh hưởng. Tuy vậy, nhìn chung bộ mặt truyền thống của khu này vẫn khác biệt với khu vực của người Pháp ở Hà Nội

Giai đoạn phát triển xây dựng giữa hai cuộc thế chiến

Để khắc phục những hậu quả chiến tranh và củng cố địa vị của mình trên trường quốc tế, thực dân Pháp đã chủ trương đẩy mạnh đầu tư, khai thác thuộc địa ở Đông Dương với quy mô và tốc độ gấp nhiều lần so với thời kỳ trước đó. Hệ quả là bên cạnh các quan hệ kinh tế tư bản chủ nghĩa vẫn tồn tại các tính chất của một xã hội thuộc địa, nửa phong kiến. Điều này thể hiện rõ nét trong cơ cấu quy hoạch đô thị Hà Nội, với *khu phố Tây* và *khu phố ta*.

Quy hoạch và xây dựng thành phố Hà Nội trong thời kỳ này tuy vẫn theo những nguyên tắc của Tây phương, nhưng đã có những tiến bộ so với thời kỳ trước đó. Về không gian lẫn chức năng đô thị, nguyên tắc quy hoạch có tính tổng hợp hơn. Không

dừng lại ở việc xây dựng các công trình phân tán mà tập trung vào từng khu vực dành riêng cho người Pháp tại đây. Khu này nằm ở vị trí Hoàng Thành xưa, với một hệ thống đường phố hình ô cờ cùng những trục bố trí chính chạy theo đường chéo cắt qua ngang các đường phố kẻ ô bình thường khác được thiết kế xung quanh Phủ Toàn Quyền. Điều dễ nhận biết là các công trình kiến trúc quan trọng đều được bố trí ở chính đầu các trục chính, tạo thành các điểm nhấn quan trọng trong tổng thể không gian của đường phố. Không ai phủ nhận được những ưu điểm của khu phố này: thoáng đạt, tiện nghi, có tính thẩm mỹ đô thị cao.

Bám lấy Hồ Hoàn Kiếm, người Pháp tập trung xây dựng và hoàn thiện các quy hoạch ở phần phía Nam Hồ Hoàn Kiếm. Nơi này cũng trở thành một trung tâm của Hà Nội, phục vụ cho cư trú và hoạt động kinh tế của người Pháp và một số ít người Việt Nam.

Điều đáng nói thêm là trong thời kỳ này cũng xuất hiện một số cơ sở sản xuất công nghiệp đầu tiên (nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng, nhà máy in, nhà máy sửa chữa xe hơi, nhà máy nước đá, v.v) cũng như một số cơ sở sản xuất thủ công nghiệp trang bị kém, năng lực hoạt động thấp. Những công trình này chưa đủ làm cho Hà Nội trở thành một trung tâm công nghiệp mà vẫn chỉ là một thành phố hành chính.

thư giãn:

Có bao nhiêu tết cổ truyền ?

Ngọc Khánh

Đầu Xuân, mách bạn thế này:
Cổ truyền lễ tết, tháng, ngày trong năm
Khai hạ là tết trước rằm
Tháng giêng, mồng bảy đánh nôm cây nêu
Thượng nguyên là tết Phật kê
Đến chùa lễ bái, cầu siêu mọi nhà
Rồi đến mồng ba tháng ba
Là tết **Hàn thực** dân ta đã từng:
Trôi, chay, hai thứ bánh thường
Dâng lên cúng lễ, bái đường gia tiên
Tháng này ta chớ lãng quên
Thanh minh tảo mộ khắp miền nghĩa trang
Xuân qua, hạ mới ghé sang
Lệ “giết sâu bọ” mồng năm tháng nào?
- Tháng năm, **Đoan ngo** tết vào
Khuất Nguyên thuở ấy, ai nào nhớ đâu
Tháng bảy, chẳng cứ nghèo giàu
Toàn dân **xá tội vong nhân** ngày rằm
Tháng tám, ngắm ánh trăng vàng
Trung thu tết của muôn ngàn thiếu nhi
Trung cửu là tết lễ gì ?

Mông chín tháng chín đầu bì vùng cao
Lại còn **Trùng thập** thế nào ?
Chè kho, bánh trái mời chào người thân
Hạ nguyên lại đúng hôm rằm
Tháng mười cơm mới mừng thâm nhà nông
Tháng chạp, nhớ **Tết Ông Công**
Hăm ba ngày ấy Táo quân châu trời
Tuần sau, tết lại đến rồi
Nguyên đán (Tết Cả, có người gọi thay)
Chẳng ai quên được tết này
Một năm vừa rút, vui ngày Tân Xuân

*

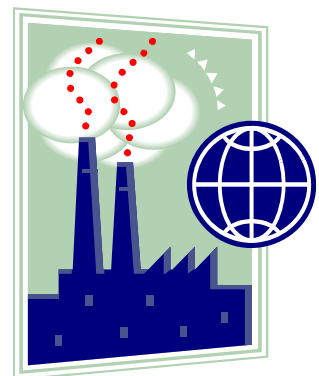
Rồi người xây dựng ra quân
Công trình hoàn tất, mừng Xuân bốn mùa...

kim thi NGUYỄN HUY CÔN

KHONG NHAM

THE KY

HÒI KÝ



HÀ NỘI, 2008

kim thi

không nhầm
t h ế k ỹ



Hà nội, 2008

lời nói đầu

Cũng có người cả nghĩ, khi gặp lúc khó khăn thường ca cẩm rằng mình "sinh nhầm thế kỷ". Tôi cũng chẳng có gan tranh luận với những người đó tuy bản thân suy nghĩ khác. Nếu xét về cơ hội để được nghe, thấy và nếm trải thì ở lứa tuổi như chúng tôi - trên dưới bảy chục - là những đối tượng được hưởng nhiều nhất : chiến tranh thế giới lần thứ hai, kháng chiến chống Pháp, chiến tranh chống Mỹ, hoà bình lập lại ở Miền Bắc, giải phóng Miền Nam, phe xã hội chủ nghĩa tan rã, Việt Nam mở cửa,v.v. Bây giờ, nếu kể cho con cháu nghe bất cứ chuyện gì, xảy ra ở đâu, vào những năm chúng chưa ra đời thì chúng đều lấy làm lạ lắm. Có chuyện thật tưởng như đùa, có chuyện chúng lại cho là bịa đặt. Trí tưởng tượng của chúng trong điều kiện sống ở thời nay không thể bắt chúng hiểu về những gì gian khó thuở trước mà ông, cha và anh chúng đã sống như vậy. Tốt nhất là chúng tôi thường kể với nhau, hoặc có lúc vui miệng, ôn lại những người, những việc đã qua của ít nhất là nửa thế kỷ mà chúng tôi không bao giờ nghĩ là mình bị sinh nhầm.

Trong số những bạn bè cũ gặp lại nhau như thế, Kim "tểu" thường hay kể về những chuyện cũ kỹ, tưởng chừng như nhầm chán đó. Ai nghe anh kể lại những chuyện về bạn bè, hàng xóm láng giềng hay người trong cơ quan anh cũng thích; ngay cả những người đã cùng anh chứng kiến những sự việc ấy. Đó là vì bao giờ trong câu chuyện thuật lại của anh cũng lấp lánh nụ cười hóm hỉnh nhưng chân thành, không mảy may có ý nhạo báng. Người nghe chuyện sau đó càng nghĩ và càng thấy nhớ một thời đã sản sinh ra những con người và sự việc như thế.

Nhiều lần tôi muốn ghi lại những mẩu chuyện anh kể, nhưng lại sợ nhạt nhẽo, không dám viết. Điều này là sự thật, bởi khi kể chuyện, mắt anh sáng lên, miệng anh tươi hơn, chân tay điệu bộ của anh là những phương tiện đắt giá để hỗ trợ truyền cảm, minh họa cho câu chuyện mà người cầm bút không làm được. Nhưng chính anh lại động viên tôi ghi lại những chuyện anh đã kể. Anh bảo : " mình chỉ ba hoa chứ không viết lách gì được. Cậu làm được việc này đây.Nên ghi lại vì đó là những chuyện có thực, đó là những kỷ niệm đáng nhớ về con người trong thời đại chúng ta. Thời gian qua đi nhưng chuyện thực về con người quanh ta còn đây, có bao giờ mất được. Mà cái gì thực cũng đáng quý !"

Tôi cũng liêu nghe anh mà ghi lại những mẩu chuyện của những người quanh ta của một thời đang qua và đi tiếp. Kể ra, nhiều khi bọn trẻ hỏi mình về người này, việc kia của thời đã qua, mình mới biết là chúng không thể hiểu được nếu không giảng giải cặn kẽ. Mà cánh trẻ thì không thích kể lể dài dòng. Đây không phải là câu chuyện kể lể nuối tiếc quá khứ của mấy ông già chỉ thấy hiện tại là đáng phê phán, còn tương lai thì " mờ mịt thức mây". Người thực, việc thực đấy, nhưng nếu không ghi lại thì chỉ nửa thế kỷ thôi cũng không nhớ rõ chúng ra sao nữa. Những kỷ niệm thật khó quên trong thế kỷ điệu kỳ.

Người đời cũng không được

Đây thường là câu kết thúc một đoạn độc thoại của vợ Thao khi nàng cần nhắc hoặc thuật lại những "kỳ tích" đáng trí của chồng mình. Nói chồng như thế, kể ra cũng hơi ngoa, song ngẫm đi ngẫm lại cũng đúng đến sáu bảy chục phần trăm.

Thao là người có trí, ham học, ham làm. Chỉ tội anh hay suy nghĩ việc này trong khi làm việc khác, hoặc suy nghĩ nhiều việc cùng một lúc. Như thế làm gì mà chẳng đáng trí; nhiều khi gây ra những tình huống bất ngờ tức cười. Anh luôn trong tình trạng suy tư. Khi đó, khuôn mặt chữ điền vốn đã quá vuông thành sắc cạnh của anh lại bị căng ra, đôi mắt vô định, trông ngây dại hẳn ra . Như người bị thôi miên, anh không còn biết gì ở chung quanh nữa mỗi khi vớ được một ý nghĩ hay, cần tiếp tục phát triển tư duy.

Cái mà vợ anh không chê vào đâu được là tính chăm làm và chia sẻ công việc gia đình với vợ, nhất là từ khi sinh cháu gái đầu lòng. Anh khoái nhất cái việc vợ sai đi mua bán ở Bách hoá Tổng hợp, xếp hàng mấy tiếng đồng hồ mà anh không thấy sốt ruột, vì đó là cơ hội để anh tranh thủ mang sách đi đọc mà không bị vợ giễu là một sách.

Hôm ấy anh có dịp làm cái công việc ấy khi vợ anh đưa cho cái phiếu sữa bảo đi mua sữa cho con. Cái hỏi bao cấp, không phải ai cũng có diễm phúc này đâu, sản phụ phải thật sự là

không có sữa (được y tế khám kỹ, chứng thực sau khi vạy vẹo bằng lời và bằng tay vào ngực sản phụ) mới được cung cấp phiếu mua sữa, một tháng vài ba lon sữa đặc có đường.

Lòng hân hoan, Thao cầm phiếu sữa vợ đưa, vui vẻ lên xe đạp và thẳng tiến theo hướng Bách hoá Tràng Tiền, nơi duy nhất chắc chắn là còn sữa. Xe đang bon bon thì một tiếng còi xé tai và tiếng quát của người cảnh sát làm anh bừng tỉnh và dừng ngay lại. Thôi chết rồi, đang mải nghĩ tới nội dung phát biểu trong cuộc họp chiều nay ở cơ quan nên quên khuấy rằng không được rẽ trái ở ngã tư này ! Anh thành khẩn xuống xe, lắp bắp thanh minh với người cảnh sát. Cuối cùng thì anh cũng được tha, bởi người cảnh sát ít thấy bộ mặt nào thảm hại hơn thế. Lúc này Thao mới chột nhìn xuống đôi chân : anh vội đi quá thành thử xỏ một đôi dép *Thái Lan* cộc cạch, chiếc quai đỏ, chiếc quai xanh. Thôi cho qua, ai mà để ý chuyện này!

Hơn một giờ sau anh đã chễm chệ bên chiếc bàn làm việc. Phải bật chiếc đèn bàn lên để nhìn cho rõ bìa cuốn sách tiếng Nga mà anh mới chộp được ở cửa hàng Sách báo Ngoại văn: "*Những phương pháp công nghiệp hoá xây dựng ở các nước Tư bản chủ nghĩa* của Tiến sĩ A.B. Vôrônkôv. Anh đang bị hút hồn vào cuốn sách mới kiếm được này thì tiếng trẻ con khóc, tiếp đó là tiếng vợ anh the thé : " Này bố con Hoa để sữa đâu lấy ra để pha cho em măm nào !..."

Không có tiếng chuông, tiếng trống, tiếng sừng nào đưa anh về thực tại mau hơn thế. Anh định thần rồi buột miệng kêu : Thôi chết, bỏ mẹ rồi !

Trong tâm trí anh diễn ra rất nhanh một hành trình dẫn tới cái quên chết người là đi mua sữa mà không mang hiện vật về nhà . Thay vì sữa lại hí hửng vì sách . Chả là khi đến Bách hoá Tràng Tiền sáng nay, may mắn thay anh chỉ mất có mười lăm phút xếp hàng. Cô bán hàng đưa sữa cho anh và đang lúi húi cắt ô tháng này của phiếu sữa thì anh đã quá phấn khởi mà đi mất rồi. Đạp xe lững thững qua cửa hàng sách báo Ngoại văn, anh bị hút hồn bởi những cuốn sách Liên Xô gáy dày đẹp để bày trong tủ kính. Anh vào mua được cuốn sách hay và lại phấn khởi quá, để luôn mấy hộp sữa trên mặt quây bán sách và...về nhà.

Vậy là bây giờ anh phải làm một hành trình ngược : cửa hàng sách báo Ngoại văn, rồi Tổng hợp Tràng Tiền để thu hồi sữa và phiếu sữa. Thao vội nhảy lên xe, làm như chẳng nghe thấy tiếng vợ đang the thé đằng sau : " Ở hay cái ông này! đi đâu mà như ma đuổi ấy thế!. Chắc là lại quên mua sữa rồi chứ gì . Người đời cũng không được !"

Cũng may là cái thời đó, tuy đời sống khó khăn nhưng người ta còn tốt bụng, ít tham cái không phải của mình: Thao đã thu hồi đủ cái phiếu sữa và mấy hộp sữa, tuy phải kèm nhiều tiếng cảm ơn và hình như cả mấy cái cúi đầu hơi bị thấp. Còn cái điệp khúc " Người đời cũng không được !" phải nghe sau đó của vợ tặng thì anh đã quên rồi, chỉ cần đáp lại bằng một nụ cười nhếch nhếch...

* số trong ngoặc là số trang trong bản thảo

Không lao động giản đơn

Gia đình ông cụ có bộ râu tóc trắng như cước và bà cụ to béo vừa dọn đến căn phòng giáp vách căn hộ nhà tôi có năm người : hai vợ chồng già, hai vợ chồng trẻ và một cháu nhỏ. Như thế là tam đại đồng đường ở trong một căn phòng mười lăm mét vuông. Điều này cũng bình thường, không đáng nói nhiều . Điều làm tôi chú ý là những hành vi của cậu con trai ông cụ. Ngay sau hôm vừa dọn đến, Hào - tên người thanh niên - đã làm tôi tò mò khi anh chàng đang lúi húi đun nấu cái gì trong chiếc xoong nhỏ xíu trên bếp dầu. Khi Hào mở vung xoong ra, tôi rất ngạc nhiên khi thấy trong có những chiếc tằm sồi sùng sục, đang nổi lên trên mặt nước. Ông bố hiểu ngay sự việc, chạy tới rầy rầy : "*Dầu* phiếu chứ có phải nước lã đâu mà mày ăn tàn phá hại thế này!" Đáp lại tiếng mắng nhiếc của bố, anh ta từ tốn nói : " Bố không biết là phải giữ vệ sinh răng miệng như thế nào ư?". Ông cụ ra hiệu cho tôi vào buồng cụ, và bảo : " Anh thông cảm cho nhé, cái thằng con tôi nó bị tâm thần đấy!.. Tôi còn đang ngỡ ngàng, thì ông già tiếp : " Chẳng giấu gì anh, trước tôi cũng khá giả đấy, nhưng từ khi cháu nó mắc bệnh, chữa chạy tốn kém, nhà phải bán đi, thành thử mới phải dọn đến đây, ở chật hẹp thế này".

Thế thì rõ rồi, nhưng tôi chợt thấy sợ vì mình ở ngay cạnh nhà có người tâm thần ! Cũng may là Hào thuộc dạng "điên lành". Nghe đâu anh chàng này học giỏi lắm, đã từng sang Rumani học đại học về dầu khí đến năm thứ ba thì mắc bệnh ! Mà cái nguyên nhân mắc bệnh cũng ly kỳ, nó từ cái chuyện si tình mà ra. Cũng vì học rất giỏi, cho nên mấy nòng lưu học sinh bên Tây lợi dụng, khai thác, bắt kèm cặp, thậm chí bắt làm bài hộ. Hào ta thích đến mê mết một em cũng khá xinh gái, dốc sức bảo ban trong suốt hai năm đầu ở trường đại học, đến năm thứ ba thì em ấy "đá" và bảo rằng anh này "hâm tử độ". Thế là từ đầu năm thứ ba, anh chàng mắc bệnh trầm cảm, và khi anh em trong ký túc xá thấy anh chàng đánh răng bằng xi đánh giày thì nhà trường đành cho anh ta về nước. Ai cũng tiếc thay cho cậu "Hào trắng học giỏi" bị điên.

Lâu rồi mới nghiệm thấy đúng là Hào thuộc dạng "lành". Nói năng nhỏ nhẹ, không bao giờ buông lời thô tục, thậm chí sử dụng từ ngữ rất chọn lọc, văn hoa là khác. Tương phản là người vợ, một phụ nữ nông dân chính cống: người lùn đậm, chắc nịch, ăn nói bỗ bã và rút khoát, lao động chân tay thành thạo và cật lực. Ông bố đã có lần tâm sự với tôi: "Tuồng giải quyết chuyện vợ con cho nó thì nó khỏi bệnh, ngờ đâu cũng chẳng xong". Ngày ngày, buổi sáng, Hào tiễn vợ ra cửa đi làm tận dưới Nhà máy dệt *Mông Tám Tháng Ba*. Có hôm còn kèm thêm một câu mùi mẫn làm chúng tôi cười tức bụng: "Dù sao em cũng là quá khứ, là tương lai của anh!". Lập tức cô nàng đuổi chàng vào kèm thêm những lời hơi khó nghe: "Thôi, đi vào! Điếc đít!..."

Nhà năm miệng ăn với số tiền hưu trí còn con của ông cụ và tiền lương *công nhân tạm tuyển* của vợ Hào, kể ra cũng rất khó khăn. Ấy vậy mà anh chàng này chẳng chịu làm gì, ngoài việc đọc sách...toán học. Tôi quên mách các bạn biết rằng Hào rất giỏi toán, thường lúi húi trên gác xếp với các bài toán trong báo *Toán học và tuổi trẻ* để tìm những cách giải hay rồi gửi đi đăng báo. Đôi khi thấy thương, tôi cũng nhờ Hào chép lại bản thảo của tôi để chỉ cho ít tiền tiêu vặt. Anh chàng khoái lắm. Hào bảo tôi: "Bố em cứ bắt em ra đầu đường bom xe, chẳng đời nào đâu. Ai lại đi lao động đơn giản như thế". Nói như vậy, và anh chàng mãi làm như vậy. Vận động rồi dọa nạt đủ kiểu, ông bố cũng không làm sao tách anh chàng này ra khỏi quyển sách, tờ báo...mà những thứ này đâu có mang lại chỉ là một đồng để đỡ dần thêm cho ông già.

Từ ngày "đổi mới", gia đình tôi không ở cùng nhà với Hào nữa. Thấm thoát đã hơn mười năm trời. Nghe đâu bố mẹ Hào đã mất cả rồi, còn Hào thì làm ăn khấm khá. Ngoài việc kèm cặp đưa con học giỏi, tốt nghiệp đại học hạng xuất sắc ra, anh chàng còn giữ được lời nguyên của mình là không bao giờ chịu làm người lao động đơn giản: Hào hiện rất đắt hàng với chức danh gia sư về toán lý hoá ở Quận Hoàn Kiếm, không lúc nào ngớt học sinh. Và bây giờ cô vợ cũng hơi trọng nề, ít khi thốt ra những lời khó nghe "Điếc đít, điếc đít!..." như cái thuở nào.

Có chất

Từ những năm sáu, bảy mươi đến đầu những năm tám mươi của thế kỷ trước, gia đình nào có người làm trong ngành lương thực, thực phẩm hoặc chất đốt thì cuộc sống vật chất xem là dễ chịu rất nhiều so với tất cả các ngành nghề khác. Chỉ ngó quanh cái số nhà chúng tôi ở, có năm hộ gia đình cũng đã thấy rõ điều này. Như một nghịch lý, gia đình nào có hàm lượng trí thức càng cao thì cuộc sống vật chất càng xoàng. Khi nói vật chất ở thời đó, cần hiểu ngay là bữa ăn và khoản tiền dư để có sắm thêm vật dụng gia đình.

Cô Đào ở căn buồng không quá tám mét vuông trông ra cái sân chung nhỏ xíu của cả số nhà là người có diễm phúc ấy. Nhà năm miệng ăn, nhưng dám *ăn cá chợ đen* là điều đáng kính nể! Buổi chiều, về đến nhà là cô thường vớt vào cái chậu dưới vòi nước ở sân con cá chép hoặc cá quả còn tươi roi rói, nặng trên dưới một ký, miệng lẩm bẩm: "Thế này cho có chất, có chất!" trước những con mắt trở ra vì ngạc nhiên của nhiều người trong số nhà. Không ngạc nhiên (và thán phục) sao được khi những con cá như thế chiếm đến một phần tư lương tháng của một cán bộ thương thường bậc trung. Thế nên, chúng tôi chỉ *ăn cá ngó*. Mà đi qua chợ cũng phải ngó cho có ý có tứ, kéo mụ hàng cá lại nguýt cho một cái thật dài với ý nghĩa rằng cái ngữ này tiền đâu mà dám mua của bà!

Thực ra, cô Đào không phải ở cảnh chuột sa vào cái chính gạo mà là rơi vào cái... phuy dầu! Cô là nhân viên bán hàng của Cửa Hàng Chất Đốt. Chao ôi! Ai đã từng mất cả buổi để xếp

hàng mua dầu hoả cất phiếu thời đó mới thấy hãnh diện được quen biết người bán dầu đến mức nào. Thứ nhất là biết được bao giờ của hàng *có dầu về* để không xếp hàng uống công, thứ hai là có thể chen ngang khi mua dầu và thứ ba- nếu tranh thủ được "tình cũm" của người bán- thì chỉ cần đưa phiếu, đưa can; chiều đến tan ca, nàng sách về cho. Tôi cũng dăm ba lần có cái hân hạnh như thế. Các bạn trẻ bây giờ chắc không thể hiểu nổi một người bán dầu hoả cho nhà nước lại có thể sống đàng hoàng hơn một kỹ sư, một bác sĩ, thậm chí hơn cả một ông tiến sĩ. Thưa rằng vì có sự chênh lệch rất nhiều lần giữa giá cả hàng hoá được cung cấp từ tem phiếu với hàng hoá ở bên ngoài (gọi là chợ đen) nên ai có hàng hoá dôi dư, mang bán đi thì sẽ được một món tiền gấp nhiều lần tiền lương của mình. Vậy nên, chỉ cần đong dôi dư cho mình (tức là ăn bớt) mỗi phuy dầu độ một chục lít thì nhân viên bán hàng đã có thể bán đi, mua sắm những thứ hàng tạm gọi là cao cấp thời đó với giá chợ đen (còn gọi là giá ngoài). Cửa Hàng Chất Đốt lại có ở nhiều nơi nhưng số dầu hoả cấp ra mỗi ngày chỉ có hạn, nên người bán hàng rất có uy lực, muốn bán lúc nào thì bán, muốn ngừng lúc nào thì ngừng. Như vậy, tuy bạn có tem phiếu của tháng này nhưng chưa chắc đã mua được đủ số dầu trong tháng đó. Vì cần dầu để đun nấu, bạn lại phải mua ở ngoài...Cái vòng bát quái *trong - ngoài* này làm cho những người như cô Đào ở số nhà tôi vênh vang với bà con lối xóm lắm. Đời cô cũng khổ từ tấm bé nên việc chăm lo cho con cái sung sướng là điều mong muốn thật chính đáng. Không hiểu cô phát hiện ra đứa con gái chín tuổi có khiếu âm nhạc từ lúc nào mà bắt nó đi học đàn violông, thuê riêng một thầy. Lắm khi thấy con bé tập kéo đàn, nước mắt lưng tròng mà tôi ái ngại. Rồi khi sinh thêm đứa con trai, cô không ngần ngại lấy tên của một trong số các vị lãnh đạo nhà nước đặt cho con(tôi không tiện nói ra), chắc hẳn kỳ vọng rằng sau này nó sẽ thành đạt đến hết cỡ như thế.

Thời bao cấp qua đi, các thứ tem phiếu đi vào lịch sử thì cũng là lúc tôi không ở cùng nhà với cô Đào nữa. Nghe nói cô nhanh chóng chuyển sang buôn bán hàng khô ở chợ Đồng Xuân, rồi không may bị thua thiệt nhiều trong vụ cháy chợ năm ấy. Hôm rồi, tôi tình cờ gặp lại cô giữa đường. Nhắc lại chuyện xưa, khi tôi đùa nói : Thế nào,vẫn "có chất, có chất" chứ ?.. thì cô vui lắm, đập đập vào vai tôi mà bảo rằng chính đó là thời hoàng kim của cô mà sau này không có dịp trở lại được nữa. Đúng, một thời bao cấp như thế có thể còn mãi trong ký ức con người...

Đi Tây về

Vào những năm đầu của thập kỷ Sáu mươi của thế kỷ trước, cô cậu nào tốt nghiệp ở các trường Đông Âu hay Liên Xô trở về nước thường được nhiều người quan tâm. Trước hết là các cơ quan. Dù sao thì sinh viên được đào tạo ở các nước đó cũng tốt hơn ở nhà, điều này chắc đến chín chục phần trăm, chỉ trừ những cô cậu nào lười học quá. Nhưng mà ở thời gian đó, dân ta chỉ biết học, chưa biết buôn bán thì học sinh đi Tây về là có bằng đồ, giỏi giang thực sự nên là món hàng đắt giá được các cơ quan cung chiều và tin tưởng. Thứ hai, là gia đình: ông bố bà mẹ thường lấy làm tự hào vì có con đỗ đạt tận bên Tây. Thứ ba là- ít nhất thì cũng mang về được cái xe đạp ngoại : ở Liên Xô về thì Xpútnhích, ở Tiệp về thì Junio, ở Đức về thì Điamăng là điều tất nhiên. Ngoài ra còn sắm sửa được ít quần áo sặc mùi tây. Bây giờ thì chúng ta đã chán ngấy đồ bằng nilông, valide, chứ hồi đó, cô cậu nào mới đi tây về là biết rõ ngay vì ở trong nước có ai được mặc những thứ vải vóc đẹp và tiện lợi như thế đâu. Này nhé: chẳng phải là mà lúc nào cũng phẳng phiu như mới, màu sắc thì nhã nhặn, đúng là của Tây ! Còn đối với các cậu vừa lĩnh bằng ở Tây về, người lại có da có thịt, trắng trẻo hơn các cậu học trong nước thì đất vợ là cái chắc. Tôi có ông anh thúc bá, tuổi cũng không nhỏ gì, ấy vậy mà khi vừa về nước đã thấy nhiều em lượn lờ đến nhà lắm. Đã có lần tôi được nghe lỏm được một câu hai cô bạn nói với nhau: " anh ấy đi tây về, có cả máy quay đĩa, tốt quá rồi mà con ấy còn chê nổi gì (!). Ưu thế của học sinh đi Tây về là thế đấy. Bây giờ thì chúng ta phải bật cười về những điều tôi vừa nêu vì nó quá nhỏ nhặt, nhưng ở hồi đó, thì đấy là sự thật. Sự thật ấy có được trong hoàn cảnh hàng hoá trong nước chẳng có gì. Mang tiếng là mỗi năm được cấp phiếu để mua 5 mét vải, nhưng nhiều khi không có vải mà mua. Hồi những năm đầu thập kỷ Bảy mươi,tôi mới có cháu bé, khi nó ngoài một tháng, ngày ngày tôi rẽ qua *Bách hoá Thiểu nhi Bờ Hồ* để xem có đồ gì mua cho con mà suốt một năm trời không có cái gì để mua, kể cả vải đến đồ may sẵn. Đúng là không có gì để

mua, chứ ngắm thì của đáng tội cũng có, vì trong tủ kính hay trên quầy cũng có bày dăm bộ đồ với câu chú thích xanh rờn " hàng mẫu không bán" và " miễn sờ vào hiện vật ".

Sau này, đi Tây học cũng có dăm bảy đường, nhưng con đường thực tế nhất là buôn bán. Từ những năm Tám mươi, việc này đã trở thành bình thường, và nhiều cô cậu đi học về rất giàu. Họ không " đại " gì tập trung hết sức vào việc học tập, mà phải đi hai chân. Tôi biết một nhân viên được cử đi nghiên cứu sinh, đã trở thành triệu phú đôla (chứ không phải Việt Nam đồng !) đồng thời với việc có mảnh bằng Phó tiến sĩ (tức là Tiến sĩ theo cách gọi mới bây giờ). Cậu ta còn có thể hỗ trợ kinh tế hàng tháng cho mấy vị giáo sư đại học cơ đấy. Nhiều đường dây buôn bán xuyên quốc gia, nhiều cửa hàng, kho hàng tập trung ở thủ đô các nước có học sinh ta qua học đã chứng tỏ thêm rằng, ngoài tính hiếu học của Người Việt Nam mình ra, sự năng động không thiếu và họ luôn biết mình phải làm gì cho cuộc sống ngay một khá hơn.

tiệc rửa nhà

Không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời. Các cụ ta đã nói vậy, quả là chí lý. Điều này càng thấy rõ khi cái thời bao cấp qua đi, những năm bung ra ào tới. Tôi biết một đôi vợ chồng hai chục năm trước đây là kỹ sư hần hoi mà không có một nơi trú ngụ tạm tạm, đến nỗi sáng sáng hai vợ chồng đi làm là phải mang theo một bọc đồ đạc quần áo, chăn màn to tướng, chiều lại mang về. Nhà của họ đã ở chỗ hẻo lánh, chỉ là một túp lều xiêu vẹo, mái lá, cửa phên cọt, đi làm cả ngày làm sao mà yên tâm cho đặng ?

Năm kia tôi có dịp được hai vợ chồng ấy mời đi dự lễ rửa nhà. Thiếp mời thật là đẹp, in kim nhũ , ánh vàng lấp lánh, thật xứng với ngôi nhà bốn tầng rưỡi đàng hoàng và to đẹp vừa xây xong. Cũng tưởng mình là người cùng cơ quan cũ, quen biết đã lâu thì được mời để ăn bữa cơm thân mật với một số ít người; ai dè đến nơi mới hay, lễ rửa nhà còn to và đông hơn một đám cưới nơi khách sạn. Khách sang và giàu thì nhiều. Sang vì họ là những người sành điệu và giàu vì đã có nhà tầng mới xây, không tội tình gì mà đến nay còn ở lỵ mấy cái căn hộ cung cấp thiếu tiện nghi chật chội ấy. Tôi chợt nhớ lại rằng trong thời bao cấp, không có ân huệ và không có bổng lộc nào to hơn đối với cán bộ là được phân một căn hộ. Đó là một cuộc đổi đời thực sự, mà chính những người đang ngồi trong tiệc rửa nhà này đang dè bủ, cười khùng khục trong miệng rồi chảy cả nước mắt ra vì... nghĩ đến sự thiếu nảo của các căn hộ như thế. Tôi liếc nhìn sang bàn ăn bên cạnh , và rất ngạc nhiên khi thấy chính cái người đang kể chuyện căn nhà bao cấp như là một chuyện tiêu lâm ấy đã có phen khóc lóc với thủ trưởng, kể lễ khó khăn, thiếu thốn, bệnh tật của các thành viên trong gia đình mình, kể cả chuyện vợ xuýt đòi ly dị vì... nhà ở chật chội và chung đụng nhiều thành phần quá. Ngặt vì một nỗi, quỹ nhà ở của cơ quan chỉ có hạn, nên không phải ai cũng được thỏa mãn yêu cầu về ở tại những căn hộ tập thể. Bây giờ thì gọi là nhà chung cư, chứ ngày xưa gọi là nhà tập thể. Cứ theo anh ta nói thì hai từ ngữ này đâu có hoàn toàn giống nhau, nó chỉ lơ lớ thôi. Tập thể về hình thức ngôi nhà là điều chủ yếu, song tập thể về cái sự quản lý con người trong ngôi nhà ấy cũng là có ý tứ cả. Người ta nhòm nhỏ nhau, để ý nhau từng li từng tí xem ăn gì, mặc gì, giao du với ai, ít khách hay đánh đu với nhiều hạng người. Nhẹ thì xì xào, bán tin cho khổ chủ biết, nặng thì phản ảnh tổ chức, cơ quan để điều tra nguyên nhân và giáo dục cán bộ. Còn nhà chung cư thì chỉ chung cái cầu thang, nhà nào biết nhà nấy. Chẳng thế mà thời nay một năm bán đi bán lại đến hai ba lần mà có khi hàng xóm lân bang nào có biết. Ai cũng lúi húi làm ăn, hơi đâu mà tọc mạch vào việc người khác, nhiều khi lại va đến thân chẳng về thay. Vả lại bây giờ nhà nào nhà nấy có biển số đẹp đẽ đàng hoàng, khách đến tìm dễ lắm, bấm chuông reng reng là tìm thấy chủ nhà liền. Bỗng dòng suy nghĩ của tôi bị cắt đứt bởi một cái giọng nữ khàn khàn, quen quen : " Cậu "lên đời" thế này là phải đấy, chẳng bù cho thàng cha Thu, cứ chết rú ở cái tầng ba tập thể, chẳng chịu xuống đất !"... Tôi quay lại đàng sau và nhận ra bà Soan. Tôi chẳng thể quên cái chuyện nhà-đất của bà này. Hồi cơ quan bà phân phối mấy căn hộ ở khu nhà tập thể cơ quan, bà đấu tranh đến nơi đến chốn, nhưng người *đủ tiêu chuẩn* hơn bà còn chưa được vì nhà ít, người nhiều. Bà nẩy ra quý kế, mang đồ đạc đến cơ quan, ở lỵ đấy, viện cớ chồng đòi ly dị. Không hiểu sao ông thủ trưởng lại bù tai cho bà " mựn" một rẻo đất ở cạnh hàng rào để dựng cái lều ở tạm. Rồi ông bà ông vải phù hộ độ trì , ở

chỗ hàng rào ấy lại có con đường mới mở chạy qua. Chao ôi, thế là bà bán ra một nửa đất để bán, ập vào chỗ đất còn lại, dư dật để làm một cái nhà mặt tiền ba tầng rưỡi ngon ơ. Từ đó - được rèn luyện qua vụ sốt đất, bà chuyển nghề mới manh nhà-đất, toàn nói chuyện tiền tỉ, chuyện chỉ, chuyện cây. Miệng nhà sang có vàng có đất mà ! Tại những bữa tiệc rửa nhà như thế này, ai cũng hân hoan, nói năng thoải thích. Và điều cơ bản là vui chung cùng chủ nhà. Vui thật và vui cửa miệng cũng có. Vui thật là những người có cái tâm và vô tư, thấy người khác khấm khá thì mừng cho họ, không so đo, suy nghĩ lắt léo gì. Vui cửa miệng là những người đã từng làm nhà, tò mò muốn xem thằng cha (hoặc con mẹ) này vợ được quả gì mà nhanh chóng giàu đến như vậy, trong đầu thì tính nhẩm rằng nhà này phải tốn đến bao nhiêu cây, bao nhiêu chỉ rồi để có lúc lộ cái mặt mặt ngẩn ngơ cay cú ra, vì thấy chúng nó hơn mình nhiều quá, chẳng muốn gặp thức ăn nữa. Bữa tiệc rửa nhà cũng là nơi để cho mấy ông sắp xây nhà rút kinh nghiệm. Những người này xem và hỏi nhiều hơn ăn. Chao ôi ! trước đây thì chẳng có gì mà ăn, bây giờ thì lại chẳng có sức mà ăn; vậy là nói chuyện và tham quan ngôi nhà mới xây của ông bạn là chính. Thỉnh thoảng trong bữa tiệc, cũng có vài ông say sưa quá chén, văng tục, chửi đổng đũa nào phao tin thất thiệt để cho ông bỏ vốn xây nhà làm khách sạn mini, rút cục đường sá chẳng thấy chạy qua trước mặt nhà ông như cái thằng chó chết ấy cam đoan : " Em đã xem bản đồ quy hoạch mà, sai thì anh cứ mang đầu em đi mà chặt !".Bây giờ thì nó cười trừ, mà có khi nó cười xỏ mình cũng nên ấy chứ. Trong đám tiệc có ông hay chữ, ứng khẩu luôn một bài :

*Trộm nghe đường chạy qua đây
Rồi vài năm nữa khách Tây sang nhiều
Tặc lưỡi, ông đánh bài liêu
Mua đất xây dựng, ngả chiều kinh doanh
Ba năm chưa được khánh thành
Ô ten để đấy, ông đánh chờ xem
Bao giờ mới đến vận hên
Con đường này mở, ô ten đất hàng?
Giờ đây xóm vắng giữa làng
Đường thì chưa xẻ, khách sang ngại vào
Quy hoạch không thực hiện sao ?
...
Chém cha cái đũa bạn nào ba hoa !*

Tiếng cốc chạm vào nhau, tiếng hô cạn chén, trăm phần trăm, tiếng cười khoái trá, hô hố văng ra từ các phòng bên cạnh. Xương xẩu, vỏ trái cây vút tung toé, chưa kể có ông say sưa quá chén, nôn oẹ cả ra sàn nhà.

Cứ vút bữa ra nhà ấy, còn phải rửa nhà cơ mà ! Nào, nhào đô !...Ông chủ nhà, mặt đỏ như gấc, nâng cốc bia lên, lè nhè nói rồi nở nụ cười thoải mãn hết cấp độ .

Bước ngoặt quá đà

Không hiểu sao từ cái ngày về thăm quê ở miền Nam ra, ông Hiền lại hoạt bát ra nhanh thế. Hình như là ông mới nạp được cái gì mới trong đầu, tựa cỗ máy vừa được đại tu và thay dầu mỡ. Trước kia ông nói chậm và lí nhí trong họng, lại như sợ người nghe nuốt mất lời mình nên khó nghe lắm. Bây giờ thì khác rồi, nói năng đồng dục, nghe tinh thì có thể phân biệt được chỗ nào có dấu phẩy, dấu chấm phẩy trong từng câu nói. Ông hăng hái bảo bạn bè cùng trong hàng thủ trưởng như ông: " Bây giờ mà không nuôi được cán bộ của mình sống kha khá thì kém quá, ông nào mà chỉ cho cán bộ của mình mấy đồng lương bao cấp thì nên nghĩ đi cho khoẻ". Nghe được những lời gần như vàng ngọc ấy, anh em dưới trưởng ông Hiền mừng lắm, sẵn sàng tung hô, ủng hộ ông thủ trưởng *đổi mới tư duy* của mình. Phen này tha hồ mà có nhiều việc làm, cũng có nghĩa là thu nhập chắc là phải cao. Bấy giờ, anh nào cũng muốn xông vào trận tuyến, sẵn sàng vì thủ trưởng, liều mình cứu thủ trưởng mà không tiếc thân mình như kiểu Lê Lai trong sử sách! Chẳng phải mong, dịp ấy đến liền. Theo chủ trương tinh giảm biên chế và làm gọn nhẹ

về tổ chức của Bộ, cơ quan ông Hiền phải nhập vào một đơn vị khác trong Bộ để thành lập một Công ty mới. Ấy mới là cái chết ! Như thế là ông sẽ không làm thủ trưởng nữa, mà thủ phó ở cái công ty mới, - nghe đâu cũng không được. Tự nhiên người ta lại tăng bốc ông là có năng lực giảng dạy (ông đã từng được phong là phó giáo sư tuy chưa bao giờ đứng trên bục giảng trường đại học), vậy nên chuyển ông về trường đại học cho đúng chuyên môn (!). Giác mộng vàng to tướng của ông và cả những người ăn theo như chúng tôi bị vỡ tan bất thần. Chúng tôi cũng liều mình một phen. Những người có khiếu kiện cáo xin xỏ thì bàn với ông nên làm tờ trình, viết thư đề nghị cấp trên tức là Bộ xem lại vấn đề, viện cớ là cơ quan chúng tôi đang tiến hành dang dở những dự án hợp tác quốc tế về chuyển giao công nghệ. Ai có mối quen biết rộng, - thực chất là có mối quan hệ với vị nào to to hơn cấp Bộ thì cố mà lân la, thăm hỏi vòng vo một hồi rồi nói toẹt ra rằng thưa anh (hoặc thưa đồng chí) thủ trao đổi lại với Bộ hộ xem, vì nếu chuyển anh Hiền đi thì phí quá, công việc của đơn vị cũ đến bây giờ mới tới ngay hái quả, áp dụng ở vùng sâu, vùng xa, có tiếng vang, vân vân...Thậm chí có anh còn muối mặt đến thăm anh bạn đồng hương đã từng tẩm chuồng với nhau ở ao làng thuở xưa (nhưng bây giờ nhà anh bạn này có lính canh bên ngoài) để hàn huyên câu chuyện mà gỡ bí cho thủ trưởng của mình. Kẻ có họ với người làm to thì viết thư lời lẽ lâm li, đưa ông Hiền ký tên mà trình bẩm ở chỗ người có quyền có chức cỡ kha khá. Cứ như là mùi mồi giáp công, người nào người nấy say sưa níu kéo cái đơn vị này lại. Thế mà chẳng hiểu sao lại có kết quả. Thì ra trời thương, tự nhiên đơn vị này lại phát triển ra, vì cấp trên bùi tai nghe ra, nhưng lại nhập đơn vị khác vào đây. Ông Hiền bây giờ đâm ra có thể ra phết. Tổ chức mới, phấn khởi quá đi chứ. Lại mấy anh em chí cốt đã từng cứu ông khi trước hí húi vẽ sơ đồ, tư vấn cho ông về tổ chức, về biện pháp, bày cho ông thế này, thế kia.

Ấy vậy mà chưa đến nửa năm sau, cái đám anh em đơn vị cũ, tự nhiên ra rìa. Bởi ông Hiền lại đổi mới tư duy một lần nữa. Ông nghĩ rằng chẳng cần nghiên cứu nghiên kiếc, đề tài đề từng chỉ cho một, vì nó có ra tiền đâu. Tự nhiên ông xa lánh những người cũ, lập những xưởng, những phòng tác chiến mới để tăng doanh thu cho đơn vị. Cái đám anh em đơn vị cũ của ông khi này chỉ có tên trong sổ lương thôi, chứ còn việc để cho họ cầm bút mà ký vào đấy thì hiểm dần. Bây giờ ông Hiền cần những người năng động, mang nhiều công trình về, đánh đấm chỗ này chỗ kia, có nhiều đối tác, chứ cần chi mấy thằng cha ít đổi mới tư duy nữa. Rồi nửa năm sau nữa, ông chỉ làm việc với một số rất ít người trong đơn vị, hình như khi này càng ít người biết chủ trương và việc làm của ông bao nhiêu thì càng tốt bấy nhiêu. Hàng ngày ông đến cơ quan muộn giờ và rồi lại tắt tui lên xe ô tô đi đâu không ai biết. Đôi khi tôi vô tình gặp ông ở cầu thang thì anh cũng chỉ mỉm một nụ cười hữu nghị, không nói gì. Bọn chúng tôi nghĩ rằng ông đang triển khai công việc gì ở trên giao quan trọng lắm đây nên mặc dù nhiều người đang có thắc mắc về việc làm, về lương lậu mà cũng chẳng dám xin ông cho gặp.

Tôi là người ngán ông đầu tiên, mặc dù tôi còn khoẻ chán và thích làm việc nhưng vẫn khăng khăng đòi về hưu sớm. Tôi năn nỉ cô phụ trách y tế cơ quan sáng tác cho cái sổ y bạ có ghi không biết bao nhiêu là thứ bệnh về lục phủ ngũ tạng, đủ cho Hội đồng Giám định Y khoa của Thành phố kết luận rằng tôi chỉ còn 30 phần trăm sức lực để làm cán bộ. Ông Hiền cũng chẳng thèm giữ tôi lại với một vài câu lấy lệ, tuy rằng có thời nào đấy tôi đã là một trong những tay tư vấn thực sự về công việc cho ông. Tôi chẳng buồn, mà cảm thấy như thoát một cái nạn...Tôi cần được làm việc chứ không phải ở cơ quan để nhìn người khác không làm gì...

Chỉ ba tháng sau, tôi được tin ông bị bắt vì tôi chiếm dụng vốn nhà nước. Tài khoản cơ quan thì bị phong toả. Nghe đâu ông dính vào đám ba cái vụ nhà-đất. Vốn vay là của cơ quan, nhưng dùng vào mục đích mua bán đất của cá nhân...May cho ông là, lại những người bạn chí cốt cứu ông một lần nữa, đóng góp mấy tỉ đồng để rút ông ra khỏi chốn tạm giam, nơi ông toạ lác đúng một năm trời ! Họ nghĩ rằng ông chẳng có bụng dạ nào, ngoài việc đổi mới tư duy quá nhanh, quá mạnh và lái xe ngoặt quá đà...

Thừa năng lượng

Trong quá trình phát triển bất kỳ sự vật nào cũng có những mặt đối lập và cho những kết quả khác nhau :tốt và xấu. Cái tốt là phổ biến, cái xấu là cá biệt . Chắc độc giả cũng nhất trí cả với tôi về cách lập luận như thế chứ ? Hôm mới rồi, khi lật giở những trang tạp chí vừa mua

được, tôi chợt dừng lại ở thông tin sau : " Tại địa bàn thành phố Hà Nội, tỉ lệ thừa cân trong học sinh từ 6 đến 15 tuổi tăng đều đặn trong vòng 6 năm qua. Sau có 6 năm, số trẻ thừa cân ở học sinh Hà Nội đã tăng hơn gấp 3 lần ! ". Tôi càng ngạc nhiên hơn khi đọc trong bài ấy có những số liệu về trọng lượng của mấy cháu gái như thế này : "N.Y. mới lên 9 ở Thanh Hoá đã nặng 42,5 kg, cháu D.A.ở Hà Nội mới 13 tuổi đã nặng 68kg và cháu A.T. ở Hoà Bình nặng 61kg ở tuổi 16. Đối với người Việt Nam ta, đó là những trường hợp bất bình thường". Tôi không có ý phân tích những tác hại của việc thừa cân ở trẻ em sẽ gây ra những căn bệnh mà các bác sĩ đã sớm cảnh báo là : làm gia tăng bệnh tim mạch, cao huyết áp, tăng mỡ máu, sỏi đường mật, tiểu đường, ung thư...mà chỉ chú trọng đến vấn đề nguyên nhân thừa năng lượng ở trẻ nhỏ. Đó phần lớn là do được bố mẹ cung cấp cho chúng các chất đường, và thực phẩm giàu năng lượng một cách không hợp lý và thái quá. Cũng dễ hiểu khi ông bà chúng và có thể cả bố mẹ chúng trong cả thời gian dài trước đây, không ai có điều kiện ăn uống gì để bổ dưỡng, chỉ no cơm đã là quý rồi; vậy nên bây giờ tập trung bồi dưỡng cho con cho cháu khi có điều kiện. Bây giờ các cụ thường nói : "khi trẻ thì chẳng có mà ăn, bây giờ có cái ăn thì chẳng nuốt được " là gì ? Thế nên, các cụ, các mẹ cứ mặc sức cho bọn trẻ ăn lu bù nào sữa các loại, nước ngọt, nước tăng lực, trứng vịt lộn, phở, bánh kẹo các loại...

Thế rồi tôi liên tưởng đến những năm sáu mươi, bảy mươi gì đấy, mọi người thêm đến từng hạt đường. Các con tôi khó mà hiểu được rằng ở thời đó người ta chỉ cần biết ông hay bà được mua bao nhiêu đường một tháng là rõ ngay tầm cỡ chức vụ của ông. Cán bộ cao nhất trong một ngành, tức ông bộ trưởng mới được trên một cân đường một tháng, còn cán bộ cấp thấp nhất chỉ được hai lạng rưỡi. Cống hiến ít nhất là những người có "phiếu nhân dân" thì chỉ được mỗi tháng một lạng đường, tức là một vốc đường của người nào có bàn tay to! Phiếu có chữ " nhân dân" dành cho ông bà già, trẻ con và những người không làm gì cho nhà nước. Khởi nói về thời gian xếp hàng để mua được mấy lạng đường ấy, không thể tính đếm chính xác được, có thể một buổi, hai buổi hoặc xếp hàng đến lượt mình mua mà hết thì tiếp tục xếp hàng ngày hôm sau. Đặc biệt nữa thì khi quá hiếm đường, bạn lại được mua thay thế bằng chất ngọt khác như quả chà là có nguồn gốc tận mãi xứ sở Phi Châu.

Tại sao tôi cứ nói mãi về chuyện đường nhỉ ? Có lý do đấy, không nên đổ tội cho cái chất đường, bản thân nó chẳng có tội tình gì. Nếu việc dùng quá nhiều đường là một trong những nguyên nhân gây bệnh béo phì cho các cháu nhỏ hiện nay thì chính chỉ một hai lạng đường đã từng cứu sống một em bé. Những người sống ở phố Huế của thủ đô Hà Nội những năm bảy mươi- khi Mỹ bắn phá miền Bắc - hẳn còn nhớ chuyện một em bé đi mua hai lạng đường, trên đường trở về nhà qua phố Huế thì đúng lúc máy bay bắn phá phố đó; em bé đã kịp chui xuống một cái hố cá nhân ở hè phố. Nhà đổ sập trên miệng hố, may sao người ta đã phát hiện ra em trong đống gạch nát, gân ngát xỉu đi vào ngày hôm sau. Em sống sót nhờ ngồi nhắm từng hạt đường khi nằm trong chiếc hố tường như vô vọng vì không ai phát hiện ra mình.

Chỉ là hạt đường, nếu biết sử dụng đúng lúc, đúng lượng thì có thể cứu sống được con người, còn nếu cứ cung chiều trẻ nhỏ, cho ăn uống thoải mái, sẽ tạo ra nhiều "em chã" là điều không tránh khỏi.

Cái đĩa sắt tráng men

Ở tủ bát đĩa nhà tôi hiện vẫn còn một vật kỷ niệm duy nhất của thời bao cấp, đó là một cái đĩa sắt tráng men . Nhiều khi dọn cơm, vương phải cái đĩa xấu xí mà lưng cụng ấy, con gái tôi phàn nàn với mẹ nó : không hiểu bố con giữ cái đĩa nay làm gì, nhà ta có thiếu đĩa to mà đẹp đâu cơ chứ. Vợ tôi biết lai lịch của cái đĩa này, lừ mắt mà bảo : của bố, đừng động đến cái đồ ấy, kỷ niệm một thời đấy ! Rồi con gái tôi há hốc mồm nghe vợ tôi kể lại chuyện cái đĩa sắt tráng men ấy đến với nhà tôi như thế nào.

"Hồi con còn bé tí tẹo, nước mình ít hàng hoá lắm, không phải muốn mua cái gì cũng có đâu. Đấy, đơn giản là cái đĩa, cái bát ăn hàng ngày mà cũng phải cung cấp, phân phối. Mẹ nói thế thì con cũng chưa hiểu ngay được đâu. *Cung cấp* là đưa đến tay người dùng bằng giá rẻ hơn

giá trị của nó, tùy theo chức vụ của cán bộ. Ví dụ cung cấp nhu yếu phẩm để tiếp khách cho các ông có bìa A, cỡ Bộ trưởng và những chức tương đương như chủ tịch thành phố, chủ nhiệm các Ủy Ban Nhà nước : hàng tháng được mua chè " Hồng Đào bao bạc", thuốc lá ngon cỡ " Thăng Long" hay " Thủ Đô" với giá rất rẻ (bán ra ngoài thì người ta tranh nhau mua và thu được ít ra là mười lần giá bán cung cấp). Các ông bà có chức sắc cỡ thấp hơn như lãnh đạo Cục, Vụ, Viện và Giám đốc sở thì được cung cấp chè "Hồng Đào bao thường", thuốc lá "Điện Biên bao bạc". Tất nhiên là các " tiêu chuẩn " ăn theo mức lương. Thực ra ở thời đó, sự chênh lệch mức lương của các cấp cán bộ công nhân viên trong biên chế nhà nước không khác xa nhau bao nhiêu. Từ ông to nhất của một ngành là Bộ trưởng đến người cán bộ trình độ sơ cấp chỉ khoảng năm lần thôi . Tuy nhiên, ăn nhau là ở cái bồng lộc " cung cấp này. Thế còn *phân phối* là gì con biết không ? Đây là cách đưa hàng đến người tiêu dùng là cán bộ nhà nước một cách không đều, có chọn lọc, bình bầu hay rút thăm. Sở dĩ có phương thức này vì hàng quá ít mà nhu cầu ai cũng có, nên một số hàng ít ỏi ấy được phân về cơ quan, xí nghiệp để tùy nghi mà chia chác với nhau, chứ không bán ở cửa hàng. Chẳng hạn, kỳ này cơ quan được phân về một đôi lốp xe đạp, ba cái xích xe đạp, một bộ ấm chén, hai chục bát ăn cơm. Cơ quan có độ năm bảy chục người, vậy phải chia làm sao đây ? Thế là người ta phải đăng ký yêu cầu, mức độ cần (ví dụ : lốp cũ quá, xe bỏ không đi được nữa). Nếu số người cần khớp với số hàng có thì chẳng phải bàn, đằng này của ít người nhiều đành phải bình bầu xem ai đáng được hoặc rút thăm xem ai trúng. Cách sau này là bắt đắ dĩ, tuy xem ra là vô tư hơn, nhưng nhiều khi không hợp lý vì có khi người bắt thăm được không cần dùng đến lại bán luôn cho " quân phe"* . Mẹ kể chuyện phân phối lốp xe đạp cho mà nghe. Vì chỉ có vài đôi lốp, trong khi có đến mấy chục người cần mua nên phải " khám xe" để đánh giá mức độ hỏng, ai hỏng nhiều được mua trước. Vậy nên trước buổi kiểm tra , có người thay vào cái lốp cũ, thủng và rách nát, chịu khó dắt đến cơ quan. Với chúng cơ ấy, Công đoàn - tổ chức chịu trách nhiệm phân phối hàng- cũng phải chịu bán cho họ thôi, tuy thừa biết rằng có sự chuẩn bị kiểu " khổ nhục kế". Về sau, người ta rút kinh nghiệm, kiểm tra đột xuất lốp xe giữa lúc anh đang đi trên đường phố và không báo trước việc phân phối. ..

Cái đĩa sắt tráng men của bố con được phân phối có "ưu tiên" hơn. Số là trong khi bố con đi công tác, đơn vị được phân phối một số hàng, đại để là cốc chén, bát đĩa. Anh tổ trưởng công đoàn đã "đặc cách" để phân cho bố con- thủ trưởng - cái đĩa sắt tráng men , không phải bình bầu, cũng không phải rút thăm. Vật tuy nhỏ, nhưng thể hiện tấm lòng của anh em đối với bố con, ông ấy đi vắng mà cũng không quên để phần, nên bố rất trân trọng. Bây giờ đĩa ấy đã phai màu, xung quanh men đã sứt sỡ , lòi cả sắt gỉ ra rồi nhưng bố con vẫn bảo phải lưu lại làm kỷ niệm. Vật chúng của một thời gian khó mà !."

*) Từ không mấy thiện ý để chỉ những người chuyên mua đi bán lại mấy thứ vật, chủ yếu là "lưu thông" các hàng cung cấp.

người trong ấy

Giải phóng Miền Nam được nửa năm, may sao tôi có dịp vào thành phố Hồ Chí Minh công tác. Phải nói rằng việc chuẩn bị cho nội dung công tác trước khi đi không mấy khó khăn mà cái chính là phải lao tâm khổ tứ về cách ứng xử với những *người trong ấy*, chủ yếu là họ hàng, bà con mình. Tôi có thăm dò, hỏi han những người đã từng vào thăm Sài gòn từ thời gian đầu để có khái niệm về cung cách sống, thái độ và nhất là thiện cảm của họ đối với những người miền Bắc. Tuy vậy tôi vẫn không an lòng. Dù là họ hàng với họ, nhưng bây giờ họ sẽ đối xử với tôi như một *anh Việt Cộng* chính cống, chắc là dè dặt lắm đây. Ông chú tôi là người tôi đến thăm đầu tiên. Qua vài phút sững sờ, tôi yên lòng vì chú tôi vui vẻ, có ý mừng rỡ thật sự. Điều khác trước là cách xưng hô anh anh, tôi tôi, chứ không gọi tôi thân mật mà mày mày tao tao như trước kia, hồi năm Hà Nội chưa giải phóng. Điều này, nếu không nghĩ thiên về *bà con hai phía*, thì chính vì bây giờ tôi đã trưởng thành, chứ không phải là thành bé mười lăm mười sáu tuổi. Thật ra thì sau hơn hai mươi năm mới gặp lại ông chú, tôi chỉ thấy ông nói năng hơi khác, pha tiếng Sài gòn chút ít, ngoài ra không có gì thay đổi. Tôi chưa kịp nói rằng cháu đến thăm cô chú và các

em rồi xin phép về nhà khách cơ quan đón tiếp thì ông chú tôi đã nghiêm nghị bảo : " Anh đã vào đây, thì phải ở nhà này, không phải lo ở đâu cả; và lại, tôi cũng chẳng cho anh đi ở chỗ khác đâu". Cục chẳng đã, tôi cũng phải ở nán lại nhà ông chú tôi vài ba hôm, rồi sau đó mới "dân vận", kiếm có trở về nhà khách cơ quan đón tiếp. Và chỉ trong thời gian ngắn ngủi đó, tôi đã được cả nhà cô chú tôi coi như người nhà. Thật ra, nỗi lo ngại có sự ngăn cách vô hình giữa anh em họ chúng tôi không phải là không canh cánh bên lòng. May thay điều đó không xảy ra, vì thú thật rằng tôi hợp với tuổi trẻ trong cách ăn nói cũng như không đến nỗi u tù trong hiểu biết tâm lý những người ở phía kia, dù là họ hàng, bà con mình. Tôi tránh nói chuyện liên quan đến chính trị. Tuy nhiên, các em họ tôi, tối tối lại xúm lại quanh tôi hỏi han nhiều lắm, trong đó thấp thoáng những nỗi lo về tương lai của những người ở đô thị của vùng tạm chiếm. Chúng đều sinh ra giữa hai kỳ giải phóng Hà Nội và giải phóng Miền Nam, cho nên chưa có thành kiến gì với người này, người kia, ông này ông nọ, nói chi đến chính kiến xã hội. Cái gì chúng biết được là ở như người trong nhà nói ra và những gì chính quyền Sài gòn tuyên truyền trên báo chí. Ông chú tôi cũng không phải là người không biết gì về chính trị, đã từng tham gia kháng chiến chống Pháp, sau *cuộc giải chính* năm 1950 thì về thành Hà Nội và đi tiếp vào Nam khi ta giải phóng Thủ đô. Ông cũng là công chức nhưng nguồn sống chủ yếu sau này là nhờ ở tiệm ảnh màu ở con phố từ Sài gòn đi Chợ Lớn. Qua câu chuyện , chú tôi bảo chẳng phải chạy đi đâu, mình có nghề, có lao động ở đâu cũng sống được . Ông là một trong những người tiên phong đi vào kỹ thuật chụp ảnh màu và in tráng ảnh màu ở Saigon từ những năm một chín sáu mươi; và cả nhà, vợ chồng con cái , tám miệng ăn đều lao động cật lực về cái nghề này. Khi tiếp xúc với các em họ tôi, thấy rõ một điều là cách ăn nói của những người có lao động dễ thông cảm, dễ gần gũi hơn. Thực tế cho thấy là Việt Cộng về đâu có *rút móng tay* của mấy cô bà quét móng tay dài đỏ chót như đã từng dọa dẫm những người ở lại. Mấy đứa em họ tôi thấy ông anh Việt Cộng của mình cũng dễ thương, cũng có kiến thức, biết nói chuyện . Nhưng có điều mà tôi không chứng minh được hùng hồn cho lắm là họ bôi bác Việt Cộng" ồm " lắm, tuy không đến nỗi như họ nói rằng ba anh *đu lên tàu lá đu đủ* không gãy nhưng cái mâu ngay trước mặt gia đình ông chú tôi thì tôi quá ồm. Ông chú bà cô và các em tôi không cho tôi về nhà khách cơ quan , nói thẳng rằng dịp này ở đây để " tắm bổ". Tôi cũng mừng vì tình cảm của *người trong ấy* vẫn còn, nhưng do công việc nên sau đó phải cảm ơn gia đình, xách ba lô đi công tác mấy tỉnh quanh Thành phố Hồ Chí Minh...

Trong thời gian công tác ở thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành lân cận hồi mới giải phóng, tôi sợ nhất là bị lừa. Những người đã vào Nam và cả người chưa vào Nam đã dặn dò tôi là phải cảnh giác, đừng để bị lừa. Tôi không hoàn toàn tin điều đó, nhưng cũng có cách riêng của mình. ây là ngoài công tác ra thì không mua bán, đổi chác gì. Khi thì lác đàu, khi thì trả lời " *Không!* " là an toàn nhất. Thực ra thì nhiều khi cũng muốn mua cái này, sắm cái nọ, vì so với ở Miền Bắc hồi đó, hàng hoá ở đây là quá nhiều.

Một buổi chiều tôi đang tha thẩn gần chợ Bến Thành thì thấy một cô gái khoảng ngoài hai mươi cứ nhìn tôi chòng chọc. Thế rồi cô lác đàu bảo tôi rằng : "chú ồm quá đa! cháu có lạng cao hổ cốt chánh hiệu, để rỏ cho chú sài kéo chú đổ thì hoài quá" . Tôi gượng cười và lác đàu. Tôi bỏ đi mà vẫn thấy nheo nhéo tiếng cô gái nói sau lưng. ít ngày sau đó tôi lại gặp một trường hợp tương tự và phải thốt ra lời " Không!" khi gặp một cậu chạy theo nài mua mật gấu chính của người nhà săn được ; tôi biết chắc đó là mật lợn phơi khô mà, vì đã có anh bộ đội khi mang thứ đó về nhà biếu mẹ ở miền Bắc mới vỡ lẽ ra là mật rỏm. Thế nhưng cũng có lần tôi đã cảnh giác mà vẫn bị lừa. Ông anh tôi vừa sinh cháu, viết thư vào bảo tôi mua dùm cái bình vú sữa trẻ con. Việc này quá nhỏ, chẳng phải nhờ chi đến ông chú bà mẹ cho phiền hà. Chọn ưng thì lấy, làm sao mà rỏm cho được. Chẳng phải tìm lâu, tại chợ tôi thấy một sạp hàng bán toàn những đồ phục vụ trẻ em." Chú ơi chú, bình sữa ngoại chánh hiệu nè, chú mua đi, đun sôi mấy dạo cũng chẳng hây hấn gì đâu.." Tôi loay hoay chọn và mặc cả, ngã giá và mua được một cái bình vú sữa nhãn mác ngoại in chữ Nestlé rõ mồn một , bình dây dãn, trong suốt, tôi ưng ý lắm. Thế mà khi về đến nhà, giở ra thì chỉ là một cái bình nội địa xấu xí, chắc là khi đun lên thì nổ toác ra mất ! Anh em trong đoàn công tác bảo tôi rằng : " Họ chỉ cần làm cho cậu lãng đi một vài giây là tráo hàng ngay, miệng nói, tay gói hàng rất nhanh, không kịp nhận ra đâu !" Dù sao, đây chỉ là việc nhỏ. Đau hơn là một anh bạn cùng đoàn tôi, ham lợi một chút, khi đổi tiền miền Bắc ra *tiền Giải*

phóng tại bến xe bị lừa, về đến nhà mới hay chỉ có hai tờ ngoài cùng là tiền, còn những tờ bên trong là tập giấy xén phẳng. Thủ đoạn thường làm là gói sẵn các gói bằng những tờ giấy báo giống hệt nhau về bố trí hình ảnh, tít chữ, rồi tráo như kiểu chơi bài tây, bạn có tinh mắt mấy cũng không phát hiện ngay được.

Suốt đời làm phó

Vợ anh Thu thường phàn nàn với tôi về chồng mình. Chị nói rằng, là người chồng như anh, kể cũng hết chê, thương vợ thương con hết mực, đi làm về là sẵn tay vào phụ giúp công việc gia đình, không như mấy ông sấn tính gia trưởng, chỉ đọc báo ngồi chờ cơm đâu. Chị nói tiếp rằng phàn nàn đây là thương cho anh ấy lận đận trong cái cung quan trường, thăng tiến. Này nhé, học hành bỏ hơi tai ra mà hồi nào mới được cái bằng phó tiến sĩ. Chịu thương chịu khó nghiên cứu như vậy, khả năng thì chẳng kém mấy người trong cơ quan, vậy mà chỉ được đề bạt làm tổ phó, rồi mãi mới đến chức phó phòng. Thế rồi hơn hai chục năm hao công tốn sức viết sách, dạy học mới được phong học hàm phó giáo sư. Nếu đoán số tử vi thì ông chồng chị ở vào cái sao Phó Tinh là cái chắc. Còn đây nói nhỏ thôi kẻo chị ấy nghe thấy: về nhà thì anh cũng chỉ là phó chủ gia đình thôi, vì mọi chủ trương công việc to nhỏ trong nhà đều do bà ấy quyết cả.

Suốt mấy chục năm trong thời bao cấp, đời sống của anh cũng không được cải thiện là bao. Kể ra, có một hồi anh cũng bị quan vì nghe vợ kêu ra rả là người ta học hành ít mà kiếm tiền đâu có ít như anh, nhiều khi chị chần đoán anh mắc bệnh hâm, cơm nhà việc ... cơ quan, chẳng biết cách cải thiện tình hình kinh tế gia đình. Có hôm chị vợ anh còn kể *chuyện tiếu lâm hiện đại* cho chồng nghe rằng : " Một hôm trên đường đi làm về, ở giữa ngã tư đường, chỗ công an ngồi bật đèn chỉ đường ấy thì thấy mọi người đang xúm đông xúm đỏ xem một đôi tình nhân cãi nhau : nàng thì khóc, còn chàng thì dỗ dành. Ai cũng tưởng nàng bị đánh mắng, hành hung gì, té là chị vừa phát hiện rằng anh là phó tiến sĩ chứ không phải là phó cửa hàng trưởng của hàng ăn uống như chị tưởng. Công an phải giải thích rằng ông này không lừa chị cái gì và chúng tôi không có phận sự giải quyết những việc kiểu này ở ngoài đường". Vợ anh bạn tôi thường thích thú kể lại những chuyện chê bai trí thức ít tiền. Đại để là có một em học sinh đã khóc thút thút khi cô giáo hỏi bố em làm nghề gì, mãi em mới trả lời được là là 'kỹ sư' thì bị cả lớp cười ô, và cô giáo cũng ngậm ngùi an ủi em giữa lớp học khi nói : "các em ! không được cười người nghèo, hoàn cảnh gia đình bạn ấy thật khó khăn so với các em mà cô vừa hỏi (nhà làm hàng phở, cắt tóc, bán dầu hoả v.v.) !"

Những cảnh ly hôn vì lý do chồng là trí thức ít tiền có một thời không hiếm. Một anh bạn khác (hồi đó là phó tiến sĩ) của tôi cũng ôm hai con trai để vợ đi theo một tay lái xe hái ra tiền và rất biết tiêu tiền, không quýnh như chồng mình.

Bây giờ thì cuộc sống của anh bạn suốt đời làm phó của tôi cũng khá khá, bằng chuyên môn giỏi của anh, anh hiện là Phó Tổng Giám đốc một Tổng Công ty lớn, phụ trách kỹ thuật. Cái gì anh cũng có, ô tô, nhà lầu. Nhưng nghĩ cho cùng vẫn chưa thoát được cái kiếp phó ! Tôi có nhắc lại ý này với vợ anh, nhưng khi này chị chàng lảng ngay, không bắt mỗi nữa. Cái thời chị cho chồng mình là vô dụng đã đẩy ra phía sau rồi !

Khúc dạo đầu

Vợ tôi hỏi vọng từ trong nhà ra:

- Anh ơi ! Chiếu phim chưa đấy?

Đang ngồi xem tivi với hai ông bạn, tôi quen miệng bảo :

- Bây giờ đến : "Chân tay ai chẳng có lông" rồi !

Tiếng đáp " Thế à !" của vợ tôi làm ông bạn ngạc nhiên lắm. Làm sao mà bà ấy lại hiểu một câu trả lời vớ vẩn như thế nhỉ ?- Tôi đọc được ý nghĩ trong mắt hai anh bạn . Rõ ràng là trên màn hình chỉ thấy cô biên tập viên đang giới thiệu cho khán giả nội dung của phim, nào là : "phim sẽ gây một ấn tượng buồn vui lẫn lộn về một cuộc đời, của một con người không biết kiểm chế trong nền kinh tế thị trường, nào là kết cục sẽ ra sao xin mời các bạn theo dõi phim..."

Để cho bộ mặt của các bạn tôi đỡ đỡ dần , tôi bảo :

- Vợ chồng bọn mình hay nói với nhau kiểu này cho tiện. Thật ra, câu đầy đủ là như thế này cơ :

" *Chân tay ai chả có lông*

Bây giờ điệu múa Hơ Mông bắt đầu..."

Câu giải thích này càng đưa mấy ông bạn tôi vào mê hồn trận, mặt họ càng nghệt ra hơn. Không thể dừng lại ở câu giải thích như thế được, tôi nói :

- Ông biết không, các ông là nhà giáo thì còn lạ gì những khúc dạo đầu gần như quy định bắt buộc cho thầy khi giảng các bài văn trong sách giáo khoa hồi những năm Sáu mươi, Bảy mươi. Hai câu vợ chồng tôi hay nói trên đây chẳng qua hàm ý : " Người ta đang giới thiệu phim", thế thôi.

Muốn cho mấy ông khách nhớ ra hơn nữa về những năm tháng không thể nào quên được này, tôi bảo :

- Để giới thiệu điệu múa Hơ Mông, một cô văn công bơi môi đỏ chót xuất hiện từ sau cánh gà sân khấu ra, đồng đọc hai câu bắt hủ này. Ông Bút Tre có sống lại cũng phải phục lăn, vì hai câu này không ăn nhập gì với nhau. Ấy vậy mới gây chú ý, và điều quan trọng là thực hiện được cái quy định của cấp trên là phải có khúc dạo đầu khi giới thiệu tiết mục biểu diễn.

Một anh bạn tôi cướp lời:

- Và cả trong giảng dạy nữa chứ !

Cái quá khứ hào hùng của ông bạn tôi đóng vai ông thầy dạy văn tự nhiên hiện lên rõ mồn một , đến mức anh ngồi thẳng dậy, giọng hoạt bát hẳn :

- Mình nhớ ra rồi, bọn mình khổ nhất là chứ phải nghĩ ra cái câu mào đầu khi giảng bài văn trong sách giáo khoa cho học sinh. Nếu không có là bị trừ điểm thi đua. Thế rồi anh rủ rủ kể:

Ông Bắc ở trường mình, khi dạy bài " Cái cây 51" đã sáng tác khúc dạo đầu như thế này :

- Các em có biết con vật nuôi nào trung thành nhất không ?

Học trò rào rào nói :

- Chó ! Chó ạ !..

Thầy giáo tiếp tục :

- Đúng. Thế thịt chó còn gọi là thịt gì ?

Bọn trẻ nhao nhao một cách tự tin :

- Cây, thịt cây ạ

Thế là thầy liền nối vào vội vã một cách vô duyên :

Vì thế, hôm nay chúng ta học bài " cái cây 51"

Ông bạn kia chêm vào :

- Trường hợp như cái anh Bắc này còn là phúc đấy, vì bọn trẻ bắt mỗi đúng. Có trường hợp càng nói càng đuối ấy chứ. Chẳng để ai hỏi thêm, anh kể luôn:

Hôm ấy, cậu Vinh trường tớ dạy bài " Cái chăn quả thực". Đây là bài nói về niềm vui của nông dân trong cải cách ruộng đất được chia một cái chăn mà trước nay họ chưa bao giờ mơ ước tới. Thấy hàng trăm con mắt chờ đợi lời giảng của mình, cậu Vinh lên tiếng :

- Thầy hỏi các em nhé : khi trời rét, nửa đêm em tỉnh dậy, thấy phía trên người mẹ em có gì ?

- Dạ, bố em ạ !

Nguy to rồi, thầy vội hỏi tiếp:

- Thế trên bố em là gì ?

- Là hai bàn tay mẹ em ạ !

Chết rồi, phải gỡ ra mới được :

- Thế trên nữa là cái gì ?

- Dạ, cái đình màn ạ !..

Chúng tôi lăn ra cười muốn chết vì cái khúc dạo đầu không thành của thầy Vinh nào đấy , định dạy *chăn* lại hoá ra *màn* !

Ồi, một thời để cười vui.

Chữ và nghĩa

Anh Sinh bạn tôi kỹ tính lắm : anh thường bắt bẻ cách ăn , cách nói của *bọn trẻ con* nhà anh ấy. Tiếng gọi là bọn trẻ con, nhưng ngoài xã hội, chúng là ông giám đốc Công ty này, chủ tịch Hội đồng kia . Ngay hai đứa con gái anh, học hành chẳng sáng láng gì cho cam mà cũng làm trợ lý giám đốc cho các Công ty Liên doanh của Úc, của Nhật. Anh thường bảo : con nhà tử tế, thiếu gì chữ nghĩa mà cứ phải dùng chữ lóng, khó hiểu và khó nghe. Khi bọn chúng nói chuyện riêng với nhau thường gọi anh - bố nó - là "cụ Khốt". Cụ Khốt nhà mình chỉ biết kháng chiến trường kỳ hai cuộc, rồi soi cơm bao cấp tem phiếu lâu năm nên nói năng vào khuôn phép, quá cứng nhắc mất rồi. Anh Sinh mắng chúng : *lấy giá rẻ* sao phải gọi là "mềm", *không dám làm* sao phải nói là "rét", *thực hiện công việc* lại gọi là "đánh quả"... lại còn những từ " trên cả tuyệt vời, rồi " hơi bị đẹp". Chao ôi ! Chúng nó đều học qua đại học, có đứa là tiến sĩ rồi mà coi thường văn phạm, làm gì có cái thể bị động " bị đẹp" ở trên thế giới này. Thế này thì loạn , loạn to về nói năng rồi, nói chi đến chuẩn mực về ngôn ngữ . Thỉnh thoảng khi có ai đến chơi, ông tâm sự và phàn nàn với họ về những gì nghe thấy trên ti vi: Ô hay! người ta quên mất tiếng Việt hay sao mà lại gán số nhiều vào tiếng Việt sau từ *nhiều* hay từ *một số* : " Đây, cậu có nghe cái Đài Truyền hình không đấy, không hiểu người ta dạy bọn trẻ thế nào mà phát thanh viên nào cũng nói : Hôm nay có nhiều *những* khán giả, hoặc có một số *những* nghệ sĩ tham gia... Thì ra các cậu các cô ấy nói tiếng Việt mà lệ thuộc vào tiếng Tây- tức là tiếng Anh, cứ tưởng số nhiều là phải dịch là *những*. Còn thế này nữa chứ : thời này , cách đọc tiếng Pháp trên ti vi cũng méo đi, sặc mùi tiếng Anh. Một hôm mình giạt mình khi nghe thấy họ đọc tên nhà văn Pháp là En-phôn Đau-đét thay vì An-phông-sơ Đô -đê". Cũng trong một bài mà khi thì phiên tên người Trung Quốc theo âm Hán, khi lại đọc theo dạng Latinh hoá. Anh đã nhiều lần lải nhải nói với tôi như vậy. Kể ra thì những điều anh nói đều đúng, chính tôi cũng nghe và thấy nhưng tôi không lấy làm bực tức cho lắm. Tôi nghĩ rằng không phải thời của mình nữa mà là ở lúc mà chữ Hán chỉ được xem như một mồi treo chơi, còn không ai muốn hiểu tường tận ý nghĩa của nó cũng như ảnh hưởng của cái thứ chữ này đối với tiếng Việt xưa nay ra sao thì những cụm từ nói sai như " mất lịch sự" (thay vì *bất lịch sự*) hoặc " nghe phong phanh" (thay vì nghe *phong thanh*) hay là yếu điểm (thay vì *điểm yếu*) là chuyện không có gì lạ. Cái lạ mà ông bạn tôi ít phát hiện ra là ở ngay những phương ngôn, tục ngữ mang bản sắc dân gian, bây giờ họ cũng nói sai, vì không truy nguyên nguồn gốc. Có đến chín mươi chín phần trăm số cô cậu nói " ăn cháo đá bát". Tại sao, về lôgic, nghĩa đen ăn cháo lại đá bát mà ăn thứ khác lại không đá bát ? Cháo và bát có mối quan hệ thế nào, không ai nói, không ai dạy bọn trẻ từ trong trường học. Hay họ cho là thế mới không " mất lịch sự" khi thay từ "đái" bằng "đá" ? Tất nhiên là không ai cũng công nhận rằng sau khi ăn cháo (ở đây nói cháo hoa) thì muốn giải quyết cái chuyện toa lét ngay. Vì vội quá nên " tè" luôn ra bát ! Vừa dùng nó để ăn đấy mà chỉ ít phút sau lại tè vào nó, đấy mới là điều đáng nói ! Đấy mới là điều đáng bực với cái hạng người bạc bẽo, chỉ biết được việc lúc cần, sau là bỏ ngay tập lự ! Kể ra Sinh cũng là người hay quan tâm đến nhiều lĩnh vực. Nhiều khi anh nổi nóng vô cớ khi bàn về những cái gì mà anh coi là "giả hiệu". Thôi thì cứ để anh nói, không hơi đâu mà tranh luận, chỉ tổ nung nóng thêm cái bực mình cho anh. Tuy vậy, nghe kỹ thì đa phần những vấn đề anh khó chịu cũng là có lý của nó. Chẳng hạn - cũng về chữ -anh thắc mắc về vấn đề " thư pháp" của Việt Nam. Anh khẳng định : Việt Nam từ trước nay đâu có viết chữ bằng bút lông?... Từ cái thời có chữ Việt đã latinh hoá rồi thì người ta viết bằng bút sắt, bút máy rồi bút bi như ngày nay. Còn mấy ông muốn sáng tác gì bằng cây cọ của mình thì tùy, ai đánh thuốc đầu. Nhưng không thể vì sử dụng cây cọ để viết loằng ngoằng mấy chữ mà bảo đấy là thư pháp Việt Nam. Đáng tiếc là ngay mấy nhà thư pháp "xịn" của Việt Nam cũng không muốn lên tiếng để tranh luận về vấn đề này, thành ra mấy năm nay trên thương trường tự nhiên nảy sinh nhiều câu đối, nhiều trang lịch, nhiều dòng chữ quảng cáo, hình như minh chứng cho sự bảo tồn một " thư pháp" Việt Nam đã từng bị mai một !... Nhưng nếu hỏi ai là nhà thư pháp tiếng Việt nổi tiếng thời xưa ở nước ta thì chẳng người nào nói được, kể cả những thầy hiện đang rêu rao rùm beng về thư pháp tiếng Việt. Anh bảo tôi : Hồi năm sáu ba sáu tư gì đó, nhân chuyến sang Trung quốc khảo sát chuyên môn, anh có tìm hiểu chút ít về thư pháp Trung Quốc, hồi đó người

ta ca ngợi chữ của người đương thời có danh có chức là Mao Trạch Đông, Quách Mạt Nhược, Chu Đức, còn bây giờ là Lục Chính Quang, Quảng Tích Vũ, Tống Hoán Trung và Phan Lễ Hoàn. Trong bốn ông vừa kể thì ông thứ nhất giỏi về " đảo bút"(viết từ nét cuối trở lên), ông thứ hai sành về " phản tự " (viết ngược đọc phía sau), ông thứ ba thạo " nhắm mắt viết ngược" còn ông thứ tư thì chuyên " vẽ ngựa bằng ngón tay". Anh còn khoe là chính mắt đã được nhìn thấy bút tích của Tô Đông Pha và Bạch Cư Dị tại Hàng Châu

Anh biết khá nhiều, nhưng chữ và nghĩa của anh chỉ làm vợ con thêm xa lánh, vì ở thời kinh tế thị trường, những điều anh nói, anh làm đâu có sinh ra đồng tiền, mà lại gây mất thì giờ và làm đau đầu họ. Chữ nghĩa chỉ làm anh trở thành người cô đơn. Những lúc ấy, anh lại nhớ đến cụ Nguyễn Du mà ngâm nga ư ử trong miệng :

"Có tài mà cậy chi tài

Chữ tài liền với chữ tai một vần..."

Mất sổ gạo

Cái cụm từ này bây giờ không mấy người dùng nữa, nhưng ở thời bao cấp thì người ta nói thường trực ở cửa miệng. Bởi vì, không có gì đau khổ và mất mát to lớn bằng ...mất sổ gạo. Nói đây đủ thì "thành ngữ" này là : " *mất nghệt ra như mất sổ gạo*". Đầu tiên, phải mô tả quyển sổ gạo để các bạn nhỏ tuổi biết nhé . Đó là một quyển sổ nhỏ , có 20 trang in sẵn, khổ 10,5 x15,5cm. Ngoài bìa đề : *Sổ đăng ký mua lương thực* (dùng cho hộ gia đình/tập thể), mua tại cửa hàng lương thực, họ và tên chủ hộ, địa chỉ. Tất nhiên phía trên của cái bìa không thể không có mấy dòng : Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam-Độc lập- tự do-hạnh phúc, rồi : Quận, phường, tổ.... Kế đó ở dưới là một khung hình quả trám ghi số sổ, chẳng hạn 345/CH. Bìa hai có bản hướng dẫn dùng sổ đăng ký mua lương thực, gồm 4 điều, tóm tắt là 1)Ai được mua lương thực hàng tháng theo sổ này,2)Số lương thực được mua (theo từng loại lao động và lứa tuổi),3) Đăng ký bao nhiêu thì chỉ được mua bấy nhiêu, 4) Trách nhiệm của những cán bộ của cơ quan lương thực được ghi vào sổ này (lượng mua, sự thay đổi). Câu cuối cùng không kém phần quan trọng là " *Mất sổ phải báo ngay cho cửa hàng lương thực nơi mua biết*". Nếu câu cuối này mà thực hiện được nhanh thì còn việc gì phải lo và phải bàn nữa. Này nhé, bạn thử tưởng tượng được là sau khi trình báo mất sổ, cơ quan an ninh và lương thực tiến hành điều tra thực hư thế nào, ít nhất cũng vài ba tháng, trong khi đó bạn và gia đình bạn có phải ăn không ? Giả thử sổ gạo nhà bạn có 5 người, có khoảng 60 cân gạo mua theo giá cung cấp, tức là chỉ tốn khoảng một phần ba đến một phần tư thu nhập của gia đình bạn mà mất thì bạn lấy tiền đâu ra mà mua gạo ngoài, hay gạo chợ đen, giá gấp độ mười lần giá trong, tức giá cung cấp. Vậy là do sự sơ ý của bạn, làm mất sổ gạo mà cả nhà bạn lâm vào tình trạng đói triền miên hàng tháng trời, nếu không muốn nói là nhiều tháng, cho đến khi được cấp sổ khác. Thế nên, mặt bạn mới nghệt ra. Khi bạn có sổ rồi thì bạn phải chăm sóc, theo dõi hàng tháng để xin tăng cho con bạn, vì nó đã ở tuổi này, tuổi kia; hoặc giả con bạn được vào làm ở một đơn vị lao động nặng, thì được tăng cân. Còn ông già bà cả ăn ít thì cứ yên trí ở cái tiêu chuẩn mười đến mười hai cân gì đó (đến nay lâu quá không nhớ chính xác nữa). Bạn chuyển chỗ ở ư ? Cắt hộ khẩu, có nghĩa đồng thời phải chuyển tiêu chuẩn gạo của bạn tới nơi ở mới: lại giấy giới thiệu của cơ quan bạn, giấy xác minh tiêu chuẩn của cửa hàng lương thực nơi ở cũ... kể ra cũng lắm điều phiền toái. Số cân lương thực ở sổ nói lên điều gì ? Cũng phản ánh mức độ lao động ở gia đình bạn cũng như phản ánh mức độ dư thừa ở nhà bạn về mặt lương thực. Nhà bạn có người làm ở xí nghiệp ư ? Chắc chắn được hơn cán bộ làm bàn giấy 3-4 cân một tháng rồi; con nếu bạn lái xe cần cầu hạng nặng thì có thể được trên dưới hai chục cân - điều mà nhiều người mơ cũng không thấy ! Còn nữa, dân quen gọi là " sổ gạo" nhưng quyển sổ lại có tên *sổ lương thực* là có ý tứ của nó đấy. Tại sao vậy ? Bởi vì, nhiều khi không có gạo, phải thay thế bằng bột mì, bánh mì, thậm chí cả sắn, ngô, và cả *bo bo* nữa. Tất nhiên cái loại sắn ngô thì quy đổi hệ số ra để bạn đủ ăn, có số calo tương đương khi bạn ăn cơm vậy. Có lẽ ít người nhớ đích xác cái ngày không phải dùng đến quyển sổ gạo nữa. Cũng không có một lời

thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc mua gạo, sử dụng sổ như thế nào nữa- chỉ khi thấy ngoài chợ, ở vỉa hè, chỗ nào cũng có thể mua được gạo với giá phải chăng, lúc đó không ai xếp hàng đi mua gạo nữa. Và cửa hàng gạo cũng bắt đầu đóng im ỉm từ khi ấy. Đó là vào năm đầu năm 1989. Tôi lật giở cuốn *sổ lương thực* của nhà ra kiểm tra lại trí nhớ của mình : kỳ mua cuối cùng ghi trong sổ là ngày hai mươi sáu tháng hai năm một nghìn chín trăm tám mươi chín.

Xếp hàng cả ngày

Khi miền Nam vừa giải phóng, thì người dân đô thị nơi đây mới được nếm cái cảnh xếp hàng để mua một số nhu yếu phẩm bằng tem phiếu do nhà nước quản lý. Từ đó có sự xuyên tạc những chữ viết tắt X.H.C.N. thành Xếp Hàng Cả Ngày ở những người không có tính kiên nhẫn và lăm lăm. Thực ra, cái cảnh này ở miền Bắc đã trở thành quá quen thuộc rồi. Ngày nghỉ - duy nhất có ngày Chủ Nhật- là ngày xếp hàng để mua đủ thứ : dầu, gạo, đường, xà phòng...Vì phải xếp hàng tại các cửa hàng khác nhau nên trong gia đình phải có sự phân công: ai mua cái gì, ở đâu . Dầu và gạo là hai thứ thiết yếu nhất, thường phải mất hai lần xếp hàng mới hoàn thành; còn những thứ khác có thì tốt, không có chưa chết nên thấy chỗ nào vắng vắng mới lên đến xếp hàng. Bây giờ chỉ nói về xếp hàng để mua hai loại nhu yếu phẩm dầu và gạo nói trên thôi cũng đã có nhiều điều thú vị lắm rồi ! Xếp hàng là cả một nghệ thuật, một thử thách sự kiên trì, một sân chơi để thể hiện trí thông minh, ứng xử nhanh nhẹn. Luật bất thành văn là phải xếp hàng, đến trước xếp hàng trước, đến sau xếp hàng sau, ai bỏ chỗ, không còn giá trị, ai đi ra ngoài rồi khỏi hàng phải " gửi" người đứng sau-và cả người đứng trước. Nhưng chết một nỗi, nhiều khi hàng về chậm, phải chờ đợi lâu, trời thì nắng (hoặc mưa dầm) không ai có thể phơi ngoài trời như vậy được, thì phải có vật thể mạng: cái rá, cái rổ, cái can nhựa và...gạch. Vàng, gạch để xây nhà ấy. Thôi thì cục to, cục nhỏ, có viên gạch nguyên mà cũng có cục gạch chặt đôi, chặt ba. Chẳng thấy một bóng người đâu, vì còn tránh nắng ở gần đó, khi thấy hàng về, hoặc người bán hàng rục rịch ngồi vào chỗ bán hàng mới ù té chạy ra chỗ xếp gạch. Thôi thì lúc này mới ý ớ, cãi vã. Họ " nhận diện" cục này là của tôi, cục kia mới là của anh một cách rất vô căn cứ. Có bà có cô còn xếp phòng hờ đến ba bốn chỗ. Làm thế để làm gì ? Để cho hoặc bán chỗ. Chẳng hạn, biết là 9 giờ mới bán dầu, nhưng mọi người đều xếp hàng từ 5 giờ sáng, vậy thời sinh ra những người xếp hàng thuê- tức là xếp gạch trước cho, khi ông hoặc bà đến thì báo cho biết rằng cục gạch này (hay cái rổ rách này) là chỗ của ông hoặc bà đấy. Tại sao nói xếp hàng là nghệ thuật, là thể hiện cách ứng xử khéo léo ? Tức là có khi còn lâu lắm anh mới được mua (vì anh xếp hàng ở gần cuối) nhưng anh biết chớp thời cơ (mà được nhiều người công nhận) để được mua trước. Chẳng hạn tình huống như thế này: mọi người đang chờ dầu (hay gạo) về thì xe chở những thứ đó tới cửa hàng. Anh mau mắn chạy lên trên, góp sức khuôn vác giúp vài bao gạo hoặc đỡ hộ cái xe ba gác, thì sau đó anh có xông lên để xin mua trước, cả mấy cô bán hàng và người xếp hàng trước anh cũng không có ý kiến gì. Đây là người không thuộc diện ưu tiên, chứ có thể Thương binh, việc mua chen ngang là chuyện bình thường: chìa thẻ ra, người bán phải giải quyết ngay. Tất nhiên là cũng có người xếp hàng ở đằng sau, sắp đến lần mình rồi mà tự nhiên có anh xông vào thì cũng bực, khi đó thì hiền mấy cũng phải ném một cái nhìn thiếu thiện ý, hoặc lăm lăm trong mồm một câu đại khái là : trông lành lặn đáo để, thế mà cũng thương binh. Thực ra, nhiều người có thể cũng mang vạ. ở cùng nhà với chúng tôi, có một ông cụ - chắc chắn là ông cụ chưa từng là bộ đội bao giờ nhưng không hiểu sao lại có được cái thẻ thương binh - ai cũng nhờ mua hộ gạo, đâm ra rách việc, không nhận thì lại mất đoàn kết, mặt nặng mày nhẹ, ra vào trông thấy nhau cả ngày !

Về cái chuyện xếp hàng cũng lắm tình huống lạ. Cô làm cùng cơ quan tôi đã kể rằng, có lần xếp hàng đông quá, người nọ chen người kia, bị đưa " mất dạy " nó lợi dụng để đụng chạm, sờ soạng, có khi phải lĩnh ra ngoài gọi công an giải quyết. Cô ấy còn nói : mình hiền đấy, có đứa nó vạ ngược cái của nọ kia cho thì cứ lẳng lặng mà chuồn, đau điếng mà chẳng dám kêu. Ôi! xếp hàng cả ngày cũng có chuyện để nói.

Chẳng cứ ở ta, mà ở Tây cũng xếp hàng mạnh lắm. Tôi nhớ mãi cảnh xếp hàng cuối năm 1982 ở ngoại ô Matxcova để mua máy khâu Ba lan. Tôi và mấy anh bạn Việt Nam xếp hàng ngoài trời trắng xoá băng với tuyết từ sáu giờ sáng đến sáu giờ chiều thì hoàn thành nhiệm vụ ! Hàng mấy trăm người xếp hàng rông rảnh hướng tới một cái kiốt bé tí tẹo, có lẽ nhìn từ máy bay xuống thì thấy như hình của một cái điều có đuôi. Cái hàng người này kiên nhẫn nhích dần, và cứ mỗi tiếng đồng hồ, thì có một " đồng chí Liên Xô"- là người xếp hàng mua- tự nguyện đứng ra để soát xét, đánh lại con số viết bằng bút bi trên tay những người xếp hàng. Ai bỏ hàng là mất lượt, luật bất thành văn nhưng nghiêm lắm; và tất nhiên mỗi giờ mà thấy con số trên tay mình nhỏ đi thì càng mừng vì sắp đến lượt. Nhưng trong hoàn cảnh như thế, điều này ít xảy ra !

Phong độ và sành điệu

Tôi phải thú thật với các bạn rằng tôi không thích " làm dáng" cho lắm. Chẳng gì cũng có cháu ngoại rồi, mái tóc có bạc một chút, răng có khuyết một cái cũng đáng đời rồi, còn ân hận nổi chi. Mà đầu bạc thì khi đi ra ngoài mới có người nể nang, ít nhất gọi mình bằng bác, bằng cụ ; trừ trường hợp gặp mấy đứa đi xe vàng mạng trên đường, va quệt vào mình rồi còn quát : " cái thằng già này, đi đứng thế nào đấy ?(!). áy vậy mà đầu tóc tôi thường đen nhánh. Bạn bè thì thoảng gặp lại tôi, sau một phút hàn huyên rồi nhìn tôi ngờ ngợ : " Ô, cái ông này trẻ ra hay sao, tóc bây giờ mà còn đen thế !". Tôi thú thật : " Người khoẻ mạnh mới khó, chứ tóc đen nhánh thì tài gì, chỉ chục ngàn bạc đổ vào đầu là xong thôi...ờ, mà mình cũng chẳng mất xu nào. Số là bà vợ mình, khi nhuộm tóc cho bà ấy còn thừa thì trút lên đầu mình cho đỡ phí, lại còn "xuân hoá" được cho ông chồng. Vẫn cái đầu đen nhánh và cái vóc không bao giờ béo tốt của mình khi đi họp, quen thói chạy lăng xăng, một vài cậu bạn lại bảo : trông ông thế mà phong độ, nhanh nhẹn như thanh niên. Tôi cười mà rằng : Chết ở chỗ các bạn cứ tặng cho hai chữ phong độ đấy. Nhiều cụ, tuổi trên dưới thất thập rồi, nghe được câu này, cứ tưởng mình " gion" thật, thế là đi làm đám ba cái chuyện tươi mát, cặp bồ cặp bịch, say sưa tối ngày, gia đình đâm ra lủng củng đấy. Tôi đã biết không ít trường hợp như thế. Mất gì mà mấy cô ở trong cơ quan không tặng thủ trưởng (sắp đến ngày làm sổ hưu rồi) một chữ "phong độ" xanh rờn. Họ biết tổng rằng người già, ai mà chẳng thích khen. Điều này cũng có nghĩa, khi anh thích khen- cả những điều không thể có được - tức là anh thuộc lớp già rồi. Tôi đã từng thấy mấy ông già thi uống bia, uống rượu với thanh niên, đánh câu lông mấy tiếng liền không nghỉ, rồi đi hát Karaôkê cả buổi vì tưởng mình...phong độ. Đó là chưa nói đến cái chuyện kia, cứ tưởng mình phong độ, mình là trên, bảo dưới ắt phải nghe - Thực ra có ai thêm nghe mình nữa đâu !

Nói chuyện già thì cũng phải thêm chuyện trẻ. Bọn trẻ rất thích ai khen chúng " sành điệu". Khen thay cái đứa nào sáng tác ra cái từ này quá hiểu tâm lý, làm bọn trẻ vớ lấy ngay. Cái tâm lý của giới trẻ thích ăn diện ngày nay là sành điệu, bởi vì anh hay chị không biết sử dụng cái này, chưa chơi cái kia, không nghiệm thứ này thì "yếu" quá. Vậy nên các kiốt bán trà, uống cà phê (lẽ ra là chỗ cho mấy ông già đầu râu tóc bạc!) thì lại là " nơi gặp gỡ của thế hệ trẻ". Nhà hàng trưng mấy chữ to tướng như vậy- tựa như cái bóng đèn bắt côn trùng ban đêm- vô số anh chị sành điệu sa vào liền. Cũng vẫn khơi dậy cái " sành điệu" nên cái chết trắng mới dễ rình rập được tuổi trẻ; chứ ngày nay, hiếm khi bắt được ông già vào con đường ma tuý. Cũng bởi sành điệu nên mới đua xe, lạng lách, đánh võng, mới vào tù mà hối không kịp.

Vậy có câu rằng :
" Phong độ" để phỉnh ông già
" Sành điệu" để nhử vài ba anh khờ
Ai ơi đừng có nằm mơ :
Phong độ, sành điệu ...có giờ vào lao !

Lá thư từ Paris

Paris, ngày.10 tháng 10 năm 2002

An Ngọc thân mến !

Định viết ngay cho cậu khi đến nhà, vậy mà đến nay mình mới thực hiện được cái công việc chửa ngại ấy. Thế nhưng, vẫn có cái gì thôi thúc mình viết thư cho cậu sau một tháng về thăm Hà Nội, - nơi mình đã xa cách hơn bốn chục năm trường. Hôm tiễn mình ra sân bay, cậu có hỏi cảm tưởng chung của mình về chuyến hồi hương thăm quê cha đất tổ. Thú thật là khi đó mình không thể trả lời được, bởi vì trong lòng đang xốn xang đầy với nỗi gần nhà xa nước. Quê hương, đất nước của mình đấy mà vừa xa, vừa gần, vừa như không hiểu nó chút gì mà cũng vừa biết nó quá tường tận. Mình không thể chỉ trong một khoảnh khắc mà đánh giá được. Vậy là mình đành chịu câu trả lời của cậu trước khi nói lời tạm biệt để về Paris. Chiều nay, khi tha thân bên bờ sông Seine mình chợt thấy nhớ Hà Nội da diết. Mình bỗng thấy nước sông Seine trở nên hồng hồng đo đỏ, phản chiếu cảnh sắc của làng xóm ngoại thành Hà Nội, có bóng rặng tre soi. Nghe tiếng chuông nhà thờ Đức Bà vang đâu đây mà tưởng như đang đứng trước nhà thờ Lớn ở Hà Nội. Rồi, tha thân đến Khải hoàn môn mà vẫn tưởng như mình cùng cậu thăm lại Ô Quan Chưởng. Nhưng, có cái mà mình không thể nào nhâm giữa Paris và Hà Nội được : Paris tráng lệ, đẹp tuyệt trần, nhưng không thể có một nơi nào gọi cho mình liên tưởng đến Hồ Tây ở thủ đô của quê hương mình! Tuy nhiên, dù cho trí tưởng tượng của mình cố phong phú đến mấy, trí nhớ còn tốt như ngày nào, thì Paris cũng không có hình ảnh tương tự để gọi cho mình một Hồ Tây đích thực ra sao. ở đây, điều mình muốn nói khi cùng với cậu đi thăm lại Hồ Tây, có cái gì làm mình không vui lắm. Mình chưa lý giải được trạng thái tâm lý của người xa cái phong cảnh mà hơn bốn chục năm trước đây đã từng quá quen thuộc. Chợt nhớ ra rằng ở cái tuổi lục tuần như chúng mình bây giờ, có khi mắc bệnh " hoài cổ" cũng nên. Không thấy cái lợi của sự đổi thay, tiến bộ trong xã hội mà chỉ nín ké cái xưa, chỉ vì cái xưa đó còn chứa đựng quá nhiều kỷ niệm của một thời thơ ấu mà chẳng mấy người có thể quên đi được. Cậu hẳn vẫn còn nhớ những buổi " bát phở", trợn một vòng quanh Hồ Tây mỗi khi có tiết học thầy nghỉ ốm thời chúng mình đang học tại trường Chu Văn An, hai đứa đã tính giờ phải đạt kỷ tốc độ đến 17km/giờ mới kịp về trường để học tiết sau. Tuy ở tuổi trai trẻ chúng mình không ngắm cảnh như kiểu cha ông ta ngày xưa, thế mà mình vẫn nhớ như in từng đoạn nào là Yên Phụ, Quảng Bá, Nghi Tàm, Nhật Tân nếu bị bịt mắt dẫn đi.

Nay thì chịu rồi, nhà cửa san sát, biệt thự, nhà hàng khách sạn mọc lên khắp chốn. Nếu mình là kiến trúc sư như cậu, chắc hẳn sẽ có dịp nghiên cứu kỹ hơn về quá trình đô thị hoá của vùng ven đô phía tây Hà Nội; song vì chỉ thuần tuý là một người dân Việt về thăm quê hương, thì tâm sự lại khác. Sự nuối tiếc quang cảnh ngày xưa nơi đây cứ ám ảnh mình, chính vì thế mà không trực tiếp trả lời được khi cậu hỏi về vấn đề này. Mình còn nhớ hồi xưa hai đứa mình ít khi tha thân quá Kim Mã, vì coi đó là đường dẫn tới một nơi nào heo hút lắm. Hà Nội bây giờ trải rộng ra hơn nhiều, đường xá ngang dọc, mở rộng cắt qua nhiều khu vực trước kia chỉ là ruộng rau muống, xóm nghèo xơ xác. Mình chợt nhớ ra điều này nên nói ngay kéo quên : giá như cứ lại mấy tuyến xe điện ở những nơi có điều kiện và nhu cầu giao thông nội bộ đô thị thì hay biết mấy. Tiếng " leng keng" của xe điện ngày nào từ Bờ Hồ đi các ngã Cầu Giấy, Bạch Mai, Bưởi... sẽ không làm giảm cái hiện đại hoá mà vẫn giữ được nét đặc biệt của thủ đô Thăng Long xưa. Chính ở các nước tiên tiến Châu Âu vẫn lưu hành những thứ xe điện như thế mà có làm họ trở thành lạc hậu đâu ! Còn về những phố cổ Hà Nội, theo mình chỉ nên để một vài phố tiêu biểu thôi để lưu niệm cái cổ sơ, gốc tích ban đầu, không nhất thiết phải để cả đủ Ba mươi sáu phố phường xưa. Tại sao ư ? Vì đa phần nhưng ngôi nhà trong các phố này đã cũ kỹ lắm rồi, phục chế thì rất tốn kém mà thành phố thì cần đất để xây dựng nhiều cao ốc, đặt thêm đường xá giải quyết ùn tắc giao thông. Theo mình những phố cổ gần Hồ Hoàn Kiếm nên giữ lại.. Thật ra, giữ cái gì, boe cái gì, dung hoà được những gì, đó không phải là chuyện một sớm một chiều mà phải qua thực tiễn tiến lên của các hoạt động xã hội - nhân văn và đời sống vật chất ngày một đổi mới của con người, con người Việt Nam.

Mình sẽ có dịp về nước vào ngày kỷ niệm 50 năm Giải phóng Thủ đô. Chắc là sẽ được trao đổi nhiều và thú vị hơn với An Ngọc.

(hết kntk01)

LETTRE D'AMOUR D'ALFRED DE MUSSET ET DE GEORGE SAND



ALFRED DE MUSSET :

Quand je vous fais, hélas ! un éternel hommage,

Voulez vous qu'un instant je change de langage,

Vous seule possédez mon âme et mon Cœur,

Que ne puis-je avec goûter le vrai Bonheur

Je vous aime, ma belle, et ma plume en délire

Couche sur ce papier ce que je n'ose dire

Avec soin, de mes vers, lisez les premiers mots,

Vous sauriez quel remède apporter à mes maux.

GEORGE SAND:

Cette faveur que votre ardeur réclame

Nuit aussi à l'honneur mais répond à ma flamme !

THƯ TÌNH CỦA ALFRED MUSSET VÀ GEORGE SAND

ALFRED DE MUSSET:

Khi gặp nhau : đã đòi dâng hiến

Nào mong anh thoát biển giông rồi

Em toan riêng chiêm cuộc đời

Muốn luôn Hạnh phúc quá trời với anh

Ngủ ru bút thành trang thơ mới

Với tâm tình khó gợi lời ra

Anh mong em đọc ngâm nga

Thế là phương thuốc chữa ta hết sầu !

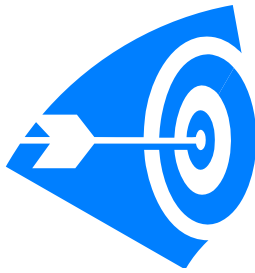
GEORGE SAND:

Tối huệ cho những thỉnh cầu

Nay em bén ngọn lửa đầu cùng anh !

bài ca Pháp

(HUY CÔN dịch theo "Collection des chansons francaises bien connues")



BANG BANG

Nous avions dix ans à peine
Tous nos jeux étaient les memes
Aux gendarmes et aux voleurs
Tu me visais droit au Coeur

Bang bang, tu me tuais

Bang bang, et je tombais

Bang bang, et ce bruit- là

Bang bang, je ne l'oublierai pas

Nous avons grandi ensemble
On s'aimait bien il me semble
Mais tu n'avais de passion
Que pour tes jeux de garçon

Bang bang, tu t'amusais

Bang bang, et je suivais

Bang bang, et ce bruit- là

Bang bang, je ne l'oublierai pas

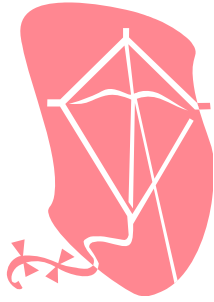
Un jour tu as eu vingt ans

Il y avait déjà longtemps
Que l'amour avait remplacé
Notre amitié du passé
Et quand il en vient une autre
On ne sait à qui la faute
Tu ne m'avais jamais menti
Avec elle tu es parti

Bang bang, tu m'as quittée
Bang bang, et je suis restée
Bang bang, et ce bruit-là
Bang bang, je ne l'oublierai pas

Quand j'aperçois des enfants
Se poursuivre en s'amusant
Et faire semblant de se tuer
Je me sens le cœur serré

Bang bang, je me souviens
Bang bang, tous me revient
Bang bang, et ce bruit-là
Bang bang, je ne l'oublierai pas



PẰNG PẰNG

Anh, em lứa tuổi lên mười
Cùng nhau đùa nghịch vui cười ròn tan
Đưa kẻ cắp, đưa công an
Anh nhắm giữa trái tim em bắn liền

Pằng, pằng anh mới giờ tay

Pằng, pằng em đã lăn quay ngã liền

Pằng, pằng hai tiếng thiêng liêng

Pằng, pằng em có thể quên bao giờ

Giờ đây ta đã lớn khôn
Mà em vẫn cứ ngóng trông anh về
Nhưng anh đau thích trò vè
Của thời thơ ấu bạn bè con trai

Pằng, pằng anh mới rủ thôi

Pằng, pằng thích thú em chơi vui liền

Pằng, pằng hai tiếng thiêng liêng

Pằng, pằng em có thể quên bao giờ

Bây giờ anh đã đôi mươi

Tình yêu thế chỗ nơi người bạn xưa

Chẳng ai dối trá lọc lừa

Khi ai bỗng đến tình cờ bên anh

Pằng, pằng anh đã rời em

Pằng, pằng em vẫn lòng kiên ngóng chờ

Pằng, pằng hai tiếng thiêng liêng

Pằng, pằng em có thể quên bao giờ

Chợt nhìn bọn trẻ vui đùa

Mà long se lại, vẫn trò chơi xưa

Đưa giờ súng, đưa chết vờ

Những hình ảnh ấy bao giờ cho quên

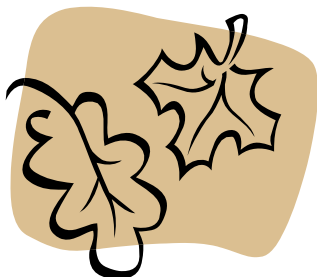
Pằng, pằng em nhớ ngày nào

Pằng, pằng tất cả ùa vào tim em

Pằng, pằng hai tiếng thiêng liêng

Pằng, pằng em có thể quên bao giờ

(27.9.06)



BUTTERFLY

Tu me dis loin des yeux, loin du Coeur

Tu me dis qu'on oublie le meilleur
Malgré les horizons,
Je sais qu'elle m'aime encore
Cette fille que j'avais surnommée :

Butterfly, my Butterfly

Dans un mois je reviendrais

Butterfly, butterfly

Près de toi je resterais

L'océan c'est petit, tout petit
Pour deux cœurs où l'amour a grandi
Malgré ce que tu dis,
Tu vois qu'elle m'aime encore
Cette fille que j'avais enlacée

Butterfly, my Butterfly

Dans un mois je reviendrais

Butterfly, butterfly

Près de toi je resterais

Notre amour est si grand, oui si grand
Que le ciel y tendrait tout dedans
Malgré ce que tu dis,
Je sais qu'elle m'aime encore
Cette fille que j'avais embrassée

Butterfly, my Butterfly

Dans un mois je reviendrais

Butterfly, butterfly

Près de toi je resterais



BUỚM XINH

Em lo “ cách mặt xa lòng”

Dù người yêu nhất cách trùng vẫn quên

Bướm xinh, nàng hãy yên tâm

Anh luôn cảm nhận tình thâm của nàng

Tháng sau anh sẽ trở về

Bướm xinh, anh sẽ ở lý bên em

Tháng sau em ở bên anh

Bướm xinh, nàng hãy yên tâm đợi chờ

Đại dương mà nhỏ tí teo

Khi đôi trai gái biết yêu trọn đời

Dù em ngần ngại thế nào

Vẫn là cô gái buộc vào đời tôi

Tháng sau anh sẽ trở về

Bướm xinh, anh sẽ ở lý bên em

Tháng sau em ở bên anh

Bướm xinh, nàng hãy yên tâm đợi chờ

Tình yêu thu gọn bầu trời

Em luôn luôn nhủ suốt đời yêu tôi

Còn tôi mãi mãi yêu mình

Vòng tay ấm áp chung tình, Bướm xinh !

Tháng sau anh sẽ trở về

Bướm xinh, anh sẽ ở lý bên em

Tháng sau em ở bên anh

Bướm xinh, nàng hãy yên tâm đợi chờ

(28.9.06)



28 DEGRÉS À L'OMBRE

(Elle):

Monaco,

28 degrés à l'ombre

C'est fou, c'est trop

On est tout seuls au monde

Tout est bleu, tout est beau.

Tu fermes un peu les yeux, le soleil est si haut,

Je caresse tes jambes, mes mains brûlent ta peau

(Elle) :

Ne dis rien,

Embrasse-moi quand tu voudras

Je suis bien,

L'amour est à côté de toi

(Lui):

On est bien

(Lui):

Monaco,

28 degrés à l'ombre

Tu ne dis plus un mot

J'étais ma cigarette, il fait encore plus chaud

Tes lèvres ont le goût d'un fruit sauvage

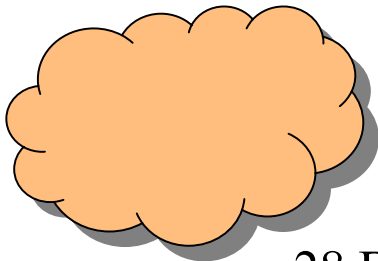
Et voilà ,

Comme une vague blonde

Tu m'emportes déjà.

Ne dis rien,

L'amour est au-dessus de moi.



28 ĐỘ TRONG BÓNG RÂM

Chàng:

Mô na cô

Hai tám độ
Trong bóng râm
Trên trần thế
Có đôi ta
Trời xanh quá
Em nhắm mắt
Mặt trời cao
Anh vuốt vào
Em nóng sao
Nàng :
Hãy ôm em
Và im tiếng
Tình như biển
Ở ngay bên
Chàng:
Thế ổn rồi
Chàng:
Mô na cô
Hai tám độ
Trong bóng râm
Đừng lên tiếng
Anh châm thuốc
Nóng lên nhiều
Đôi môi em
Như trái lạ
Cuốn đi xa

Làn song biếc

Nàng:

Đừng nói thêm

Tình yêu đến

Từ phía trên

(29.9.06)



ALINE

J'avais dessi né sur le sable

Son doux visage qui me souriait

Puis il a plu sur cette plage

Dans cet orage, celle a disparu

Et j'ai cri é, cri é, Aline pour qu'elle revienne

Et j'ai pleur é, pleur é, oh j'avais trop de peine

Je me suis assis auprès de son âme
Mais la belle dame s'estait enfuie
Je l'ai cherché e sans plus y croire
Et sans un espoir, pour me guider

*Et j'ai cri é, cri é, Aline pour qu'elle revienne
Et j'ai pleur é, pleur é, oh j'avais trop de peine*

Je n'ai gard é que ce doux visage
Comme une espave sur lae sable mouill é

*Et j'ai cri é, cri é, Aline pour qu'elle revienne
Et j'ai pleur é, pleur é, oh j'avais trop de peine*



Tôi vẽ trên cát
Khuôn mặt tươi hiên
Rồi em biến mất
Khi bão qua đây
Trên bãi biển này

Tôi gọi nàng về

Khóc hoài đau đớn

Tôi muốn bên nàng
Nhưng nàng lẩn trốn
Tìm trong tuyệt vọng
Chẳng thấy được đâu

Tôi gọi nàng về

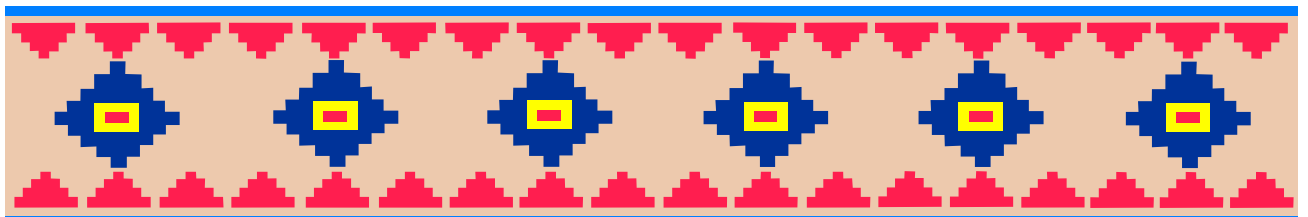
Khóc hoài đau đớn

Tôi chỉ canh chừng
Khuôn mặt hiền thân
Vật vờ bãi biển
Trong cát ướt đầm

Tôi gọi nàng về

Khóc hoài đau đớn

(28.9.06)



TIẾT KIỆM VÀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRONG XÂY DỰNG trong điều kiện biến đổi khí hậu

Xây dựng là một trong những ngành tiêu thụ năng lượng rất lớn, ở hầu hết các giai đoạn trong chu trình sống của công trình. Từ thiết kế, thi công, khai thác sử dụng công trình đến sản xuất vật liệu xây dựng đều phải tiêu thụ năng lượng. Theo số liệu của nước ngoài, chỉ riêng tổng năng lượng tiêu thụ cho các công trình xây dựng đã chiếm đến 40-70% tổng năng lượng cung cấp cho đô thị .

Vấn đề tiết kiệm và sử dụng năng lượng có hiệu quả trong xây dựng cũng đã được quy định trong các văn bản tiêu chuẩn của nhiều nước trên thế giới. Ngay ở Việt Nam cũng đã ban hành tiêu chuẩn QCVN 09-2005 “ *Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng có hiệu quả*”. Tuy nhiên, việc áp dụng tiêu chuẩn này còn hạn chế do nhiều nguyên nhân, bởi có nhiều vấn đề, không chỉ ngành xây dựng đơn độc giải quyết được.

Để sử dụng năng lượng trong xây dựng có tiết kiệm và hiệu quả thật không đơn giản, nhất là trong điều kiện biến đổi khí hậu Chỉ riêng việc xem xét tiêu thụ năng lượng điện trong nhà ở tại các khu đô thị mới đã thấy có nhiều vấn đề cần giải quyết. Đó là tiêu thụ điện trực tiếp (chạy máy điều hòa không khí, quạt máy, đun nước nóng, chiếu sáng, thiết bị điện sinh hoạt, thang máy và các động cơ khác) và tiêu thụ gián tiếp (vật liệu xây dựng, nước sinh hoạt,v.v.). Rõ ràng là sử dụng năng lượng tiết kiệm và có hiệu quả đều phải xét đến tổng tiêu thụ điện trực tiếp và gián tiếp cũng như các hệ thống cung cấp điện chiếu sáng, cấp nước, cấp nhiệt, thông tin, thang máy, lựa chọn và sử dụng các trang bị trong nhà cũng như các hệ thống điều khiển tự động của công trình.

Tuy nhiên, chúng ta cũng có những điều kiện thuận lợi nếu biết khai thác, tận dụng hợp lí để tiết kiệm năng lượng trong xây dựng. Ngay từ khâu *thiết kế* thì việc chọn số liệu khí hậu thích hợp (về bức xạ mặt trời, nhiệt độ không khí, độ ẩm tương đối, gió, điều kiện tiện nghi vi khí hậu công trình) để phát triển công trình xanh tiết kiệm năng lượng trên cơ sở tận dụng tối đa điều kiện khí hậu thiên nhiên và cảnh quan tự nhiên, tổ chức thông gió tự nhiên và tận dụng ánh sáng tự nhiên. Cũng trong khâu thiết kế, việc chọn kiểu dáng, hình khối nhà cao tầng không chỉ thuần túy về phương diện thẩm mỹ kiến trúc mà còn có tác dụng về mặt tiết kiệm năng lượng. Chẳng hạn, thứ tự ưu tiên lựa chọn hình khối nhà cao tầng để tiết kiệm năng lượng là khối trụ tròn, khối đa diện đều, khối trụ vuông, khối trụ chữ nhật rồi mới đến

các khối có hình thù lồi lõm phức tạp khác. Tại khâu thiết kế, việc lựa chọn hệ thống cửa sổ cũng có thể tiết kiệm năng lượng, nếu nhằm tận dụng ánh sáng tự nhiên để chiếu sáng cho phòng. Chẳng hạn, chọn loại cửa sổ cao hơn tốt hơn loại cửa thấp (so với cùng một diện tích cửa cửa), cửa dễ dàng đóng mở nhưng cũng đảm bảo yêu cầu che nắng, áp dụng kinh nghiệm sử dụng cửa truyền thống (trong kính, ngoài chớp),v.v.

Trong *sản xuất sử dụng vật liệu xây dựng*, việc tiết kiệm và sử dụng có hiệu quả năng lượng là rõ ràng. Chẳng hạn sử dụng gạch không nung trong xây dựng, đỡ tốn kém nhiên liệu nung, giảm khí thải và ô nhiễm nhiệt, tạo loại vật liệu thân thiện với môi trường. Chúng ta còn biết rằng vật liệu xây dựng trong điều kiện khí hậu nhiệt đới nóng ẩm Việt Nam nếu không đảm bảo cách nhiệt tốt, chống thấm dột, ẩm mốc, bền vững, khó bị hư hoại trước những tác động khắc nghiệt thì phải sử dụng thiết bị điều hòa, thông gió nhân tạo là có hiệu quả, song tốn năng lượng. Sử dụng loại sản phẩm cách nhiệt, có khả năng ngăn bức xạ mặt trời có thể không dùng điện mà vẫn đảm bảo cho ngôi nhà không bị nóng, được thông gió tốt. Đó là chưa kể các loại cấu kiện tiên chế như tấm tường, tấm sàn có chiều dày mỏng, vận chuyển dễ dàng *trong thi công*, tạo điều kiện tiết kiệm năng lượng, chất đốt cho xe cộ.

Còn nhiều giải pháp có thể cải thiện điều kiện sống trong những ngôi nhà cao tầng ở đô thị mới, trong số đó phải kể tới *sử dụng cây xanh* để làm giảm nhiệt độ mặt đệm và làm sạch không khí đối với ngôi nhà. Nếu không gian xung quanh khu nhà ở được “lục hóa” thì sẽ tạo môi trường không khí trong khu nhà ở thấp hơn, sạch hơn, mát hơn, ít phải sử dụng máy điều hòa không khí và tiết kiệm điện năng một cách rõ rệt.

Trên đây mới chỉ nêu một số khả năng có thể đảm bảo tiết kiệm và sử dụng hợp lý năng lượng trong xây dựng. Trong điều kiện hiện nay, khi biến đổi khí hậu xảy ra mạnh mẽ thì vấn đề nêu trên càng bức thiết và là quốc sách của mọi quốc gia. Đó là công việc chung của mọi ngành, nếu không chung tay góp sức thì kết quả rất hạn chế ■

BÁCH KHOA THƯ TƯƠNG TÁC

OXFORD

(OXFORD INTERACTIVE ENCYCLOPEDIA)

NGUYỄN HUY CÔN

Kỹ thuật tin học đã thực sự hỗ trợ nhiều cho các lĩnh vực khác nhau, trong đó phải kể tới công nghệ biên soạn từ điển. *Bách khoa thư tương tác Oxford*, con đẻ của kỹ thuật này đã nổi tiếng thế giới như một công cụ hữu ích phục vụ học tập và tra cứu. Từ điển Bách khoa điện tử này là sự tổng hợp của nhiều từ điển Oxford khác: *Từ điển Bách khoa có hình*, *Từ điển Thế giới*, *Từ điển tra cứu tiểu sử*, *Tân từ điển điện tử tiếng Anh*, *Từ điển các từ đồng nghĩa*. Với khối lượng trên 350.000 mục từ và hơn 400 bảng tra cứu và nhất là việc đưa âm thanh, hình ảnh, video clip và các hình thức minh họa khác vào, từ điển đã tạo điều kiện giới thiệu chi tiết và sinh động hơn bao giờ hết về đất nước, con người, các sự kiện xã hội, vùng miền, thành phố, kỳ quan thế giới, động vật, sản vật thiên nhiên, địa chỉ nổi tiếng, tiểu sử danh nhân, các nền văn hóa, thiên văn địa, vũ khí, vũ trụ, từ đồng nghĩa và trái nghĩa, phương ngôn tục ngữ. Tuy nhiên đó chưa phải là đặc điểm duy nhất của loại từ điển này. Đúng với tên gọi của nó, Từ điển Bách khoa Oxford loại này, bằng các phần mềm riêng có, nó đã thể hiện được nhiều bộ máy tra cứu cho các thông tin có liên quan đến nhau, theo cách tra cứu thứ tự chữ cái, theo chủ đề và phương tiện thể hiện (hình ảnh cố định, phim ảnh động, video, ảnh chụp, sơ đồ, bản đồ, v.v.) hoặc riêng biệt, hoặc kết hợp với nhau. Ví dụ khi giới thiệu quốc kỳ và quốc thiều của một nước, chúng ta có điều kiện để nhìn thấy đồng thời quốc kỳ và nghe cử nhạc quốc thiều của nước đó. Với những sự kiện chính trị – quân sự quan trọng trên thế giới, chúng ta được xem các video clip rất sinh động và quý hiếm (ví dụ: trận bom nguyên tử năm 1945 ở Nhật hay chiến tranh ở Việt Nam). Để tìm một mục từ, có thể có nhiều cách tra cứu dẫn đến từ đó. Hoặc là tra cứu theo thứ tự chữ cái của Từ điển, hoặc tra trên Atlas (nếu là địa danh, tên nước, tên châu lục...), hoặc sử dụng sơ đồ thời gian (nếu là lịch sử, tiểu sử danh nhân, sự kiện quan trọng...), hoặc theo hệ thống chủ đề, v.v. Đặc biệt, qua tra cứu trên “*Đài thiên văn*” bạn có thể thấy tận mắt những ngôi sao, chòm tinh vân về ban đêm xuất hiện tại ngày tháng nhất định trong năm mà bạn cần biết.

Để tiện giới thiệu, xin chọn mục từ *Việt Nam* làm ví dụ tra cứu.

1. *Tra theo FIND*, được:

159 mục từ có liên quan:

Vietnamese Literature, Vietnam War, Anam, Bao Dai, Vietcong, Vietnamese Art, Haiphong, Hanoi, Ho Chi Minh City, Ho Chi Minh City trail, French Indo-China, Geneva Conference, Ngo Dinh Diem, Tonkin Gulf Resolution, Vietnam, Da Nang, Hue, French Indo-China War, Nguyen Van Thieu, Red River v.v.

2. *Tra theo DICTIONARY* (tức phiên bản CD-ROM của The New Shorter Oxford English Dictionary): cho trực tiếp mục từ Vietnam. Từ điển “nhỏ” này có 33.750 mục từ

3. *Tra theo ATLAS*:

Nhấp vào Atlas → Hình quả địa cầu → Asia → (*zoom*) → Bản đồ Đông Nam Á → *Nhấp vào Vietnam* → mục từ VIETNAM.

4. *Tra theo* TIMELINE:

Hoặc từ các mốc thời gian → sự kiện lịch sử

Hoặc từ sự kiện lịch sử → mốc thời gian

5. *Tra theo* INFOLINKS

Nhấp vào search → Vietnam (kèm sơ đồ liên quan về địa lý, lịch sử, văn hóa...)

6. *Tra theo* TOPIC TREE:

Theo các chủ đề (thứ tự a,b,c tiếng Anh), có:

Nghệ thuật, giao thông, Trái đất, kinh tế, giáo dục, địa lý, chính phủ, y tế, lịch sử, luật, văn học, toán học, vật liệu, năng lượng, thời gian, không gian, triết học, tôn giáo, khoa học, thể thao-giải trí, công nghệ.

7. *Tra theo* MEDIA STUDIO, có:

- Bảng mục từ
- Hình và ảnh
- Âm thanh
- Video

8. *Tra* PLANETARIUM:

Hình ảnh các chòm sao, tinh vân về ban đêm ở nhiều địa điểm trên thế giới (không có Việt Nam)

Nội dung mục từ VIỆTNAM có khoảng 900 từ, với nội hàm:

- Địa lý, hình thể
- Kinh tế
- Lịch sử

Kèm các dữ kiện riêng về: Thủ đô, diện tích, dân số, tiền tệ, tôn giáo, dân tộc, ngôn ngữ, thành viên LHQ.

Kèm các biểu tượng, khi nhấp vào, sẽ được:

- Bảng so sánh các thời gian lịch sử
- Hình quốc kỳ Việt Nam
- Ảnh chụp : làng biển, người Việt trên thuyền thúng, khách sạn về đêm, chợ Hà Nội, đền thờ, chùa Một cột, cây lúa, dinh thự Pháp ở Saigon, cảnh phố phường, xe đạp trên phố, mặt trời lặn, sạp hàng ở chợ, phố ở Tp. Hồ Chí Minh, bán hàng trên đèo, tháp Chàm, cái mới và cái cũ, vá lưới, nhà bưu điện thành phố Hồ Chí Minh, cảnh đồ nát chiến tranh.
- Video clip: chiến tranh ở Việt Nam
- Nhạc: quốc thiều Việt Nam

...

Bách khoa thư tương tác Oxford đúng là một ấn phẩm điện tử. Không xuất bản trên giấy, mà các thông tin được tiếp cận với một máy tính. ấn phẩm này được chuyển tải trên CD-ROM điển hình. Nó có đủ khả năng để hiển thị các sơ đồ, đồ thị, hình ảnh chụp, âm thanh, video clip và cả bài viết. Như đã nêu, từ điển này, với việc thiết kế 4 khuôn nhìn hiển thị đồng thời trên màn hình:

- khuôn nhìn mục từ (bên phải màn hình)
- khuôn nhìn đa phương tiện (bên trái, trên)
- khuôn dẫn (bên trái, dưới)
- thanh dẫn (bên trái màn hình, chạy dọc)

đã tạo điều kiện tìm kiếm mục từ, với sự tương tác của các phương tiện này.

Cùng với việc sử dụng các ấn phẩm trên Internet, loại hình ấn phẩm điện tử sẽ giúp ích được nhiều cho chúng ta trong học tập cũng như trong tra cứu thông tin, đồng thời mở rộng khả năng và biện pháp thông tin của loại hình Từ điển Bách khoa.



THỬ NHÌN LẠI BỘ TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA ĐẦU TIÊN CỦA VIỆT NAM

Bộ từ điển Bách khoa Việt Nam, 4 tập, cỡ trung bình đã được xuất bản trọn bộ năm 2005. Ròng rã trong 10 năm, lần lượt các tập 1 (1995), tập 2 (2002), tập 3 (2003) và tập 4 (2005) sau một thời gian dài mang nặng nề đau, rớt cuộc rồi cũng ra đời. Đây là bộ từ điển Bách khoa đầu tiên của Việt Nam, được xem là một công trình văn hóa-khoa học lớn của đất nước. Bộ từ điển này đã đáp ứng được nhu cầu đông đảo của người đọc có trình độ trung học trở lên, trong một chừng mực nhất định cũng đã thỏa mãn được yêu cầu tra cứu qua 4 vạn từ thuộc 40 chuyên ngành. Trong những điều kiện khó khăn về vật chất kỹ thuật, về chuyên môn nghiệp vụ và nguồn nhân lực, phải nói đó là một thành công lớn, đáp ứng lòng mong mỏi của nhiều người, từ Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn cho đến các người tham gia trong các ban biên soạn và nhất là đông đảo các công tác viên. Con số 2000 nhà khoa học thuộc các lĩnh vực, các ngành khác nhau tham gia trong suốt quá trình soạn thảo của từng ban, nếu tính từ khi bắt tay vào công việc từ năm 1987, đã nói lên công sức và nhiệt tình đóng góp cho bộ Từ điển này.

Tuy nhiên, phải thẳng thắn nhìn lại, chúng ta thấy còn có nhiều điều chưa hoàn chỉnh, có sai sót, có thiên lệch. Đó là những nhược điểm tất yếu khi chúng ta chưa có kinh nghiệm trong việc biên soạn loại từ điển này, với khối lượng mục từ lớn của nhiều chuyên ngành khác nhau, lực lượng biên soạn lại không chuyên và chưa được huấn luyện. Bên cạnh đó, việc xuất bản kéo dài đến hàng thập niên mới kết thúc cũng là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng không tốt đến chất lượng tác phẩm.

Sau khi đã xuất bản xong từng tập cũng như đủ bộ đã có nhiều ý kiến khen chê khác nhau đăng trên báo chí, thường mới chỉ tập trung vào những sai sót trong một số mục từ về địa lý, lịch sử ở địa phương, về tên riêng, về quy mô diện tích của thành phố hay chiều dài của con sông nào đấy chảy qua địa phương. Điều này là tất nhiên khi thời gian biên soạn và in ấn kéo dài, trong khi tỉnh này, huyện kia đã có sự thay đổi do tách nhập về hành chính. Lại nữa, sự thay đổi về tổ chức và nhân sự của Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa theo quyết định số 288-CT năm 1987 và số 746/QĐ năm 1998 cũng là nguyên nhân làm xáo trộn, có ảnh hưởng tới việc chỉ đạo chung của quá trình biên soạn. Về lực lượng biên soạn, cách tổ chức cũng không thống nhất. Có ban biên soạn đủ sức để tự biên soạn bằng mục từ của mình, nhưng cũng có ban biên soạn chỉ mang tính chất tổ chức chỉ đạo, còn chủ yếu là dựa vào các cộng tác viên. Cũng vì thế mà có ban biên soạn

quá nhiều người (ví dụ: ban công nghiệp, có đến 76 cộng tác viên; ban nông nghiệp có đến 196 cộng tác viên), hoặc quá ít người trong ban biên soạn (ví dụ: các ban mỹ thuật, âm nhạc, sân khấu, v.v. ban biên soạn chỉ có người không quá 10 người). Qua cách tổ chức như vậy thấy rõ là chưa có sự phân loại sắp xếp các chuyên môn khác nhau trong ngành một cách khoa học theo *hệ thống phân loại tiêu chuẩn*. Lại nữa, trong việc biên soạn chưa có sự phối hợp giữa các bộ môn trong một ngành với nhau, chưa nói là giữa các ngành với nhau.

Tại thời điểm bắt đầu biên soạn bộ Từ điển Bách khoa Việt Nam, hầu hết các ngành, các bộ môn khoa học đều chưa có từ điển bách khoa riêng, thậm chí thuật ngữ khoa học chuyên ngành cũng chưa thống nhất và chuẩn hóa. Có thể đếm trên đầu ngón tay những ngành có từ điển Bách khoa vào thập niên 1990 và 2000: nông nghiệp (1991), quân sự (1996), xây dựng-kiến trúc (2003), sinh học (2003), y học (2004), thiên văn học (1995-2005). Việc phân bổ số lượng mục từ cho các ban biên soạn cũng chưa hợp lý, theo nguyên tắc bình quân (4 vạn từ cho 40 chuyên ngành), bởi có nhiều ngành, khó xoay sở với 1000 mục từ như công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, song cũng có những bộ môn với số lượng được phân bổ như vậy cũng là quá đủ, bởi có những mục từ vừa là chung, vừa là riêng đối với một số ngành, nhất là văn học- nghệ thuật.

Trên đây là những nhận xét chung về những nhược điểm trong quá trình biên soạn bộ Từ điển Bách khoa Việt Nam đầu tiên. Trong phạm vi ngành *xây dựng-kiến trúc*, chúng tôi xin đi sâu thêm một số tồn tại không tránh khỏi để cùng rút kinh nghiệm:

1. *Số mục từ phân cho ngành xây dựng □ kiến trúc chưa hợp lý*. Ngay từ đầu, Trung tâm Từ điển Bách khoa Việt Nam giao xuống cho các ban biên soạn kiến trúc 1000 mục từ, còn các mục từ thuộc xây dựng lại nằm trong khối lượng mục từ của ban biên soạn công nghiệp. Cách phân chuyên ban như vậy dẫn tới sự mất cân đối về số lượng mục từ cũng như khả năng đóng góp của các chuyên gia trong lĩnh vực xây dựng công trình kiến trúc, giao thông, thủy lợi. Nằm trong ban biên soạn về công nghiệp nói chung, tất nhiên các mục từ về xây dựng cũng bị hạn chế, chỉ có thể đưa ra những mục từ cơ bản, không có trong bảng mục từ kiến trúc. Về phần mình, các mục từ về kiến trúc lại có liên quan nhiều đến lĩnh vực nghệ thuật. Chỉ có thể xác định được số lượng các mục từ kiến trúc-xây dựng một cách hợp lý khi áp dụng hệ thống quốc tế về phân loại chi tiết cho ngành.

2. *Nội hàm / sự giải thích của một số mục từ còn phiến diện*, do chưa xét hết những mục từ có sự giao thoa của nhiều ngành khác nhau. Nói cách khác là chưa lồng ghép được nội dung cần biểu đạt của mục từ, cụ thể là mặt thiết kế xây dựng và sử dụng khai thác công trình. Ví dụ: mục từ Bảo tàng lịch sử Việt Nam nếu ngành kiến trúc biểu đạt là một công trình kiến trúc nổi tiếng, xây dựng từ đầu thế kỷ 20, trong đó nêu thời gian xây dựng, tác giả, đặc điểm kỹ thuật và mỹ thuật của công trình thì ngành văn hóa chỉ nêu thuần túy về công năng của một công trình văn hóa, có bao nhiêu gian trưng bày, trưng bày cái gì, có những cổ vật quý hiếm ra sao, v.v. Tương tự, các mục từ: *chiếu sáng, ánh sáng tự nhiên, ánh sáng nhân tạo* trong từ điển, nếu nói về kiến trúc thì phải biểu đạt thì nội hàm là một biện pháp kỹ thuật quan trọng để giải quyết tiện nghi và mỹ quan cho công trình, song trong từ điển (tập 1), nội hàm chỉ nêu thiên về lĩnh vực sân khấu và nhiếp ảnh. Rất nhiều ví dụ như vậy có thể dẫn ra ở tất cả các tập khác của bộ Từ điển.

3. *Thiếu thống nhất trong phân loại mục từ*. Trong cùng với một loại mục từ (thuộc từng lĩnh vực khoa học kỹ thuật, văn học nghệ thuật, v.v.) không thể có sự phân loại khác nhau được. Sự phân loại thiếu thống nhất này dẫn tới bỏ sót nội hàm của ngành có liên quan. Ví dụ: các chủ nghĩa/xu hướng trong văn học-nghệ thuật nói chung thường bao gồm cả văn học, mỹ thuật, âm nhạc, kiến trúc chứ không thể trình bày khác nhau như mục từ *chủ nghĩa* (tập 1):

- Chủ nghĩa cấu trúc (*triết*)
 - Chủ nghĩa cổ điển (*triết học, văn học, nghệ thuật*)
 - Chủ nghĩa hiện đại (*văn*)
 - Chủ nghĩa lãng mạn (*văn, mỹ thuật, âm nhạc*),
- v.v...

4. *Thời gian biên soạn và in ấn bộ Từ điển Bách khoa Việt Nam kéo dài*, trong khi trên thế giới và trong nước có nhiều dữ kiện mới cần cập nhật và sửa đổi (về chính trị, địa lý, phát minh khoa học-công nghệ, v.v.) thì không kịp thời đính chính. Tính từ khi tổ chức biên soạn năm 1987, sau 18 năm mới hoàn thành trọn bộ là thời gian quá dài cho một bộ từ điển 4 tập, cỡ trung, không quá 4000 trang.

5. *Hình ảnh minh họa trong bộ từ điển chưa phong phú và không đồng đều ở các tập*. Cũng phải thấy rằng chất và lượng minh họa cho bộ tiêu chuẩn có tiến bộ theo số tập. Điều này dễ hiểu, do thời gian sưu tầm hình ảnh có hạn và kỹ thuật in ấn sau này tốt hơn. Đối với từ điển bách khoa cần chú trọng khâu minh họa ngay từ đầu và phải thống nhất với các ban biên soạn. Chuẩn bị một “font” đầy đủ và thống nhất ngay từ đầu cho toàn bộ các tập,

không chỉ trông chờ ở các ban biên soạn. *Từ điển Bách khoa phổ thông một tập* của nhà xuất bản Larousse (Pháp) xuất bản từ năm 1979 mà đã có 4254 bản đồ, hình vẽ và ảnh minh họa (trong đó có 3500 ảnh mẫu chất lượng cao) do 10 chuyên gia bản đồ, họa sĩ và nhiếp ảnh lành nghề phụ trách cho chúng ta một ví dụ về việc coi trọng “font” minh họa như thế nào.

Trên đây là một số nhận xét khách quan, rút ra trong quá trình biên soạn và xem lại cả bộ *Từ Điển Bách khoa*. Những nhược điểm nêu trên là không thể tránh được khi chúng ta lần đầu tiên triển khai một bộ từ điển cỡ trung trong các điều kiện không mấy thuận lợi. Ngoài ra, còn nhiều vấn đề khác về phiên âm, viết tắt, về tiêu chí đánh giá mức độ khó của từ điển v.v., cũng chưa có dịp bàn thêm. Tuy nhiên, việc dám nghĩ, dám làm và vẫn có sản phẩm sau hàng thập niên là điều đáng trân trọng. Điều cơ bản là những người yêu sách vẫn tự hào khi trên giá sách của mình có đầy đủ 4 tập của *Từ điển Bách khoa Việt Nam* đầu tiên để tiện tra cứu.



Kiến trúc nhìn về tương lai

huy côn

Một loạt các xu hướng, phong cách, phong trào mang nhiều cái tên khác nhau như Art Deco(1), Art Moderne(2), Bauhaus(3), Contemporary style(4), Organic architecture(5), Streamline Moderne(6) mà người ta gọi chung là Kiến trúc Hiện đại mang ý nghĩa gì ? Thực ra đây là một thuật ngữ không chính xác, áp dụng từ cuối thế kỷ XIX vào một loạt nhà, trong đó nhấn mạnh đến chủ nghĩa công năng, chủ nghĩa duy lý và các phương pháp xây dựng hiện tại, trái ngược với các phong cách kiến trúc dựa trên tiền lệ lịch sử và các phương pháp xây dựng cổ truyền. Lịch sử là quá khứ. Đã đến lúc người ta nhìn vào tương lai, cự tuyệt với những phong cách có tính lịch sử để kiếm tìm những kiến trúc mới thích hợp với thời đại mới: thế kỷ XX. Đó là một kiểu kiến trúc vừa hữu ích, vừa dân chủ và phổ cập để tới được cái gọi là phong cách Hiện đại Quốc tế. Những ngôi nhà theo phong cách này đầu tiên xuất phát từ tiến bộ công nghệ và những vật liệu mới như sắt, thủy tinh và bê tông cốt thép, cho phép tạo nên những khả năng làm nhà chọc trời và từ sự tôn sùng khá là cứng nhắc ý tưởng cho rằng chức năng của công trình kiến trúc quyết định hình thức của nó. Thế rồi sự phổ biến của nó càng thuận lợi hơn nhờ những tiến bộ vượt bậc trong ngành thông tin và giao thông, hết như việc so sánh với ý nghĩa của việc phát minh ra kỹ thuật in đã tạo điều kiện truyền bá tri thức trong thời Phục Hưng ở châu Âu. Các nhà kiến trúc toàn thế giới hiểu chính xác những gì mà đồng nghiệp của họ đang làm. Những nhân vật như Gropius và Mies van der Rohe- những người sáng lập ra trường phái Bauhaus, cái nôi của xu hướng Hiện đại, một phong cách quốc tế mới được phát triển từ một vài ý tưởng cơ bản của tài năng phi thường Le Corbusier, v.v.. đã làm xu hướng Hiện đại hầu như thống trị cả thế kỷ XX. Và thật là nghịch lý, khi bọn phát xít toan bóp chết trường phái Bauhaus thì ảnh hưởng quốc tế của họ càng tăng lên .

Tuy nhiên, rồi qua thời gian, cái tên xu hướng Hiện đại không phải là vĩnh cửu, bởi càng ngày càng bộc lộ những điều không thích hợp. Đó là do có sự tồn tại những khác biệt lớn, nhất là sự khác biệt không thể xoá nổi về dân tộc ngay khi xu hướng Hiện đại quốc tế đang mạnh mẽ nhất. Do vậy, có nhiều kiến trúc sư xuất sắc của thế kỷ XX những chưa bao giờ là người theo chủ nghĩa Hiện đại. Có lẽ vì thế mà lý luận giáo điều cứng nhắc của những người theo xu hướng Hiện đại đã thể hiện ở những lời tuyên bố cực đoan nhất, chẳng hạn của Adolf Loos năm 1908 rằng " trang trí là hành động tội lỗi" , hoặc nhẹ nhàng hơn của Mies " ít đi là nhiều lên".

Những công trình của thế kỷ XX đâu phải là ít ỏi (xem bảng 1) .Chúng đã làm thay đổi mạnh mẽ và cơ bản bộ mặt của các đô thị trên thế giới.Đó là những điều không thể phủ nhận. Trong khi những công trình cổ điển như toà nhà Seagram của Mies van der Rohe khiến ta phải coi trọng vô hạn, thì việc gia tăng sử dụng loại kính rẻ tiền và những khối bê tông sau Thế chiến thứ Hai , khá nhiều trong số đó không có giá trị sử dụng cao, khiến cho số người sống và làm việc trong những công trình đó kém thoải mái ngày càng gia tăng. Thế rồi cái gì đến, sẽ đến: năm

1970, các kiến trúc sư nói chung bắt đầu cự tuyệt những nguyên lý khắt khe của xu hướng Hiện đại, nhưng lại không có ý tưởng nào nổi lên rõ rệt nhằm thay thế nó được. Nếu kể tới Hậu Hiện đại (7) thì đây chỉ là một thứ hổ lốn: thực chất là một thành phần của phong cách công nghệ cao. Chẳng hạn, Trung tâm Pompidou, một toà nhà trong suốt để phô bày kỹ thuật. Nếu như bê tông trước đây được ưa chuộng vì tính bền và ổn định của nó thì bây giờ lại sử dụng với hình khối tự do hơn, mang hình thức của điêu khắc rõ hơn và thường là đúc sẵn. Còn về màu sắc thì sử dụng nhiều đến nỗi nhiều khi làm cho người ta sững sốt, hoặc sử dụng làm thủ pháp giả chất liệu khác. Đó là chưa kể những thách thức có chủ ý của người thiết kế như: kết hợp các cột rất to với những bức tường mảnh dẻ, hoặc thẩm mỹ có tính toán kiểu như Disneyland. Hậu Hiện đại cũng chấp nhận những biểu lộ của thị hiếu thương mại của quần chúng kiểu Las Vegas với màu sắc sỡ, đèn neon và biển quảng cáo. Ngoài ra, nó còn mang phong cách tượng trưng hơn, không phải lúc nào cũng lý giải được. Toà nhà AT & T (1978) của một cựu chiến binh Mỹ Philip Johnson tại New York, - có thể coi như một ví dụ tiêu biểu sớm nhất của kiến trúc Hậu Hiện đại. Như thế, không phải là mọi kiến trúc sư tới California đều đạt được đỉnh cao, mặc dù phần lớn là những người nghiêm túc, tận tụy. Và cũng có những hãng như Norman Foster & Cộng sự đã đưa ra được liên tiếp những công trình mang tính chất đổi mới, gây được ấn tượng sâu sắc bằng cách sử dụng tiến bộ công nghệ, bao gồm cả tin học. Điều chắc chắn là kiến trúc vẫn mang tính quốc tế, nhưng nó đã có phong cách mới và đa dạng.

(1) **Art Decor** : mẫu trang trí được khuyến khích tại Triển lãm Quốc tế về Nghệ thuật trang trí và Công nghiệp hiện đại tại Paris năm 1925, được mở rộng sử dụng trong kiến trúc năm 1930 bao gồm thiết kế nhà chọc trời như công trình Chrysler ở New York. Đặc trưng bởi các dạng bề mặt và trang trí góc nhọn hay gấp khúc.

(2) **Art Moderne**: phong cách kiến trúc của các công trình xây trong những năm 1930. Đặc trưng: mặt tường trát nhẵn, mái bằng, các chi tiết ở mặt ngoài nhấn mạnh theo phương nằm ngang, góc ngoài lượn cong, cửa sổ bằng chạy suốt quanh góc nhà, có khối kính, mặt tiền không đối xứng.

(3) **Bauhaus**: trường phái thiết kế được Walter Gropius sáng lập ở Weimar, Đức năm 1919. Cũng là thuật ngữ chỉ các phương pháp dạy học hiện đại về kiến trúc và các nghệ thuật ứng dụng, với tính thẩm mỹ và công năng choi thoại đại kỹ nghệ, nhấn mạnh về thiết kế công năng, việc sử dụng lặp lại một khoảng trống giữa các bộ phận kết cấu của ngôi nhà, duy trì các hình dáng thuần tuý hình học, v.v.

(4) **Contemporary style**: tức phong cách đương đại. Một thuật ngữ không chính xác áp dụng trong kiến trúc từ khoảng 1940 đến 1970 và sau đó, đặc trưng bởi các mái đua vươn xa, dầm mái để lộ đầu hồi phía trước với các cột đỡ lớn, ban công có màn treo che nắng, san thượng và san trong, v.v..

(5) **Organic architecture**: tức kiến trúc Hữu cơ. Kiến trúc tạo lập dựa vào thiên nhiên cụ thể chứ không thiết kế định trước. Thể hiện quan điểm của Frank Lloyd Wright (1867-1959) là nhà phải hoà hợp với môi trường tự nhiên. Chú ý sử dụng vật liệu gần với thiên nhiên, mái ít dốc nhưng che nắng và tận dụng được ánh sáng tự nhiên, v.v...

(6) **Streamline Modern**: một giai đoạn của phong cách Art Deco, đặc trưng bởi dáng vẻ nằm ngang của kiến trúc, góc tường uốn cong, khối kính, cửa sổ phẳng mặt, tường màu sáng, lan can bằng thép không gỉ, v.v...

(7) **Post - Modernisme**: xu hướng Hậu hiện đại, nhằm phá vỡ luật lệ của xu hướng Hiện đại Quốc tế. Ưu tiên tự do thiết kế, sử dụng lẫn các dạng vật liệu mới, có sự liên tưởng thường xuyên về lịch sử, có tính chất châm biếm: dùng cột cổ điển không chịu lực, vòm cuốn Trung cổ, v.v... Các bài viết của Robert Venturi nói rõ cương lĩnh của kiến trúc Hậu hiện đại.

Bảng 1. MỘT SỐ KIẾN TRÚC TIÊU BIỂU CỦA THẾ KỶ XX

<i>TT</i>	<i>Tên công trình</i>	<i>Năm thực hiện</i>	<i>Tác giả/ Hãng</i>	<i>Đặc điểm, xu hướng</i>
1	Đại giảng đường Chicago	1886-89	F.L. Wright	+gồm khách sạn, văn phòng và 1 phòng biểu diễn lớn. Có ảnh hưởng đến sự phát triển kiến trúc thế kỷ XX
2	Toà nhà Guaranty, Buffalo	1894	L. Sullivan	+cao 14 tầng, trang trí hoạ tiết nhẹ nhàng thanh thoát. Có xu hướng của Tân Nghệ thuật
3	Sở giao dịch, Amsterdam	1884-1903	H. Berlage	+Kết hợp kiến trúc La Mã với kỹ thuật đương thời, phong cách Tiền hiện đại.
4	Toà nhà Flation, New York	1901-03	Cty. Daniel H. Burnham	+ nhà gồm 21 tầng, cao 87m, có 3 mặt, pha trộn Gôtich và Phục Hưng
5	Nhà máy tuabin AEG, Berlin	1907	P. Brehens	+ công trình bằng thép nhẹ và kính đầu tiên ở Đức, là kiến trúc công nghiệp nhưng gợi về một di sản cổ điển.
6	Nhà ga Grand Central, New York	1903-13	Wharen & Whitmore	+ phòng chờ ở nhà ga có diện tích 2500m ² , cao 38m.
7	Tháp Eistein, Potsdam	1917-21	E. Mendelssohn	+Có đài quan sát ở nóc và phòng thí nghiệm ở tầng trệt, hình thức thể hiện công trình không bị chi phối bởi công năng.
8	Toà nhà Chilehaus, Hamburg	1922-23	F. Hoyer	+ Có 8 tầng, gây ấn tượng về 1 con tàu viễn dương.
9	Cửa hàng Selfridge, London	1906-09	D. Burham & F. Swakes	+ Như 1 cung điện La Mã đồ sộ, nổi tiếng là chiếc đồng hồ và nhóm tượng trên lối vào chính của cửa hàng
10	Kiến trúc Bauhaus, Dessau	1924	W. Gropius	+ Gồm toà nhà tháp chính có những bức tường kính lớn và các nhà hai tầng khác. Không có trang trí bên ngoài, bố cục không đối xứng và màu trắng là chủ đạo. Là công trình công bố học thuyết của xu hướng Hiện đại Quốc tế.
11	Cầu cảng Sydney, Australia	1924-32	J. Brafield, R. Freeman	+ Cầu dài 1194m, có nhịp 503m, khoảng cách tới mặt nước là 52m.
12	Cầu Cổng Vàng, San Francisco	1933-37	B. Strauss	+ Cầu treo có nhịp chính dài 1280m, mức thông thủy khi triều lên là 67m, tháp

				neo cáp cao 152m so với mặt cầu, tải trọng cáp trên mỗi tháp là 61.500 tấn.
13	Nhà thờ Trái tim thần thánh , Praha	1928-32	J. Plecnik	+ Công trình đơn giản có hình phiến, trang trí đường dây hoa cổ điển trên những cửa sổ vuông, thể hiện được xu hướng Dân tộc lãng mạn với lòng sùng đạo.
14	Nhà Thác nước, Pennnylvania	1936-39	F.L. Wright	+ Kết hợp thành công kiến trúc với cảnh quan thiên nhiên, vừa hiện đại, vừa thơ mộng, có lẽ là một ngôi nhà tư nổi tiếng nhất của thế kỷ, kết hợp giữa xu hướng Hiện đại và Lãng mạn.
15	Nhà điều hành JohnsonWax	1936-19	F.L. Wright	+ Cho một cái nhìn mới về thiết kế mới về chiếu sáng, kết cấu, không gian nội thất.
16	Toà nhà Chrysler, New York	1928-30	William van Alen	+ Cao 77 tầng, cao 319m, một ngọn tháp hình chóp bằng thép không gỉ với những cung hình ảnh mặt trời loé sáng, là sáng tạo của Art Deco.
17	Toà nhà Empire State, New York	1929-31	Các KTS của hãng Richmond	+ Cao 381m, là toà nhà cao nhất thế giới trong 40 năm. Bộ khung thép bọc đá và trang trí theo Art Deco.
18	Trung tâm Rockèeller, New York	1931-40	Mc Graw-Hill	+Tổ hợp kiến trúc gồm các nhà văn phòng(trong đó RCA cao 70 tầng), cửa hàng, nhà hát, sân trượt băng trong trung tâm thương mại ngoài trời có tượng Hecules màu vàng kim độc đáo.
19	Toà nhà Seagram, New York	1954-58	L. Mie van der Rohe & P. John	+ Cao 38 tầng, vươn thẳng tắp, hấp dẫn vì được bọc đồng nhưng chi phí tốn kém.
20	Nhà gia đình Eames, Santa Monica	1945-50	Charles & Ray	+ Ngôi nhà được ghép bằng những cấu kiện chế tạo trước theo mẫu trong catalô. Nhà khung thép, nhẹ, mang dáng dấp Nhật Bản Là ví dụ về thiết kế để phát triển hay thay đổi theo thị hiếu người sử dụng.

21	Nhà gia đình Ford, Illinois	B1949	B. Goff	+ Nhà mái vòm tròn thấp, đường kính 51m, khung thép sơn đỏ; mái vòm kim loại, lợp tấm xâm mầu, nhận ánh sáng qua giếng trời. Kết cấu đơn giản, đa phần là tiền chế. Là một trong những ngôi nhà đầu tiên có xu hướng sinh thái.
22	Đơn vị ở, Marseilles	1947-52	Le Corbusier	+ Khu chung cư toàn bằng bê tông dài 165m, cao 56m gồm 17 tầng được xây trên cột, có 337 căn hộ và các công trình khác như cửa hàng, khách sạn, trường học, phòng tập thể dục, bể bơi.
23	Nhà thờ Notre Dame Haut, Ronchamp	1950-54	Le Corbusier	+ Nhà thờ hành hương, là công trình độc đáo nhất, được ngưỡng mộ nhất và ít tranh cãi nhất của tác giả, bởi mộc mạc, giản dị và thể hiện đúng lý luận về phong cách Hiện đại Quốc tế.
24	Atonium, Brussels	1954-58	Các kỹ sư Bỉ	+ Là biểu tượng của Triển Lãm toàn cầu năm 1958. Công trình mô hình nguyên tử này cao 102m, gồm 9 quả cầu thép đường kính 18m, nặng 200 tấn và có hai tầng. Trong đường ống nối liền những quả cầu, có thang máy.
25	Nhà thờ Coventry, Anh	1950	Basil Spence	+ Xây chủ yếu bằng đá sa thạch hồng xám, mái bê tông dát đồng, bên trong là các cột mảnh kiểu vòm sườn, hơi mang tính chất Gothic.
26	Bảo tàng Guggenheim, New York	1956-59	F.L.Wright và S.R.Guggenheim	+ Một cái trống khổng lồ bằng bê tông, bên trong là con đường thoải hình xoắn ốc từ sàn đến đỉnh, mái vòm kính hơi phẳng. Người xem lên tầng trên bằng thang máy và sẽ xem tranh khi đi xuống tầng trệt. Là một công trình dễ nhận biết nhất, sau tượng thân Tự do.

--	--	--	--	--

27	Cầu Hồ Maracaibo, Venezuela	1959-62	R. Morandi	+ Cầu có 70% thành phần được tiến chế, gồm 5 nhịp, mỗi nhịp dài 238m, với tháp đỡ cáp cao 90m. Là công trình ứng dụng bê tông ứng suất trước.
28	Cổng vòm St Louis, Hoa Kỳ	1963-65	E. Saarinen	+Vòm hình parabol bằng thép không gỉ nằm trên cửa sông St Louis, cao 192m, nặng 17.246 tấn.
29	Sân bay cuối TWA, New York	1956-62	E. Saarinen	+ Kiến trúc theo xu hướng Biểu hiện có hình dạng của con cá mập. Gây ấn tượng mạnh khi nhìn từ trên cao xuống.
30	Cung lao động Turin, Italia	1961	P.L. Nervi, P. del Lavoro	+ Mặt bằng vuông, tường kính, mái thép, cao 38m. Công trình độc đáo về kết cấu, tráng lệ về ngoại thất.
31	Nhà thờ Brasilia, Brazil	1960-70	Oscar Niemeyr	+ Có hình dạng của vương miện, tạo thành từ 16 sườn bê tông rộng cao 30m, nghiêng từ nền vào trong và giao nhau gần đỉnh. Chứa được 4000 người. Nội thất giản dị nhưng ngoại thất hài hoà với cảnh quan.
32	Thành phố Marina, Chicago	1964-67	B.Goldberg	+ Tận dụng triệt để cảnh quan bằng cách bố trí những căn hộ bình thường có ban công hình bán nguyệt nhô ra, tạo dáng hình búp ngô. Mỗi tòa tháp có 450 căn hộ , đường thoải hình xoắn ốc, có cả chỗ đỗ xe,v.v. Tiết kiệm

33	Tháp Lake Point, Chicago	1967-68	Cty Schippleit - Heinich	đất , với những chung cư cao nhất thế giới là đặc điểm của thành phố này. + Là một khối chung cư, nguyên là thiết kế của Mies van der Rohe. Tòa tháp cao 197m gồm những căn hộ cực đắt.
34	Habitat, Montreal	1967	M. Safdie	+ Khu liên hợp nhà ở tại Hội chợ Montreal (Canada) năm 1967. Gồm 554 bộ phận tiền chế cấu thành , hình dáng rất phức tạp, được neo bởi cáp thép và kết nối bởi đường nội bộ tạo nên 158 căn hộ,mỗi căn hộ có từ 1 đến 4 buồng ngủ. Các buồng đều hưởng không khí và ánh sáng tự nhiên.
35	Trường Đại học Đông Anglia, Norwich	1967 -76	Lasdun	+ Bố cục thành từng nhóm công trình, tập trung hoá cao nơi ở, nơi giảng dạy, khu điều hành với diện tích khu đất hợp lý. Có dáng dấp của những tháp đền thờ Lương Hà, khi thác khu tốt đất dốc nghiêng nhằm tiếp cận với cảnh quan xung quanh.
37	Nhà hát opera Sydney	1957-73	J. Utzon	+Kiến trúc có phong cách Hậu hiện đại, có dáng dấp những cánh bướm ở cảng Sydney. Gồm 4 nhà hát, có phòng hoà nhạc chứa đến 4000 người, tường cao đến 60m. Là kiến trúc biểu tượng cho Australia
38	Nhà trưng bày nghệ thuật mới , Stuttgart	1977-84	J. Stirling	+ Là công trình nghệ thuật được ưa thích, bố cục không gian khéo léo, sinh động, hình thức mặt ngoài đa dạng và kêu gọi. Tuy vậy các phòng trưng bày thì theo lối cổ truyền.
39	Trung tâm Pompidou, Paris	1971-77	R. Roger & R. Piano	+ Mô tả cỗ máy cao 6 tầng, tạo thành hộp trong suốt dài 168m,rộng 59m và cao 42m, khung dàn thép. Không gian nội thất linh hoạt Tương phản giữa phần bên ngoài (như nhà máy) và phần bên trong

40	Toà nhà Lloyd, London	-	R. Roger & hãng Ove Arup	rộng rãi là thành công của kiến trúc. + Công trình xây bằng bê tông bọc thép không gỉ và nhiều kính phản chiếu. Không gian nội thất rộng và linh hoạt, thang máy tốc độ cao, chạy suốt 12 tầng nhà tới sân rộng, có thể chứa 1000 người.
41	Bảo tàng nghệ thuật, Atlanta	1983	R. Meier	+ Công trình của các tấm bê tông và khung thép, các tấm thép phủ men kính và bề mặt bằng đá granit. Được xem là có trật tự và kỷ luật hơn các công trình Hậu hiện đại khác.
42	Ngân hàng Thương mại, Frankfurt	1997	Norman Foster	+ Toà nhà cao 57 tầng, mặt bằng tam giác đều, với các khu dịch vụ đặt ở ba góc. Phân trung tâm rộng là một ống thông hơi khổng lồ. Bên sườn công trình, là những nhà kính trồng cây, xây chung quanh toà tháp theo hình xoắn ốc. Đó là nơi giải khát ngoài trời, v.v.
43	Reichstag, Berlin	1992,1999	Norman Foster	+ Là toà nhà có lịch sử quan trọng. Tác giả đã cố gắng duy tu được nó.
44	Tháp đôi Petronas, Kuala Lumpur Malaysia	1997	Cesar Pelli	+ Tháp đôi, mỗi bên cao 88 tầng, được nối ở giữa bởi một cầu trời và mỗi bên gắn với một tháp nhỏ khác hình trụ cao 44 tầng. Tổng chiều cao là 452m.
45	Bảo tàng Guggenheim Bilbao	1997	F. Gehry	+ Bảo tàng lớn mới ở châu Âu để trưng bày bộ sưu tập hiện đại. Không gian nội thất rất lớn, phòng trưng bày dài 137m, cao hơn 50m. Tổng diện tích trưng bày 9000m ² nằm trên 3 tầng.

ĐỒ HOẠ HIỆN ĐẠI CHÂU ÂU Ở THẾ KỶ 20

NGUYỄN HUY CÔN

Có thể nói không quá cường điệu rằng nghệ thuật đồ họa hiện thực ở thế kỷ 20 là một nền nghệ thuật có nội dung phong phú và mang tính chiến đấu mạnh mẽ.

Khả năng của đồ họa là có thể nhận xét chớp nhoáng các nhu cầu và sự kiện của đời sống xã hội. Tính đa dạng và linh hoạt của phương pháp nghệ thuật đồ họa thể hiện những thực tế bằng nghệ thuật, từ những ý tưởng đã chín muồi và bằng tình cảm thể hiện riêng cho đến những thể loại lớn, nhiều khi là đề tài văn học. Sau hết, với số lượng lớn của bản khắc và những hình vẽ khá dễ họa lại đều tạo điều kiện đưa đồ họa vào nghệ thuật ngày nay của chúng ta - ngay cả những sự kiện phong phú của đời sống xã hội - lên một vị thế thích đáng.

Truyền thống dân chủ của đồ họa châu Âu ở thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 có một vai trò to lớn. Góia và Đômiê, Xtêlen và Cônviets, Madêren và Brenvin là lực lượng sáng tác chủ yếu, là đỉnh cao nghệ thuật và tư tưởng. Họ đã nâng cao nghệ thuật đồ họa và sẽ giúp cho các họa sĩ tiến bộ thời đại chúng ta có mẫu mực để giảng dạy ở các trường học.

Nghệ thuật tạo hình hiện đại của các nước tư bản đặc trưng bởi hai chiều hướng trái ngược nhau : chủ nghĩa hiện thực nhằm phục vụ tầng lớp nhân dân rộng rãi, và chủ nghĩa hình thức thể hiện tư tưởng của giai cấp tư sản.

Suốt nửa đầu thế kỷ 20, nền nghệ thuật của các nước tư bản được đặc trưng bởi sự thay đổi thường xuyên của các xu hướng hình thức chủ nghĩa . Các xu hướng này sinh ra ngay trong lòng các nước khác nhau của châu Âu và châu Mỹ, tuy mức độ có khác nhau nhưng cũng đã thừa nhận các nguyên tắc xa rời với chủ nghĩa hiện thực : chủ quan cực đoan, xu hướng phản dân chủ và nói cho cùng là chủ nghĩa phản nhân đạo, bóp nghẹt tình cảm con người, trấn áp nhận thức sáng suốt của con người.

Chịu ảnh hưởng của cuộc chiến đấu chống phát xít và sự lớn mạnh của lực lượng dân chủ trong thời kỳ sau chiến tranh, tình hình thống trị của xu hướng phản hiện thực và phản dân chủ trong nghệ thuật ở các nước đã bắt đầu thay đổi nhiều. ở nhiều nước, trong nghệ thuật tạo hình đã biểu hiện xu thế nhân đạo, dân chủ và hiện thực, cá biệt có nước (như Mêxicô) hoặc cá biệt có thời kỳ (tại Italia), tình hình này lại tiến bộ hẳn lên.

Số lớn các họa sĩ, bằng phương tiện nghệ thuật của mình đã bắt đầu tham gia vào cuộc đấu tranh của nhân dân chống lực lượng phản động của đế quốc, đấu tranh cho tự do dân chủ và quyền lợi, cho hòa bình và hạnh phúc.

Chiều sâu và tầm quan trọng của thể tài, tính tư tưởng, chủ nghĩa nhân đạo, chủ nghĩa lạc quan kiên trì cuộc sống đã trở thành đặc điểm có tính quyết định của nghệ thuật tiến bộ trên toàn thế giới.

Nghệ thuật của nhiều họa sĩ lớn ở phương Tây chứa đầy nội dung tư tưởng tiến bộ. Hơn nữa, đa số các họa sĩ đã am hiểu về tính tư tưởng của nghệ thuật cũng như vấn đề liên quan khăng khít giữa nghệ thuật và hoạt động xã hội.

Nói chung, họ đều nhận thức được rằng trong quá trình phát triển, nghệ thuật đồ họa nhân đạo chủ nghĩa thường chiếm được vị trí hàng đầu. Hầu như tất cả các xu hướng lớn trong nghệ thuật tiến bộ sau chiến tranh đều đã bắt đầu với công tác đồ họa theo chương trình hoặc là chính các tác phẩm đồ họa đã xác định một cách triệt để khuynh hướng đấu tranh của xã hội . Dưới xu hướng này, trường phái kia, sự thành công của họ đã được ý kiến quần chúng khán giả rộng rãi nhất công nhận. Bộ tranh của R. Guttuzô *Câu thượng đế của chúng ta*, con đầu lòng của chủ nghĩa Tân hiện thực Italia còn được sáng tác mãi cho đến năm 1944. Những thành tựu xuất sắc

của các nhà khắc hoạ Mèxicô, những thành công to lớn của sêri đồ hoạ của B. Taslitski, A. Fuderôn, A. Miainơ và sau hết là các kiệt tác đồ hoạ của P. Picatxô và G. Ecnhi - đã được gửi thưởng Hoà bình thế giới. Đó chỉ là một vài thí dụ rõ nét nhất nói lên vị trí của đồ hoạ trong nghệ thuật ở các nước tư bản. Cần phải kể thêm G. Effen, H. Bixtrup, R. Kent, H. Venturenli là các nhà đồ hoạ nổi tiếng thế giới.

Nhưng không phải ngẫu nhiên phát sinh tình hình này. Mặc dù sự phát triển mạnh mẽ của xu hướng hình thức chủ nghĩa ở phương Tây trong những năm 20 và 30 của thế kỷ 20 với đủ kiểu khác nhau, trong mười năm đó, hoạt động sáng tác của nhiều họa sĩ lớn và rất khác nhau ấy, về căn bản không tách rời được cơ sở nhân đạo chủ nghĩa của nghệ thuật và nhiệm vụ xã hội của mình.

Tại Đức, trước khi có chế độ phát xít, nhiều họa sĩ đã sáng tác với xu hướng xã hội như K. Cônvis, G. Grôs, G. Sile. trong khoảng những năm 30, các nhà sáng tác tranh hoành tráng Mèxicô H.K. Ôrôtxcô, D. Rivera, D.A.Sicâyrot đã hoàn toàn đem nghệ thuật phục vụ nhân dân. Từ đầu những năm 20 cho đến tận bây giờ, các sự kiện xã hội quan trọng của lịch sử châu Âu đã được F. Madôren hưởng ứng trong sêri tranh chống đế quốc của mình. ở nửa cuối những năm 1930, G. Ecnhi tại Thụy sĩ và các họa sĩ của xưởng Đồ hoạ Nhân dân của Mèxicô đã có những tác phẩm gây ảnh hưởng nhất định tới toàn bộ nền đồ hoạ tiến bộ sau chiến tranh. Sau cùng, truyền thống nhân đạo trong nền nghệ thuật Pháp đã lưu lại trong những tác phẩm ưu tú của các họa sĩ như Picatxô, A. Matis, A. Macke.

Đương nhiên là con đường sáng tác của các họa sĩ này không phải bao giờ cũng bằng phẳng. trong nghệ thuật của họ, những nét tượng trưng ước lệ thường xen vào sự phản ánh cụ thể trong thực tế; và trong các thời kỳ sáng tác khác nhau, nhiều người đã phải nhượng bộ trước xu hướng của chủ nghĩa hình thức. Đa số các tác phẩm của họ thể hiện những vấn đề xã hội quan trọng nhất của thời đại, đã chi phối một thế giới quan có tính chất bi kịch cao độ.

Sáng tác của một trong các họa sĩ hiện đại nổi tiếng Pháp là Pablô Picatxô mang tính chất này rõ nhất, và nghệ thuật đồ hoạ của ông đã chiếm một trong những vị trí hàng đầu.

Nghệ thuật của Picatxô có trình độ phức tạp và mâu thuẫn sâu sắc. Dựa vào quan điểm chính trị tiến bộ, trước tiên họa sĩ thể hiện tác phẩm của mình trong hệ thống của nghệ thuật hình thức chủ nghĩa. Tiếng nói nghệ thuật của ông được "mã hoá" một cách đặc biệt. Trong các tác phẩm lớn nhất, ông đã thể hiện những đề tài gây xúc động và bị kịch của lịch sử hiện đại và của chính trị, như *Ghecnică*, *Ước mơ và lời nói dối của Francô*, *Chiến tranh Triều Tiên*, *Chiến tranh và hoà bình*. Ý tưởng của ông rất không tập trung và hoàn toàn từ bỏ những hình ảnh cụ thể, thực tế.

Bên cạnh những tác phẩm như thế, Picatxô có những tác phẩm mang tính chất cổ điển, rõ ràng và đơn giản. Trong số này, đặc biệt chú ý là tranh đồ hoạ trong thời kỳ hậu chiến. Đề tài đấu tranh cho hoà bình của ông có một vị thế rất lớn. Họa sĩ đã hoàn thành một sêri tranh cho Đại hội các Chiến sĩ Hoà bình toàn thế giới. Trong số này có *Chim câu Hoà bình* nổi tiếng. Trong sêri tranh in đá về đề tài chống chiến tranh vẽ cho thi phẩm *Người Hoà bình* của P. Êlua. Tại các tranh in đá ở Tây Ban Nha và những tác phẩm khác đều mang tính chất thuần khiết truyền cảm và sáng sủa một cách kỳ lạ, thể hiện tuyệt vời vẻ đẹp của tuổi trẻ và tự do.

Con đường sáng tác của Hăngri Matix vốn là trầm lắng hơn Picatxô, nhưng chính ông lại xa rời vị trí của chủ nghĩa hiện thực. Hơn nữa, đối với Matix, đề tài về cái đẹp của con người vẫn là đề tài chủ yếu. Trong nhiều tác phẩm đồ hoạ của mình, họa sĩ đã tìm ra cái hoà hợp, bình lặng và nhẹ nhàng. Những tranh liên hoàn của ông duyên dáng kỳ lạ, có chất nhạc và tự nhiên.

Trong những điều kiện hiện nay ở phương Tây, chất lượng các kiệt tác như thế của Picatxô và Matix có ý nghĩa rất đặc biệt. Chống tư tưởng phản động, các họa sĩ này đã khẳng định cái đẹp của con người, cái trong sáng của thế giới tinh thần.

Những tác phẩm của các họa sĩ kỳ cựu này ở châu Âu đã đưa vào nghệ thuật hậu chiến của các nước tư bản niềm tin vào giá trị nội tâm của con người, vào sức lực, lòng dũng cảm và trong sáng của tinh thần.

Các sự kiện có tính chất bi kịch của lịch sử châu Âu cuối những năm 1930, nửa đầu của những năm 1940, phong trào kháng chiến mạnh mẽ của nhân dân Pháp và Italia, xu hướng dân chủ thời kỳ hậu chiến đã khơi sâu tư tưởng tiến bộ xã hội trong nghệ thuật Tây Âu, nhích họ lại gần

với nhân dân hơn, làm sống lại truyền thống hiện thực, làm cho giới họa sĩ tiến bộ không ngừng gia tăng.

Tuy nhiên, nghệ thuật ở Âu-Mỹ sau chiến tranh - mà trước hết là đồ họa không phải chỉ đặc trưng bởi tên tuổi của các họa sĩ lỗi lạc và nổi tiếng mà còn biểu hiện ở nhiều tổ chức tập thể các xu hướng và trường phái làm việc theo chương trình.

Đó là một giai đoạn mới của sự phát triển nghệ thuật tiến bộ hiện đại ở các nước mà chúng ta không thể thấy được trong nghệ thuật thời tiền chiến ở chính những nước này., ngoại trừ Xưởng đồ họa Nhân dân ở Mêxicô.

Vấn đề không phải chỉ là ở sự thống nhất quan điểm về nghệ thuật, việc hình thành các nhóm nghệ thuật thuần túy đã thực hiện ở châu Âu từ lâu rồi. Cái mới là ở chỗ trong việc sáng tác của những tập thể này và các trường phái thống nhất này thì đề tài về xã hội chiếm vị trí chủ đạo, thừa nhận cần phải thể hiện kịp thời đề tài đó trước tiên trong nghệ thuật và phục vụ ý đồ liên hợp các họa sĩ lại.

Đâu phải ngẫu nhiên mà trong những năm gần đây xuất hiện xu hướng tiến tới hợp nhất trong phạm vi quốc tế các họa sĩ tiến bộ lại với nhau. Còn nhớ, trong Đại hội Liên hoan thanh niên và sinh viên lần thứ 6 ở Matxcova, các đại biểu họa sĩ Mêxicô và Ấn Độ đã tuyên bố như vậy. Gần đây, lại tổ chức Hội quốc tế các họa sĩ vẽ tranh biếm họa mang tên Câu lạc bộ Đônê, v.v.

Có trường phái nghệ thuật lần đầu tiên trong mười năm gần đây đã đề ra chương trình hoạt động xã hội trong nghệ thuật ở nước ngoài và đoàn kết những lực lượng họa sĩ dân chủ ở Tây Âu, đã từng theo trường phái Tân Hiện thực. Trường phái này hình thành trong những năm đầu chiến tranh với cơ sở tư tưởng là phong trào kháng chiến trong thời chiến và cao trào của quần chúng nhân dân sau chiến thắng phát xít.

Chủ nghĩa Tân hiện thực được công bố ở Pháp lần đầu tiên vào năm 1948 trong điều kiện xu hướng nghệ thuật hình thức và trừu tượng chiếm địa vị thống soái tuyệt đối. Các nhà sáng lập ra trường phái này là Fuzêrôn, Taclitxki, Ambla và những người khác. Bằng tranh vẽ của mình họ đã củng cố thêm tính phổ biến củ nghệ thuật, chú ý hơn về những đề tài hiện đại, lấy những anh hùng của nhân dân làm hình tượng chủ yếu cho tác phẩm nghệ thuật.

Chủ nghĩa Tân hiện thực đã giành được vị trí vững chắc trong công chúng, là công nhân, sinh viên, trí thức Pháp. Chỉ sau hai ba năm ra đời, trường phái này đã trở nên nổi tiếng trong nghệ thuật Pháp và thu hút sự chú ý của các họa sĩ tiến bộ ở các nước khác.

Các họa sĩ của chủ nghĩa Tân hiện thực được tập hợp từ những năm chống phát xít, nhiều người trong bọn họ đã tham gia vào cuộc kháng chiến bằng vũ khí và bằng nghệ thuật của mình. Taclitxki từ 1941 sống ở trại tập trung của phát xít, năm 1944 bị tù ở Bukhenvan. Fuzêrôn trong thời kỳ chiến tranh đã gia nhập Đảng Cộng sản và tham gia công tác bí mật chống phát xít. Êpinhông cũng chiến đấu trong hàng ngũ kháng chiến.

Cần thấy rằng chẳng có ai trong số những tay điều luyện nổi tiếng của chủ nghĩa Tân hiện thực vốn đã là họa sĩ đồ họa. Tất cả đều là họa sĩ không chuyên về đồ họa. Vẽ nhiều hơn cả và chủ tâm hơn so với các nhà Tân hiện thực khác đối với đồ họa, phải kể tới sêri đồ họa của Bô rit Taclitxki. Ngay ở Bukhenvan, ông đã vẽ 111 tranh, là những tài liệu chống phát xít làm xúc động lòng người. Cái chủ yếu trong những tranh liên hoàn này là những hình tượng gây truyền cảm mạnh của những con người dũng cảm trong gian khổ; tinh thần của họ không hề lung lay trong phòng tra tấn của bọn phát xít. Đó là do Taclitxki đã chú ý kịp thời đến đồ họa. Năm 1952 ông cùng với họa sĩ Miren Miainơ sống ở Angiêri, tại đây họ đã hoàn thành một sê ri tranh lớn. Các nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản Angiêri ca ngợi những tác phẩm đó là " bản cáo trạng chống chế độ thực dân nghiêm khắc nhất".

Việc sáng tác của A. Fuzêrôn gắn liền chặt chẽ với nhân dân, ông là bậc thầy lỗi lạc của xu hướng hiện thực ở Pháp. Đề tài chính củ ông là cuộc sống và đấu tranh của công nhân Pháp. Theo đề nghị của Công đoàn thợ mỏ, ông đã thực hiện trong năm 1950 một chuyến đi về vùng mỏ than miền bắc nước Pháp. Kết quả thể hiện sêri *Trong xứ Mỏ* của ông, phác họa cuộc sống vất vả của thợ mỏ. Về đề tài này còn có Eđua Pinhông.

Đa số các tác phẩm đồ họa của họa sĩ theo xu hướng này sẽ nhường chỗ cho những hình tượng tốt hơn của đồ họa hiện đại tiến bộ, chẳng hạn các tác phẩm của họa sĩ Mêxicô hay của Mezêren. Những tác phẩm trước đó rất thiếu tính phổ quát của hình tượng, nghệ thuật tạo hình,

sự tự tin của tranh vẽ. Dù sao, các tác phẩm Tân Hiện thực Pháp trong thời kỳ đó đã đóng vai trò quan trọng nhất định trong lịch sử. Ý nghĩa của chủ nghĩa Tân Hiện thực là ở chỗ nó thể hiện cụ thể được vụ việc có thực, là ở chỗ từ bỏ cái tượng trưng, trừu tượng (vốn là đặc điểm của nghệ thuật trước chiến tranh), là ở chỗ toàn tâm toàn ý và nghiên cứu một cách nghiêm túc cuộc sống của nhân dân, là ở chỗ thông cảm và ủng hộ cuộc đấu tranh của họ.

Các họa sĩ đồ họa tiến bộ Pháp có tính chủ động về chính trị và nghệ thuật cao. Họ không chỉ là kẻ nêu bằng hình ảnh những sự việc xã hội một cách tự nhiên. Trong nghệ thuật của họ luôn luôn biểu hiện một cách sắc bén vai trò của người yêu nước. Đâu phải ngẫu nhiên mà đa số trong họ là đảng viên Đảng Cộng sản Pháp.

Và cũng cần nêu một đặc điểm nữa của các nhà đồ họa Pháp : không giống với các xu hướng nghệ thuật khác, họ có phong cách và bút pháp riêng. Tính khái quát mà tự nhiên một cách hiếm có trong tác phẩm xuất sắc của Matix và Picatxô , sự chính xác và tính cụ thể biểu hiện rõ trong tranh của Taclitxki và Fuzêrôn, sự sắc bén của Bupfê, nét hóm hỉnh và hào hoa trong tranh của Effen, v.v. tất thấy đều thuộc phong cách đồ họa của các họa sĩ đồ họa hiện đại Pháp.

Trong mười năm gần đây, nghệ thuật Italia đã chiếm một trong những vị trí vượt trội trong nền nghệ thuật tạo hình của thế giới. Xu hướng chủ yếu trong nghệ thuật ở nước này là chủ nghĩa Hiện thực Mới (1), là một hình thức đặc biệt gần gũi của Tân Hiện thực (2). Trường phái này bao gồm nhiều họa sĩ lớn và hầu như lực lượng này đều đối lập với chủ nghĩa trừu tượng.

Xu hướng tiến bộ trong nền nghệ thuật Italia rất hoàn chỉnh. Ở đây chúng ta không tìm hiểu về mục đích nghệ thuật của từng cá nhân và những mục tiêu khác như trong nghệ thuật Pháp, song xu hướng này rất cụ thể, thống nhất và có đường lối chung nhằm đạt được kết quả đề ra.

Cũng như Chủ nghĩa Tân Hiện thực, chủ nghĩa *Hiện thực Mới* ở Italia bắt đầu hình thành từ những năm chiến tranh, trong các cuộc kháng chiến và nổi dậy của nhân dân, trong những năm chống phát xít 1944-45. Hầu hết các họa sĩ Italia đều tham gia vào đấu tranh chống phát xít. Nhiều người đã gia nhập quân đội giải phóng . Phong trào kháng chiến là đề tài số một của Hiện thực Mới, và tinh thần chiến đấu, sự nhiệt tình vlòng tin tưởng vào chính nghĩa trong sự nghiệp của mình đã trở thành phẩm chất nhất định của trường phái này.

Chủ nghĩa Hiện thực Mới trong những năm chiến tranh đã được phục hồi mạnh mẽ dưới ảnh hưởng trực tiếp của phong trào của nhân dân giành tự do, dân chủ, hoà bình, lao động và ruộng đất. Trong lúc mà Hiện thực Mới thành lập năm 1948 do R. Guttudô đứng đầu, một cương lĩnh của họ đã được tuyên bố : kêu gọi đấu tranh chống chủ nghĩa trừu tượng và kiên trì một nền nghệ thuật vì nhân dân và do nhân dân sáng tạo ra.

Đặc điểm chủ yếu của Hiện thực Mới là sự nghiên cứu một cách nghiêm túc và phản ánh có cân nhắc cuộc sống của con người Italia bình thường. Nhiều họa sĩ lớn của Hiện thực Mới đã thâm nhập vào góc ngách xa xôi của đất nước để làm quen với đời sống của nhân dân. Các sê ri đồ họa và tranh vẽ của Guttudô, Madulô, Mucki, Mirabeli, Atacđi và các họa sĩ khác là thành quả của những chuyến đi như vậy. Chính vì muốn mô tả lại một cách đầy đủ và sâu sắc về cuộc sống ở Italia, các nhà Hiện thực Mới buộc phải chú ý tới các sêri tranh vẽ và khắc theo đề tài mà những tranh đơn và ký họa không thoả mãn được.

Việc nghiên cứu một cách nghiêm túc cuộc sống của người dân bình thường đã bổ sung cho các nhà Hiện thực mới tính cụ thể lớn lao. Trong đó, nghệ thuật tạo hình của chủ nghĩa này gần gũi với nền điện ảnh Hiện thực Mới ở Italia.

Các họa sĩ vĩ đại nhất của Hiện thực Mới là Renatô Guttudô và Gabriên Mucki.

Guttudô là người sáng lập ra, nhà lý luận và lãnh đạo của Hiện thực Mới. Hiển nhiên, ông là họa sĩ hiện đại xuất sắc bậc nhất Italia. Tranh vẽ về các nhân vật của ông đầy sức sống và bền bỉ. Guttudô luôn luôn nhấn mạnh tính tích cực bên trong của con người, sự kiên trì và toàn vẹn của phẩm chất, sự gan dạ về tinh thần. Vạch ra cuộc sống khác nghiệt về nhân vật chính của mình, ông không bao giờ quên lãng sự kiên quyết của họ. Họ là những con người sẵn sàng chiến đấu và có khả năng chiến thắng, những con người có sức mạnh và tự giác.

Trong sáng tác của Mucki không thể hiện những nhân vật có tính chiến đấu như Guttudô mà mang tính trữ tình , dịu cảm độc đáo. Ông mềm dẻo hơn nhưng không kém khát nghiệt và bi

kịch. Mucki biết thể hiện sự sáng sủa nguyên sơ trong cuộc sống của các nhân vật, tình yêu của họ đối với ruộng đất và lao động, sự phong phú về cuộc sống nội tâm. Chính vì vậy mà ông thích vẽ chân dung. Một trong những bức tranh xuất sắc là *Chân dung chiến sĩ Hoà bình*, là hình ảnh điển hình cho những chiến sĩ trẻ của châu Âu.

Guttudó, Mucki cũng như đa số các nhà Hiện thực Mới Italia đều là những họa sĩ. Đặc điểm của họ là tính chủ động cao và sự sáng tạo về màu sắc. Cũng có thể vì thế mà các tác phẩm đồ họa của họ luôn mang tính chất của bức tranh thường. Tuy nhiên, tranh đồ họa của các họa sĩ đồ họa này rất nổi tiếng và không phải ngẫu nhiên mà chung quanh họ tập hợp được một nhóm lớn các bạn trẻ có tài, trong số đó có các nhà đồ họa chuyên nghiệp. Có thể nêu trường hợp của các nhà đồ họa trẻ Anna Sanvato và Ugó Attacđi.

Attacđi ban đầu theo chủ nghĩa trừ tượng nhưng chỉ vài năm sau đã sáng tác theo chủ nghĩa hiện thực. Sáng tác của ông gần giống như Guttudó về sự khắc nghiệt và sự thật. Ông hay thể hiện cuộc sống của công nhân Italia và nắm bắt được trọn vẹn thực tế sinh động. Trong tranh *Thợ đá thất nghiệp*, người ta thấy toát lên ý chí cũng như sự kiên trì trong nhân vật của ông. Đường nét cứng rắn, bố cục vững vàng, tự tin tưởng và có nghị lực.

Năng khiếu của Sanvato lại hoàn toàn khác. Nhân vật trong tác phẩm của bà là nam nữ công nhân trẻ của thị trấn và tỉnh nhỏ. Nữ họa sĩ luôn luôn muốn thâm nhập vào thế giới nội tâm, khám phá cá tính của họ. Bà thể hiện một cách rất thận trọng sắc thái và sự truyền cảm xúc: suy tư và buồn rầu, trêu mến và say đắm, nhiệt tình và vui vẻ. Trong mỗi tác phẩm của Sanvato ẩn chứa sự mềm mại của phụ nữ, cùng với những cảm giác đặc biệt của cuộc sống tươi vui, trong sáng.

Các họa sĩ Hiện thực Mới của Italia gần gũi với tình yêu cuộc sống, với nhân dân của mình. Sự dũng cảm nhưng có thi vị cũng như đặc điểm về bút pháp, sự phản ánh một cách chắc chắn và chân thực cuộc sống của con người bình thường trên đất nước mình đã xác định mục tiêu cho đề tài của các họa sĩ. Đó chính là đặc điểm của đồ họa tiên tiến Italia ngày nay, đó là nghệ thuật có những nguyên tắc nghiêm chỉnh và kiên trì đấu tranh cho nhân dân.

Các họa sĩ tiến bộ Anh lại không có đặc điểm như vậy. Họ thiên về phóng sự và trữ tình; trong đó loại thứ nhất rõ nét hơn. Nhà đồ họa tiêu biểu của Anh là Pôn Hogar. Sáng tác của ông biểu hiện sự quan tâm lớn lao với thế giới, với con người. Hogar đi khắp nửa vòng Trái đất, sống ở khắp nơi của châu Âu, trong số đó có các nước dân chủ nhân dân, Liên Xô, Trung Quốc và châu Phi. Và từ những nơi đó ông đã thực hiện những bức tranh sinh động một cách nhanh chóng. Xem tranh của Hogar, hầu như khó phát hiện là thể loại phóng sự vì họa sĩ hình như luôn bình thản trong khi vẽ. Chính trong quá trình họa lại cuộc sống, ông không bao giờ đưa vào trong tranh của mình những hình ảnh về quan hệ giữa người và người.

Tranh đồ họa của F. Tôpônxki là những sáng tác đáng chú ý và được phổ biến rộng rãi ở Anh. Họa sĩ này đã in bằng phương pháp thạch bản *Bản tin của Tôpônxki* ra một tháng hai kỳ. Trong ấn phẩm này thấy có những bức tranh sinh động kèm chữ ký thoáng, tự nhiên minh họa những tin ngắn có thật về các sự kiện xã hội và nghệ thuật của nửa tháng trước. Sáng kiến này rõ ràng là theo truyền thống của Đômiê.

Trái với Tôpônxki, với những tranh trào phúng điển hình của truyền thống dân gian, Etva Acđidôn đã là một trong những nhà đồ họa nổi tiếng của Anh.

Trong số các họa sĩ trẻ đã thành công trong đồ họa, phải kể tới Alixô Grant. Hầu hết các tác phẩm của ông - mà đề tài là con người - đều đầy ắp chất thơ tế nhị và cảm xúc trữ tình. Với những hình ảnh quen thuộc khi vẽ về trẻ em và thiếu nữ, với những sắc màu thân quen trong lối in thạch bản, ông đã gây được xúc động cho người xem.

Nói chung, trong nền nghệ thuật hiện đại Anh, con đường hiện thực còn yếu, bản thân chưa đấu tranh thắng lợi với xu hướng thống trị như trường phái trừ tượng về mỹ thuật. Tại Anh, hiện không có truyền thống hiện thực, và trong việc giảng dạy trong trường dạy nghề càng khó mà nêu ra được là họa sĩ nào theo chủ nghĩa hiện thực.

Từ đầu những năm 1950, xu hướng Hiện thực ở Anh rõ nét hơn. Hiện nay, các họa sĩ theo xu hướng này có khoảng hai chục người. Tuy nhiên, họ không thống nhất về cương lĩnh, cũng chẳng chung quan niệm. Bởi vậy, ta có thể dễ nói về từng cá nhân của nền đồ họa hiện đại tiến bộ Anh hơn là nói về xu hướng hoặc đặc điểm của trường phái, mặc dầu mục đích độc đáo của

tổ chức và như lời phát biểu của trong một cuộc triển lãm chung là " Hãy nhìn về phía trước !" (1951 và 1956) và " Hãy chú ý tới Con Người !" (1955).

Trong nền nghệ thuật hiện đại của châu Âu, sáng tác của các họa sĩ tiến bộ Tây Đức cũng có những nét độc đáo. Sự rầy chết của chế độ phát xít và thất bại của nước Đức trong Thế chiến thứ hai đã để lại nhiều dấu ấn bi thảm trong nền văn học và nghệ thuật Đức. Trong tranh đồ họa Tây Đức, đề tài về chiến tranh thế giới và nỗi khiếp sợ chiến tranh đến nay vẫn còn ảnh hưởng cực kỳ mạnh mẽ. Nền đồ họa theo xu hướng cường điệu phát sinh và phát triển trước tiên ở Đức; sự tuyệt vọng trước thực tế tàn nhẫn của xã hội đã có ảnh hưởng nặng nề tới tính chất của nó. Ngoài tính chất của xu hướng cường điệu còn mang nặng tính bị kịch và đôi khi đượm vẻ sâu thẳm của nền đồ họa hiện đại Tây Đức.

Những bậc kỳ cựu tài ba trong làng đồ họa Tây Đức là V. Gâyghe, K. Khupbuc, K. Rét xinh đã có những sáng tác chống chủ nghĩa quân phiệt, thể hiện trong chiến tranh cũng như ở chế độ phát xít. Nhà khắc họa axit nổi tiếng người Beclin là A.V. Drexle đã thể hiện trong sêri *Tám gương* nói về giai cấp tư sản Tây Đức. Nói chung sêri này kết hợp được giữa tính chất cấp bách và tính tượng trưng, sức mạnh của ấn tượng, dự báo điềm dữ. Nền đồ họa Đức nói chung không mang tính chất trữ tình. Nó thiếu vẻ dịu dàng, tính dễ xúc cảm, và có thể là thiếu cả nhiệt tình mạnh mẽ mà mỗi tác phẩm của họa sĩ Italia học Mèxicô đều có. Tuy nhiên, đồ họa Tây Đức có một ưu điểm khác : muốn tiếp cận sự chính xác của tài liệu, sự hợp lý và có phân tích. Đồng thời, nhiều họa sĩ Đức đã tìm kiếm được những hình ảnh phong phú và luôn có tính chất tượng trưng. Điều đó thể hiện trong các tác phẩm có đề tài về thời sự hiện đại, chẳng hạn Dre xle và G. Kralic, họa sĩ của giai cấp vô sản ở Hambuoc là V. Cônbe. Cũng có thể kể thêm vào tác phẩm tranh khắc *Kẻ ngóng trông* của R. Vâysaơ .

Chính sách cả giới cầm quyền ở Tây Đức đã ngăn cản sự phát triển tự do của các lực lượng tiến bộ tại đây. Các nhà đồ họa tiến bộ của Tây Đức cũng muốn theo nền nghệ thuật của các nhà đồ họa Đông Đức. Xu hướng hiện thực mang tính chiến đấu ở Tây Đức thật quá ít ỏi, bởi nên nhớ rằng hiện nay Tây Đức là thành trì vững mạnh của xu hướng trừu tượng ở châu Âu.

Các nhà đồ họa lão thành Tây Đức đã hoạt động tích cực hơn cho nền đồ họa tiến bộ. Sáng tác của họ được hình thành từ sự đấu tranh của giai cấp vô sản Đức từ những năm 1920. Cần phải kể thêm tên tuổi của các bậc thầy nổi tiếng của Tây Đức với những tác phẩm khắc họa chống chủ nghĩa quân phiệt trong Thế chiến lần thứ nhất như Ottô Đich, Cônbec, V. Gâyxlơ và sau hết là họa sĩ độc đáo, có tính chất tế nhị và đầy ước mơ là Ottô Pankôc, - một trong những nhà đồ họa được nhân dân yêu mến nhất ở Đức.

Họa sĩ nổi tiếng người Bỉ Franxơ Madoren là họa sĩ mà con đường sáng tác của ông trong chùng mực nhất định đã đi theo xu hướng của các nhà đồ họa Đức và đã là bậc thầy trong nghệ thuật tiến bộ có truyền thống ở đầu thế kỷ 20.

Nghệ thuật của Madoren ra đời trong những ngày đầu của Thế chiến lần thứ nhất. Từ những tác phẩm đầu tay, sáng tác của ông đã mang những nhân tố xã hội. Đề tài chống chủ nghĩa tư bản và chống chiến tranh, cuộc sống ở các thành phố lớn của các nước tư bản là những quan tâm chủ yếu của ông. Hình thức đồ họa mà Madoren ưa thích nhất là những sêri tranh mang nội dung thời sự, được thể hiện mạnh mẽ trên cơ sở văn học. Ông đã hoàn thành hàng chục loại tranh khắc làm xúc động hàng triệu con người bình thường trên thế giới. Với tính chất cổ động tuyên truyền tuyệt diệu trong tranh của Madoren, các tác phẩm của ông đều dễ hiểu. Trong sáng tác của họa sĩ có cái chất của bài văn công kích, gắn liền chặt chẽ với những vấn đề chính trị nóng hổi. Chính điều này giúp cho ông tìm được khán giả ngay trong mọi tầng lớp xã hội.

Madoren là người sáng tạo nên phong cách khắc gỗ hiện đại dựa trên sức mạnh của sự truyền đạt, những vệt tương phản rõ rệt và nhịp điệu khẩn trương. Trong buổi đầu sáng tác của mình, họa sĩ đã tham gia vào nghệ thuật cường điệu hoá có tính chất tượng trưng một cách điển hình và tính bị kịch phóng đại lên.

Những tác phẩm sau này của Madoren không mất đi tính dân chủ và thực tế đã trở nên đơn giản hơn, tươi vui hơn. Không phải hoàn toàn chỉ có bị kịch của nạn nhân bị xã hội đe dọa một cách tàn nhẫn mà còn có hình ảnh của những con người dũng cảm, tin tưởng vào sức mạnh của mình. Đặc biệt, điều này thể hiện rõ trong những sêri và tranh đơn của ông sau chiến tranh như *Tuổi*

thanh niên, Công nhân, Đội ngũ mới và những tranh khác nữa. Madsen là họa sĩ duy nhất của Bỉ theo xu hướng nghệ thuật hiện đại tiến bộ.

Trong những năm gần đây, ở các nước Scandinavơ đặc biệt đẩy mạnh nghệ thuật tranh in tay, thường là khắc mẫu. Các họa sĩ Thụy Điển, Phần Lan, Na Uy, Đan Mạch muốn thể hiện tranh in tay bằng một nghệ thuật phổ cập, dễ hiểu và đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

Đồ họa của các nước Scandinavơ rất độc đáo. Đề tài của tác phẩm đồ họa của họ là đời sống ngư dân, công nhân nông nghiệp, sinh hoạt đô thị, phong cảnh đất nước. Nhưng khác với họa sĩ Mêxicô hoặc ít ra với các nhà Hiện thực Mới ở Pháp, các họa sĩ Scandinavơ thể hiện cuộc sống quá bình lặng, như muốn nói bằng một giọng hoà hoãn. Thực tế đã mở ra cho họ một hình thức ổn định, với nhịp điệu không hối hả. Dường như họ muốn lánh xa những vấn đề rộng lớn hiện nay và rất ít khi có thái độ giận dữ, xúc động, say sưa, căm thù mà thiên về nhàn nhạt và ít nói. Việc không có những hình ảnh lớn của các họa sĩ Scandinavơ lại được bù đắp bởi cách thể hiện tuyệt diệu trong nghệ thuật đồ họa. Họ đã biết tước bỏ một cách chuẩn xác những chi tiết không cần thiết, tạo nên hình ảnh ít mẫu hoặc những vệt mẫu, sử dụng các đường nét mộc mạc nhưng mạnh mẽ, mô tả hình ảnh chính xác. Các họa sĩ nổi tiếng của những nước này đã biết truyền đạt hình ảnh về phong cảnh, thành phố, con người của đất nước mình khi họ biết rằng với các bức khắc họa có chiều sâu như thế, họ sẽ làm người xem dễ xúc động khi đưa vào tác phẩm tình yêu đất nước, thiên nhiên và con người.

Việc chú ý tới đông đảo người xem tạo điều kiện phát triển xu hướng hiện thực trong tranh in tay mà trước kia đồ họa trừu tượng không làm cho người ta hiểu được.

Mỗi nước đều có những họa sĩ đồ họa ưu tú như V. Askônla và E. Tanty ở Phần Lan, H. Finne ở Na Uy, L. Nocman và S. Eren ở Thụy Điển. P. Krixtensen và P. Ninxen ở Đan Mạch.

Ngoài các họa sĩ vẽ tranh in tay theo xu hướng hiện thực ra, tại các nước này còn có các họa sĩ nổi tiếng thế giới như nhà biếm họa Đan Mạch kiêm phóng viên nghệ thuật Heclup Bixtrup. Ngoài những tranh biếm họa về đề tài đấu tranh giành hoà bình và tự do, Bixtrup còn sáng tác rất nhiều ký họa sinh động khi đi thăm nhiều nước khác nhau. Những ký họa đáng chú ý là ghi lại hình ảnh ở Liên Xô và Trung Quốc.

Đặc điểm dân tộc và xu hướng dân chủ cho phép nền đồ họa các nước Scandinavơ có một vị trí vững chắc trong nền nghệ thuật tiến bộ ngày nay của Tây-Âu.

Đồ họa Hy Lạp cũng phát triển rất mạnh trong những năm gần đây. Trong nước đã có nhiều họa sĩ khắc họa và vẽ tranh. Tại nhiều triển lãm quốc tế, chính qua đồ họa, đã giới thiệu được nghệ thuật dân tộc của Hy Lạp. Có thể chia họa sĩ đồ họa Hy Lạp thành hai nhóm:

Nhóm thứ nhất là số lớn các họa sĩ chuyên vẽ về đề tài chính trị-xã hội. Họ đã phản ánh trong tác phẩm của mình cuộc đấu tranh của nhân dân Hy Lạp giành tự do, vạch trần trước thế giới chính sách phản động của giai cấp thống trị ở Hy Lạp. Nhiều người trong số này bị cưỡng bức trục xuất khỏi nước. Có thể nêu: D. Makrix và N. Manuxit đã sáng tác nhiều tranh dưới nhan đề chung *Nước tôi, có quyền hay không?*; trong đó có bức Iura mô tả một hòn đảo đã trở thành trại tập trung. Có thể dẫn lời của chính Manuxit để nói về các tác phẩm của những họa sĩ này: "Tôi tặng các tác phẩm của mình cho thế hệ của Bêlôianit, tất cả những ai đã chiến đấu để giành độc lập dân tộc và công bằng xã hội."

Nhóm thứ hai là các họa sĩ chuyên sáng tác về sinh hoạt và phong cảnh đất nước: những tranh đồ họa này có vẻ đẹp và nhịp điệu độc đáo với phong cách của nghệ thuật cổ Hy Lạp.

Ngoài mối quan hệ tích cực nào đó với nền nghệ thuật tiên tiến của các nước châu Âu khác, nền đồ họa hiện thực của Thụy Sĩ cũng đồng thời phát triển. Mặc dù vậy, ở nước này từ lâu đã có truyền thống của một nền đồ họa vững chắc. Trong những năm gần đây, các họa sĩ đồ họa theo xu hướng hiện thực ở đây tương đối ít.

Trường hợp rất ngoại lệ trong tình trạng chung của nghệ thuật đồ họa Thụy Sĩ là các sáng tác của người được Giải thưởng Hoà bình Thế giới - Ganxa Ecnhi. Đề tài chủ yếu của ông dựa vào nguồn cảm hứng trong sáng tác. Để thể hiện đề tài, Ecnhi luôn luôn tìm hình ảnh tượng trưng để thể hiện ý tưởng của mình. Có nhiều tranh in đá nổi tiếng của ông như *Kubernet, Jear*, các tranh minh họa trong sách của M. Ilin mang tên *Người và Chó*, các bích họa, vv.

Quan niệm sáng tác gắn liền chặt chẽ trong nghệ thuật, họa sĩ Ecnhi với tư tưởng tiến bộ và hiện đại, những truyện do họa sĩ nghĩ ra cũng như sự thành thạo trong nghề nghiệp đã truyền được sự

dũng cảm của con người trong những cuộc đua tiếp sức. Các ý tưởng này đã thể hiện trong tranh *Những người chạy thi*. Đó là hình tượng con người đang phát triển, hình tượng của sự tiến bộ.

Lòng tin tuyệt đối vào con người cho phép họa sĩ luôn nhìn thấy sức mạnh bên trong vô tận của họ, cái đẹp tinh thần cũng như thể chất. Chính điều đó cổ vũ Ecnhi trong việc sáng tác sêri tranh minh họa cho thi phẩm của A. Bona *Con người đã tiên đoán*.

Việc tìm tòi nhân vật hài hòa và tốt đẹp khiến Ecnhi ưa thích đề tài cổ đại. Ông minh họa nhiều thơ Hy Lạp và La Mã, sáng tác nhiều tranh thạch bản về loại đề tài này mà xuất sắc nhất là *Vắkkhơ trong vườn nho*.

Cần lưu ý rằng mặc dù khá thành công trong những đề tài trữ tình, Ecnhi do bản chất nghệ thuật của mình, ít khi bị thiển cận. Tất cả các tác phẩm của ông thể hiện đều gây được một âm hưởng rộng rãi. Không nghi ngờ gì nữa, họa sĩ thiên về nghệ thuật tranh hoành tráng, về bích họa hơn là những tác phẩm thường nhật của mình.

Các xu hướng tiến bộ trong đồ họa hiện đại Tây Âu thật muôn hình muôn vẻ. Đề tài xã hội nóng hổi trong các tác phẩm của Mazêren và Bixtrup, các hình tượng phức tạp trong các kiệt tác của Picatxô và Ecnhi sinh ra từ tư tưởng nhân đạo rộng lớn; các tranh vẽ của họa sĩ Hiện thực Mới ở Pháp và Italia; các đề tài có tính chất dân tộc và bút pháp độc đáo của các họa sĩ Scandinavơ, thế giới quan có phần bi kịch của các họa sĩ Tây Đức, v.v.mỗi nước, thậm chí từng họa sĩ đã thể hiện trong sáng tác của mình những phong cách đa dạng của nền nghệ thuật hiện đại tiên tiến.

NHC

(kntk07)

TRÁI TIM BỊ ĐÁNH CẤP

Người đọc có thể nghĩ đây là một câu chuyện tình mùi mẫn. Thực ra, đây là tên truyện, đúng như nghĩa đen của nó. Hôm vừa rồi, khi ngồi chờ cắt tóc tình cờ tôi đọc thấy trên báo *An ninh Thủ đô* mẩu tin như thế. Tin rằng: kẻ cắp đã ôm trọn trái tim đựng tiền mừng của một đám cưới nọ, móc hết tiền trong ruột và vút lại vỏ ở cầu thang. Nghe đâu, buổi trưa khi tan tiệc nơi khách sạn, mọi người lục tục kéo nhau về nhà, sơ ý để "trái tim vàng" thế nào mà kẻ gian thó được. Khổ chủ đi trình báo, công an hỏi mất bao nhiêu tiền, thì không trả lời được. Mà ai có thể trả lời được khi chưa xé trái tim ra mà đếm.

Câu chuyện có thật như đùa này sẽ là khó hiểu ở nửa thế kỷ sau. Vậy phải giải thích hơi cặn kẽ một chút kẻ hậu duệ chê cười lớp đàn anh ngớ ngẩn, mang trái tim bày bàn. Đây là một hình thức cải tiến, nó có nguồn gốc từ miền Nam, tức là một cái hộp có dạng trái tim to đùng, làm bằng bìa cứng và bọc vải sặc sỡ, trên có khe để nhét phong bì tiền mừng của những người đi dự cưới nơi nhà hàng khách sạn. Nó có thể được đặt ngay nơi cửa ra vào để ông nọ bà kia đều nhìn thấy. Ưu điểm thấy rõ của hình thức này là nó khắc phục được tình trạng lộn xộn trong bữa tiệc khi bố (hoặc mẹ) dẫn cô dâu chú rể đến chào tại từng bàn tiệc. Người ta đỡ phải nhấp nha nhấp nhồm, lăm lăm cầm cái phong bì để kịp dúi vội dúi vàng vào tay cô dâu, chú rể hay vào cái túi đeo lưng lằng nhằng nơi vai của bà mẹ chú rể nào kỹ tính. Tiệc có ngon mấy, rượu có say mấy vẫn phải tỉnh táo để không quên đưa cái phong bì, -mà có người nào đó đã nói hơi quá là *trả tiền com bụi giá cao*. Nhờ có trái tim này, có thể ai đó trót để quên phong bì ở nhà, hoặc rơi dưới lớp lót áo vét nhất thời chưa tìm ra, thì cũng không phải giả vờ đau dạ dày mà xin chuồn về nhà nữa. Cũng cách này, có nơi còn đặt một bức gấm đỏ to tướng và mấy cái bút dạ để người dự cưới ký tên lưu niệm, cứ như là ghi sổ làm công đức.

Có lẽ vì quá phấn khởi với cái hình thức thu gom tiền như trên mà gia chủ của đám cưới nào đây quên đứt đi cái việc bảo vệ trái tim vàng. Giá mà biết được trong đó có bao nhiêu thì nỗi tiếc tiền cũng người ngoại, chẳng này...

Không hiểu tới đây còn hình thức thu gom tiền nào hay hơn? Gần đây người ta cố động cho việc tổ chức những đám cưới tập thể, có hàng trăm đôi cô dâu chú rể tham gia và không tốn kém. Thế thì lại gây khó cho người đi ăn cưới rồi. Bằng cách nào thể hiện tình cảm với nhà trai, nhà gái trong một đám cưới tập thể quá đông như thế. Chắc là không thể đổi từ cực này sang cực kia như thế được đâu ! Chỉ e rằng, cưới tập thể, không bày vẽ tốn tiền chỉ là hình thức bề ngoài, còn bên trong là tiệc tùng sang trọng, thách cưới tùm lum, v.v. bởi người ta có tiền, không có dịp nào để khoe khoang, bày vẽ mà cũng dễ thu hoạch hơn là đám cưới. Xin chờ xem !

DI ĐỘNG

Tôi còn nhớ, hồi đầu những năm 80, nghĩa là khoảng 10 năm sau ngày giải phóng miền Nam, ở Hà Nội, số máy điện thoại có thể đếm được khoảng hơn 3000 chiếc. Tuyệt đại đa số là trang bị cho các cơ quan. Cơ quan nói ở đây là từ cấp sở ty, viện, trường trở lên, chứ cấp phòng thì đừng hòng có điện thoại. Chẳng hạn, cơ quan tôi là một Viện trong Bộ thì cũng chỉ được mắc một máy điện thoại, chủ yếu dùng cho thủ trưởng giao dịch với các cơ quan khác và nhận chỉ thị của cơ quan cấp trên của mình. Cán bộ có bìa A, B nghĩa là cỡ thứ trưởng, bộ trưởng trở lên mới được lắp điện thoại tại gia. Bởi thế, đến nhà ai mà thấy có điện thoại thời phải kính nể lắm rồi. Tất nhiên là khi đó, hình thức và chất lượng máy điện thoại xoàng lắm, không thể so với bây giờ. Nó đen đũi và thô kệch, đầu có ấn phím như hiện nay mà phải ngoáy ngón tay lia lịa mới gọi được. Cũng may là thời đó, số điện thoại chỉ mới đến năm con số, kể cả mã địa phương, chứ đến hàng chục số như bây giờ thì có khi trẹo xương ngón tay mất.

Hai mươi năm sau, tức là ngày nay, ở thành thị và nông thôn, đâu đâu cũng có. Xuân Ất Dậu này, ngành bưu chính viễn thông sẽ

đạt sẽ đạt con số mười triệu thuê bao, nghĩa là xấp xỉ 13% số người trong cả nước sử dụng máy điện thoại cố định. Ấy là chưa kể con số điện thoại di động, con số này cũng lớn lắm, nhưng làm sao mà nắm bắt chính xác được. Người ta quen gọi là *di động* cho gọn. Dân Việt Nam hiện nay coi di động là một thứ vật dụng trang sức của các cô các bà, là thứ sành điệu của các cậu các đại gia, là dụng cụ thay máy ảnh máy quay phim của những tay chơi hoặc những người muốn săn ảnh, ghi hình làm chứng tích. Vậy là giá của nó vô cùng, có nghĩa là từ vài trăm ngàn (đồng Táo) cho đến những hàng Nokia, Ericsson, Siemens, LG thứ thiệt đa chức năng thì có đến bảy tám đến hàng chục triệu đồng. Đó là chưa kể giá kỷ lục của những điện thoại di động có "số đẹp". Tạp chí Thế Giới Mới năm ngoái có đăng giá kỷ lục của một vài chiếc điện thoại di động lên đến bốn mươi, năm mươi triệu đồng do có số *quá đẹp*. Đại khái là toàn số 9 hay là những cặp đôi những con số rất dễ nhớ. Thế rồi người còn ta câu giải thưởng cho các trò chơi giải trí trên truyền hình, cho khuyến mại hàng bia rượu, bột giặt, sữa gói đầu...cũng toàn bằng môi nhử *di động*. Khéo khen ai nghĩ ra cái chiêu này, nó vừa gọn, vừa tiện dụng, vừa đắt giá, mà chỉ có cụ già lụ khụ gân đất xa trời mới không thích thôi. Có điều là vẫn tốn kém khi dùng cái thứ này. Tuy nhiên nó thật thuận tiện : Nhà ở tận tầng 5 ư ? Mọi khi gọi như hò dò người nhà mới nghe thấy mà xuống mở cửa, nay chỉ bấm bấm mấy nhát, reng reng là có người xuống liền. Đi đâu có việc, không đúng giờ hẹn về nhà, gọi di động báo ngon ơ. Rồi cả việc gọi taxi ở ngoài đường hoặc khi gặp tai nạn giữa nơi đông không mong quanh. Ấy là chưa kể cái đoạn bồ bịch hẹn hò dầm dúi cũng tiện lắm. Thế nhưng, cái gì cũng có mặt trái của nó đấy: tại nạn giao thông cũng đã xảy ra với mấy cậu cô vừa đi xe máy vừa nghe điện, mấy ông hay lảng nhãng bồ bịch, lại đăng trí để quên di động ở nhà, vợ bắt quả tang ghi lại số điện con bồ, đến tận nhà đánh ghen, mấy vụ bị cướp giật di động vì khoe khoang giữa chốn phố phường,v.v. là những tình huống đã xảy ra. Chưa hết, có anh chẳng còn dùng di động để chụp lén cảnh này, cảnh nọ nhằm tống tiền đượng sự nữa chứ. Ôi ! văn minh một thuở!

CÁI TẾT ĐÁNG NHỚ

Chỉ còn hai tuần nữa là Tết Ất Dậu đến. Mùi hương trầm trên bàn thờ toả ra thơm nức làm tôi chợt nhớ hôm nay đã rằm tháng chạp. Lại một năm trôi qua nữa rồi. Tết đến làm cho người ta nhớ lại những kỷ niệm xưa. Ôi, có biết bao nhiêu cái tết đáng nhớ từ tuổi thiếu niên cho đến hồi trưởng thành, vào những năm thanh bình hay những lúc chiến tranh, tết của thời bao cấp đến tết ngày nay- thời thị trường thống soái. Như cuốn phim quay chậm, những ký ức xa xưa dần đến hôm nay cứ lần lượt hiện ra trong tâm trí tôi. Không cái tết nào giống cái tết nào, chúng hiện ra rõ mồn một rồi lại nhòa đi, như tan trong làn khói hương. Có điều là, tôi chưa từng phải ăn tết xa nhà một lần nào, kể cả cái tết năm ấy...

Hôm ấy là ngày ba mươi tết. Cơ quan tôi sơ tán tại Vĩnh Phú. Ông thủ trưởng cơ quan nghiêm lắm, không cho ai rời cơ quan đi trước 12 giờ trưa. Để giữ chân cán bộ công nhân viên, đồng thời điểm danh được những ai vô kỷ luật dám về quê ăn tết trước giờ quy định, cơ quan họp mặt anh em để chúc tết vào lúc 11giờ 30 . Thử hỏi, khi đó, ai cũng mong ngóng giờ khởi hành,nhảy lên xe đạp mà về ăn tết ở gia đình thì tinh thần đâu mà nghe ông thủ trưởng nói năng, giáo huấn về kỷ luật và chúc tụng kia chứ ! Mặc kệ, năm nào ông cũng bày trò như thế. Cũng dễ hiểu thôi vì gia đình ông ăn tết ngay nơi sơ tán nên có bao giờ thông cảm với anh em cho được.

Không hiểu sao, tết ấy tôi lại không có ý định về nhà. Không phải vì tôi không muốn, mà vì không thể. Này nhé, trời mưa dầm thế này, đường vừa bẩn vừa trơn mà phải đạp về phía Hà nội gân bốn chục cây số, rồi rẽ qua Cầu Đuống đi lên Yên Thế Bắc Giang, khoảng sáu chục cây số nữa mới về đến " nhà", - nơi bố mẹ tôi sơ tán. Cứ cho là có sức khoẻ đi thì đến mấy giờ tôi mới về đến nhà trong điều kiện trời mưa và tối như đêm ba mươi ...

Thế nhưng khi mọi người đã lên đường thì tôi không thể chịu được nữa. Nỗi nhớ nhà ở đâu dâng lên. Tôi chợt nghĩ, bằng mọi giá phải về nhà ăn tết với gia đình. Tôi không nhớ mình đã chuẩn bị như thế nào, nhưng chỉ mười lăm phút sau cái ý quyết tâm đó, tôi đã băng

băng đập xe trên đường. Cửa đóng tịt, chỉ mất năm bảy cây số đường xấu thôi, còn quãng sau này không đến nỗi nào. May cho tôi là quãng đường từ nơi sơ tán về đến Cầu Đuống không xảy ra sự cố gì và trời vẫn còn sáng, suôi gió, rồi ngớt mưa, - hình như trời cũng thương tôi. Thế rồi sau đó, càn về chiều, khi tôi đập xe lên phía bắc thì mưa càng nặng hạt, gió lạnh càng dữ, quật vào mặt tôi, nhiều khi xe đập như dừng lại. Thôi chết rồi, ngược gió. Ý nghĩ đó làm tôi bưng tỉnh: tình hình này thì mỗi giờ không quá được mười cây số. Có lúc gió to quá, trời rét mà mồ hôi ra đầm đìa, tôi phải rẽ vào quán nước nghỉ một lúc. Mưa ngớt lại lên đường. Tuy vậy tính ra thì quãng tám chín giờ tối cũng về đến nhà. Nhưng không phải như vậy. Trời đã tối, còn hơn hai mươi cây số nữa mới về đến nhà thì xe đập hết hơi. Nguy to rồi đây! trời mưa rét thế này mà lóc cóc dắt xe đi bộ trong đêm tối vắng vẻ thì đến giao thừa cũng chưa chắc đã về đến nhà. Dắt xe được bảy tám cây số thì tôi chợt nhìn thấy một tấm gỗ đóng vào gốc cây có đề chữ: *bom vá xe*. Chợt nghĩ là nhà người có tấm ván này ở gần đây đây, tôi rẽ vào lối nhỏ cách đấy vài chục thước, thấy một mái nhà tranh le lói ánh đèn, tôi liền đập cửa. May quá, đúng là nhà chứa xe có biển treo ngoài đường cái. Thông cảm với tôi về cảnh đường trường xe hỏng, tết nhất đến nơi, họ vá cho ngay. Tôi đập xe đến khoảng mười giờ thì đến ngôi làng bố mẹ tôi sơ tán. Đêm tối ba mươi, trời tối đen như mực, tôi dò dẫm dắt xe vào tận cửa ngôi nhà tranh mà không ai hay biết. Tôi đứng dưới mái hiên, nhà đóng cửa im ỉm. Nhìn qua lỗ phen cửa, thấy có ánh đèn tù mù. Bỗng tiếng mẹ tôi phàn nàn: "thằng bé thế là không về ăn tết được rồi". Vài giây qua đi, có tiếng bố tôi nói " có thể là chốc nữa về cũng nên". Tôi nghe tiếng nói an ủi mẹ tôi của ông yếu ớt, không chứa niềm tin tưởng gì ngay trong lời nói của mình. Lúc đó, tôi không lạng thình được nữa, lên tiếng: "con đã về đây!". Ngọn lửa đèn dầu được vịn cao lên, bố tôi lao ra phía cửa liếp, mở rất nhanh. Khỏi phải nói bố mẹ tôi mừng vui như thế nào. Các cụ bắt tôi nằm nghỉ mà nói chuyện. Mà thú thật, nếu không nằm thì tôi cũng gục mất vì mệt, vì đói, vì rét. Không hiểu sao, chỉ nửa giờ sau tôi lại cảm thấy tỉnh táo, khoẻ mạnh như thường.

Vui tết với gia đình được đúng có ngày mồng một tết, sáng ngày mồng hai tôi đã phải chuẩn bị lên đường vào mười một giờ. Dù sao, bây giờ tôi cũng yên tâm rồi, được thấy bố mẹ tôi vẫn khoẻ mạnh, đằng sau póc ba ga lĩnh kính một lô bánh trái mà mẹ tôi đã buộc vào đó từ lúc nào. Trời hôm ấy bỗng tạnh ráo, lại hứng nắng như hoà chung niềm vui tết gia đình của tôi.

CON GÁI

Xem trên báo chí bây giờ mới hay ở Trung Quốc người ta thiếu đàn bà con gái và thừa con trai. Tại sao có tình trạng này ? Đó là do sự vận động trái tự nhiên trong cuộc sống. Số là Trung Quốc đã có trên một tỉ dân từ cuối thế kỷ 20 nên phải kế hoạch hoá dân số một cách triệt để. Quy định mỗi cặp vợ chồng chỉ có một con không chỉ là lời khuyên mà là luật. Người ta có những hình phạt nghiêm ngặt và có hiệu quả để đối phó với việc gia tăng dân số so với kế hoạch. Kết quả là mãi đến ngày 6.1.2005 công dân thứ 1,3 tỉ của Trung Quốc mới ra đời. Đó là một bé trai được đặt là Zhang Yichi.

Thắng lợi trên đây của kế hoạch hoá dân số là mặt phải, còn mặt trái của vấn đề là ở đâu. Do quan niệm có con trai để nối dõi còn nặng nề nên người ta đã áp dụng những biện pháp nhân tạo để sinh con trai. Người ta có thể phá thai khi sớm biết rằng mình sẽ sinh con gái hoặc cố gắng thực hiện những điều kiện nào đó để sinh con theo ý muốn. Do vậy mà tỉ lệ con trai ở Trung Quốc so với con gái có trội hơn. Điều đó có nghĩa là trai thừa gái thiếu. Thế mới biết, không ai điều chỉnh thế giới này giỏi bằng "ông trời". Và như mọi người đã biết, nhiều hậu quả đã xảy ra trong một xã hội thiếu cân bằng như thế.

Nói chuyện thế giới để liên hệ tới nước mình. Phải nói rằng trước đây, tình trạng " trọng nam khinh nữ" trong vấn đề sinh đẻ không kém nặng nề. Có nhà đẻ đến sáu đứa con gái rồi, mặc dù cảnh nhà chẳng dư dật gì cũng cố gắng làm một cậu con trai nữa mới chịu thôi. Nhưng, trong những trường hợp như thế, thường ít khi toại nguyện, vì rốt cuộc lại thêm " một con vịt giời " nữa ! Tôi chẳng bao

giờ nghĩ rằng mình phải có con trai. Chẳng thế mà năm 1973, khi vào *Viện bảo vệ bà mẹ và trẻ sơ sinh* để thăm cháu mới sinh, khi người ta đưa cho xem sổ sở sinh để tìm phòng cháu bé, khi tìm thấy tên mẹ nó và chúa bé nặng 3350g là tôi mừng lắm rồi, không tra xem nó là con gái hay con trai. Và thú thật, chưa một lần tôi ước ao hay ví dụ nó là con trai cả. Tất nhiên, đối với con gái, tôi có cách giáo dục và hướng đích cho cháu trong hoạc tập cũng như chọn nghề là khác nhau. Tôi quan niệm rằng, về tâm lý cũng như sinh lý, thông thường con gái kém ý chí hơn, có nghĩa là ít đua tranh, và như thế là kém xuất sắc về năng lực hơn; còn nếu là con trai thì nó phải giỏi giang, có ý chí phấn đấu cao. Tất nhiên, nếu con gái đã có ý chí vươn lên, học hành đến nơi đến chốn, không chịu kém chị thua em, thì nó sẽ rất thành đạt trong công việc, trong sự nghiệp nhưng...Bên trong cái nhưng này là vô số những thứ phiền toái phải giải quyết. Tôi biết ở ta có những bà được lên tivi hàng ngày nhưng bao nhiêu việc nhà, bao nhiêu lo toan trong gia đình là nhờ chồng con hết. Bà ta nếu còn một chút thì giò thì để... thờ đã là tốt rồi ! Ấy là chưa nói đến nhiều bà bị chồng bỏ (hoặc bỏ chồng) vì bà ta đã mất nữ tính rồi. Vậy là khi sinh con gái, cũng cần phải có quan điểm " thông thoáng", không cầu toàn và nhất là đừng đánh giá con mình quá cao, đúng kỳ vọng nhiều vào nó. Tất cả những thứ này chỉ làm khổ trẻ con, và khi nó không thành đạt, lại nuối tiếc vì không sinh ra được một đứa con trai. Không hiểu các bạn có nghĩ như vậy không nhỉ ?

THẮNG LỆCH

Trông thẳng thì mặt cậu ta như người vừa bị đánh ấy. Nói thế cũng hơi khó hiểu nên bổ sung thế này cho dễ hình dung: mặt cậu ta không đối xứng. Bạn bè quen thuộc thường gọi là Thắng mặt lệch, có khi còn gọi đơn giản là Thắng Lệch. Cậu ta cũng chẳng thêm tự ái. *Trời sinh ông tú Cát, đất nứt con họ Hung*, việc gì mà phải bực mình. Khi ấy, cậu ta chỉ nhếch mép cười; thế mà nhìn tình đáo đẽ. Học hành không đến nỗi nào, tốt nghiệp kỹ sư kinh tế đảng hoàng, nói năng cũng gọn gàng khúc triết đáo đẽ. Kể ra, nếu cậu không tham tí

chút ở cái dự án thì thủ trưởng vẫn còn tin tưởng vào tài tháo vát của cậu. Đại nhất là cậu xà xẻo trước vào mối loin của thủ trưởng, thành thử ông này giận lắm, suyt nữa thì cho nghỉ việc. Cũng may là thời bao cấp, tiền chùa cả nên cho cậu ăn lương cơ bản nhưng không giao thêm việc gì nữa, dân dờ rồi cũng tành không có lương. Có hôm giữa trưa, cậu ta còn mò đến chỗ tôi, mắt hoa, mũi thở không ra hơi, bảo là em đi kiến xem có cái việc gì là thêm, mà đói quá, anh có cái gì anh cho em ăn tạm. Đến giờ này rồi thì tao cũng chỉ có mì ăn liền. Cậu ta ăn lém một cái, có vẻ ngon lành lắm. Cậu ta phàn nàn con vợ đổ đốn, toàn lén về nhà mẹ vì thấy chồng độ này kiếm không ra tiền. Mấy con vịt trời - cậu ta thường gọi ba đứa con gái mình như vậy- ăn học tốn kém lắm, vợ chồng không chung sức chung lòng, gia đình vững vàng làm sao được đây? Thắng ta còn phàn nàn rằng cái con bé thứ ba, chẳng giống bố tí nào. Mà cái con vợ em nó láo ra phết, có lúc xô xát cãi nhau, nó bênh con và bảo thẳng em rằng, nó có phải là con anh đâu mà thích nó giống bố. Em mà không tìm được thì đã cho nó một cái tát xiếc ra trò. Nhưng rồi cậu ta lại lăm lăm bầm : trẻ con nó đã vào nhs mình thì là con mình rồi, phân biệt làm gì cho đau đầu anh nhỉ. Tôi cũng chẳng hiểu mô tê răng rúa gì nên lặng thinh không khai thác thêm. Bẵng đi một năm, không thấy cậu ta lui tới. Có điều là kỳ này Thắng Lệch lại toàn nói chuyện tử, chuyện cây, chuyện làm nhà, mua máy nọ, thiết bị kia. Ngồi lâu lâu, mới biết cậu ta may mắn vợ được một việc, triển khai ở nhiều tỉnh, bớt xén kha khá. Đốt hết hai điếu thuốc lá, mặt cậu ta càng bắt đỏi xứng hơn, rồi con có ở đâu nổi lên, cậu ta bảo : chúng nó tham ô nhiều chứ, em chỉ mức có gần một năm nay tôi, nó mức những quả to, phải để cho mình quả nhỏ chứ. Ý chúng cậu ta nhắc lại chuyện ông thủ trưởng trước hất cẳng hẳn. Hấn bảo: mà hậu quả nhỡn tiền đấy, hấn chết cả nhà chứ có ai thọ được đâu. Tôi cũng chẳng muốn nói thêm với cậu ta một lời nào nữa.

Kết quả lao động kiểu ấy của cậu khá tốt đẹp: một ngôi nhà ba tầng khang trang mọc lên đúng nơi căn hộ cấp bốn cũ của cậu đã ở hơn chục năm trước đó. Khá giả rồi, có đến 5 năm nay cậu chẳng bển mảng đến nhà tôi, chắc hẳn vì thấy tôi không khoái kiểu sống của cậu ta. Hôm rồi, có người đến nhà tôi chơi, vui chuyện nói rằng Thắng

Lịch đã ly dị vợ rồi, nhà chia đôi, con cũng chia đôi. Tôi nghe chuyện mà không hề sững sốt. Tôi đã đoán biết hậu vận sẽ là như vậy, có điều nó xảy ra muộn hơn là tôi nghĩ.

VÍ A ĐỘC

Có một người bạn thân nhất của tôi thường bảo rằng ví a tôi rất độc. Như thế lại mâu thuẫn với cái ý của chính anh ấy cho rằng tôi quá hiền lành, quá thật thà, chẳng quan tâm gì đến cái gì xảy ra ở chung quanh. Tôi chẳng cãi, mà chiêm nghiệm xem sự thể như thế nào.

Kể ra thì số tôi không được tốt lắm. Làm việc gì cũng không suôn sẻ, ít nhất phải hai lần mới xong, kể cả những việc lật vạt hàng ngày. Có thể do nguyên nhân khách quan nhiều hơn. Như thế là loại người không may mắn. Tôi đã thử nghiệm vấn đề may rủi trong nhiều cuộc thi do các hội, các báo, đài tổ chức. Nói chung là tôi chỉ dành được những giải thưởng nào thuộc loại "trí tuệ" một chút, còn khi có câu hỏi "bao nhiêu người nói đúng?" thì đừng có tham gia. Tức là không ăn may bao giờ. Tôi còn nhớ rằng những cuộc thi như *tìm hiểu Liên Xô* do đài phát thanh Matxcova tổ chức năm 1962, *lá thư bưu điện* do Tổng cục bưu điện Việt Nam tổ chức năm 1987, góp ý cho *chương trình khoa giáo* của đài truyền hình Việt Nam năm 1989, góp ý cho *tạp chí Thế Giới Mới* nhân dịp ra số 500 năm 2003, lập *một kỷ lục Việt Nam* về biên soạn từ điển chuyên ngành năm 2004, v.v. tôi đều được giải khá cao. Nhưng những thứ đó không phải do may mắn. Thực ra, có thể còn trúng nhiều giải hơn thế nữa, nhưng vì những lý do khách quan này khác, tôi lại phải "nhường" cho những đối tượng khác. Còn việc hy vọng vào trúng số số, - như tôi đã nói một vài lần rồi đấy, - thì không bao giờ na ná cả. Thôi, lan man xa đề rồi, hãy trở lại cái ý ban đầu. Thế sao ví a tôi lại độc. Độc với mình thì rõ rồi, còn với người. anh bạn thân của tôi bảo: ví a tôi độc với cả các cơ quan mà tôi đã từng công tác ở đó. Tôi ngẫm lại thấy rằng, cái Bộ tôi từng làm thì hai lần giải thể, hai lần tổ chức lại, tan nhập, nhập tan như ma trôi. Cái độc thứ hai là, - vẫn theo người bạn này - là ai đối xử

không tốt với anh, trước sau sẽ chẳng ra gì, không thất cơ lỡ vận thì cũng thiệt mạng. Nghe mà ghê cả người. Tôi phản đối điều nhận xét này thì anh bảo: "Cậu xem, thằng Q, cái H, bà Đ, ông T, thằng C, lão Th. rồi bao nhiêu đứa khác đối xử với cậu không ra gì, bây giờ ra sao rồi, đứa thì chết, đứa thì đi tù, đứa thì vật vờ sống cũng như chết, có thể kể ra rất nhiều. Tớ là bạn thân của cậu, theo chân cậu bốn năm chục năm rồi, chắc là không nói sai ngoa đâu. Tôi chỉ lặng thinh trước lời nhận xét của người bạn chí tình nhưng hơi cực đoan này. Có lúc tôi phân vân :chẳng lẽ ví a mình độc thế ư ? Nhưng có điều là mình chưa từng làm hại ai, kể cả trong ý nghĩ. Chợt nhớ tớ lời bố tôi thường nói khi sinh thời ông:mình "đừng đối xử theo cách người ta đối xử không tốt với mình, mà cứ theo cách của mình. Hính như đến nay, bố tôi vẫn có lý. Tôi chỉ nhất trí với người bạn thân nhất của tôi là tôi chẳng bao giờ có sự may mắn trong cuộc đời.

CỬA MỞ TOANG

Để có đến mười năm rồi tôi mới trở lại thăm cơ quan cũ. Chỉ có độ một phần mười số người trong cơ quan nhận ra tôi. Để hiểu, vì cơ quan đã đổi mới, không những về lễ lối làm việc mà còn cả về tuổi tác. Cơ quan đã trẻ ra rồi. Điều này cũng đúng thôi vì bây giờ, trong cơ chế thị trường, cần năng động, nhanh nhạy, mà những người già không có được những tố chất này. Gặp lại cậu B, cô L. Bây giờ đã là viện trưởng, viện phó rồi. Thôi thì tay bắt mặt mừng, bác bác cháu cháu vui đáo để. Không cần hỏi, nhìn qua cơ ngơi của cơ quan cũ cũng đã thấy hơn trước nhiều. Phòng làm việc của viện trưởng từ nội thất đến trang bị rất xứng với thời hiện đại, thời của tin học. Chẳng cứ ở phòng này, mà hầu hết các phòng tôi nhìn thấy khi đi qua dãy hành lang đều la liệt máy vi tính. Chẳng bù thuở nào, cũng chẳng xa xôi gì lắm đâu, cái năm 1987, khi học khoá thông tin khoa học của Liên Hợp Quốc tổ chức tại Việt Nam, lớp chúng tôi phải vào tận trường Bách Khoa để thực tập. Khi này bộ môn của trường mới có độ một chục cái máy, vậy cho là nhiều và quý lắm rồi. Cơ quan cũ của tôi bây giờ khá lớn, có đến hơn bốn trăm cán bộ, ấy vậy mà trong các

phòng chỉ thấy thừa thớt người, nhiều bàn làm việc trống không. Vậy là bây giờ không phải cứ chôn chân, buộc chặt vào cái bàn ở cơ quan. Hỏi ra, mới biết rằng công việc bây giờ không phải chỉ thực hiện đúng tám tiếng đồng hồ, mà có khi hàng chục tiếng, tùy theo công việc. Có khi đến giờ "kêng" buổi chiều rồi, thủ trưởng đi đâu về, có việc giao cần làm gấp thì vẫn phải ở lại làm cho xong. Vậy là lễ lối làm việc cũng thoáng hơn, linh động hơn hồi chúng tôi còn tại chức cơ đấy. Đúng là mở cửa có hơn, mà lại mở toang cơ chứ. Trước kia phòng nào biết phòng nấy nên của đóng im ỉm, nay thì khác hẳn, phải mở toang để người ta còn tiện vào, kết hợp việc này, bàn việc kia, thế mới ra vấn đề. Điều thứ hai tôi nhận thấy là bây giờ người ta nói to, đi mạnh, không phải khẽ khàng, rón rén như trước đây. Bởi cần làm nhanh, thẳng gọn, vừa được lòng cấp trên nhưng bản thân phải có thu hoạch. Đến cơ quan không phải để chơi, không phải chỉ làm việc nhà nước mà còn kết hợp làm việc riêng. Không phải là đến để ngồi viết hi hoáy, mà để tận dụng thiết bị của cơ quan. Thiếu gì cái sai được mà không mất tiền : điện thoại này, fax này, máy tính này, photocopy này. Tính ra, tích thiếu thành đại, đỡ khối tiền ra đấy. Làm xong những khoản này là lại ù té chạy công chuyện ngay. Thành thử, ngoài trưởng phó phòng ra, chẳng mấy khi phòng đầy đủ quân số. Thế nhưng vào những ngày tổng kết, hội thảo, v.v. thì đông đủ ra phết. Bởi không họp xuống như ngày trước, mà ít ra cũng có tiệc nhẹ, tiệc nặng rồi phong bì ấy chứ. Thế nên, không ai dại gì vắng mặt những ngày này. Mà mình cũng có đóng góp công sức hàng ngày vào đây chứ đâu. Vậy là phải hiện diện. Đây là cơ hội để gặp gỡ bàn việc công thì ít nhưng bàn việc tư thì ra vấn đề đấy. Hàng ngày bận rộn tối mắt, làm sao gặp anh A, chị B cho được, còn ở đây, vừa dự *cốc-tay* vừa gợi ý điều này, kết hợp việc kia xem chừng cũng có lý lắm. Bây giờ làm lãnh đạo cũng phải tỉnh táo hơn trước đấy. Nếu như trước đây, một vị thủ trưởng có thể ngồi tại một chức vụ gần như suốt đời nếu ông không đi nếu ông không có khuyết điểm gì và nếu không được trên cất nhắc nữa, thì ngày nay thời hạn của ông chỉ là năm năm thôi. May cho ông thì có thể hai lần như thế nếu cấp trên của ông, tức là cấp bộ, không có sự thay đổi lớn. Vậy là ông phải làm việc cật lực - không chỉ để thăng tiến mà để thu hoạch cho nhanh, cho vội trong cái

thời hạn này. Mặc người tiền nhiệm của ông làm thế nào, ông không cần biết. Ông phải thay đổi, từ bày biện, trang trí trong phòng làm việc đến nhân sự của cơ quan. Phải thông thoáng chứ, không để cho nó tắc ở chỗ nào. Uy quyền của giám đốc phải được phát huy tối đa, cấp dưới là cứ phải theo răm rắp. Cũng có thể tôi phải xung em với cấp dưới vì các "cụ" ấy bậc cha chú trước đây, miễn là cụ đứng có ý kiến gì về công việc của tôi, sự chỉ đạo của tôi là được. Nếu ủng hộ, cổ xúy cho việc làm của tôi thì càng tốt. Vậy là cánh trẻ thời nay cũng không ra trò. Cụ là chuyên gia có hạng sắp về hưu ư? Xin mời cụ cứ đến đây tư vấn cho chúng cháu, các cụ là *cây đa*, *cây đề* (chắc là cây bonsai tong chậu cảnh !) hiếm lắm. Thế nhưng ai lại làm cái việc ngược đời là nghỉ rồi còn cứ tha thẩn nơi các cháu nó làm việc, chỉ tổ làm quản chân các cháu. Còn chúng có nói thì cũng là để tỏ cái tấm lòng cả chúng thôi, đâu phải để thực hiện. Khổ nỗi, có cụ tưởng chúng cần các cụ thật, già nua tuổi tác mà hay lui tới, làm cho người ta khó chịu, tưởng cụ cần mấy đồng, bèn bảo thư ký biếu cụ một cái phong bì và tiễn nhanh cụ ra cửa.

Khi cửa mở toang thì nhiều khi cũng có gió lùa. Mà gió lùa thì hay sinh những tai biến nguy hiểm cho sức khỏe con người. Vậy là mở vừa thôi, hé hé thôi. Đừng ý sức mình hoặc quá hăng mà khốn đấy.

KHAI BÚT

Năm nào cũng vậy, cứ sáng mồng một Tết là tôi phải viết một cái gì để khai bút đầu Xuân. Tết năm nay tôi không làm được việc này, bởi cái máy tính của tôi tự nhiên dở chứng bị treo. Quên nói với các bạn rằng, từ năm bảy Tết nay rồi, tôi có thói quen khai bút trên máy tính. Khi thì bài thơ vài câu, khi thì một bài báo nhỏ. Trước đây, hồi con bé nhà tôi còn nhỏ, thì viết mấy câu chúc cháu nhân dịp năm mới. Cái lệ này là ảnh hưởng ở nơi bố tôi. Ông cụ sinh thời coi trọng việc khai bút và chúc tụng con cái vào dịp Tết. Tôi còn nhớ năm tôi lên mười, sáng mồng một Tết, bố tôi mừng tuổi tôi một bài thơ, viết rất đẹp:

" Năm mới về,
Muôn hoa nở,
Cậu hớn hở
Chúc em Nghiêem (1):
Học giỏi thêm
Tính vui vẻ
Bạn bè nề
Thầy yêu đương
Đáng làm gương
Cháu Bác Hồ"

Năm con gái tôi lên tám, tôi cũng khai bút bằng bài thơ:

" Xuân về BỐ có một bài thơ:

Chúc cả gia đình đạt ước mơ

Chúc con mạnh khoẻ và minh mẫn

Bố mẹ về vàng, nước được nhờ !

Thế đấy, hai bài thơ trên cách nhau 32 năm, cách nhau qua một thế hệ, vậy mà vẫn là những ý tưởng khá giống nhau. Có lẽ, ngày Xuân gây cho ta những ý nghĩ thiêng liêng về tâm linh, về gia đình, ông cha ta hơn lúc nào hết.

Sau này, từ năm ba mươi tuổi tôi khai bút rất đều, nhưng ít chúc tụng hơn mà thường là tự xem lại mình có gì chưa hay, chưa đạt thời gian qua và ước nguyện năm tới. Năm nay tuổi đã sáu mươi tám, thế mà vẫn còn những mong muốn. Có tham không nhỉ ? Người ta bảo người già có tính tham. Song nếu là tham làm, tham hiểu biết thì cũng không đáng trách lắm đâu. Tôi còn muốn mình làm được một số việc nữa. Tất nhiên là vẫn quanh quẩn trong chuyện chữ nghĩa thôi. Viết dăm ba cuốn sách, làm thêm mấy cuốn từ điển nữa. Có thể vẫn có ích cho đời. Còn như ước mơ thật sự, phải kể tới lứa con cháu mình. Cháu ngoại tôi chắc là sẽ làm được nhiều việc mà ở thời ông nó, có nằm mơ cũng không thấy được.

Xuân Ất Dậu này, khai bút có vậy thôi.

(1) Tên tôi hồi nhỏ

ĐİZOMA

Đây là tên một nhân vật trong cuốn phim của Ba Lan, có tựa đề *Một tấn tuồng*. Chuyện rằng, có một anh chàng tên là Đizoma, không nghề nghề gì, gặp trúng dịp may mà đời lên đến tận mây xanh. Số là có một hôm, anh chàng đang lau cửa kính xe ô tô cho một khách qua đường thì vớ được một cái giấy mời dự tiệc của một nhân vật cao cấp lắm nơi chính phủ do chính ông chủ xe đánh rơi. Đang lúc bụng đói, cật rét, lại sẵn có bộ quần áo mới, chàng ta liền đến dự tiệc tại dinh thự của vị quan cao cấp kia. Biết thì thừa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe, chàng ta quyết thực hiện một chiến thuật " im như thóc" tức là chỉ nghe, không nói, chỉ lác hoặc gật, mỉm cười hoặc nghiêm sắc mặt tỏ ý không đồng tình. Cái kiểu này thế mà hay, bởi từ cổng vào, qua dãy hành lang thăm thẳm, vào đến tận phòng tiệc, anh chàng không gặp bất kỳ một rắc rối nhỏ nào. Người ta cúi rạp xuống và nhường bước cho chàng qua, chìa tay chỉ lối cho chàng vào nơi này, chỗ kia một cách cung kính, trọng thị. Không hiểu có phải vì cái bộ mặt của chàng phù hợp với vai diễn này, mà ở chỗ nào, chàng cũng được tay bắt mặt mừng. Thế là, ông A tưởng anh quen ông B, ông B tưởng anh biết bà C, bà C tưởng anh thân cụ D, cụ D tưởng anh họ hàng với ngài E, v.v. Rốt cuộc chàng ta trở thành nhân vật quan trọng nhất nhì tong buổi dạ tiệc này. Chàng ta chúc cao vọng trọng là thế mà chẳng hề khoe khoang, lắm lời hoặc to tiếng mà chỉ mỉm cười khiêm tốn hoặc lác gật nhẹ nhàng, làm cho ai nấy càng thấy thoải mái, dễ chịu và càng có cảm tình với chàng. Một vài cô nàng đã liếc nhìn chàng với vẻ thán phục đặc biệt. Chàng chỉ biết khẽ gật đầu đáp lễ. Thế rồi cái xã hội háo danh, thích nghe tin đồn thổi, ưa hào nhoáng bề ngoài đã bớ chàng ta lên đến tột đỉnh của thang danh vọng: người ta đã không ngần ngại chọn chàng làm thủ tướng. Khỏi phải nói những khó khăn mà chàng ta gặp phải khi sắm vai này. May thay, ít lời và chỉ với các động tác lác và gật đã làm cho chàng ta qua được nhiều cơn nguy biến, biến bại thành thắng, biến

đen thành trắng. bởi những "cận thân" của chàng ta, vốn là những người có thực tài, chỉ cần chủ động "dịch" những cử chỉ và động tác của chàng ra và hành động là mọi việc trôi chảy. Nhưng, quy luật của muôn đời là vậy, cái kim trong bọc lâu ngày cũng tòi ra. Đến khi mọi người đều thấy chính mình bị lừa thì tất tưởi khép lại. Dizoma phải vào trại giam bóc lịch. Nhưng các anh, các chị, các ông, các bà, các vị tai to mặt lớn lâm đấng chức, Dizoma này có lừa ai đâu. Tôi có khai lý lịch ra là tôi dòng giống này, thành tích kia đâu. Chẳng qua tôi là một thằng thất nghiệp, vợ được cái giấy mời, đi ăn nhằng cho cái bụng đỡ lép thôi chứ. Tại sao cái ngài nhâm lẫn hay cố tình tung tôi đến tận mây xanh. Tội là ở các ngài cả, bây giờ lại tống tôi vào tù.

Kể ra thì cũng thương thay cho Dizoma, một anh chàng không mưu mô thâm hiểm, không kế sách toan tính gì. Trên đời này, biết bao nhiêu kẻ lừa lọc, thừa cơ đục nước béo cò, vợ váo, gian dối có chủ định mới đáng trách chứ. Ấy vậy mà chúng có bị phanh phui mổ xẻ ra đâu. Bởi chúng không phải là Dizoma trong " Một tấn tưởi", chúng là người trong xã hội đương thời, một xã hội đang chuyển mình từ bao cấp sang thị trường...

Vừa qua, trong xã hội ta cũng có những sự việc chứng tỏ rằng người ta bất chấp khả năng của con rối đến đâu, cố tình tung họ lên đến gần mây xanh bởi cái lợi riêng của người điều khiển con rối trong rạp múa rối. Song, với bản chất và năng lực của con rối chỉ đến mức ấy thôi, làm sao có uy tín cho đặng? Và khi những con rối mắc tội, thì họ làm ngơ, phủ tay ngoảnh mặt đi liền. Ai bảo mà quá tham? ai bảo mà không biết giữ mình? Khéo không lại liên lụy đến chúng tao cũng nên. Bởi vậy mà phải ngồi tù thì chúng tao mới yên vị được. Đáng đời con rối!

VĂN LÀ NGƯỜI

Trước khi gặp nhà văn trẻ ấy tôi đã hình dung phần nào về con người ấy. Đó là bởi chúng tôi đã được làm việc với nhau hơn một năm qua. Cô là biên tập viên của nhà xuất bản ở tít trong thành phố Hồ Chí Minh, còn tôi là tác giả sách ở ngoài Hà Nội. Mọi ý kiến trao đổi

đều nhờ ở các phương tiện thông tin liên lạc, từ thô sơ đến hiện đại: gửi thư, gọi điện hoặc gửi E mail qua máy tính. Cách làm việc khẩn trương, ý kiến rút khoát, nhận xét tinh tế và chính xác, thái độ hợp tác nhiệt tình của biên tập viên này làm tôi vui lắm. Kết quả là lần đầu tiên tôi đã xuất bản được một cuốn sách không phải là khoa học kỹ thuật. Vạn sự khởi đầu nan, qua việc làm sách với một nhà văn trẻ, sớm có tài mang cái tên *con chim trong truyện cổ tích xưa* như thế đã động viên tôi rất nhiều trong việc dịch thuật các tác phẩm nước ngoài.

Rồi qua tạp chí TGM tôi được đọc một vài truyện ngắn của nhà văn này. Đúng như lời bình trong một bài tổng kết qua vài cuộc thi mà nhà văn trẻ được giải, tôi cũng có nhận xét rằng văn của cô khá đặc biệt, văn như nói mà không nói, như đùa mà không đùa, thô mộc mà sâu sắc. Có điều là quá già giặn so với cách nghĩ, cách nói chung của lứa tuổi trẻ, mới ngoài hai mươi. Đọc "*Hoa muôn*" là một tác phẩm đoạt giải nhất trong một cuộc thi viết truyện ngắn của cô, tôi đi ngạc nhiên này sang ngạc nhiên khác. Lạ lùng về nội dung và lạ lùng về cách diễn đạt. Chính nhà văn Nguyễn Khải đã phải thốt lên rằng: " Lại có thêm một nhà văn trẻ có tài!" khi đọc những truyện ngắn của cô.

Dịp may đến, tôi được gặp cô tại Hà Nội. Cô gọi điện cho tôi nhờ tôi một việc và hẹn gặp tại trụ sở thường trực của nhà xuất bản tại phố L.H. Mặc dù đã có những chuẩn bị về tinh thần, tôi vẫn ngỡ ngàng khi gặp nhà văn trẻ. Cô chỉ toàn nói về công việc và hình như tránh tạo điều kiện cho tôi có được một khoảng thời gian trống- dù vài phút thôi- để hỏi về công việc, về đời tư của mình. Tôi cũng không hiểu tại sao mình bị động trong khi tiếp xúc với cô. Bao nhiêu vấn đề tôi định trao đổi với cô về cuốn sách tới đây của tôi, về nhận xét của cô đối với các bản thảo của tôi, về việc hợp tác thời gian tới, v.v. đều không thể nói ra được. Nhà văn trẻ chỉ tập trung vào công việc cô đang muốn nhờ tôi hỗ trợ, đó là giới thiệu giúp một số dịch giả để dịch về tài liệu chuyên ngành Y học. Trong khi nói chuyện với tôi, cô vẫn nhìn vào máy tính, hý hoáy sửa sửa, in in bận rộn lắm. Điều này khác hẳn những gì tôi có thể nhận xét về cô khi trao đổi ý kiến với nhau qua điện thoại hay thư từ. Không hiểu sao, tôi cảm thấy sự có

mặt lâu của mình ở đây chỉ khiến cô thêm lúng túng, bởi vậy khi trao đổi vài ý kiến xong, tôi liền ra về.

Tôi đọc lại " Hoa muộn " và chợt hiểu rằng câu " Style c'est l'homme"(vẫn là người) của Pháp là đúng. Có điều ở đây không những chỉ là văn phong, mà còn cả hoàn cảnh người trong truyện của cô. Trước đây cô thương cảm cho người trong truyện của mình, thì nay rơi đúng vào cuộc sống của cô : tuổi đã khá cao rồi mà vẫn chưa lập gia đình. Tôi nhớ một câu cô viết trong truyện ngắn này là : "*Khi mình còn trẻ, cỡ này đùng hòng bỏ đến gần !*". Rồi đau đớn nghĩ : "*Sao mình cay đắng thế này !*".Viết như thế khi cô mới ngoài hai mươi tuổi thôi đấy.

Sau đó tôi còn có vài dịp liên hệ với cô trong việc biên tập sách xuất bản. Tôi muốn làm một vài việc giúp cô để tạ cái ơn đã tạo điều kiện cho tôi trèo sang lĩnh vực văn học, nhưng không có thêm dịp . Tôi còn muốn xuất bản một vài cuốn sách nữa, nhưng không muốn làm phiền cô nữa. Hoa lại nở muộn mất thời !

CŨNG MỘT TÍP NGƯỜI

Ông này cùng họ với tôi nhưng tên gọi thì nghe hết như một mũi tên đang bay vèo, cắm phập vào hồng tâm của một cái bia. Trong các cách bói toán, nghe đầu cũng có loại đoán người qua tên. Thế thì đúng rồi, ông là típ người có tham vọng lớn, đã định làm gì là cố gắng sao cho bằng được những mục đích, ý nguyện của mình. Muốn thế, ông ta phải là người rất tự tin và ít tin người khác. Theo lý lịch, ông cũng thuộc thành phần bị bóc lột lâu đời nên cái việc được tổ chức cử đi học ở nước ngoài trong thời bao cấp là điều tất nhiên. Nhưng công bằng mà nói thì ông cũng thuộc loại sạch nước cần, được học thì biết chứ không không đến nỗi u tì quốc lắm. Ông trải qua cái học vị phó tiến sĩ (tức tiến sĩ ngày nay) rồi cái học hàm phó giáo sư một cách dễ dàng và nhanh chóng tiến đến các chức ở tầm cục, vụ ,viện.trong Bộ một cách xuôn sẻ .Ông cũng có một cái ô dù kha khá, nhưng không biết sử dụng cho ra trò nên chính cái ô dù này sau rồi cũng ngán ông, không muốn che cho ông lên thứ trưởng nữa.

Bởi ông chỉ lăm lăm muốn đến chỗ mũi tên cần cắm phập vào, chẳng chịu chú ý đến hàng ngang, hàng dọc, trên dưới ra sao. Chắc là ông này kém về môn *đội hình* từ khi còn là thiếu nhi tập xếp hàng đi một hai ở xã. Chẳng ai ở trong đơn vị là ưng ông cả. Ông chỉ biết phân công, kiểm điểm, quát mắng. Tôi đã từng nghe ông thúc giục một nhân viên bị tật nguyên ở chân là : "đồng chí có nhanh nhanh cái chân lên một tí không nào (!)". Ông phụ trách có không quá hai chục mà xem ra lĩnh lĩnh lắm. Thời thủ trưởng trước thì họ mất đoàn kết với nhau, nhưng từ khi ông về cai quản, họ lại gần cận, thân mật với nhau để cùng đối phó với ông. Vậy là ông chỉ có thể tiếp cận họ những khi ông gọi họ lên để nhận từ ông việc này, để báo cáo ông việc kia. Ông trở thành người cô đơn, biệt lập. Một số anh em có kinh nghiệm trong Vụ dần dần xin sang đơn vị khác. Ông cũng chẳng thêm giữ, bởi những người này, xét cho cùng thì có những mặt nào đó hơn ông, người thì về thâm niên, người thì về lương lậu, người thì về trình độ, vậy nên thả cho đi là hơn. Ông muốn nhân dịp đó mà thay đổi nhân sự trong đơn vị cho trẻ hơn, dễ bảo hơn. Nhưng điều này là không thể, bởi trong Bộ. xưa nay ông có để ý gì đến hàng ngang. Nếu hỏi xin các cán bộ ở cục vụ viện khác trong Bộ thì chẳng ai cho ông vì từ lãnh đạo đến cán bộ nhân viên ở đó không ai thích dây với ông, một người lúc nào cũng căng căng cho mình là đúng, là trung tâm. Kể ra thì ông cũng là người có tâm với công việc, mong muốn công việc được tốt đẹp theo ý nghĩ của ông. Hiềm vì một nỗi, trong xây dựng - kiến trúc có đến mấy chục ngành chuyên môn hẹp nên một tay không thể che hết mặt trời, một mình ông không thể bao quát hết, cái gì cũng hiểu, cũng phát biểu cho hay cho trúng được. Vậy là ông mới mâu thuẫn với những đơn vị chuyên môn khác. Ông không lường hết được cái cách làm việc của ông thiếu tế nhị, không ngó ngang chung quanh sẽ dẫn đến cái gì. Đó là cái ngày người ta cần đến một ông thứ trưởng để thay một vị đã đến phút nghỉ hưu thì ông tự nhiên bị loại ra ngoài tầm ngắm của chính cái vị đã là ô dù của ông. Vị này đã lác đầu mà than rằng: " cái thằng cha này rất kém về mặt tâm lý, hẳn không biết rằng làm việc bây giờ cần được sự ủng hộ của mọi cấp: trên dưới và ngang hàng; thế mà hẳn chẳng được lòng ai, mình làm sao mà che chắn cho hẳn ở tứ phía được !"

Vậy là ông lại quay về cái nơi trước kia ông đã từ biệt nó mà lên Bộ. Anh em ở đây, có nhiều người đã kịp bỏ đi nơi khác trước khi phải giáp mặt ông, bởi họ không muốn công tác với ông. Hò hét ở đây được năm năm thì ông cũng về hưu. Khi này, dù sao ông đã công thành danh toại với cái tit GSTS đề đảng hoàng trong danh thiếp. Đây chắc không phải là những chữ viết tắt của *gà sống thối sọt* như mấy cậu trẻ độc mồm độc miệng nói về cái sự hung hăng quá mức cần thiết của ông khi ông còn tại chức.

Bây giờ thì ông ung dung lắm. Có nhiều cửa ăn và lắm cửa để : cơ ngơi đảng hoàng, nhà lầu xe hơi, vườn tược. Tôi chợt nhớ hồi tôi còn làm việc với ông, có lúc ông động lòng thương khi thăm nơi ở của tôi , nói thật rằng : " Mình phải tự xây cho mình cái hậu phương vững vàng, phải đi hai chân chứ, cứ như anh thì gay quá". Khi đó tôi không hiểu lắm. Bây giờ thì tôi vỡ lẽ ra rồi. Bên cạnh việc say sưa nghiên cứu, say sưa khoa học, ông không quên đầu tư vào dăm ba cái vụ nhà đất. Ông khéo kết hợp công tư trong việc sử dụng đất làm các khu thực nghiệm và không quên sẵn ra cho mình ít đất dôi dư. Ông đã cho tôi một bài học bổ ích về cách sống hoàn toàn cho mình dưới bất kỳ chiêu bài nào, mà đến nay, dù có hiểu, tôi vẫn không thể theo ông được.



(kntk06)

Tiền xu

Tôi biết một người tên là Xu. Đó là một cô gái nông thôn, chán cảnh ruộng đồng làm ăn vất vả, bỏ ra thành phố làm ăn. Một ngày, bà mẹ mò ra tỉnh thăm con, đến chỗ con làm, qua phòng thương trực, ông gác cổng hỏi:

- Bà kia đi đâu ?

- Tôi hỏi khí không phải, trong này có đứa con gái nào tên là Xu không ?

- Tên ấy thì làm gì có !

Bà mẹ móc cái ảnh cô con gái từ túi áo, chìa ra và bảo:

- Nó như thế này

Người gác cổng nhăn nhó cười và bảo:

- Tưởng ai, thế cô Tuyết Chinh là con bà đấy à ?

Bà mẹ mặt nhăn như bị, chép miệng nói :

- Con ơi là con, Chinh với Xu thì khác gì nhau mà con phải đổi tên để mẹ đi tìm hết cả hơi thế này!

Các bạn nhỏ tuổi chắc không biết thế nào là chinh, thế nào là xu đâu nhỉ. ở ta trước đây, đơn vị tiền tệ thấp nhất là xu, bằng một phần mười của hào. Hồi mới cách mạng tháng Tám, ta có tiền 1 xu, 2xu, 5 xu đúc bằng nhôm. Trước đó, thời phong kiến nhà Nguyễn có tiền chinh, bằng một nửa xu. Hai loại tiền này giống nhau ở chỗ chúng đều có lỗ, nhưng một loại vuông, một loại tròn, một loại bằng đồng, một loại bằng nhôm. Hai ba năm nay, mới lại nhìn thấy tiền bằng kim loại, dạng tiền xu, tiền hào trước đây, nhưng lại có mệnh giá hàng trăm, hàng ngàn đồng. Tuy vậy, người ta vẫn gọi là tiền xu cho tiện. Nhà nước tưởng rằng nhân dân hoan nghênh vì tiền lẻ xem chừng cũng thiếu và nát lắm rồi. Nhưng không phải như vậy. ở chợ, người ta không chịu nhận tiền xu, dù chỉ là mua rau. Họ bảo cất giữ lọt tay, lĩnh kính. Đây là tiêu vật, chứ tiêu hàng chục ngàn đồng thì càng khó, ngay cả khi bạn dùng tiền xu năm ngàn. Vậy là cái loại tiền này khó lưu thông. Không ai bắt ai tiêu được. Mà ta thì không có luật tiền tệ. Thử hỏi ở một nước châu Âu, một công dân khước từ tiêu tiền nhà nước thì sẽ bị xử như thế nào ? Có lẽ mọi người ở ta đều chịu không trả lời được câu hỏi này, kể cả người trong ngành tài chính và ngành luật. Bởi có nghĩ đến đâu. Mọi sự quyết định là theo chủ quan, khi quyết định rồi, thực tế biến diễn ra sao thì không có luật lệ gì để đảm bảo thực thi tốt các quyết định của Nhà nước cả. Đây là nói chuyện nhỏ, chuyện xu hào tiêu vật, chứ nhiều vấn đề khác cũng rứa. Biết rồi, khổ lắm, nói mãi ! như cụ Cố Hồng nhưng thực ra có biết đến nơi đến chốn đâu và nhất là không bao giờ lường hết được những hậu quả của một giải pháp để khắc phục. Nói thế, hình như người viết những dòng này có vẻ chủ quan, bởi khi cho lưu hành tiền " xu", người ta cũng đã phải nghĩ đến việc sử dụng tiền xu vào những việc gì rồi chứ. Này nhé, rất tiện cho việc mua những thứ như nước giải khát ở máy bán hàng tự động, cho việc gọi điện thoại ở những nơi công cộng, v.v.Nhưng họ lại vẫn không hiểu tính cách của người Việt Nam mình là béc ngẩn cần dài, thích chơi tivi màu ngay không qua " giai đoạn" tivi đen trắng, hoặc bỏ qua " điện thoại thẻ" tiến ngay lên "di động". Bởi đây là văm đề sĩ diện, các đồ dùng này không chỉ là phương tiện mà còn là của cải, là danh dự cá nhân. Nếu không có cái đó thì không sành điệu , thì kém cỏi, không bằng anh bằng em. Mà điều này thì họ không muốn.

Còn Nhà nước lại cứ nghĩ là hiếm tiền lẻ bằng giấy khi cho lưu hành tiền xu. Thừa rằng: Tết vừa rồi, nhiều nơi trong dân có tiền giấy lẻ mới tinh, đổi bảy ăn mười để phục vụ các bà các cô đi lễ, đi mừng tuổi cho trẻ con. Đổi hàng triệu đồng cũng có. Tiền ấy ở đâu ra, chẳng hiếm lắm đâu !

khắc phục, càng sớm càng tốt ". Tôi chỉ nghe mà chưa phát biểu, vì đây là chuyện tây trời, chưa

Lại chuyện quảng cáo

Đang xem truyền hình với tôi tại phòng khách, ông Bình tự nhiên nổi cáu: "tệ thật, không coi khán giả ra cái gì, muốn chiếu là chiếu, muốn dừng là dừng. Bậy thật !...". Tôi chưa hiểu mô tê răng rứa gì thì Bình lại tiếp : "sướng thật, mấy đứa có tiền, xòe ra tài trợ thế là làm vương làm tướng, không chế cả đến văn hoá nghệ thuật. Tôi quay lại nhìn Bình để hiểu nguyên cớ gì mà cậu ta nổi cơn thịnh nộ lên như vậy. Hỏi ra thì vẫn là cái chuyện chèn quảng cáo trong khi chiếu phim truyện. Tôi bảo Bình : " thế là họ thành công đấy, chúng tớ cậu có chú ý đến nội dung của quảng cáo. Chính là cái nghệ thuật quảng cáo đấy: người ta đưa quảng cáo vào cái lúc cậu đang tập trung chú ý vào phim, dù muốn hay không cậu cũng phải xem những gì trong quảng cáo để rồi hiểu tiếp nội dung của phim nó biến biến ra sao chứ". Bình cũng gật đầu thừa nhận như vậy. Cậu ta bảo rằng cậu có thể nhớ như in những gì quảng cáo trong một buổi chiếu phim ấy chứ. Tôi lộ vẻ ngạc nhiên thì Bình bảo: " tớ đọc cho cậu nghe một bài mà mình định gửi đăng báo để cảnh cáo nhà Đài cho cậu nghe nhé, chắc là cậu phực lăn vì tớ nhớ được hết". Tôi chưa kịp trả lời thì Bình đã đồng dục đọc :

"Đổi mới kinh tế có tươi
Nhưng sinh nhiều cảnh nực cười lắm thay
Chỉ riêng quảng cáo hàng ngày
Trên tivi cũng đáng " xây" lắm rồi
Chiếu phim non một tiếng thôi (1)
Mà chèn quảng cáo hai hồi thật lâu
Phim chưa hết cảnh mào đầu
Đã dừng đột ngột đổi sầu thành vui:
*"Này đây bàn chải đàn hồi
Này kia Đi Lắc sáng ngời thông minh
Tiếp theo Sức sống thật kinh:
Hà Lan Cô Gái, đừng khinh sĩa này
Đờ Ni công nghệ thời nay
Tối ưu màu sắc phơi bày Sam Sung
Này thuốc chống ngứa lấy lừng
Chị em ta hãy đón mừng Đê Pô
Tiếp theo, tin thật bất ngờ:
Sê-Da sáng tạo từng giờ không ngoa
Nói gần rồi lại nói xa:
Không còn rớt nữa, hăng ta đã rành
Pan Mô Li của người sành
Cô gái hết rớt, liếc tình người xem"
Quảng cáo hết tám phút kềm
Phim mới chiếu tiếp: anh em lại buồn
Yêu đương, hờn giận, sầu thương
Tình chưa ngã ngũ, thương trường lại rao:
*"Ai muốn tẩy sạch không nào!
Ô Mô vết bẩn thế nào cũng thua
Con Vịt đây chớ có đùa
Hoàn toàn tẩy sạch vết nhơ trên sàn
Du dương tiếng hát cô nàng:
Công Pho ai có mịn màng như tôi
Tiếp theo là tiếng pháo đời
Nghe -là- thấy đấy, hơi ôi lạ đời**

*Es Phôn bay bổng nơi nơi
Sữa chua ngon thế, eo ơi! hiện liền
Y-A-O- món thuốc tiên
ăn vào dạ sáng, xinh duyên hơn người
Tô Bi Com bỏ con người
Thuốc này chưa rút, vàng mười khoe ra:
Pa Na Sô Nic hàng ta
Mua trúng vàng đấy, thật là lợi to
Rồi quay lại cảnh đầu vò
Sân-Siu mềm mượt, đuổi cho tóc người
Quảng cáo thêm bảy phút tươi
Vị chi một khắc đi đời nhà ma*

Trăm năm trong cõi người ta
Chiếu phim như thế chắc là giết phim !

(1) Buổi chiếu phim Hàn Quốc "Những ngày tươi đẹp" hồi 21 giờ ngày 28-11-2003 trên VTV3.

(kntk05)

Kẻ tự tin

Kể ra thì Oánh cũng vào loại thông minh, chịu học và có nhiều kiến thức. Chỉ có điều là anh chàng này không thấy ai giỏi giang ở trên đời này. " Cái lão này dốt, những thằng này dốt, cái cơ quan này cũng ...dốt" là những câu cửa miệng của anh ta. Không làm ở cơ quan nào được lâu, và trong cơ quan, anh cũng chẳng muốn quan hệ với ai. Bàn làm việc cả anh kê riêng hẳn một góc, không gần bất cứ một cán bộ nào trong phòng, tuy anh ta là cán bộ thừa hành như họ. Bởi anh không muốn rây với ai hết. Việc tôi, tôi làm. Làm xong tôi nộp cấp trên, đừng cô cậu nào ngó ngàng vào tài liệu hay sách vở của tôi. ở thời bao cấp, người ta hay lên án những người kiếm thêm, tự cải thiện thì anh chàng là người tiên phong trong đám này. Đấy cũng là một lý do để anh ta phải ngồi cách ly, kéo những đứa thối mồm biết lại lảm chuyện ! Cửa đảng tội, anh chàng biết nhiều ngoại ngữ lắm, tuy chẳng được đào tạo ở nước ngoài mà tiếng Nga, sau này là tiếng Anh, chữ Hán giỏi đáo để. Anh chàng có thể xếp chân bằng tròn, mắt liếc vò cuốn sách mà dịch cho người khác chép như đọc tiểu thuyết. Oánh dịch tuốt: khoa học kỹ thuật, chính trị, quân sự, truyện ngắn, truyện dài không ngắn loại nào, miễn là có người thuê. Khi này trên miệng thường phì phèo điếu thuốc lá. Oánh thuộc loại người vừa nghiện thuốc lá, vừa không. Đố ai xếp anh chàng vào loại nghiện hay không nghiện. Tاتا nhiên là thuốc ls mua theo tiêu chuẩn phân phối từ Công đoàn thì vẫn nhận đầy đủ nhưng không hút. Anh chàng vẫn khoái nói về cái sự nghiện của mình : " Đấy, như bia cũng thế, vui miệng tôi uống bốn năm chai cũng được còn lúc bận còn lúc bận thì chẳng bao giờ nghiện ngập cái gì". Mãi sau tôi mới hiểu hết ya nghĩa của từ " vui miệng". Đấy là khi có ai mời hút, mời uống, còn khi ở cơ quanm trong giờ làm việc, chẳng ai thấy anh tự lấy thuốc lá của mình ra hút bao giờ. Thôi, những chuyện ấy có khi chỉ là thói quen, mỗi người một tính một nết, xã hội mới phong phú và đa dạng, thiết tưởng chẳng nên nói nhiều.

Điều muốn nêu ở đây là đức tự tin của Oánh. Tin là mình đúng và mọi người sai. Bởi vậy anh chàng này hay bói móc chữ nghĩa. Vô phúc tác giả nào nói hớ, viết lách mập mờ thì hãy liệu ! Bởi như thế là ... dốt. Oánh bảo : " Cá lão ấy biết gì đâu ! làm từ điển Hán-Việt mà không đọc được chữ Hán, bậy thế đấy". Phải thừa nhận rằng Oánh rất thông minh, học nhanh lắm. Cứ như tôi biết thì chỉ mười năm trở lại đây anh mới ngó ngang vò chữ Hán, vậy mà sáng dạ, biết nhiều đấy. Nhưng không phải biết để sử dụng trong công việc mà để phê phán, bói móc những đứa (hay thằng cha, lão già) mà Oánh chê là dốt. Anh chàng này thích đánh vào những người nổi tiếng. Oánh bảo : " Bậy lắm! bậy lắm ! Cứ để thế này thì nguy hiểm to vì bao nhiêu người học theo lão, tôn sùng lão, lặp lại cái sai vì tưởng cái lão ấy giỏi. Toi chẳng tranh luận đúng sai với Oánh, chỉ khê khàng bảo : " Thôi, người ta già rồi, có thể sơ suất, tha đi!". Oánh lặng thinh. Thế rồi ít lâu sau trên một tạp chí nọ co hàng loạt bài phê phán một cuốn sách cũ, không rõ ai là tác giả (!). Nhắm mắt thì tôi thừa biết là ai viết những bài này. Chỉ có điều hơi lạ vì loại thu nặc danh thì dấu tên người tố cáo, đảng này lại dấu tên người bị phê phán. Có thể là Oánh cho rằng bí mật như thế để những độc giả tò mò tự lòi ra ánh sáng cái kẻ đã dám xuất bản sách, đã viết sách về một nội dung mà bản thân mình rất ... dốt chẳng ? " . Hãy đợi đấy !.

Hoa hồng tú cầu

Thứ hoa này thật là *đẹp*. Nó như một vầng dương xinh xinh nhú lên từ mặt đất, tỏ ra như *hình cầu*, một thứ hoa gồm hàng trăm cánh hoa rất nhỏ có cuống dài, phân bố đều như một chiếc bàn chải lông tủa ra tứ phía. Nó lại có màu *đỏ* nữa. Có lẽ vì thế mà người ta đặt cho nó cái tên *hồng-tú -cầu*. Hính như mỗi cây hoa chỉ nở có một hay hai bông mỗi vụ. Năm ngoái, vào trung tuần tháng năm, cây trong bồn ở phía lôgia phía bắc nhà tôi nở hai bông hoa. Chính tôi không tin ở mắt mình, bởi mấy hôm trước thôi, nó chẳng hứa hẹn cho một cái gì ngoài hai ba cái lá to bằng lá cải canh. Năm nay, vào đúng tháng năm, nó lại cho một bông. Hượm nào... để tôi nghĩ về lý lịch của bông hoa này. Đúng rồi, anh Châu, ở cách tôi một cầu thang đã cho khi tôi sang thăm anh ốm bốn năm trước đây. Mà anh ấy vừa đi xa, sau mười mấy năm vạt lộn với các loại bệnh từ

đầu đến chân. ở " vườn hoa " nhà tôi còn có mấy thứ cây nữa cũng là của anh cho: cây trúc nhật, đám thài lài tía đều lấy ở nhà anh về, cấy từ những mầm nhỏ xíu. Anh chăm sóc tỉ mỉ những cây cảnh ở vườn nhà anh và bảo tôi thích thứ cây gì thì cứ đánh về. Giá mà nhà tôi có một khoảnh đất vài mét vuông thì cũng đã có đủ loại cây như bên nhà anh; hiềm vì vườn hoa tôi nói trên đây chỉ là cái bồn đất nhỏ ở lôgia, nên đành chịu.. Anh làm gì cũng cẩn thận tuy có chậm. Con gái anh kể rằng hồi bao cấp, nhà anh nuôi có mấy con gà, vậy mà mỗi ngày anh cũng phải mất đến một tiếng đồng hồ để cho chúng ăn (!). Thật ra, trước đây anh cùng công tác ở một cơ quan với tôi đến bảy, tám năm trời. Anh giúp tôi được nhiều việc trong cơ quan, tôi luôn trân trọng tình cảm chân thật và trước sau của anh. Từ hồi cơ quan tôi phải nhập vào đơn vị khác, anh thì đi ra nước ngoài kiếm ăn, thì chúng tôi không còn làm việc với nha nữa. Căn hộ ca anh cách chỗ ở cả tôi có hai cầu thang, thế mà khi anh sắp ra đi, nhập bệnh viện đến ba tuần tôi mới biết. Còn may là vợ chồng tôi kịp đến bệnh viện thăm anh lần cuối. Anh a đi thanh thản. Tôi nhớ mãi đáng đi, nụ cười, cái điệu nói củ anh. Mấy tháng trước đây, sáng sáng từ " vườn hoa" của tôi nhìn xuống, thỉnh thoảng bắt gặp anh đi tập thể dục ở ngoài hồ về, nét mặt hư hái, cái cổ vươn ra ngầy ngầy ngắm nhìn phố phường, cây cỏ, tuông như bao giờ anh nghĩ là mình mắc bạo bệnh. Từ khi anh mất, tôi chăm tưới cây hồng ú cầu hơn, nó mọc ra nhiều ls xanh tươi, nhưng chắc có tưới đến mấy thì đến tháng năm ng năm tôi mới có dịp thưởng thức hoa của nó - một quả cầu đỏ tua tua những nhành hoa li ti vươn lên từ ba nhánh lá biếc. Có lẽ anh sẽ phù hộ cho bông hoa được to, đở và tròn trịa hơn bao giờ hết.

NHững người hàng xóm

Bán anh em xa mua láng giềng gần, rồi lại tối lửa tắt đèn có nhau. Những loại câu này có ý nghĩa ở thời nào, chứ bây giờ nghe lạ hoắc. Bọn trẻ chúng mà nghe thấy thì không thể hiểu được vì thực tế không phải như vậy. Đấy, cái chú Cơ ở căn hộ sát vách nhà tôi, quen biết vì cùng làm ở cơ quan Bộ với nhau đến hai mươi năm rồi, khi gặp ở cầu thang cũng không một cử chỉ chào hỏi hay nhếch mép, mà cứ nhìn trân trân như theo dõi người lạ vào nhà mình. Trách gì mấy người cùng tầng, cùng đơn nguyên vừa ở đầu đến đây vài năm, thì họ xem hàng xóm là cái thá gì. Có thể hàng xóm là chỗ để hỏi mượn chìa khoá khi cần phải leo lên tầng áp mái để sửa cái bể nước, hặc xin lại cái thư bưu tá bỏ nhầm vào thùng thư nhà ông. Bao nhiêu lần thay đổi chủ ở cái căn hộ trước mặt rồi, họ dọn đến, dọn đi, chủ cũ, chủ mới, chẳng biết ai voà ai nữa. Thế nên, vchẳng ai trách ai, chẳng ai quan tâm đến ai. THời bao cấp, mông một mông hai tết còn có cái lệ chúc tết nhà hàng xóm, ít ra thì cũng là những gia đình cngf đơn nguyên, vui vẻ đáo để. Nhưng, bảy tám năm lại đây, không ai làm cái việc đại đột ấy nữa. Thứ nhất là nó mất thì giờ của mọi người: ông đến tôi thì tôi lại phải đến ông; thứ hai là cùng đơn nguyên, cùng cái cầu thang ra đưng vào chạm, thấy nhau luôn, hà có gì phi thăm hỏi, chúc tụng cho phiên toái, cho lễ nghi rách việc. Vậy là không ai đến ai nữa. Cứ như thế, nhiều việc xảy ra tày tui ở hàng xóm không ai biết cả. Bà cụ căn hộ đối diện bảy chục tuổi đi chơi khuya bị cảm lạnh lăn đùng ra chết, ông Nhật tổ phó dọn đi rồi, ông Châu vừa nhập bệnh viện rồi đi thẳng ra Văn Điển mà chẳng ai biết. Mỗi căn hộ là một pháo đài. Ai hỏi đã có chuông. Mà nghe tiếng chuông thì chưa chắc đã phải mở cửa. Còn phải ngó. Ngó qua cái lỗ " mất thân" lắp ở cửa đi để xem kẻ gian hay người ngay, kẻ quen hay người lạ. Cua đáng tôi, độ rày lăm ke mạo danh đi làm từ thiện hay tiếp thị, ngang nhiên bấm chuông liên hồi một cách ất tụt tn nên nhiều khi không nhất thiết phải mở cửa. Nó bấm chán, chờ chán, lăm bấm chán rồi bỏ đi. Đứng khi ấy, nếu chịu khó nhìn xuống đường, chắc sẽ thấy bà sư dõm mặc áo nâu sòng cầm sổ xin tiền đúc chuông cho đình chùa hoặc mấy cậu thanh niên vận đồng phục xanh lè giả danh tổ chức quyên góp giúp các cháu thiệt thời vừa ở cầu thang nhà mình ra (!)

Hàng xóm láng giềng bây giờ phải chịu cái khổ to nhất mỗi khi họ sửa chữa nhà trước khi thay thầy đổi chủ. Nhà tốt đến mấy, tện nghi đến mấy, vẫn phải sửa cái đã. Thế là hàng tháng đinhh tai nhức óc hàng xóm. Trẻ sơ sinh canh các căn hộ đang được cácông bà mới dọn đến tặng cho những cú giạt mình thon thots trong giấc ngủ, không phát sài đã là may lắm rồi. Đó là chưa kể những ông bà tranh thủ coi nói, choán chỗ này, đục đex chỗ kia, ăn hưởng đến sự yên lành và toỏi thọ của cả ngôi nhà. Được cái hay là khi bảo họ nhẹ tay, thì họ cười xoà, thu vén qua

loa cho xng chyeu, cốt được việc cho mình thôi. Hình như bây giờ ngwif ta cho quan hệ hàng xóm láng giềng không cần thiết nữa. Điều này càng đúng với lứa trẻ Chẳng thế mà khi thấy mấy ông bà già hỏi thăm sức khoẻ nhau ở cầu thang thì chngs cho là hâm tí đoạ, là chập mạch, là ám đầu...Hàng xóm là như vậy nên cái từ " nhà tập thể" người ta cũng không muốn gọi nữa, cả bằng lời và in trên danh thiếp. Thứ nhất, địa chỉ mà đề là tôi ở phòng này, phòng kia , căn hộ nhà tập thể hì yếu quá; người ta bèn đề là dãy nhà A,B,C... cho khá hơn, để khi dịch a tiếng tây trong danh thiếp, nó là "suite" cũng đỡ mang tiếng kém cõi. Còn bằng lời thoại thì gọi phéng là chng cư cho sang, cho sành điệu, bởi nhà mwif tám hai mươi tầng cao ngất cũng chỉ gọi ến thế thôi. Còn về ý nghĩa nhân văn thì chung cư mới là thuật ngữ xứng với thời mở cửa, kinh tế thị trường. Đấy, nó chỉ chung cái cầu thang, cái hành lang, cái cổng vào thôi chứ. Phía sau cái cửa sắt đủ kiểu của các căn hộ là những cuộc sống khác nhau của bao nhiêu con người mà ngày hôm nay họ có cần gì đến cái thứ hàng xóm láng giềng nữa chứ !

Giữa những người xa lạ

Vuốt lại áo vét cho chỉnh tề, nắn lại cái ca vát cho thẳng thớm, tôi đi về phía cái cửa lớn vì thoáng nhìn thấy chữ hỷ đỏ chói dán trên một tấm bảng trắng. Đúng là đám cưới con cậu Hạnh đây rồi ! Tuy nhiên, khi chưa thấy người quen thì tôi vẫn chưa yên tâm. Mà nghĩ cho cùng thì ngoài Hạnh ra, tôi nào có quen ai ở đây. Tôi với Hạnh cộng học với nhau ở Bách khoa, nhưng sau hơn bốn mươi năm mới tình cờ gặp lại nhau trên đường phố. Hạnh đi đâu bội chỉ kịp hỏi tôi địa chỉ, bảo để lúc nào ghé thăm. Một tháng sau tôi nhận được thiệp của Hạnh gửi qua đường bưu điện, mời dự tiệc cưới thằng con giai út. Đi hay không, điều này cũng phải suy nghĩ một chút, bởi thời gian chúng tôi xa nhau quá lâu, chẳng biết bốn mươi năm qua Hạnh sống thế nào, gia đình ra sao; tính bạn của chúng tôi không thể gần gũi thân mật như hồi còn trẻ, học chung một lớp. Đi ăn cưới cũng đỡ, mà không đi thì càng không hay. Thế rồi, mặc dù chúa ghét cái cảnh đi ăn cưới mà không có người quen, bạn bè chung mồm, tôi vẫn vì sĩ diện mà lên đường. Ghét của nào trời trao của ấy. Đang ngờ ngác ngó nghiêng thì Hạnh ở đâu lòi ra, vui vẻ ấn tôi xuống một cái ghế và bảo mấy người đã ngồi sẵn: " Có ông bạn tôi đây nữa là đủ rồi !" Mấy người lộ vẻ vui ra mặt, chẳng phải vì gặp người quen mà là có đủ điều kiện để nâng cốc luôn, chাম rút cái cảnh chờ đợi cho đủ mâm sáu người. Tôi chưa kịp nói với Hạnh câu gì thì cậu ta đã cuống quýt chạy ra phía cửa đón mấy ông khách, ý chừng là cấp trên. Khi này tôi mới định thần lại và và biết rằng mình bị ngồi lọt thỏm giữa năm bà, cố nhìn mà chẳng thấy ai quen. Thế là tôi trở thành người đẹp giai nhất mâm. Vì là của hiếm nên được các bà, các cô chăm sóc rất kỹ. Tôi xưa nay rất ngại uống bia thì thì các bà tới tấp rót bia vào cốc cho tôi, còn họ thì mỗi người bật nắp một lon Coca-Cola. Tôi rất ghét ăn đồ hải sản thì trong bát lúc nào cũng đầy tôm cá. Bà nào, cô nào cũng xung xung rằng tôi ngồi xa quá nên tiếp tế cho tôi liên tục. Cũng may là tôi chợt nghĩ ra rằng mình phải vận dụng kinh nghiệm ăn tiệc ở Trung Quốc hơn ba mươi năm trước đây nên bình tĩnh ăn mỗi món ất ít, đúng là rất ít. Nhưng nếu ăn mà không nói gì thì quá buồn ; mà mấy bà chẳng chịu nói chuyện với nhau, hình như là muốn tôi nói trước. Ngồi giữa những người lạ, tôi có gì mà nói, ngoài câu: " Cám ơn, tôi vẫn còn ạ !". Hình như bà nào, cô nào cũng muốn tỏ ra là mình đảm đang, vốn dĩ chiều chồng xưa nay hay sao mà gỡ cá, bóc tôm, khen món này ngon, cái này mềm lắm, mời bác soi ! Cũng có thể là các bà nói thật khi thoáng thấy hàm răng của tôi khuyết một vài cái chằng ? Các bà các cô tuy không quên gắp cho mnhf, nhưng vài phút thì lại quay ra thăm nom tôi, cứ như vợ được một người để cùng làm từ thiện. Hình như một bà thấy hơi vô duyên, lên tiếng: " Bác cùng làm với bác Hạnh ạ ?". May quá, tôi có dịp mở mồm để nói một câu không bắt đầu bằng chữ " Cám ơn". Tôi lý nhí (không phải vì tôi xưa nay nói nhỏ mà vì trong mồm còn nhiều thức ăn do các bà tiếp tế)-nói rằng : " Bạn học cũ". Các bà các cô đều đồng thanh : " Quý hoá quá !". Tôi chợt nghĩ: " Đúng là quý thật nên mới gặp được các bà các cô ngày hôm nay như thế này". Thế rồi các bà các cô nói chuyện với nhau, tai tôi bị ù đi vì họ khoe nhau đủ thứ, từ mới sắm con xe này, mới làm cái nhà kia cho lên đời, mới gả chồng cho con gái lấy ông giám đốc nị là con ông bí thư kia. Khi không còn gì để khoe nữa, họ lại quay sang tôi : " Dạ bác làm ở ngành nào ạ ?" Tôi lại lý nhí : " Cùng nghề với bác Hạnh nhà ta đấy thôi". Một bà, xem chừng thân thiết với gia đình cậu Hạnh, ra đều biết tường tận lắm, bảo : " Quý hoá quá, thế ra bác

cũng làm về đảng Ngân hàng đấy ạ ?". Đến lúc này thì tôi không hiểu nổi nữa. Hạnh cùng học kiến trúc xây dựng như tôi, khi ra trường cũng toàn hành nghề xây dựng. Khi này tôi càng thấy xa lạ với những người chng quanh và thâm nghĩ : " Tại sao Hạnh lại mời những người không biết gì về cậu ta như mấy bà mấy cô này, và cả loại người lâu mới gặp lại như tôi ?"

Người Hà Nội

Tôi ở Hà Nội đã hơn nửa thế kỷ nhưng không thể tự nhận mình là người Hà Nội được. Thứ nhất là tôi không có quê quán ở vùng ven Hà Nội, thứ hai là tôi không có một ngôi nhà ở của ông cha để lại nằm trong khu phố cổ, thứ ba là từ lời ăn tiếng nói, cách cư xử đến kiểu tiêu dùng không giống với người Hà Nội. Thực ra thì tính cách của những ngwif vốn có cha mẹ, ông bà đã là người Hà Nội và hiện nay cỡ sáu bảy chục tuổi - người đương thời- không biểu hiện rõ được tính cách như ông cha của họ- Người Hà Nội. Những mỹ từ " văn minh, thanh lịch" nói bấy lâu nay trên đài báo dành cho người Hà Nội chưa nêu bật được cái khác của giữa những người Hà Nội với những người tứ xứ kéo đến ở đất Hà Thành. Cả những thứ gọi là văn hoá ẩm thực v.v. nêu trong sách báo bấy lâu vẫn chưa toát lên được những gì là cốt cách, cơ bản khác với những người lịch lãm ở nơi khác. Nhẹ nhàng, kín đáo, lịch sự, tế nhị, hơi bảo thủ một chút và không hề khoe khoang, không thích hào nhoáng là tính cách phổ biến của người Hà Nội. Tôi có nhận xét như thế vì đã có dịp gần gũi và sống chung với một trong những gia đình Hà Nội chính gốc, khi chúng tôi mới trở về Hà Nội trong những năm đầu của thập kỷ 50 ở thế kỷ trước.

Bà chủ nhà là người quê Tây Mỗ, xưa cũng là ngoại thành Hà Nội. Từ năm đời nay, các cụ đã vào nội thành làm ăn, buôn bán. Nói là buôn bán nhưng kỳ thực là mở một cửa hàng bán thuốc và kê đơn, chữa bệnh cho trẻ con. Cụ nội bà là thầy lang nổi tiếng, không hiểu được truyền lại phương thuốc chữa bệnh trẻ em từ đời nào, song rất có tín nhiệm gần xa. Vậy là bán thuốc gia truyền. Ngôi nhà ở giữa phố cổ, chiều rộng mặt nhà không quá ba mét, sáu hút vào trong. Hính thức của nó đại để giống như những ngôi nhà trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái, nghĩa là hai tầng, mái ngói rêu phong, cửa sổ tầng trên nhỏ xíu và toàn ngôi nhà thì cũ kỹ. Cũ nhất có lẽ là chiếc cầu thang gỗ, độ dốc hơi lớn, bởi tiết kiệm diện tích để lại. Lên cầu thang, đổ ai bước mà không phát ra tiếng cọt kẹt. Về tiết trời nồm, sờ vào tay vịn cầu thang mà phát sợ vì đọng nhiều hơi nước, ẩm ướt lắm. Trong nhà lúc nào cngx im ắng, kể cả lúc gia đình tụ họp đông đủ nhất. Mỗi người nói khẽ một chút, đi nhón chân một chút là cách sống của những người trong gia đình này. Không phải họ sợ ai, mà sợ chính sự ồn ã không cần thiết. Tiếng nói và cách dùng chữ của người Hà Nội gốc không nhất thiết phải chuẩn mực như cách viết. Nghe tinh, thấy họ nói chun thay vì chân, cun thay vì chân. Có thể là muốn nói nhẹ đi, dịu đi, ngay cả khi mắng mỏ. Bà chủ nhà tôi thường nói ssống áo thay vì quần áo, giống má thay vì chó má. Bà bảo: nói quần áo hay chó má nó dung tục, tôi chẳng bao giờ nói như vậy. Có một người khách đến chơi, con dâu phải pha ba tách nước, đặt đàng hoàng hai trong ba tách ấy theo chiều thuận tay phải của chủ và khách. Thế còn tách thứ ba ? Không cho ai cả. Bà bảo : rót hai tách là bất lịch sự. Còn khi mời nước phải rót trước mặt khách để cho khách biết là nước mới pha, chứ không phải là bị uống ấm pha dở. Khi rts nước, nhất thiết phải từ từ, chúc vôi ấm vào gần mép tách để không sủi bọt và không phát ra tiếng kêu. Kể ra, thật phức tạp, nhưng cũng thật lịch lãm và có lý. Còn cái sự mời mọc trong bữa ăn thì chẳng phải bàn vì họ quan niệm có mời, có ăn. Để người ta tự giúp là mình bất lịch sự (!). Người Hà Nội chính gốc rất căn cơ và tiêu pha hợp lý, không hình thức và sĩ diện hão. Cần thiết thì đắt mấy cũng tiêu nhưng chưa cần thì ẻ mấy cũng không sắm. Đồ đạc trong nhà - trừ những gia đình suu tâm đồ cổ - không nhiều và đơn sơ. Điều đáng khâm phục là trong gia đình của ngwif Hà Nội, việc giáo dục con cái rất coi trọng. Hiếm thấy gia đình nào có con cái hư hỏng, không ăn lời bố mẹ. Chính bà goá tôi nói ở đây có ba người con trai mà tất cả đều ngoan ngoãn, nghe lời mẹ răm rắp. Họ đều thành đạt: người làm giáo sư, người làm giám đốc cơ quan, người làm hiệu trưởng trường trung học. Nói chung người Hà Nội sống bình dị, không thích sắm sửa phung phí, ngay cả khi thời nay, muốn mua gì cngx có.

Có thể qua đây mà lý giải được vì sao người Hà Nội cứ ở mãi khu phố cổ, trong những ngôi nhà cũ kỹ, thậm chí xuống cấp nặng rồi, có thể nói là bất tiện nghi trong cuộc sống hiện

đại. Không mấy người muốn đổi lấy khoảng trời cao của những ngôi nhà chung cư tại khu đô thị mới, rộng hàng trăm mét vuông, đầy ánh sáng.



(kntk04)

Bình bình

Anh có cái tên đen đũi nhưng người lại trắng trẻo lắm. Dáng đi nhàn hạ, nói năng nhỏ nhẹ, giọng trầm ấm, không bao giờ vội vã, v.v. Đó là những nét dễ nhận biết ở anh. Người ta không khen anh lắm về khả năng công tác, về tài lãnh đạo, tuy anh chẳng kém cạnh gì, cũng là tiến sĩ, cũng phó giáo sư, cũng vụ phó, viện phó rồi giám đốc trung tâm cơ đấy, nhưng trọng nề anh ở thái độ công tác, ở tinh thần hợp tác trong nghiên cứu khoa học. Anh không sôi nổi bốc đồng, không đao to búa lớn, ấy vậy mà mọi việc chạy cứ êm ru. Trng cuộc sống thường nhật anh cũng bình lặng, không thái quá, không sành điệu, không mất mát, không đua đòi. Nhà cơ quan phân theo tiêu chuẩn, anh nhận một căn, cũng chẳng sửa sang gì thái quá, chỉ thêm mỗi cái của sắt để đạo chích khó lên vào thôi. Ấy vậy mà người ta vẫn đồn thổi anh là cóc vàng- nhiều nhà, nhiều đất lắm. Tôi có đến thăm anh tại một ngôi nhà khác, nơi anh đã đổi căn hộ được phân phối để về gần chỗ con gái. Ngôi nhà hai tầng không có quá bốn buồng nhỏ, với một khoảng lùi độ hơn mười mét làm sân. Đặc biệt hơn là có hai cây cau anh mang tận quê ra, trồng ngay ở chỗ cổng vào. Anh bảo: chẳng có đất đâu mà trồng nhiều cây, nhưng chỉ với thứ cây này, lúc nào cũng nhớ tới quê hương bản quán. Anh là thủ trưởng cơ quan, mốn đi đâu bằng xe ô tô chẳng được, nhưng anh chỉ dùng thứ đó khi rất cần thiết như khi đi công tác xa hoặc tới chỗ cần lễ nghi trang trọng. Thận trọng là đức tính thấy rõ ở anh. Không bao giờ anh hấp tấp trả lời hay vội vã nhận hợp tác công việc nọ. Anh nghiên cứu, cân nhắc đầy đủ điều kiện, nhu cầu rồi mới làm. Đã làm thì có kết quả khả quan và đúng thời hạn. Anh coi công việc là niềm vui, là trách nhiệm. Quên nói rằng tôi ít thấy một thủ trưởng nào mà nói năng dịu dàng, dân chủ với cán bộ công nhân viên đến thế. Anh nghiêm nghị, không thích buông lời bông đùa, nhưng lại dễ chấp nhận đối với những người được anh giao việc.

Có lần, trong khi vui chuyện, tôi có hỏi anh về bí quyết giữ sức khỏe và bình tĩnh trong công tác, kể cả những lúc có nhiều áp lực. Anh bảo: Mình nghĩ là mọi cái cứ bình bình thôi là được. Tôi nghe rất kỹ và không thể nhầm đây là bình thường. Vây nó là trung bình, mà không phải trung bình, bởi vì trung bình thì hơi tiêu cực, coys kém phần đấu, - theo như kiểu nói của mấy ông chính trị gia. Đẳng này lại là " bình bình". Bình bình là bình bình, nghĩa là đừng thái quá, đâu vào đấy, đừng tham quá, đừng kém cỏi quá, đừng để có người ghen ghét về những cái không bình bình cả mình...

Bây giờ anh đã về hưu, vẫn vui vẻ, vẫn chậm rãi và nhất là vẫn bình bình. Anh vẫn ở ngôi nhà hai tầng nho nhỏ, vẫn đi chiếc xe máy đời cũ, vẫn tham gia giảng dạy ở trường đại học và tư vấn ở vài công ty cho vui. Còn chuyện nhà...anh chẳng nói nhiều, cũng vẫn bình bình tuy mỗi cây mỗi hoa...

Dần dà, tôi mới hiểu đúng nghĩa thuật ngữ " bình bình " của anh. Nó không hàm nghĩa trung bình vì cuộc sống và lao động của anh thể hiện những nỗ lực phấn đấu theo chiều hướng tiến lên đều đặn về mọi mặt. Nó không hàm nghĩa bình thường vì thực ra anh đã thực hiện xuất sắc nghĩa vụ và trách nhiệm của mình với nhà, với nước. Nó cũng không hàm nghĩa đời sống trung lưu, bởi từ thời bao cấp tới lúc đổi mới, gia đình anh chẳng thiếu thốn gì, mà có thể nói là khá giả về vật chất. Tất cả, thể hiện bức tranh của một cuộc sống, một cách sống cân đối hài hòa, không có chỗ nào tương phản, không khi nào bị sức ép.

Nghĩ ra, thật là ...bình bình, đúng như anh nói.

Có chí làm giàu

Tôi nhớ mãi cái ngày Nam đứng thập thò ở cửa phòng làm việc của tôi ở cơ quan Viện để xin việc. Một thanh niên nông hớn vừa tốt nghiệp đại học, không có ai giới thiệu mà dám đi xin việc một mình. ở thời bao cấp, đầu những năm 80 của thế kỷ trước thì đây là trường hợp hiếm có. Hiếm vì một nơi cơ quan tôi hết chỉ tiêu biên chế. Tuy nhiên, thấy thái độ quyết tâm, cần việc làm của Nam, tôi đề nghị ông viện trưởng cho cậu ta một cơ hội là làm theo chế độ hợp đồng. Nam mừng lắm, xin được giao việc ngay. Tôi ghép cậu vào một đoàn đi công tác miền Nam để

điều tra khảo sát và thu thập dữ liệu. Nam không ngại đi xa, không nề tốn kém, cố gắng làm việc sao cho gây được tín nhiệm nơi lãnh đạo, nơi đồng nghiệp. Chỉ một năm sau, Nam đã là một trong những người tham gia nhiều loại công việc nhất trong đơn vị: từ nghiên cứu thực địa, dự án thiết kế đến theo dõi xây dựng cơ bản. Trong công tác, nhất là những việc cần giao tiếp và thuyết phục bên phối hợp (dạo ấy chưa dùng từ đối tác), Nam đều thực hiện thành công, và cậu đã thực sự trở thành trợ lý của Viện trưởng từ bao giờ không biết. Khi này, tôi được Bộ điều động sang giữ nhiệm vụ khác nên không có điều kiện trực tiếp quản lý Nam nữa.

Bằng đi năm sáu năm, Nam được Viện chọn đi nghiên cứu sinh ở Liên Xô. Nam tâm sự với tôi rằng: "em thích đi Đức hơn". Tôi bảo: đi học thì Liên Xô tốt, còn đi làm kinh tế thì có thể là Đức tốt hơn đấy!". Nam cười nhạt, không nói gì. Thực ra, đã có lần tôi được một cậu bạn của Nam kể rằng: Nam nó ghét cay ghét đắng cái nghèo đói; đã có lần nó bảo em rằng chẳng thể chịu cái cảnh nghèo đâu, nếu có cơ hội thì phải làm kinh tế cho ra trò. Không may cho Nam là trong khidang học ôn để thi nghiên cứu sinh ở trong nước thì ông bố đột ngột qua đời sau một cơn cảm nặng. Lúc này đây mới thấy rõ nghị lực của Nam. Sau khi lo chu tất việc tang gia, Nam lại từ quê ra cơ quan để tập trung thi nốt hai môn và đều đạt kết quả khá.

Hôm tiễn Nam lên đường đi Liên Xô, Nam bảo tôi: anh cứ yên tâm, em sẽ học hành nghiêm chỉnh, những cũng không chỉ để có bằng mà còn phải làm được việc gì nữa chứ. Tôi hiểu ngay cái việc gì của Nam. Từ Liên Xô, Nam viết thư cho tôi, báo rằng cậu ấy đã xoay lại tình hình để ở lại Matxcovva thay vị người ta chỉ định cậu phai học ở Kiev. Tôi đánh giá đây là thành công đầu tiên của Nam tong điều kiện còn lạ nước lạ cái, tiếng tăm thì chưa thạo. Thế rồi thời gian qua đi nhanh chóng đối với người đứng ngoài cuộc ngó vào: Nam đã bảo vệ thành công học vị Phó tiến sĩ đúng vào lúc Liên Xô tan rã. ở trong nước, tôi hình dung ra biết bao khó khăn cho những người như Nam. Nhưng trái lại, đây chính là thời cơ quý giá của Nam. Chỉ trong vòng 5 năm, Nam đã từ một anh nghiên cứu sinh quèn, chỉ biết ngó ngang buôn vật ở các ộp đã trở hành triệu phú. Triệu phú đôla. Giữa khoảng thời gian này, tôi có gặp Nam một hai lần gì đó tại Việt Nam. Một lần mang vợ con ra mắt "ra mắt" tại nhà tôi và một lần tôi đến tư gia của Nam, một cơ ngơi nhiều tỉ đồng vừa tậu của Nam tại Hà Nội. Chẳng kể gì nhiều về sự giàu có của Nam, nhưng nội việc đưa các em của Nam ra Hà Nội làm ăn, sắm cho mỗi đứa một cơ ngơi đàng hoàng thì đủ thấy năng lực của Nam và việc Nam về Hà Nội họp với tư cách đại diện các nhà doanh nghiệp trẻ ở Hải ngoại nói lên nhiều điều. Đó là chưa kể cái vụ đưa ta trăm ngàn đôla để cứu thủ trưởng cũ của mình ra khỏi chốn lao lung- cũng là điều nên nói lắm chứ.

Tất nhiên, để có được như thế, Nam đã ném đủ các vị của hỷ, nô, ai, lạc nội và ngoại. Theo mấy công sự thân cận của Nam cho biết thì cậu ta phát lên từ mấy vụ mua lại công ty của con cái chính các giáo sư mà Nam đã trợ cấp cho hàng tháng trong thời gian nhá nhem của sự tồn vong của đất nước đã từng là trụ cột của Hoà bình thế giới trong bảy thập niên. Nam đã tái xuất các thiết bị đào xúc, vận chuyển của Liên Xô sang các nước thế giười thứ ba (và cũng là một thứ tái xuất gang hồ).

Kh tôi viết những dòng này thì đã hơn mười năm không gặp lại Nam. Nghe đâu vừa rồi có thất bát trong kinh doanh tại Matxcova, nhưng chẳng thấm tháp gì; vốn liếng còn dư lắm, với nhiều nhà máy và hàng ngàn công nhân. Tôi chỉ biết bái phục một con người biết làm giàu và có gan làm giàu. Có thể Nam không thích gựp lại tôi nữa vì thói đời không ai thích nghe nhắc lại cảnh hàn vi của mình. Mà tôi thì biết quá rõ về cái thủỏ này của Nam. Song tôi đâu phải là người thích ôn nghèo gọi khổ mà chỉ muốn gặp lại Nam để cùng chuyện trò vui vẻ, để mừng cho Nam ăn nên làm ra, nhiều Hạnh phúc. Tôi còn biết thêm rằng những người có chí làm giàu phải có cả gan vàng lẫn dạ sắt nữa. Mà Nam thì chẳng thiếu những thứ đó, có đúng không nhỉ?

Giết gà không dùng dao mổ trâu

Học sinh viết chữ xấu: - tại ngành giáo dục-đào tạo. Học sinh phải học nhiều: -tại ngành giáo dục-đào tạo. Học sinh thi kết quả không cao: -tại ngành giáo dục-đào tạo. Thôi thì trăm đầu đổ đầu tằm, ngành này phải tiếp thu hết và phải sửa chữa bằng những cuộc cải cách giáo dục. Một hồi, cải cách chữ viết gần nhất đã gây xôn xao vì người ta thấy chữ cải cách lại quay về kiểu chữ có sẵn từ hồi nào hồi nào. Thế mà trước đây, tong kỳ cải cách trước, người ta khăng khăng

bảo vệ cho kiểu chữ không có móc, các nét thẳng đờ, chẳng liên quan gì đến nhau. Cái kiểu chữ, mà hầu hết phụ huynh học sinh lên án là con em họ viết xấu đến hai thế hệ. Oái oăm nhất lại chính tác giả lần cải cách chữ viết lần này vẫn là người đã từng đưa ra cái kiểu chữ thẳng đờ không có móc, không có nét uốn lượn lờ trước đây. Gần đây, việc cải cách giáo khoa bậc tiểu học cũng không phải phẳng lặng cho lắm. Biết bao nhiêu bài phê bình, nhận xét trên các báo trong Nam, ngoài Bắc. Tất nhiên cũng có hàng loạt bài phản kích từ phía những người trong ngành giáo dục, chủ yếu là những người tham gia biên soạn.

Anh bạn tôi đọc chẳng sót một bài nào, nhưng rồi chỉ cười. Anh phán gọn lỏn một câu: "Giết gà không cần dao mổ trâu". Anh bảo tôi: cái lứa học trò chúng mình ngày xưa học thầy nào là bái phục thầy ấy. Không dám nói là thầy cao hơn mấy cái đầu, bởi vì học trò là không thể so với thầy giáo, nhất là ở cấp tiểu học. Thấy tôi có vẻ chưa hiểu, anh bảo: có nhiều nguyên nhân để cải cách không thành công. Ý đồ là rất tốt nhưng biện pháp không hợp lý. Biện pháp không hợp lý là do quan niệm chưa đúng về người trực tiếp thực hiện cải cách. Vậy người trực tiếp cải cách là ai? Phải là người am tường về xu thế phát triển giáo dục tiểu học thế giới, biết được trình độ giáo dục tiểu học, chí ít là của các nước trong khu vực và lân bang. Cuối cùng phải là người sành nghề đào tạo tiểu học và yêu nghề, sống chết với nghề chứ không nháp nha nháp nhồm muốn chuyển nghề, chuyển cấp. Thế thì không thể tìm ra một người hay một nhóm người có đủ tài như vậy được. Những cái lớn của ngành, của bậc học do Bộ quy định, còn lại những vấn đề chi tiết, cụ thể phải do chính các giáo viên đã lăn lộn trong ngành, đã dạy tiểu học tham gia nghiên cứu và biên soạn. Bên cạnh đó có các tổ tư vấn, các bộ môn riêng biệt để hỗ trợ, giải quyết khúc mắc trong quá trình soạn thảo. Càng nghe anh bạn nói, tôi càng không hiểu. Anh tiếp: cậu thấy không?, những người trong ngành giáo dục bảo vệ cho cuộc cải cách thì nêu rằng ban biên soạn rất chi là hùng hậu và chất lượng, toàn là giáo sư, tiến sĩ. Thừa rằng giáo sư tiến sĩ đã bao giờ giảng dạy một tiết học nào cho các em học sinh tiểu học, hay là cá biệt có người nghiên cứu sơ sơ về phương pháp, hoặc nếu có sành môn này thì chưa chắc đã thạo môn kia. Bởi vậy không dùng đúng người rồi! Đành rằng dao to mổ được cả trâu, nhưng chúng ta cần giết gà cơ, cần làm thịt con gà sao cho khi bày nó lên bàn thờ ngày Tết để cúng ông bà ông phải sau khi luộc trông rất đẹp mã, không sây sứt gì. Thế nhưng câu này cũng chỉ đúng với con dao mổ trâu có chất lượng đích thực, làm từ thép tốt, rèn và tôi kỹ chứ không phải từ sắt phế loại. Loại dao dỏm này cửa hàng chực nhất không đứt miếng thịt thì sao gọi là dao mổ trâu được? Nói vậy cũng có lý vì bây giờ có khối bằng dỏm, nếu không rà soát cẩn thận mà cứ để các vị ấy vào hội đồng nọ, ban bệ kia thì con cháu chúng ta có ngày nguy to, hậu quả khôn lường! Ấy là chưa kể những vị học hành không ra gì, võ vế biết đấm ba tiếng nước ngoài, *chứ tắc đánh chữ tộ, chữ ngộ đánh chữ quá* mà lại tham khảo tài liệu gốc thì nguy to.

Phải hạ cờ thôi! Đến đây tôi chợt nhớ tới Seagames năm rồi, người ta làm lễ "Thượng cờ". Hình như nói "thượng kỳ" mới lọt tai, mới đỡ cộc cạch chứ nhỉ. Xin lỗi nhé, lại lan man chữ nghĩa. Cộc cạch quá. Phải cải cách nữa thôi!

Tính hệ thống

Trong đám bạn bè của tôi, Bình nổi tiếng là gàn. Tôi thì không nghĩ anh như vậy. Anh có cách sống, cách suy nghĩ và cách nói rất cẩn thận. Không biết không nói, không biết không nhận giúp, không biết không làm. Tuy nhiên, những gì anh đã làm cho mình và giúp đỡ ai thì rất chu đáo, kết quả mỹ mãn. Anh bảo: cái gì cũng có tính hệ thống của nó. Ví dụ, khi cậu nói một từ thì cậu phải hiểu rõ nghĩa của từ đó; ngoài ra còn phải biết vị trí của từ này trong hệ thống, tức là cùng với nó, trong hệ thống có bao nhiêu từ liên quan. Nếu không, tớ có thể nghĩ là cậu nói bậy hay phịa ra. Mọi người cười ồ khi nghe nói như thế. Nhưng Bình vẫn lải nhải: các cậu cười cũng phải, nhưng các cậu sẽ không còn cười được nữa khi đề ra một biện pháp khắc phục sự cố nào đấy mà nó lại phát sinh vô số hậu quả, chỉ vì không nắm được *tính hệ thống*. Chẳng hạn, khi nói đến vấn đề vệ sinh công cộng thì phải biết nó gồm vệ sinh không khí, vệ sinh khu dân cư, vệ sinh nước, vệ sinh đất và cả vệ sinh xây dựng nữa. Còn nếu hỏi tiếp rằng vệ sinh không khí có gì thì anh thao thao ngay được là: nó gồm duy trì không khí sạch, làm sạch không khí và kiểm tra trạng thái không khí. Cứ như thế mà anh nói, nói rất nhiều nếu ta cứ tiếp tục hỏi. Vậy anh mới

gần. Cũng vì anh am hiểu tính hệ thống như thế nên khi đi họp, anh dễ dàng phát hiện ra ai phát biểu đúng, ai nói bừa; bởi trong vấn đề A không thể có mục nọ, trong vấn đề B không thể có nội dung kia. Người ta bảo anh gần, nhưng anh nghĩ người ta dốt. Anh bảo : tập suy nghĩ có logic và hiểu vấn đề trong hệ thống mới có thể đưa ra các biện pháp đúng đắn, có hiệu quả. Ví dụ : để khắc phục ùn tắc giao thông phải giải quyết đồng bộ các vấn đề A,B,C,D,E. Nếu anh chỉ biết đến D, thì vấn đề chưa giải quyết được triệt để. Anh nói : biết nội dung công việc một cách có hệ thống thì mới biết cần phải có những ai tham gia giải quyết, hoặc là đồng thời, hoặc là theo một trình tự nhất định nào đó. Đấy cứ xem một việc hay gặp trên đường phố là đào đi bới lại để đặt cáp điện, đặt ống cống, đường dây thông tin ,v.v. thì đủ biết. Đó là hậu quả tất nhiên của cách làm mà không biết nội dung của công trình ngầm dưới lòng đường. Anh còn bảo : Tất nhiên trong cách xử lý nhiều khi phải dự báo được hàng loạt hậu quả. Ví dụ kh người ta có nhiều thời gian rảnh rỗi thì tất nhiên phải đi mua sắm, phải đi du lịch, phải về quê,v.v. khi đó lượng hàng hoá phải nhiều hơn, số phương tiện giao thông phải tăng lên tương xứng. Các cậu thấy không, trong những dịp có nhiều ngày nghỉ do tết liền với ngày nghỉ cuối tuần hay những ngày nghỉ bù liền đó, số người phải chầu trực để mua vé tàu xe ở bến, ở ga vẫn nhiều và chưa đáp ứng được. Đó là vì người ta ít tính đến hậu quả đồng bộ của mộ tình huống. Các cậu bảo tớ gần, tớ chịu, nhưng không thể biết mà không nói; không thể thấy chung quanh làm ăn thiếu suy nghĩ mà không bực mình. Đã thế lại phản ảnh lên báo, lên đài một cách chung chung, lần sau lại vẫn thế !...

Ông và cháu

ở cái thời kinh tế thị trường này, ngầm ra lại có nhiều điều hay. Người làm cho nhà nước cũng tất bật, đi sớm về tối, bận rộn lắm, không có cái kiểu ngồi chơi soi nước mà vẫn ăn lương, đến hẹn lại đều đều như thời bao cấp. Máy đứa con nhà tôi cũng không là ngoại lệ. Công việc bận rộn tối ngày, con cái đã có ông bà trông cho rồi. Chúng xem đấy là việc tất nhiên. Cụ Vinh hàng xóm phàn nàn với tôi rằng nghỉ hưu còn mệt hơn tại chức nhiều vì phải klàm ôshin cho chúng nó. Chúng nó đây là các con cụ. Cụ đông con, lắm cháu, thế nên không lúc nào rỗi việc. Đi du lịch ư: gửi ông bà trông cho vài hôm; bận công tác miền Nam ư: cho con gửi cháu một tuần. Cứ thế, hết cháu này đến cháu khác, hết nội đến ngoại- vẫn theo cụ phàn nàn - thì không bao giờ rảnh tay. Đến nỗi, bây giờ thành quen: hôm nào không có trẻ con trong nhà thì thấy quá vắng vẻ.

Tôi không có diễm phúc như cụ Vinh, bởi hiếm hoi, chỉ có một con và hiện có một cháu ngoại. Mới đầu thì ngại lắm, cứ tưởng rằng đến tuổi già thì được nghỉ ngơi cho đã, ai ngờ lại phải trông nom và chơi với trẻ. Nhưng không, chính chúng là cái gạch nối cần thiết trong gia đình, nối ông bà với cha mẹ chúng. Bởi không, con cái cũng quên phắt bố mẹ trong những ngày thường. Nhiều lý do lắm : các cụ nghĩ khác, sinh hoạt khác, chẳng thích thú gì khi tiếp xúc với các cụ. Đàng này các cụ lại rất cần cho chúng nên về mặt nào đấy, việc thăm hỏi sức khoẻ cũng có nhiều hơn, bởi nếu các cụ lăn đùng ra ốm thì lấy ai trông con cho chúng. Nói chung là như vậy, nhưng con cái nhà tôi cũng không đến nỗi nào, bởi hàng ngày, khi đi làm về, chúng thấy đứa con của mình khoẻ mạnh, xinh xắn, tinh khôn ra thì cũng hơi nể bố mẹ một chút.

Thật tình, tôi không ưa trẻ con lắm, nhưng với đứa cháu ngoại của mình nhiều khi nó làm tôi phấn khích mà làm được việc này, việc kia. Tỉ như cái hồi cháu đầy tháng, tôi phấn khởi viết một cuốn sách hai trăm trang chỉ trong vòng một tháng, hoặc là muốn có sách kể chuyện cho cháu, tôi đã dịch liền hàng trăm truyện ngắn để bố mẹ chúng có cái mà kể. Chơi với trẻ và dạy nó hàng ngày, ngầm ra cũng có điều thú vị. Phải công nhận rằng trẻ bây giờ thông minh, nhạy cảm hơn thời trước. Mới ba bốn tuổi mà đã có thể bấm điều khiển tivi hết kênh này đến kênh khác, rồi điều chỉnh màu sắc, to nhỏ như người lớn. Trong khi ông cháu chơi với nhau, nhiều khi tôi không trả lời được những câu hỏi ngây thơ nhưng hóc búa của nó. Điều lạ là nó có tính hài hước từ nhỏ, biết nói đùa, thích châm biếm. Tôi không khuyến khích điều này nhưng thậm nghĩ là nó sáng dạ và nhạy cảm. Không hiểu con trẻ tôi xem từ vị cho con thế nào, nhưng đại để là trùng hợp với những gì tôi thấy ở con bé từ tính nét đến sở thích. Tất nhên là để chiêm nghiệm cho vui, chứ giáo dục mới là chính. Hầu như cháu ở với ông bà năm ngày trong tuần. Bố mẹ giao

con cho từ sáng sớm, tối mịt mới đón về. Thế nên, con bé cũng có hai cách sống : khi ở với ông bà thì nên nếp, nhưng khi về với bố mẹ thì bừa bãi, mất trật tự. Dung hoà điều này không phải là điều đơn giản !



(kntk03)

Khóc

Người ta thường khóc vì buồn, vì thương thân trách phận, vì gặp cảnh nhà sa sút hay nỗi mình ngao ngán. Người ta cũng có thể khóc vì sung sướng, lâu mới gặp lại người thân, vụn hên đến bất ngờ hay cảm động vì nghĩa cử của ai đó đối với mình. Thế nhưng hiếm khi thấy ai khóc trong tâm trạng vui buồn lẫn lộn. Một trường hợp như thế, tôi đã từng chứng kiến. Nói đúng hơn đó là một khoảnh khắc hiếm có đáng nhớ, đáng ghi dấu ấn của một thời gian khổ mà người trải qua khó có thể quên được.

Cậu Trinh, cán bộ kỹ thuật của phòng tôi là một tay chí thú làm ăn, chăm lo vun vén cho gia đình ít ai bì kịp. Ai đời, tay không mà xây nhà gạch. Đầu những năm 1970 mà cậu ta có gan xây nhà, là điều đáng kính nể. Nể hơn nữa là xây nhà chủ yếu bằng vật liệu phế thải từ phòng thí nghiệm của cơ quan. Phải mở cái ngoặc ở đây để bạn đọc hiểu cơ quan tôi là một Viện khoa học đầu ngành xây dựng, có rất nhiều phòng thí nghiệm. Hàng ngày, phòng thí nghiệm về kết cấu xây dựng "thải" đi rất nhiều gạch vỡ, những mẫu thử dầm bê tông nứt gãy, những mẫu sắt vụn v.v. để cả đống trong sân Viện. Cậu Trinh nhận "tổng vệ sinh" cho Viện. Hàng ngày, khi tan giờ làm buổi chiều trở về nhà, cậu thường kéo theo một xe ba gác những thứ vật liệu kiểu đó. Kiến tha lâu cũng đầy tổ. Một hôm, Trinh xin nghỉ phép năm để làm nhà. Tôi thông cảm cho cậu mượn luôn cả phép năm sau cho ung dung thoải mái. Thế là một ngôi nhà gạch hai tầng mọc lên giữa mảnh vườn nơi xóm nhỏ gần phố, oai đáo để. Trong bữa liên hoan mừng nhà mới, cậu Trinh phân trần là vì nhà có năm người, hai vợ chồng, hai đứa con trai, lại cả ông bố vợ nữa, thành thử chật chội quá, mới phải vẽ vời xây ra như thế này. Mọi người không những cảm thông (ở thời đoạn bấy giờ, người ta rất sợ mang tiếng là "có khả năng", tức là kiếm được nhiều tiền bằng nguồn bất chính vì lương lậu có gì đáng kể) mà còn hết lời khen Trinh đảm đang. Mà phải dùng từ này cho cậu mới đáng, bởi chẳng mấy khi vợ cậu có mặt ở nhà. Cô vợ lại có tướng làm quan, là chủ tịch kiêm bí thư của một hiệp hội thủ công ở Huyện nên thiếu gì lý do vắng nhà. Vậy là cậu phải lo mọi việc: từ nội trợ cho đến ngoại trợ: đưa hai đứa con trai đi nhà trẻ. Tại thời điểm đó, gia đình có một con còn khả dĩ chứ có hai còn lại kèm ông bố già thì túng túng là cái chắc. Vậy mà Trinh ta trụ được, vừa đảm bảo việc cơ quan, vừa hoàn thành nhiệm vụ của cả vợ là điều đáng nể!

Một hôm, để có đến mười tháng sau cái ngày mừng xây nhà mới, Trinh không đến cơ quan mà chẳng báo cáo gì. Mọi người đoán là có việc đột xuất gì đây, vì cậu này khoẻ lắm, chẳng thể yếu đau. Buổi chiều, khi cả phòng đang họp, thì Trinh xông vào, không nhìn vào ai cả, đến thẳng chỗ tôi ngồi và bảo:

- Hôm nay em xin phép đi mượn vì nhà em vừa sinh cháu.

Anh em trong phòng đồng thanh ô lên chúc mừng Trinh. Nhưng lạ thay, mặt mày Trinh đã chẳng có gì là vui mà còn... nhăn nhó, rồi méo xệch đi. Cậu ta nức nở:

- Nhà em sinh hai cháu trai!

Nước mặt dàn dụa, cậu không nói thêm gì được nữa. Anh chị em, hình như chưa hiểu chuyện gì xảy ra. Còn tôi thì tôi hiểu. Hai cộng hai là bốn. Hai đứa con trai đã làm cho Trinh bận rộn lắm rồi, nay lại tòi ra hai đứa nữa, khó khăn chồng chất biết bao nhiêu ở cái thời thịt tem, gạo sỗ, vải phiếu này! Khó có thể diễn tả được hết cái cảnh báo tin mừng như vậy.

Năm ngoái, tình cờ tôi gặp lại Trinh đang tập thể dục bên bờ hồ Thủ Lệ. Bấy giờ Trinh đã là ông nội rồi, nghỉ hưu sớm và vẫn... chăm lo việc nhà. Cậu ta bảo: Bấy giờ nghĩ lại, em vẫn thấy phải cảm ơn anh rất nhiều. Nếu là thủ trưởng khác, thì hồi đó làm sao em có thể đứng nổi việc nuôi bốn đứa con nhỏ, sáng sáng đưa chúng đến nhà trẻ rồi mới đến cơ quan. Anh tạo điều kiện cho em đi mượn về sớm hàng ngày một tiếng đồng hồ, mặc cho các phòng khác lời ra tiếng vào, phản ảnh này nọ với Viện. Bởi anh là con người vì công việc nhưng cũng vì con người. Nhưng em vẫn phải hoàn thành nhiệm vụ công tác của mình đấy thôi.!

..."

một người quen cũ

Răng chuột, giọng kim. Đàn ông mà như thế thì khôn lắm, thày tướng bảo thế. Lúc đầu tôi cũng chẳng tin, nhưng qua gần bốn chục năm quen biết Lê Châu Túc thì phải bái phục cái ông thầy tướng này.

Tốt nghiệp đại học, Túc được phân công về cơ quan tôi ngay. Một anh chàng dáng dấp thư sinh mới hai mươi ba tuổi, cao ráo sạch sẽ, có tài vật, v.v. sớm nổi đình đám trong cái Chi đoàn thanh niên ở nơi sơ tán này về tài đàn hát, trang trí báo tường. Ban đầu tưởng cậu ta nhút nhát, nhưng ai đẩy lắm to, cậu ta phát biểu hăng lắm và trong công tác cũng mạnh dạn lắm. Ngoại ngữ cậu ta không có bao nhiêu, nhưng có gan địch lắm, không biết thì "phịa" rất tài. Tình cờ tôi đã đọc một bản dịch của cậu ta, thấy văn vẻ rất trơn chu, nhưng khi so với nguyên bản gốc tiếng nước ngoài thì sai ơ là sai. Thế cũng là một thứ khôn. Khôn nữa là giữa đám các em, cậu cũng biết "bốc" ra phết; chẳng thế mà có em cũng siêu siêu, thốn thốn trong lòng.

Thế rồi, đúng cái lúc cuộc chiến tranh chống Mỹ vào hồi gay gắt, cơ quan tôi cũng cần người đóng góp cho chiến trường, Túc ta được chỉ định làm lính nghĩa vụ. Sau ba năm làm nghĩa vụ quân sự trở về, Túc có vẻ già dặn hơn và thám thía điều gì.

Ba năm gián đoạn lại càng làm tăng ý chí vươn lên mạnh mẽ của Túc về...kinh tế. Khi thì Túc tham gia trình bày triển lãm, lúc thiết kế thêm kiếm tí chút. Phải nói rằng tôi cũng có một vài sở thích như Túc, nên hay làm việc ngoài giờ với nhau. Túc rất sòng phẳng. Trong cái thời bao cấp mà tính toán ăn chia khi công việc xong xuôi rất chỉ là rút khoát, khoản nào ra khoản nấy, công anh công tôi rõ ràng. Qua thời gian đó, tôi chợt thấy thêm rằng Túc có khiếu kinh doanh. Túc bảo: ông không biết đấy thôi, nhà tôi, từ xưa là tùm kinh doanh thuốc lá toàn Bắc kỳ, mấy đời làm ăn khá khá ra phết.

Thế rồi cơ quan tôi mấy phen tách nhập, Túc không ở Cơ quan Trung ương nữa mà về địa phương, một cơ quan có uy lực ra phết, nên tôi cũng ít gặp. Nhân có việc cần nhờ đến Túc, tôi đến nhà, gõ cửa, bởi nghĩ đến tình anh em xưa cũ, cùng làm cùng chơi với nhau từ thuở hàn vi. Vợ Túc, thấy tôi mà xem như khách lạ, trả lời lạnh nhạt rằng "anh ấy bận tối ngày, chẳng gặp được đâu". Thái độ như thế, tôi chỉ còn biết chuồn...và còn nghe thấy tiếng nheo nheo sau lưng: "sao không đến cơ quan mà cứ nhè nhà riêng người ta mà đến thế không biết".

Thì ra bây giờ Túc quan trọng hơn tôi tưởng nhiều. Ráp mặt được cậu ta không phải là dễ, kể cả gọi điện nữa. Túc không bao giờ nhận điện ở nhà, còn ở cơ quan, khi thấy tiếng người quen là xập máy liền. Cậu ta sợ nhờ vả. Một bạn cũ, trước cùng làm với tôi và Túc phàn nàn rằng: "Cái thằng này gặp mình mà cứ như nhìn vào tầu điện, chẳng nhận ra bạn cũ. Nghe đâu cậu ta soi béo lắm". Một người nói thì không tin, nhưng quá nhiều người nói thì tôi đành chấp nhận rằng Túc nay đã khác xưa rồi, bởi có nhiều người cầu cạnh đến cậu ta, và những thứ bạn bè cũ, chỉ mang lại phiền toái và mất thời giờ - một phút giá ngàn đô la - của cậu.

Không hiểu Túc có hạnh phúc không, nhưng thi thoảng "gặp" Túc (trên tivi) thì thấy già xạm trước tuổi. Kể ra, cậu ta còn kém bọn tôi đến gần chục tuổi kia đấy. Lưng còng xuống, tóc thưa thưa như gà chọi, mặt hom hem, không một nét vô tư. Đâu còn hình ảnh của Lê Châu Túc thời son trẻ?

Hạnh phúc thật có giá của nó !

Lại thế nữa !

Trong mẫu chuyện "Trái tim bị đánh cắp" tôi đã có dịp nêu trường hợp khổ chủ bị kẻ gian cuỗm hết tiền mừng trong một đám cưới. Hôm nay, đọc báo An Ninh Thủ đô cuối tuần (1), tôi lại bắt gặp cái tí to tướng ở trang 19 "Lợi dụng lúc tang gia bối rối". Bài báo viết rằng :

"Chiều ngày 29-6-2005, gia đình ông H, ở phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm sau khi an táng cụ thân sinh ra ông H. tại nghĩa trang trở về nhà, mọi người phát hiện toàn bộ số

tiền phúng viếng cất trong chiếc tủ gỗ ở trên căn phòng gác hai đã bị kẻ gian phá khoá tủ, lấy cắp. Ước tính số tiền bị mất khoảng 100 triệu đồng"...

Như thế là kẻ gian không phân biệt hỷ hay hiếu, đều làm tuốt. Thủ đoạn của chúng là trà trộn vào người thân quen với gia đình để lấy tiền mừng, tiền viếng. Bọn này nắm vững thời cơ,, chúng ra tay vào những lúc người ta " hữu sự" có những sự việc quan trọng trong cuộc sống; khi đó con người thường mất cảnh giác nhất. Như thế là bọn trộm cắp chẳng kiêng nể ai cả, người sống, người chết, người vui, người buồn, v.v. miễn là chớp được thời cơ. Khá khen thay cho bọn chúng, những nghĩ ra thì con người ta cũng lắm lúc sờ hở, hớ hênh.

Trong đời sống thường nhật cũng vậy, thường làm việc này thì ít nghĩ đến việc khác sẽ xảy ra. Đây là kể cả lúc ta bình tĩnh nhất, có thời gian để đặt kế hoạch nọ, biện pháp kia, khi đầu óc còn sáng suốt mà vẫn có sơ hở, vẫn mất mát, thất thoát, hỏng việc.

(1) An Ninh Thủ đô cuối tuần, số 36 ra ngày 2-7-2005

Những bữa cơm vui

Hồi những năm 1970 của thế kỷ trước, ai đi làm mà chẳng có một cái ga men nhôm bé tẹo treo ở ghi đông xe đạp. Vô phúc anh nào bị đụng xe, ga men rơi xuống đường, thức ăn tung toé, cơm rơi vãi trên đường nhìn mà cảm cảnh. Nói chung, thực đơn ai cũng như ai thôi: mấy cuộng rau muống luộc, mấy quả cà pháo, một đoạn cá khô... là thức ăn phổ biến. Cá biệt, cô cậu nào có bố mẹ làm to, có bìa phiếu loại A, B thì thừa hưởng tí thịt nạc, tí giò lụa. Nhưng nói chung, khi thức ăn đồ uống đã tung toé trên đường thì không ngoạn mục chút nào, và khổ chủ cũng không muốn thu dọn mà vội vàng nhặt ga men lên rồi phóng xe đi cho rảnh mắt mọi người. Tôi đã thấy những ánh mắt tỏ vẻ ái ngại của người qua đường khi thấy mấy quả cà tàng tàng nhẩy trên lòng đường như thế nào, không thể tả được cái cảm xúc đó. Bây giờ, no con chán chê rồi nên người ta hay nói đến thứ *cảm xúc sâu lắng* này nọ, chứ trước những cảnh đó chỉ có một cách mô tả là ngán ngẩm sự đời (!).

Có thể là vì mọi người đều đã trông thấy cái cảnh như thế trên đường, cho nên cán bộ của phòng tôi (1) từ trẻ đến già, từ nam chí nữ, chỉ mang cơm đi làm, còn thức ăn gia công tại chỗ. Cửa đáng tội, phòng tôi là một đơn vị nghiên cứu trong Viện nên có nhiều thiết bị gia nhiệt như bếp điện, tủ sấy nên cái khoản chất đốt không phải lo lắm; còn rau cỏ, thì đã có cả một "vườn". Nói cho to chuyện, thực ra chỉ là một vạt đất khoảng hai chục mét vuông nằm ngay cạnh phòng thí nghiệm của chúng tôi, trên đó cậu Trinh- một kỹ sư gốc nông dân chính cống- đã trồng khá nhiều thứ, nào rau cải, rau thơm, dền mướp, kể cả rau muống cạn nữa... có thể phục vụ cho bữa ăn. Ban đầu tôi còn ngại ngùng vì sự nhòm ngó của các đơn vị khác (họ không có phòng thí nghiệm như bọn tôi), nhưng sau, vì sự " tiện nghi" của anh chị em, cũng tắc lưỡi cho qua. Cứ như vậy, bữa cơm của chúng tôi lúc nào cũng có cơm nóng canh ngọt. Cơm mang đi, chỉ cần cho ga men vào tủ sấy mười lăm phút là nóng rồi, còn thức ăn thì có mấy cô cậu năng nổ phụ trách nấu nướng cũng không mất mấy thì giờ. Đôi khi chúng tôi còn thừa hưởng cả đá thừa của phòng thí nghiệm trong món chè đỗ đen đá để bồi dưỡng anh chị em sau những ca thí nghiệm (2).

Làm chung, ăn chung, vui chung nên phòng chúng tôi đoàn kết lắm. Kể ra cũng có cậu tính tình ương ương, nhưng không thể đứng ngoài một tập thể " vui là chính" như thế được. Vui đây là vui trong công việc. Tất nhiên, việc gì cũng phải trả giá. Anh chị em trong phòng có biết đâu rằng tôi hay bị Viện chất vấn về việc sử dụng trang thiết bị thí nghiệm, về việc hữu duyên trong đối xử với cán bộ, v.v. Tôi trả lời trơn chu, có cái gì sai, nhận về mình. Tôi thừa biết có một vài trưởng phòng khác hay phản ảnh này nọ với lãnh đạo Viện rằng Phòng tôi nấu cơm trong giờ bằng thiết bị thí nghiệm (!). Họ rất không thích nhìn thấy cái cảnh ăn cơm vui vẻ, nóng sốt giữa những buổi trưa mùa đông của phòng chúng tôi, mà họ có muốn cũng không tạo ra được. Đầu tiên, là có sự đoàn kết và vì công việc chung. Mà cái đó thì họ chẳng nghĩ đến bao giờ. Họ chỉ nghĩ đến phương tiện là mấy thứ đồ sấy hấp, còn mục đích thì không có trong đầu.

(1) Phòng Vật lý xây dựng Viện khoa học kỹ thuật xây dựng. Tôi phụ trách ở đó từ năm 1973-1979

(2) Mỗi ngày chúng tôi dùng đến 5 cây đá lớn để dùng vào việc đo hệ số dẫn nhiệt của vật liệu xây dựng.

một Người yêu sách

Khi ông Viện trưởng ngỏ ý muốn đưa anh ta về để tăng cường cho phòng tôi thì tôi ngần ngại, chưa dám nhận ngay. Thứ nhất - anh Hoà này đã từng là cán bộ của Viện, nay vừa bảo vệ phó tiến sĩ ở CHDC Đức về, lại không muốn về phòng cũ vì xích mích gì đó với trưởng phòng. Thứ hai - về chuyên môn của anh chàng, cơ bản là có thể sử dụng được tí chút ở phòng tôi, nhưng chưa đặc dụng lắm, bởi nó vừa cao, vừa thấp. Cao là về lý thuyết, nhưng thấp ở phạm vi ứng dụng trong công tác của phòng. Thứ ba - cá tính của Hoà. Đây là một anh chàng khó tính, cầu toàn, chặt chẽ, chi li và đánh giá người khác rất nghiêm khắc và hay yêu cầu này nọ. Bấy nhiêu cá tính ở một người trung niên không dễ gì có ông trưởng phòng nào dám rước về ở chung với mình. Ông Viện trưởng chắc cũng có nhận xét như vậy nên khích tôi: " Anh biết sử dụng người, có khi anh Hoà về phòng anh lại tốt nếu biết khai thác những ưu điểm của anh ấy".

Qua một tháng, không thấy tôi đả động tới việc này, ông Viện trưởng cứ ký quyết định ấn Hoà về phòng tôi. Tôi phải nhận trong cái tình cảnh như vậy. Thông thường, cán bộ mới đến thường tìm hiểu công việc chung, hay hăm hở tham gia vào một việc gì đó. Hoà thì trái lại. Anh chàng " yêu cầu " tôi: *Một là* để cho anh ta có thời gian nghiên cứu tìm hiểu công việc của Phòng để tự xem tham gia được gì. *Hai là*, cho anh ta nghỉ một tuần để vận chuyển sách đến. Thấy tôi có vẻ không hiểu, anh chàng bảo: Tôi có mấy tạ sách, mang ở nước ngoài về, còn gửi tản mạn ở nhiều nơi, anh cho tôi đi vận chuyển về đây. Anh chàng còn mà cả: mà phải cho tôi gửi ngay ở phòng làm việc vì để ở nhà tập thể, dễ bị thất thoát. Anh còn yêu cầu *ba là, bốn là...* gì nữa nhưng tôi đã ù cả tai rồi. Tôi chỉ biết gật đầu lia lia trước những lời ...yêu sách của Hoà.

Hoà còn muốn chứng minh cho chúng tôi rõ là anh ta yêu quý sách như thế nào. Anh ta bảo: *nhất sách nhì vợ*. Vì thế mà anh ta cũng không muốn để sách ở nhà vì sợ những khi bà ấy cả giận, giận cá chém sách, cứ mỗi quyển xé đi một vài tờ thì mất hết giá trị còn gì nữa (!). Nói rồi, Hoà ta cười khoái trí về cái kế sách *phòng bệnh hơn chữa bệnh* của mình. Nhân nói về vợ, Hoà bảo :vợ tôi sợ tôi một phép, không dám ngo ngoe gì. Tôi cảm không được xung em em, gọi anh anh với ai. Tôi bảo: " cô chỉ được gọi một người duy nhất là *anh* và xung với một người duy nhất là *em*. Tức là tôi.

Tôi cố chịu đựng cái con người lắm yêu sách và tự cho mình là yêu sách ấy, bởi nghĩ rằng, ba bảy hai mươi mốt ngày, anh chàng cũng chán mà xin đi nơi khác. Sách của Hoà tập trung ở phòng, xếp hàng đồng ngổ ngang trên một cái bàn. Nói chung toàn là tài liệu tiếng Đức. Ban đầu chúng tôi - tôi và anh em trong phòng có ý thần phục Hoà, bởi người ta đi học về, thì lo mua sắm xe đạp vật dụng khác, ít ai dám rước về dù chỉ là một cuốn sách. Đằng này...có đến mấy tạ sách. Tuy nhiên, khi xem kỹ thì thấy toàn tên người này, người kia ký ở trang đầu; không ít cuốn sách đầy cộp, còn nguyên cả dấu của thư viện nọ, thư viện kia. Tôi chẳng nói gì, nhưng anh em trong phòng thì sắc xảo lắm. Họ bảo: ông này lại trộm tria ở đâu đấy, chứ ngữ này chẳng chịu bỏ ra một xu để mua sách đâu. Rồi đến khi ông Hoà đại dột ca cảm rằng ở đồng sách này có nhiều cuốn chỉ có tập 1, không có tập 2 hoặc có tập 2 không có tập 1 vì nhiều đứa vô trách nhiệm, mượn anh ta mà không chịu trả thì mấy chị em trong phòng gặng lại: anh có tập 2 có nghĩa là người ta mất tập 2, anh có tập 1 nghĩa là người ta mất tập 1, chứ gì? Anh chàng cãi lại: Bậy nào! Bậy nào! Và rồi lủi mất để mọi người không truy bức thêm nữa.

Rồi đến ngày Hoà nhờ anh chị em trong phòng dọn nhà giúp đến một nơi ở mới thì mọi người mới thấy khả năng của Hoà trong việc nhặt nhạnh những thứ tập tàng ở bãi rác nước bạn như thế nào. Thượng vàng hạ cám, không thiếu thứ gì. Cụ thể hơn là toàn những thứ không phải mua mà có.

Hoà cũng chưa làm gì được cho phòng thì giải phóng Miền Nam. Hoà sớm thu xếp về quê làm ăn. Nghe đâu anh chàng có dạy học ở một trường đại học ít lâu, nhưng xích mích, kèn cựa nên bỏ luôn, ở nhà dạy tiếng Đức. Có kể rồi hơi, xấu miệng bảo rằng Hoà dám bỏ tiền ra đầu

tư bàn ghế , lớp học để dạy tiếng Đức cho những người muốn vượt biên ra nước ngoài sinh sống...Tin này đúng đến chín mươi chín phẩy chín phần trăm.



TIẾT KIỆM VÀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRONG XÂY DỰNG trong điều kiện biến đổi khí hậu

Xây dựng là một trong những ngành tiêu thụ năng lượng rất lớn, ở hầu hết các giai đoạn trong chu trình sống của công trình. Từ thiết kế, thi công, khai thác sử dụng công trình đến sản xuất vật liệu xây dựng đều phải tiêu thụ năng lượng. Theo số liệu của nước ngoài, chỉ riêng tổng năng lượng tiêu thụ cho các công trình xây dựng đã chiếm đến 40-70% tổng năng lượng cung cấp cho đô thị .

Vấn đề tiết kiệm và sử dụng năng lượng có hiệu quả trong xây dựng cũng đã được quy định trong các văn bản tiêu chuẩn của nhiều nước trên thế giới. Ngay ở Việt Nam cũng đã ban hành tiêu chuẩn QCVN 09-2005 “ Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng có hiệu quả”. Tuy nhiên, việc áp dụng tiêu chuẩn này còn hạn chế do nhiều nguyên nhân, bởi có nhiều vấn đề, không chỉ ngành xây dựng đơn độc giải quyết được.

Để sử dụng năng lượng trong xây dựng có tiết kiệm và hiệu quả thật không đơn giản, nhất là trong điều kiện biến đổi khí hậu Chỉ riêng việc xem xét tiêu thụ năng lượng điện trong nhà ở tại các khu đô thị mới đã thấy có nhiều vấn đề cần giải quyết. Đó là tiêu thụ điện trực tiếp (chạy máy điều hòa không khí, quạt máy, đun nước nóng, chiếu sáng, thiết bị điện sinh hoạt, thang máy và các động cơ khác) và tiêu thụ gián tiếp (vật liệu xây dựng, nước sinh hoạt,v.v.). Rõ ràng là sử dụng năng lượng tiết kiệm và có hiệu quả đều phải xét đến tổng tiêu thụ điện trực tiếp và gián tiếp cũng như các hệ thống cung cấp điện chiếu sáng, cấp nước, cấp nhiệt, thông tin, thang máy, lựa chọn và sử dụng các trang bị trong nhà cũng như các hệ thống điều khiển tự động của công trình.

Tuy nhiên, chúng ta cũng có những điều kiện thuận lợi nếu biết khai thác, tận dụng hợp lí để tiết kiệm năng lượng trong xây dựng. Ngay từ khâu *thiết kế* thì việc chọn số liệu khí hậu thích hợp (về bức xạ mặt trời, nhiệt độ không khí, độ ẩm tương đối, gió, điều kiện tiện nghi vi khí hậu công trình) để phát triển công trình xanh tiết kiệm năng lượng trên cơ sở tận dụng tối đa điều kiện khí hậu thiên nhiên và cảnh quan tự nhiên, tổ chức thông gió tự nhiên và tận dụng ánh sáng tự nhiên. Cũng trong khâu *thiết kế*, việc chọn kiểu dáng, hình khối nhà cao tầng không chỉ thuần túy về phương diện thẩm mỹ kiến trúc mà còn có tác dụng về mặt tiết kiệm năng lượng. Chẳng hạn, thứ tự ưu tiên lựa chọn hình khối nhà cao tầng để tiết kiệm năng lượng là khối trụ tròn, khối đa diện đều, khối trụ vuông, khối trụ chữ nhật rồi mới đến

các khối có hình thù lồi lõm phức tạp khác. Tại khâu thiết kế, việc lựa chọn hệ thống cửa sổ cũng có thể tiết kiệm năng lượng, nếu nhằm tận dụng ánh sáng tự nhiên để chiếu sáng cho phòng. Chẳng hạn, chọn loại cửa sổ cao hơn tốt hơn loại cửa thấp (so với cùng một diện tích cửa cửa), cửa dễ dàng đóng mở nhưng cũng đảm bảo yêu cầu che nắng, áp dụng kinh nghiệm sử dụng cửa truyền thống (trong kính, ngoài chớp),v.v.

Trong *sản xuất sử dụng vật liệu xây dựng*, việc tiết kiệm và sử dụng có hiệu quả năng lượng là rõ ràng. Chẳng hạn sử dụng gạch không nung trong xây dựng, đỡ tốn kém nhiên liệu nung, giảm khí thải và ô nhiễm nhiệt, tạo loại vật liệu thân thiện với môi trường. Chúng ta còn biết rằng vật liệu xây dựng trong điều kiện khí hậu nhiệt đới nóng ẩm Việt Nam nếu không đảm bảo cách nhiệt tốt, chống thấm dột, ẩm mốc, bền vững, khó bị hư hoại trước những tác động khắc nghiệt thì phải sử dụng thiết bị điều hòa, thông gió nhân tạo là có hiệu quả, song tốn năng lượng. Sử dụng loại sản phẩm cách nhiệt, có khả năng ngăn bức xạ mặt trời có thể không dùng điện mà vẫn đảm bảo cho ngôi nhà không bị nóng, được thông gió tốt. Đó là chưa kể các loại cấu kiện tiên chế như tấm tường, tấm sàn có chiều dày mỏng, vận chuyển dễ dàng *trong thi công*, tạo điều kiện tiết kiệm năng lượng, chất đốt cho xe cộ.

Còn nhiều giải pháp có thể cải thiện điều kiện sống trong những ngôi nhà cao tầng ở đô thị mới, trong số đó phải kể tới *sử dụng cây xanh* để làm giảm nhiệt độ mặt đệm và làm sạch không khí đối với ngôi nhà. Nếu không gian xung quanh khu nhà ở được “lục hóa” thì sẽ tạo môi trường không khí trong khu nhà ở thấp hơn, sạch hơn, mát hơn, ít phải sử dụng máy điều hòa không khí và tiết kiệm điện năng một cách rõ rệt.

Trên đây mới chỉ nêu một số khả năng có thể đảm bảo tiết kiệm và sử dụng hợp lý năng lượng trong xây dựng. Trong điều kiện hiện nay, khi biến đổi khí hậu xảy ra mạnh mẽ thì vấn đề nêu trên càng bức thiết và là quốc sách của mọi quốc gia. Đó là công việc chung của mọi ngành, nếu không chung tay góp sức thì kết quả rất hạn chế ■



TIỂU THUYẾT TOÀN B:

BỊ BẢO BÊN BỜ BIỂN

Bà Bùi Bích Bông (bà bé Bình, bác bà Bền, bạn bà Ban) buôn bán biết bao bận; bởi bị bại bà bèn bỏ bằng. Bởi bà bự, bạn bè bảo bà bằng “ Bà Bông Béo”. Bà Bông béo buôn bán bóng bay, bởi bị bực ba bốn bận, bèn bỏ bóng bên bờ biển Bắc Bộ. Bà biết buôn bán búp bê, bởi bị bẹp bảy bị, bèn bỏ búp bê bên bờ Ba Bể. Bà bán bún bung bị bỏng, bún bán bữa bãi bởi bị bê ba bốn bát bún bung. Bà biết bơi, bèn bỏ buôn bán, bì bõm bơi bên bờ biển. Bởi bà béo, bơi ba bốn buổi, bỗng ba bỗng bênh bên bãi biển.

Bỗng bà bảo bị bí bách, bè bộn bởi bảy buổi bận bịu bảo bọn bé bài bơi; bà Bông bèn buông biển báo: “ Bông Béo biển biệt ba bốn buổi bên bờ biển”. Bà Bông béo bụng bởi bánh bèo, bánh bao, bún bò, bởi ba bốn

buổi bơi bên bờ biển bà Bính. Bà bảo Bụt: bà bận rộn ba buôn bán, bị
bại bao bận, biết Bụt bệnh, bà bèn bỏ bên Bụt.

Boong!Boong!Boong!... Bên bàn Bụt, bà bái biết bao bận bởi biết Bụt
bảo ban bài bản, biến báo ba bốn bận. Bụt biết bà buôn bán, biết bà bơi
bể bông bênh , băng ba bãi biển bớt béo bụng. Bận bè bảo bà buôn bán
bận bịu, bù biết bao bực bội bởi biển bị bão. Bổng ba bốn buổi bức bối,
bà béo băng bên bãi biển bởi bụng bảo bà.

Bụi bay, biển bùng bùng báo bão, bà Bông bơi bên bờ biển. Bão bên bờ
biển! Bà Bông béo bỗng bị bồi bởi “ ba biển”. Bụng bẹp, bà bì bõm bơi
bừa bãi , bỏ bến bờ. Bọt biển bám, ba bận bà Bông bỏ bên bãi biển bởi
bị bồi bản bộ Bi*, bê bết bùn bám bụng béo, bớt bao bì bạch.

....

Biển bớt bông bênh, bão bớt bay bụi, bà Bông béo bèn biệt biển...

- *Bikini*

KHÔNG ĐƯỢC NGẮT LỜI

Giám đốc bảo trợ lý:

-Tại sao tôi đọc nhầm bài phát biểu ở cuộc họp A sang cuộc họp B mà anh không nhắc ngay?

-Dạ,vì anh đã cấm ngắt không được xen ngang khi anh phát biểu ạ!

PHÒNG XA

Chồng: -Này,sắp đến sinh nhật của anh rồi,nếu ai có hỏi anh tuổi gì thì bảo là tuổi Trâu nhé

Vợ:-Anh tuổi chuột cơ mà?

Chồng:-Thì đã vậy,nhưng phải rút kinh nghiệm chuyện dân gian “Ông huyện thanh liêm”,vì chót
nói là tuổi Tý nên chỉ được dân mừng sinh nhật con chuột bằng vàng đấy thôi!

CÙNG HAY CHỮ

-Sắp đến Tết rồi,nhà tôi với nhà bác liền nhau thế này,tội gì phải rào với giậu,cứ để “thông gia”
thế này cho tiện!

-Phải rồi,cửa chính nhà bác và nhà tôi có “môn đăng hộ đối”đâu mà sợ thông công nhi?

BA PHẢI

Vợ:-Trên tivi lúc nãy vừa nói rằng không gì tốt bằng sữa mẹ,thế mà bây giờ lại quảng cáo không gì tốt bằng sữa Cô gái Hà Lan,thật chẳng biết đâu mà lần nữa!

Chồng:-Áy,cũng như bà ấy,khi thì bảo không ai tốt bằng tôi,khi thì lại bảo không ai tốt bằng bà ấy mà!

GDP

-Hồi này mình hay nghe thấy nói đến GDP trên đài và tivi,vậy là cái chi đó?

-À,đây là thuật ngữ kinh tế ,người ta viết tắt cho tiện

-Thế tôi hiểu rồi,chắc là tiền”Giữ Đê Phòng”chứ gì?

DÂN TỘC VÀ HIỆN ĐẠI

-Sinh viên A,anh cho ví dụ về sự kết hợp hài hòa giữa tính hiện đại và tính dân tộc trong văn hóa?

-Dạ,chẳng hạn hát KARAOKE trong túp lều tranh ạ !

CÓ Ý THỨC LÀM SẠCH

(trong công viên)

- Bỏ ơi ! Tại sao người ta không chịu vứt rác vào các thùng rác đặt sẵn ở kia ạ ?

- À, tại người ta sợ làm bẩn các thùng rác mới đặt đây con ạ !

KHÔNG CẮM

Người bảo vệ công viên :

- Anh chị kia ! Ghế đâu không ngồi mà nằm nát cả thảm cỏ xanh vừa trồng thế ?

- Ở đây chỉ có cấm biển đề : “Cấm hái hoa bẻ cành “chứ có cấm nằm lên cỏ đâu!

- -?...

CHÓNG CHỀ

-Bỏ ơi,tại sao người ta lại nghiện thuốc lá ?

-Vì có những lúc buồn, phải hút cho khuây khỏa đi.

-Thế sao khi ăn uống liên hoan vui vẻ, bỏ hút nhiều thế ?

- À... để lamg giảm bớt cái vui đi cho nó đỡ mất trật tự.

THUỐC NGỦ

- Theo cậu, thuốc ngủ nào tốt nhất mà không độc hại ?
- Phim truyền hình nhiều tập khó hiểu hoặc vô vị.
- ?...!
- Chỉ sau khi chiếu phim trên ti vi độ 5 phút là mình ngủ thiếp đi ngay !

CŨNG CÓ LÝ

- Này, sao độ này người ta hay nói đến sự cố Y2K thế nhỉ ? . Đó là cái gì vậy ?
- À, Đây là chữ viết tắt của “ Yêu 2 không (được)”. Chắc đây là khẩu hiệu vận động chỉ nên sống trung thủy, 1 vợ, 1 chồng, đảm bảo không bị nhiễm HIV-Éch !

THẬT THÀ

- Tại sao khi xin việc thì anh khai là công nhân 7/7, vậy mà khi làm việc, tay nghề của anh quá kém !
- Vì khi nhận tôi vào làm ông có hỏi tôi giỏi hay kém đâu !

TỪ LÁY

Thầy giáo: Trò A cho 4 ví dụ về từ láy trong tiếng Việt ?

Học sinh (*con nhà hàng ăn uống*): Dạ thưa 4 từ ấy là Rau rầu, Canh cách, Nem nếp, Ninh ních ạ...!

ĐẶT TÊN

Ông bà Móm chuẩn bị mở một khách sạn mini, có nhờ một thầy giáo hay chữ đặt tên. Bà Móm thì thích đặt tên chữ Hán cho cổ kính, còn ông Móm lại thích tên Tây cho sành điệu.

Hôm khai trương khách sạn, người ta thấy biển treo :

KHÁCH SẠN TOÀN LỢI

tức HẰNG RẾT Ô TÊN

Một ông thuê kiến trúc sư vẽ kiểu nhà nhưng yêu cầu phải vẽ cửa sau và có cổng sau.

Kiến trúc sư góp ý : Kiểu gì tôi cũng vẽ được nhưng theo phong thủy thì làm của sau sẽ tán tài, không vượng.

Chủ nhà cười mà bảo: Vượng chẳng thấy đâu,nếu không có cửa và cổng sau thì tôi làm thế nào để chuồn cho dễ khi họ đến đòi nợ các khoản vay để làm cái nhà này !

PHÒNG BỆNH HƠN CHỮA BỆNH

Một bà vợ đang có thai, khi nghe thấy chồng đọc câu trong sách Phong thủy nói rằng:” Nếu trong nhà có người chửa thì không được xây hoặc sửa nhà vì dễ bị xây thai..” thì lấm bầm.” Có khi mình phải đi nạo thai cho kịp ngày ông ấy khởi công xây dựng mới được. Phòng bệnh hơn chữa bệnh mà !

LÀM MÔI TRƯỜNG XANH SẠCH ĐẸP

Ông Mậu Dần bị kiện về tội ngang nhiên xây biệt thự trên mảnh đất lưu không trong khu nhà ở tập thể. Ông viết đơn kháng cáo, trong đó có đoạn:” Trước kia, nơi này là bãi rác bẩn thỉu, gây ô nhiễm môi trường, tôi đã tốn công tốn của cải tạo cảnh quan đô thị, mang lại xanh sạch đẹp cho thành phố, đã không khen thưởng tuyên dương, lại kiện cáo là cứ làm sao ?

GIỐNG BÚP BÈ

(em bé hỏi ông anh sắp lấy vợ)

- Chị ấy có xinh không, giống ai hờ anh ?
- À..., cũng xinh, cứ như con búp bê ấy !
- Thế thì em biết rồi, chắc là khi anh đặt chị ấy lên giường, chị ấy nhắm ngay mắt lại chứ gì ?
- ?...!



NGUYỄN HUY CÔN

MỤC LỤC

Mấy vấn đề về
SINH THÁI KIẾN TRÚC

HÀ NỘI, 2008

Lời nói đầu	3
MẤY VẤN ĐỀ VỀ SINH THÁI KIẾN TRÚC	
Một vấn đề lớn của thời đại	4
Con người và môi trường chung quanh	8
Hoàn cảnh sinh thái của kiến trúc	24
Thành phố là một hệ sinh thái	37
Sinh thái học và tính độc đáo của kiến trúc	42
PHỤ LỤC	
Phụ lục 1	47
Phụ lục 2	49
Phụ lục 3	51
Phụ lục 4	52
TÀI LIỆU THAM KHẢO	54

MẤY VẤN ĐỀ VỀ SINH THÁI KIẾN TRÚC

LỜI NÓI ĐẦU

Vấn đề sinh thái kiến trúc đang được nhiều người trong giới kiến trúc - xây dựng quan tâm. Trên các tạp chí chuyên ngành ở trong nước có đăng tải lẻ tẻ các bài viết về nội dung này, song chủ yếu là giới thiệu một số kiến trúc nhà ở sinh thái hoặc trao đổi một vài khái niệm cơ bản. Hiện ở nước ta chưa có một cuốn sách đề cập đầy đủ về vấn đề này, trong lý luận cũng như áp dụng thực tế trên quy mô lớn.

Trong điều kiện đó, chúng tôi mạnh dạn giới thiệu một số vấn đề về kiến trúc sinh thái đã tổng hợp được trong thời gian qua. Tuy nội dung chưa phải đã sát hợp với khí hậu nhiệt đới nóng ẩm Việt Nam, song với việc nêu phương pháp luận nghiên cứu và nội hàm của lĩnh vực này, đồng thời với một số phụ lục bổ sung khác, chúng tôi hy vọng cùng bạn đọc tìm hiểu thêm về vấn đề này.

Nội dung của sách mới mẻ, tài liệu tham khảo chưa thật đầy đủ, chắc không khỏi có nhiều thiếu sót. Rất mong bạn đọc lượng thứ.

NGƯỜI BIÊN SOẠN

♣ Một vấn đề lớn của thời đại

Mâu thuẫn giữa sáng tạo kiến trúc và sự phát sinh những yêu cầu mới trong phát triển đô thị ngày càng gay gắt. Chúng ta biết rằng đặc điểm của tác phẩm kiến trúc, nhỏ là một công trình, lớn là cả một đô thị vốn có đặc điểm là :ổn định, bất biến và theo quy luật. Song cuộc sống ngày hôm nay lại không ổn định, biến đổi luôn và mang tính thời sự nên kiến trúc có những yêu cầu ngày càng nghiêm ngặt. Chính nghịch lý này đề ra những yêu cầu tăng cao về chất lượng sáng tác cho các kiến trúc sư. Những tác động đặc thù của kiến trúc, sự biến đổi không gian của môi trường kiến trúc từ bất biến sang khả biến nhiều khi làm người ta khó xử. Chừng nào chưa giải quyết được những vấn đề này thì còn nảy sinh nhiều mâu thuẫn trong các đô thị, như chúng đã và đang xảy ra.

Trong phạm vi hoạt động của kiến trúc, vấn đề này đã được đề cập tới hơn nửa thế kỷ nay rồi nhưng chưa giải quyết được bao nhiêu. Đó là tình trạng môi trường đô thị đã ở ngưỡng nguy hại đối với con người. Trước tiên là do tốc độ đô thị hoá mạnh, môi trường kỹ thuật đô thị phát triển theo gắn liền với sự ô nhiễm không khí, độ ồn cao và nhịp sống hối hả của dân đô thị. Vì vậy đã xảy ra nghịch lý : mức tiện nghi đô thị càng cao thì nguy cơ gây độc hại cho con người lại tăng theo.

Quá trình này xảy ra không kiểm soát được, ngay tại các nước phát triển. Những sai lầm không chỉ do phát triển công nghệ gây ra hoặc do tăng nhanh quá mức các phương tiện giao thông đô thị - dù cho ô nhiễm tiếng ồn đô thị đã tới mức báo động từ lâu rồi. Vấn đề là chúng ta hiểu kiến trúc theo khái niệm xưa là *nghệ thuật tạo môi trường nhìn thấy được* hay là *môi trường vật chất*; và chính cái thế

giới vật chất này đã thường xuyên vi phạm hệ thống sinh thái. Trên quan điểm sinh thái mà phân tích, chúng ta thấy rằng việc thiết lập không gian của ngôi nhà như là một nhiệm vụ đơn thuần về bố cục thẩm mỹ, song vì quá trình phát triển không hề được sự "xâm lấn" của môi trường đô thị vào nó. Từ đó chúng ta dễ dàng hiểu rằng sáng tác kiến trúc theo nghĩa rộng có nghĩa là tạo ra *môi trường kiến trúc*.

Phải khách quan mà nói rằng, từ vị trí tác nghiệp của mình, các nhà kiến trúc đã mất nhiều công sức trong việc đảm bảo cho người dân đô thị sống khoẻ mạnh, an toàn trong ngôi nhà, trong đô thị. Song các nỗ lực của họ chưa cho phép vượt qua các giới hạn chi phí cần thiết. Rốt cuộc, dù có chú ý tới các biện pháp hàng đầu trong đô thị như : thiết kế mạng lưới giao thông chính căn cứ vào khả năng thông xe, thiết kế bảo vệ hơi, bụi, khói, rung động, tiếng ồn đô thị, v.v. mà kết quả chẳng là bao. Con người cần tìm thêm những biện pháp ngày càng hữu hiệu để bảo vệ hoặc khắc phục các hậu quả do kỹ thuật mang lại. Quá trình này cứ lặp đi lặp lại và đến nay, dường như vẫn dậm chân tại chỗ. Nhiều nước phát triển đã quay trở lại việc ưu tiên bảo vệ và quản lý chặt chẽ môi trường đô thị, bởi trong quá khứ đã mắc sai lầm lớn là buông lỏng quản lý với một loạt các biện pháp thiếu đồng bộ. Từ lợi ích về sinh thái trong xây dựng đô thị, người ta đã chú ý đầy đủ, đồng bộ các giải pháp về vệ sinh và vi khí hậu đô thị. Các giải pháp này không chỉ khắc phục từng yếu tố riêng lẻ mà đi vào từng nhóm yếu tố có liên quan để tháo gỡ vấn đề.

Trong điều kiện phát triển liên tục của xây dựng đô thị, các yêu cầu bức thiết về kinh tế nhằm sử dụng hợp lý khu đất và những yếu cầu khác đã làm phức tạp thêm những tác động của yếu tố nhân chủng. Các phương pháp truyền thống được áp dụng để cải thiện và làm lành mạnh môi trường chung quanh còn bất cập, bởi chúng không khu trú hoặc trung hoà được các nhân tố có hại đối với người và thiên nhiên, dù cho đã huy động mọi phương tiện kỹ thuật và quy hoạch đô thị nhằm tạo ra một môi trường *tự nó có thể điều chỉnh chu trình sống theo một chế độ đã được chương trình hoá*. Sự tìm kiếm như vậy phải được xác định trước bằng nội dung nhiều mặt của kiến trúc, đặc biệt là phải khắc phục các mâu thuẫn nảy sinh do thay thế một không

gian tự nhiên rộng lớn bằng một môi trường nhân tạo hạn hẹp. Phát triển đô thị thường dẫn tới việc làm tăng khoảng cách giữa con người với thiên nhiên-vật chất, và khi đô thị phát triển càng mạnh thì mối quan hệ giữa kiến trúc và sinh thái càng lỏng lẻo.

Đã đến lúc cần phải tuân theo cái gọi là *sinh thái hoá* khoa học và thực tiễn. Phương pháp sinh thái trong nghiên cứu và giải quyết vấn đề là phải căn cứ từ khoa học tự nhiên đến kinh tế-xã hội mà đưa ra các luận cứ khoa học dựa trên những nghiên cứu của chuyên ngành hẹp nhưng lại đảm bảo trên phạm vi hoạt động rộng lớn. Việc tiếp cận với các môn khoa học chuyên biệt có tiếp đầu ngữ "sinh thái" sẽ phá hiện ra những vấn đề cần nghiên cứu. Từ những ranh giới khó xác định trong nghiên cứu, nhà nghiên cứu phải có cái nhìn tổng thể nhằm đề ra được mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể:

Một là, làm sáng tỏ mâu thuẫn giữa môi trường đô thị và môi trường tự nhiên, cũng như giữa môi trường đô thị và con người.

Hai là, tổ chức xây dựng và phát triển đô thị gắn liền với thực tiễn khoa học và thiết kế trong cả nước.

Từ đó, có thể hiểu " *Sinh thái đô thị là đồng bộ các khoa học về xây dựng đô thị, y-sinh, địa lý-khí tượng, kinh tế-xã hội và khoa học kỹ thuật mà trong khuôn khổ sinh thái của con người cần nghiên cứu tác động tương hỗ và ảnh hưởng tương hỗ của các hoạt động sản xuất và phi sản xuất cũng như các quá trình thiên nhiên xảy ra trong khu đất cư dân đô thị và các vùng ảnh hưởng của chúng*".

Bảo vệ và làm trong sạch môi trường chung quanh là mục tiêu trước mắt và lâu dài của sinh thái đô thị. Trong điều kiện mà hậu quả của các yếu tố nhân chủng tác động tới con người mang tính phổ biến và khó điều chỉnh thì những nỗ lực cơ bản ở đây trước tiên phải nhằm nghiên cứu các biện pháp chống chọi với các tác động đó bằng cách tính toán, định mức và điều chỉnh tác động của các yếu tố gây hại.

Trong giai đoạn đầu cần tiếp cận với khoa học về sinh thái nhà ở. Những yêu cầu riêng biệt hiện vẫn chưa gắn liền với hệ thống các chương trình xác định, còn bản thân việc nghiên cứu lại không vượt

qua được ranh giới của những điều hạn chế và khuyến nghị chung chung về kỹ thuật vệ sinh và vi khí hậu. Trong đó, mức độ thấp nhất tuyệt đối của môi trường cảnh quan kiến trúc lại chức đỉnh được. Vấn đề này có ảnh hưởng trực tiếp đến việc tối ưu hoá các giải pháp đồng bộ.

Cũng có người cho rằng cần phải phân biệt rõ hai lĩnh vực sinh thái nhà ở và sinh thái đô thị. Phải chăng trước đây đã có sự chồng chéo hay lồng ghép nội dung. Thực ra, không đơn giản như vậy, bởi quy luật về mối quan hệ sinh thái được thiết lập trên cơ sở của việc trao đổi mạnh mẽ về năng lượng và vật chất giữa các môi trường với nhau và ngay trong một môi trường. Tất nhiên, tính chất của môi trường, rồi mức độ và tính chất cả nó tham gia vào trong quá trình này là có thể xác định được với bất kỳ nghiên cứu nào và kết luận được. Sự tồn tại nhiều mối quan hệ về sinh thái trong đô thị và bên trong nhà phụ thuộc vào mức độ thoáng hở (mở, nửa kín,kín) đối với môi trường bên trong. Bởi vậy việc tách riêng sinh thái đô thị và sinh thái nhà ở ra để nghiên cứu chính là chính là cách tiếp cận ban đầu với sinh thái trong việc tổ chức không gian kiến trúc. Cũng phải nhấn mạnh về việc kiểm chế và khu trú các tác động có hại của yếu tố nhân chủng đối với con người nhằm cải thiện chất lượng môi trường mới, dự báo bước đầu và thiết lập các biện pháp về cảnh quan kiến trúc, kỹ thuật. Khi đó, đối tượng nghiên cứu là tổ chức môi trường đô thị và quản lý nó ở trình độ cao. Trong điều kiện như vậy, quy mô bao quát của vấn đề tăng lên nhiều đến cỡ của hệ thống sinh thái đồng bộ, nghĩa là vượt qua giới hạn của một, thậm chí của nhiều đô thị. Khi đó, vấn đề sinh thái đô thị sẽ được giải quyết đồng bộ với các tác động môi trường đô thị, môi trường công nghiệp, môi trường kỹ thuật nông nghiệp và môi trường thiên nhiên khi xuyên suốt đối tượng thấp nhất trong hệ thống là nhà ở. Chính vì vậy mà *sinh thái kiến trúc* trở thành môn khoa học về những nguyên tắc tạo môi trường cảnh quan kiến trúc nhân tạo như thành phần hài hoà của tự nhiên hoặc bổ sung vào hệ sinh thái, đáp ứng một cách sinh động những nhu cầu về hoạt động sống của con người, tạo ra các điều kiện tối ưu để đáp ứng yêu cầu thích nghi về sinh lý cũng như về tâm lý.

♣ Con người và môi trường chung quanh

Kiến trúc phải chủ động tác động qua lại với môi trường, kiến trúc phải cải thiện được vi khí hậu đô thị; đó là lý do khiến ngày nay chúng ta phải xoay chuyển với sự cộng tác giữa khoa học và nghệ thuật cổ sơ nhất.

Thiên nhiên đi vào đô thị không chỉ để bổ sung mà phải là người chủ toàn quyền có tiếng nói quyết định trong việc tổ chức không gian cảnh quan-kiến trúc. Chỉ có con người mới xứng đáng thực hiện điều đó.

Những giá trị cực hạn

Sự tiếp cận sinh thái với kiến trúc đòi hỏi độ chính xác có giới hạn trong một lãnh thổ đặc trưng và tác động tới môi trường cụ thể của con người và làm sáng tỏ mục tiêu can thiệp vào hiện trạng của môi trường. Từ đó cần phải hệ thống hoá những điều kiện và đặc điểm, những dữ liệu ban đầu đã từng để lại nhiều dấu ấn trong các tình huống đã xảy ra. Khi đó, sự so sánh ngay các giá trị cực hạn sẽ cho ta bức tranh đầy đủ nhất " từ" và "đến". Việc chọn trị số cực hạn, nghĩa là trong các điều kiện cực hạn đã cho về kiến trúc - cảnh quan, và xây dựng đô thị còn nêu ra được những giải pháp kịp thời. Chẳng hạn, xây dựng tại những vùng chưa mở mang, có khí hậu khắc nghiệt như thế nào. Những tình huống cực hạn được khảo sát theo những quan điểm rất khác nhau. Trên quan điểm quy hoạch đô thị, cần làm sáng tỏ các mức độ phân hoá của các môi trường khác nhau: từng ngôi nhà đứng riêng rẽ đến cơ cấu xây dựng đô thị. Trên quan điểm theo chiều ngang, lại nghiên cứu từ vĩ độ cực nam đến vĩ độ cực bắc của đất nước; còn theo quan điểm chiều đứng thì khảo sát vùng thấp đến vùng cao. Tính quy luật của những giá trị cực hạn cho phép nêu những kết luận chính xác, còn tại nơi nào tình huống có tính chất ôn hoà thì bị hạn chế và không xác định được.

Trên quan điểm xây dựng đô thị

Giả thử chúng ta đang sống tại một nước mà khái niệm "quần thể đô thị" còn mơ hồ, chỉ được thấy trong từ điển, bởi các đô thị còn rải rác đây đó trong không gian rộng lớn của đất nước. Còn ở Mỹ, hiện tượng này có thật. Megapolis lớn nhất là Boswash đã phát triển theo chiều dọc đến 700km (từ Boston đến Washington), trong đó có những thành phố cực lớn như Baltimore, Philadelphia, New York. Bức tranh này cũng thấy tại vùng Rhur của CHLB Đức. Ngó qua lịch sử phát triển đô thị ở những nước có lãnh thổ rộng lớn như Liên xô cũ, người ta có thể hồi tưởng lại mọi giai đoạn của phát triển đô thị, bắt đầu từ đồng cỏ chăn thả vùng Kiêcghiz hoặc các bản làng thảo nguyên, rồi đến các thành phố lớn nhất (Moskva, Leningrad, Kiev, Tbilitsi, Taskent, v.v.). Trong đó, những tình huống cực hạn đều đã xảy ra ở các thành phố nhỏ, vừa và lớn, xảy ra ở hầu hết các điều kiện khí hậu-thiên nhiên. Sự hồi cố này chỉ ra thời quá độ từ những ngôi nhà đơn lẻ sang cấu trúc phức tạp của đô thị, đồng thời biểu hiện tác động qua lại của chúng với môi trường chung quanh - từ hoàn toàn tự nhiên sang biến đổi có giới hạn, mang tính nhân chủng.

Trong khoa học và thực tiễn xây dựng đô thị, người ta đã nghiên cứu kỹ lưỡng và đề xuất những dạng tác động của nhà ở và các khu đất xây dựng đến môi trường bên ngoài. Các chế độ sử dụng nhà ở khác nhau: mở, nửa mở, kín và cách ly đã được nghiên cứu tương ứng cho thích hợp với các vùng khí hậu, bao quát đối với nhiều nước có lãnh thổ rộng lớn. Những nhà quy hoạch còn chia mức độ tiếp xúc với giữa công trình với môi trường thành ba loại: *mở* - cho phép môi trường bên ngoài xâm nhập vào công trình không bị cản trở; *đóng*: cách ly tối đa công trình với môi trường bên ngoài và *nửa mở* - tùy thuộc vào tình trạng bên ngoài, là sự kết hợp giữa hai loại trên. Ta biết rằng diện tích của sổ và lỗ cửa đi của căn hộ ở ít nhiều tạo chế độ sử dụng thuận lợi, tất nhiên là đối với những công trình xây dựng khác thì có phức tạp hơn. Ở đây cần kể tới sự thay đổi hướng lưu thông không khí với môi trường bên ngoài, áp dụng các sơ đồ thích hợp về hướng nhà ở. Các dạng tác động giữa công trình và môi

trường bên ngoài được nghiên cứu cho các vùng khí hậu khác nhau và cho kết quả khả quan ở những nơi nào điều kiện khí hậu thiên nhiên không làm phức tạp thêm hàm lượng các chất gây ô nhiễm khác nhau. Ngay tại những vùng siêu đô thị (mạng lưới công nghiệp và giao thông phát triển mạnh) thì những sơ đồ này có khi dẫn đến kết quả trái ngược.

Chẳng hạn, sơ đồ tốt nhất đối với thành phố vùng nóng ẩm là các dạng tác động mở giữa nhà ở, khu đất xây dựng với môi trường bên ngoài. Tại đây, *thông gió là biện pháp cơ bản duy nhất* để cải thiện vi khí hậu, mọi biện pháp còn lại chỉ xem là phụ trợ thôi. Tuy nhiên, trong thành phố công nghiệp hiện đại thì ngay cả nhà ở và khu đất xây dựng cũng phải được bảo vệ khỏi những tác động có hại ở bên ngoài. Và *tính mở* rất cần thiết cho nhà ở và khu đất xây dựng thì lại mâu thuẫn với những yêu cầu vệ sinh và tiêu chuẩn. Chẳng có gì lạ khi trong môi trường xây dựng đô thị ngay trong việc trồng cây xanh cũng xảy ra mâu thuẫn với tác dụng thường thấy của nó. Khi xây dựng đô thị với mật độ dày đặc trong vùng có tốc độ gió thấp, bên cạnh đó là những đại lộ đầy tiếng ồn và khí xả liên tục, ta phải làm gì? Ý tưởng đầu tiên là phải có dải cây xanh đủ rộng. Kết quả là có thể chống ồn giao thông được một mức nào đó nhưng do trồng nhiều cây, lượng khí xả từ các phương tiện giao thông tích tụ lại, không thoát đi vì không được thông gió. Từ đó thấy rằng áp dụng các biện pháp phổ biến để cải thiện vi khí hậu mà không đếm xỉa đến những kinh nghiệm và khoa học thì cũng chẳng có hiệu quả.

Vậy là cần phải tìm giải pháp nào tạo khả năng tính kế đến những dữ liệu đã biết và dữ liệu dự báo. Giải pháp đồng bộ có quy mô lớn trong đó các nhiệm vụ tại chỗ của một vùng miền cụ thể chỉ có thể thực hiện được trong một kế hoạch thống nhất. Trong đó, quy mô khối lượng, đối tượng xây dựng (thành phố, khu đất xây dựng, tiểu khu nhà ở) với hệ thống sinh thái của môi trường thiên nhiên chung quanh, nghĩa là một đơn vị nhỏ nhất của môi trường tự nhiên toàn vẹn (công viên rừng, bãi đất, v.v.) có một bộ phận hoặc toàn bộ được đưa vào tác động với môi trường cảnh quan kiến trúc được tạo lập, nhằm đảm bảo cân bằng sinh thái với thiên nhiên. Những giá trị cực hạn

của các tác động được thể hiện trong việc chiếm ưu thế tuyệt đối của môi trường xây dựng đô thị so với môi trường thiên nhiên, và ngược lại. Vấn đề là chúng ta vẫn tiếp tục khảo sát các thành phần khí hậu - thiên nhiên trên một phạm vi rộng của các tổ hợp khác nhau cũng như ngay trong tác động với môi trường xây dựng đô thị. Để phát hiện quy luật ban đầu mà không làm sai lệch ảnh hưởng nào về sau này, nhất thời chúng ta phải quên đi về sự ô nhiễm không tránh khỏi của không khí và sự phá vỡ cân bằng sinh thái tự nhiên trong khi khảo sát khí hậu và vi khí hậu và quy ước là chúng sạch và không mang tính nhân chủng.

Theo chiều nằm ngang

Nếu chúng ta so sánh những ngôi nhà ở sử dụng trong các điều kiện của vùng cực bắc và cực nam của một nước rộng lớn sẽ ngạc nhiên khi nhận ra rằng chúng có sự tương đồng. Hiện tượng này biểu hiện ở việc cách ly có chừng mực với tác động bất lợi bên ngoài. Tại đây, nhà có mặt bằng thu gọn, thân nhà sâu và tường ngoài dày, rồi các sân trong được che gió mang nhiệt độ rất cao hoặc rất thấp. Như vậy, chúng ta có các giá trị cực hạn : lạnh → nóng, thiếu bức xạ mặt trời → thừa, thiếu tia tử ngoại → thừa, với các giải pháp quy hoạch không gian tính cho đỉnh điểm bất tiện nghi mùa đông hoặc mùa hè. Và kết quả là: xây dựng cho miền bắc thì mở rộng đối với mặt trời và đóng kín tối đa với gió lạnh; còn ở miền nam thì mở rộng đối với gió mát và chống tránh mặt trời. Và do ở các vị trí hoàn toàn trái ngược nên đã tạo cơ cấu tương đồng giữa nhà ở miền bắc và miền nam cũng như sự tương đồng thuần túy ở bên ngoài của chúng về phương diện nhiệt kỹ thuật.

Điều khác nhau chủ yếu về mặt nguyên tắc là dân miền nam - người của không gian mở (sân, hành lang, phòng có gió trực xuyên; trong vùng khí hậu nóng, về chiều tối và ban đêm, ngoài phố, trên quảng trường và công viên rất náo nhiệt); còn dân miền bắc đa phần sống trong buồng kín. Từ đó, mà có các tiêu chí rất khác nhau về tổ chức không gian bên trong ngôi nhà. Rõ ràng là dân miền bắc cần bù lại các điều kiện thiếu tiện nghi vi khí hậu về không gian, về tia tử

ngoại, cây xanh và nhiều thứ khác khi cách ly hoàn toàn với môi trường bên ngoài. Dân miền nam có thể cam chịu với căn phòng nhỏ nhưng ít ra phải có khả năng chuyển đổi cho dung hợp với môi trường bên ngoài.

Nội dung ngắn gọn nêu trên không nhằm làm cho độc giả hiểu về nhược điểm của chúng. Như đã nêu, giá trị cực hạn tương phản nhau giúp làm sáng tỏ hơn ngay cả những giải pháp trái ngược nhau. Khi so sánh sự tương phản sẽ phát hiện ra một trong những tình huống quan trọng nhất mà từ 500 tCN, Lão Tử, triết gia cổ đại của Trung Quốc đã nêu là : thực chất của ngôi nhà đầu phải ở những bức tường và cái mái mà là ở không gian bên trong dùng để ở. Cũng trong việc nghiên cứu yêu cầu đối với kiến trúc nhà ở tại các khí hậu trái nghịch nhau (và giữa các vùng khí hậu với nhau) chúng ta chỉ xét độc một phương diện nhiệt kỹ thuật. Để làm gì ? Để xác định các điều kiện tối thiểu cần thiết để tạo cho con người cũng như hoàn cảnh cần thiết nhằm triển khai các giải pháp kiến trúc riêng biệt, đáp ứng nhu cầu phong phú của đời sống.

Như vậy, các yêu cầu cơ bản của khí hậu kiến trúc được đề ra đối với nhà ở và khu đất xây dựng tại các vùng khí hậu khác nhau , cũng như xây dựng theo quy tắc và quy phạm thống nhất là:

- *quy tắc gộp quy mô* : đòi hỏi tăng cao mức bất tiện nghi của môi trường bên ngoài , đồng thời làm phức tạp hoá đơn vị cơ cấu của công trình xây dựng;

- *quy tắc nhiệm vụ toàn bộ* : mức độ bất tiện nghi càng cao thì mức độ quy hoạch theo chức năng càng lớn, nhằm hợp nhất trong một cơ cấu biến đổi khí hậu toàn bộ;

- *quy tắc đánh giá lại nhiệm vụ* theo các yếu tố chủ đạo, được đưa vào kế hoạch đầu tiên vì các điều kiện tự nhiên đã biết ngày càng xa với trị số cực hạn để tiến tới trị số bình quân quy ước nào đó. Quy tắc này gồm cả việc dần dần sắp xếp lại nhiệm vụ khí hậu học từ những yêu cầu chính yếu đến thứ yếu, nhưng nhất thiết phải xác định cơ cấu bố cục không gian của ngôi nhà cũng như các công trình khác.

Trở lại vấn đề phản ứng của cơ thể người, nếu không thì điều kiện cơ bản lấy làm cơ sở lập những nguyên tắc trên sẽ không được

giải thích đến nơi đến chốn. Điều kiện này chính là *mức độ bất tiện nghi*. Như vậy có ngụ ý gì ? Có phải chỉ là chọn các chỉ tiêu bình quân cho phép tối hạn hoặc không cho phép của trạng thái môi trường ? Chúng ta hãy lấy một ví dụ đơn giản : mức độ bất tiện nghi đối với một cơ thể "trung bình" của người địa phương và người từ nơi khác đến không giáp nối hết được mọi chỉ tiêu cơ bản. Câu hỏi này trở nên quan trọng hơn khi ở vùng cực bắc có những người từ các vùng khí hậu-thiên nhiên khác tới, trong đó các luồng di cư không bao giờ ổn định. Một ví dụ khác: người mặc áo khoác lông từ bên ngoài trời băng tuyết đi vào phòng ấm áp có nhiệt độ tiện nghi và người mặc ít quần áo từ nơi nóng bức đi vào phòng điều hoà nhân tạo có không khí cũng ở nhiệt độ tiện nghi... Ngay cả khi ta bỏ qua căn cứ y học đi, thì chỉ bằng mắt thường cũng có thể xác định được là phản ứng của hai người này sẽ khác nhau tuy tiền đề là như nhau: *từ nơi có điều kiện bất tiện nghi vào nơi tiện nghi*.

Bởi vậy, trong khái niệm " mức độ tiện nghi" còn phải đưa vào một biến số quan trọng nữa là " mức độ thích nghi".

Theo chiều đúng

Nếu là chính xác thì các trị số cực hạn của cực nằm trên đường này (tính từ bề mặt trái đất), tức là khu vực có đỉnh núi cao nhất. Đáy của nó là một cực quy ước, điểm tính toán, vì đó có thể là vùng khí hậu cảnh quan khá ôn hoà. Nhưng thậm chí vùng đó lại có điều kiện cực đoan (như Trung Á hoặc ở Vòng Cực) thì chúng ta vẫn cần biết các đặc điểm, bởi chính nó cũng là một trong những giá trị cực hạn mà chúng ta đã có dịp khảo sát trên đây khi nói về chiều ngang. Bởi vậy cần chú ý tới các yêu cầu khí hậu đối với nhà ở và khu đất xây dựng phải cải biến như thế nào khi tùy thuộc vào độ cao trên mặt biển.

Để có chiều cao chuẩn đặc trưng cho mọi trường hợp phổ biến nhất, chúng ta lấy một ngọn núi cao nhất trong vùng ở Trung Á, chẳng hạn núi Pamir là nơi có cư dân sống ở nơi cao nhất, gần 4000m trên mặt biển. Giá trị cực hạn xảy ra ở sa mạc cao nguyên có mùa xuân-hè-thu rất ngắn, mùa đông kéo dài, nhiệt độ xuống đến

-45⁰C và có gió mạnh, nghĩa là rất giống với Cực Bắc. Nói cho đúng ra, nếu nhìn vào tiêu chuẩn xây dựng, theo phân vùng thì phải căn cứ vào nhiệt độ trung bình tháng của các tháng lạnh nhất và nóng nhất có kể tới độ ẩm và tốc độ gió. Vùng Cực Bắc và cao nguyên Pamir được liệt vào cùng một vùng khí hậu và các yêu cầu về cấu tạo ngôi nhà và công trình xây dựng tuyệt đối giống nhau. Hơn nữa, không chỉ ở các điểm cực của cao nguyên tại vĩ độ nam và các bình nguyên của miền bắc giống nhau, mà cả ở lối vào của những vùng này : sự thay đổi cảnh quan và khí hậu từ vùng thấp đến cao nguyên đã lặp lại sự xen kẽ theo đường nằm ngang - từ vĩ độ nam, qua vĩ độ trung bình lên vĩ độ bắc. Tất cả không chỉ giống nhau về vẻ bên ngoài mà cả khi chúng ta so sánh tại các vĩ độ trung bình (về nhiệt độ không khí, tốc độ gió, v.v.) ngày ấm áp của mùa hè đến muộn vào tháng 10 và đêm mát mẻ vào tháng 6. Hầu như cả khi có hoặc không có bức xạ mặt trời, không có chế độ ánh sáng và sau đó những ngày ấm tiến sát đến cái lạnh mùa thu, còn đêm mát lại thay đổi xen kẽ vào ngày hè. Nhưng hẳn chúng ta còn nhớ là phản ứng tới " cơ cấu" sinh lý và tâm lý của con người lại rất khác nhau !

Về bên ngoài giống nhau trong điều kiện vùng núi như vậy cũng không thích ứng với cơ thể người cũng như đối với yêu cầu quy hoạch kiến trúc. Mọi sự tương đồng sẽ kết thúc nếu ta đưa vào đánh giá về phương diện mặt trời : bức xạ mặt trời, ánh sáng mặt trời, nhiệt mặt trời. Một yếu tố khác cũng là chỉ tiêu quan trọng , để thay đổi khi xây dựng ở vùng núi cao, đó là phản ứng của cơ thể người với độ cao. Độ cao trên mặt biển cũng là " sự hiệu chỉnh" khi kết hợp với khí hậu dựa trên chiều thẳng đứng, luôn tạo ra nhưng phương án riêng biệt, cứng nhắc, không giống bất cứ phương án nào của khí hậu " theo chiều ngang", mặc dù nói chung, nó đã được so sánh với phương án này. Và hoàn toàn giống nhau, vùng sa mạc cao nguyên Pamir cũng dần dần có người đến định cư , bởi nơi đây là một trong những kho báu của đất nước có tài nguyên cực kỳ phong phú. Chính vì tầm quan trọng đó mà cần mau chóng tìm giải pháp tối ưu cho những ngôi nhà và công trình ở vùng có giá trị cực hạn.

Một câu hỏi đặt ra là: tại đây có phải làm khác hẳn so với vùng bắc không ? Tại vùng bắc, những công trình đặt rải rác hướng về

phía mặt trời để hứng từng tia nắng hiếm hoi. Trên vùng cao nguyên cũng cần làm kết cấu che nắng vì bức xạ mặt trời mạnh, xuyên vào tận trong không khí trong suốt. Hầu như cả năm (kể cả mùa đông), tại đây có thể tận dụng mặt trời làm nguồn nhiệt sưởi và nguồn năng lượng. Đó là ưu thế to lớn so với miền bắc. Tuy nhiên, bất kỳ kết cấu và vật liệu kiên cố nào dùng cho miền bắc, tại cao nguyên có thể không bền vững do ở đây có sự chênh lệch giữa nhiệt độ ngoài trời và trong bóng râm, giữa ngày và đêm, trong không khí và ở các bề mặt. Ngay cả các quá trình đông cứng của bê tông và vữa của khối xây gạch đá tại đây cũng theo quy luật khác. Điều đó cũng liên quan tới sự di chuyển của con người lên vùng có độ cao lớn; như các cư dân ở cao nguyên thường đi bộ theo bề mặt ngang bằng phẳng, đặc biệt là người ở nơi khác đến tương đương với mức độ lao động nặng vừa, nếu còn phải leo gác thì như lao động nặng. Điều đó có nghĩa là ngôi nhà 3 tầng ở đây cũng cần có thang máy. Do vậy, nhiều yêu cầu ghé gớm khác, chẳng hạn, rút ngắn bán kính phục vụ cũng có ảnh hưởng trực tiếp đến tổ chức công năng và cơ cấu khu xây dựng. Ngoài ra, mọi chỉ tiêu khác để thích nghi về mùa của con người đối với cao nguyên còn phức tạp và kéo dài hơn nữa.

Ngoài ý nghĩa về kinh tế ngày càng lớn lao, vùng cao nguyên là đối tượng đáng chú ý vì nó là điều kiện khí hậu-thiên nhiên nguyên sơ ở dạng sạch. Địa hình tương đối bằng phẳng của khu đất ở tại sa mạc cao nguyên, việc không có vùng đô thị lớn làm cho môi trường ở đây được bảo tồn. Khu dân cư thưa thớt với nhà thấp tầng không những không làm sai lệch bức tranh này mà thậm chí không thể tạo vi khí hậu của mình, dù cho nó đã rất tốt so với sơ khai. Nói chung, ở vùng núi, dù điều kiện khí hậu cảnh quan thống nhất tại một độ cao nhưng cũng quan sát thấy sự đa dạng về tiểu cảnh và vi khí hậu do sự phức tạp của địa hình tạo nên. Về phương diện địa chất, mỗi nếp uốn lớn tạo nên vi khí hậu riêng của mình. Bởi vậy ở vùng núi và lân cận, trên khu đất của một thành phố có thể phát hiện các điều kiện vi khí hậu khác nhau của tiểu vùng.

Còn phải nhắc tới những đặc điểm mà chúng ta quan sát được, chỉ ở dạng không rõ ràng hơn theo chiều ngang - giữa các trị số cực hạn. Tất nhiên là tùy mức độ cách xa những cực này và gần với khí

hậu thuận lợi cho sức khỏe, tác động tương hỗ của cơ cấu quy hoạch kiến trúc với môi trường bên ngoài ngày càng ít phức tạp hơn, không chỉ là nhiều mức độ thoáng hờ hơn đối với môi trường bên ngoài nhằm tính kể đến các đặc điểm khí hậu mà còn không cải biến được nó. Song, chính khu đất này được xây dựng nhiều hơn cả, cũng tại đây ít gặp cảnh quan còn nguyên vẹn, mà tác động nhân chủng thì đặc biệt nhạy cảm. Do vậy, chính nơi đây cần cải biến môi trường xây dựng đô thị, trong đó thiên nhiên phải trở thành đồng minh của biện pháp và phương tiện kiến trúc. Chỉ nên tìm khả năng làm cho kiến trúc trở thành mạnh mẽ hơn là chịu ảnh hưởng của yếu tố nhân chủng.

Con người trong môi trường tương phản

Phương pháp nghiên cứu và so sánh trị số cực hạn đòi hỏi chúng ta phải có kiến thức rất đầy đủ, bởi vì cần rút ra được quy luật, nói khác đi là phải tìm được tất cả thang bậc trong phạm vi của cực. Khi lựa chọn dữ liệu một cách nghiêm ngặt, nó cho phép xem xét bất kỳ sự việc mới hoặc chưa được đưa vào một hệ thống có mối quan hệ chặt chẽ như "bảng tuần hoàn Mendeleev", tại các mắt lưới của hệ thống, nếu không điền được hết thì việc bổ sung phải có lôgic. Các trị số cực hạn đưa ra ở đây nằm trong hệ quy chiếu mà đặc điểm về lối sống và tư cách của thành viên cộng đồng có thể được khái quát hoá trong phạm trù không gian và thời gian. Tại sao trong phạm trù này? Rõ ràng đây là căn cứ vào sơ đồ tổng thể về cuộc sống con người "lao động- sinh hoạt- nghỉ ngơi" với quan điểm động.

Hiển nhiên là những quan hệ này được biểu hiện qua một trong những yếu tố quan trọng của xây dựng đô thị - đó là sự di chuyển của con người. Chính yếu tố này chỉ ra rằng ngày nay có bước nhảy vọt về chất của một thời kỳ xây dựng đô thị so với thời kỳ trước: vấn đề di chuyển dân phát triển mạnh, đòi hỏi phải tổ chức không gian kiến trúc, xác định lại nội dung của nhiều khái niệm về xây dựng đô thị. Đặc điểm quan trọng cần chú ý trong việc di chuyển dân là: độc lập về hướng, đối tượng chuyển đi và mục đích - điều này thường xảy ra tùy mức độ thay đổi của tình hình, hoàn cảnh chung quanh và

môi trường. Mức độ tác động do thay đổi môi trường cụ thể của con người cũng nói lên sự tương hợp hay không tương hợp. Để phân tích về xã hội học thì sự thay đổi môi trường cũng quan trọng. Hệ thống " Lao động - Sinh hoạt - Nghỉ ngơi" được bảo vệ dựa trên luận thuyết về vai trò chủ đạo trong hoạt động nghề nghiệp của con người, nơi bố trí công việc của con người và chỗ ở của họ, đặc điểm di chuyển tới chỗ làm việc và ngược lại. Vì những thay đổi môi trường này trùng thực tế là những chu trình nhất thời về không gian, các tình huống trong nghiên cứu là điển hình, và quy luật có thể ngoại suy từ các trường hợp tương tự khác. Tất nhiên, tình huống điển hình phải dựa trên các sự kiện khách quan ổn định, phụ thuộc vào các yêu cầu kinh tế, đặc điểm công việc, điều kiện khí hậu- thiên nhiên. Việc lựa chọn phương án khách quan sẽ đưa vào sơ đồ nghiêm ngặt nếu phát hiện ra những tình huống có giá trị cực hạn. Thực tế về tổ chức lao động ngày nay cho ta những tình huống từ con số 0 đến cực đại, tính cho hàng ngàn kilômet.

Như vậy, người làm việc tại nhà hay người có nghề nghiệp sáng tác, làm tại xưởng máy hay phòng làm việc đặt ngay trong căn hộ của mình thì khoảng cách giữa nơi làm việc và nhà ở có thể lấy bằng 0. Nhưng theo tiêu chí cơ bản, tình huống đã cho phải lấy trị số cực hạn, không những về chiều dài khoảng cách mà còn về sự trùng khớp giữa môi trường nhà ở và môi trường sản xuất. Khoảng cách lớn nhất cũng là khoảng cách cần vượt qua khi áp dụng phương pháp công tác tiến bộ để khai khẩn những nơi khó tiếp cận: đối tượng lao động ở cách xa nơi ở của người hàng trăm, thậm chí hàng ngàn kilômet. Đến đó không thể đi bằng xe điện hay xe điện ngầm, mà bằng máy bay; không phải có mùa như nhà địa chất mà thực hiện công việc theo chu kỳ. Những chuyến đi đến đó và trở về mất nhiều giờ, thậm chí nhiều ngày trong tình huống có giá trị cực hạn về sinh lý, chẳng hạn phải vượt qua nhiều múi giờ khác nhau.

Những trường hợp khác có thể xảy ra, dễ dàng sắp xếp vào các dãy trung gian, chúng sẽ bị lôi cuốn sang bên này hay bên kia đối với giá trị cực hạn khác.

Chúng ta khảo sát một trường hợp phức tạp hơn để làm rõ mâu thuẫn tới giới hạn, đó là sự thay đổi của môi trường tương phản ở

cách xa nơi ở. Chẳng hạn, một đôi thợ khoan đi từ A đến B để lao động. Chu trình đầy đủ " công tác - nhà" vạch ra như sau : 10-15 ngày bố trí kế hoạch sít sao tới mức tối đa cho lao động nặng ở B, 10-15 ngày nghỉ ngơi tại A. Do con người đi lại từ nơi công tác rồi trở về nên xảy ra sự ghép nối môi trường theo các tiêu chí về tâm lý, về sinh hoạt xã hội, về khí hậu thiên nhiên. Ngôi nhà ở hầu hết các nước trên thế giới hiện nay, với môi trường sống đô thị hoá hiện đại đã đạt tới mức tiện nghi sinh hoạt cao nhất, đa dạng trong tiếp xúc với con người, quan hệ ổn định trong phạm vi gia đình, nhịp sống đều đều, cơ thể thích nghi được với khí hậu. Tại nơi công tác, mọi thứ trái ngược hẳn : khí hậu khắc nghiệt, sinh hoạt tạm bợ, lao động nặng nhọc. giao tiếp bị hạn chế với một số ít người, thêm vào đó suốt hai tuần phải ở trong căn phòng chật chội. Sức nặng sinh lý và xã hội chồng chất lên, tạo ra hậu quả tối đa, đặc biệt là khi mạng lưới dịch vụ chưa đầy đủ .

Những yêu cầu đối với nhà ở cần phải đề ra như thế nào để phù hợp với môi trường không tương hợp đến như vậy ? Loại nhà ở nào ? Phải chăng, trong trường hợp này, khái niệm " nhà ở" được phát triển thành : ổn định - nhà ở, tạm thời -trạm gác. Tuy nhiên, chúng không cần lồng ghép với nhau : con người, về mặt tâm lý đã sớm được huấn luyện với kế hoạch sinh hoạt xã hội hạn chế và chịu đựng khá dễ dàng (có nghĩa là tạm thời, nhưng sau đó phải được nghỉ ngơi). Song, nghỉ ngơi theo kế hoạch thuần tuý của cuộc sống là một khái niệm rất chủ quan: trong một mức độ nào đó của trạng thái , nó có thể trở thành đối nghịch.Về khoa học, đặc biệt là về sinh thái người thì khái niệm nghỉ ngơi bao hàm đầy đủ ý nghĩa bù đắp về phương diện sinh học và xã hội.

Từ ví dụ khảo sát trên đây , thấy rằng cần đưa ngay vào hoạt động sản xuất đối tượng nhà ở và môi trường sống, xem là những yếu tố quan trọng bậc nhất. Môi trường sống này phải có mọi khả năng để khôi phục đều đặn sức lực về phương diện sinh học và xã hội của cơ thể, tạo điều kiện chuẩn bị cho quá trình hoạt động công nghiệp sau này, không những để hoàn trả gánh nặng mà còn cả nhu cầu bên trong. Cần nhấn mạnh rằng tình huống này là có thể tin cậy được và phương án cực hạn của ta chỉ giúp thể hiện rõ thêm các sắc thái ít

chênh lệch nhau trong sơ đồ " nhà- công tác- nhà". Phải chăng, các hoạt động nghề nghiệp của con người đặt dấu ấn đặc biệt trong mọi lối sống của họ và gia đình họ, trong việc tổ chức sinh hoạt và ở môi trường chung quanh, tất cả mà không có nghịch lý, như đối với thiết kế điển hình để xây dựng đại trà, bởi các kiểu nhà ở trước tiên căn cứ vào đặc điểm thành phần dân cư, mức độ nào đó của điều kiện khí hậu-thiên nhiên và rất ít dả động tới nghề nghiệp. Tất cả những điều đó biểu hiện rõ rệt trong ví dụ sau :tính chất hai mặt của nơi ở của những người đi trại không ảnh hưởng chút nào đến việc thiết kế " nhà ở ổn định. Những phương án nghiên cứu đặc biệt cho "sản xuất" chỉ là tạm thời, có nghĩa là người nghiên cứu lảng cảm trại cho vùng bắc, theo thực tế thiết kế hiện nay cũng chẳng có bất kỳ mối quan hệ nào với chính những người cảm trại đó tại một vùng miền khác của đất nước. Tình hình này hoàn toàn tương hợp với nơi ở, nhà và tiểu khu ở từ trước đến nay được xem là độc lập, rút ra khỏi môi trường sản xuất.

Tuy nhiên mô hình của giá trị cực hạn chỉ ra rằng vấn đề khảo sát sẽ vượt quá giới hạn riêng của nhà ở và liên quan đến môi trường theo nghĩa rộng của khái niệm này. Tất nhiên, đừng nghĩ rằng việc tổ chức không gian kiến trúc được cân nhắc toàn diện có thể giải quyết được những vấn đề chính yếu của kế hoạch xã hội. Tuy nhên, phải trao cho họ một cơ sở cần thiết ở dạng môi trường không gian đã cân nhắc cẩn thận, trong đó tính kể tới khả năng bù đắp gánh nặng, thiết thực với cuộc sống. Vấn đề là ở chỗ xem xét loại nào để bù đắp cho loại công tác và sẽ thể hiện trong các giải pháp kiến trúc và xây dựng đô thị như thế nào.

Ví dụ có tính chất trái nghịch về lao động tại nhà hoàn toàn khẳng định tầm quan trọng của vấn đề. Tại đây tuyệt nhiên không có sự trùng hợp hoàn toàn giữa môi trường sản xuất với môi trường ở, nhưng con người khi thực hiện công việc của mình cần có một hoàn cảnh nhất định để giúp họ có sinh khí trong lao động, khắc phục được những can nhiễu, nhịp nhàng thuận lợi, nghĩa là đảm bảo kết quả. Ngoài ra, không có mối liên hệ không gian và gánh nặng tình cảm-tâm lý thoát ra từ môi trường khép kín và cuộc sống đơn điệu, cần phải được bù đắp.

Vì thế, ý tưởng bù đắp gánh nặng sinh học-xã hội cần phải đặt vào việc tổ chức môi trường kiến trúc sinh thái ở mức độ giống như của thiên nhiên lúc ban đầu. Muốn vậy, cần đưa môi trường không thích hợp sao cho tương hợp tới mức tối đa, đảm bảo các biện pháp bù đắp (tại nơi không đạt hoàn toàn hoặc chỉ đạt một phần).

Trong điều kiện cụ thể nào có thể xuất hiện những sự bù đắp đó ? Nếu nhiệm vụ của người làm nghề sáng tác thiết kế ra những phân xưởng chuyên ngành, thì các công nhân chuyên nhận việc làm ở nhà chẳng phải nghĩ xem căn hộ phải thế nào mới thuận tiện cho công việc tại gia. Cách hiểu chính thống theo truyền thống xưa nay về lao động chuyên môn của người hoạ sĩ là tùy khả năng, một phần trần nhà hoặc mảng tường phía bắc phải lắp kính. Nhưng khi hỏi ý kiến giới thợ mỏ, thì những người hiểu khái niệm " thích ứng", "bù đắp" là thoả mãn các yêu cầu, nói rằng : chắc là trần lắp kính để nhìn bầu trời chứ gì ? Câu trả lời này rất chính xác, bởi vì hầu hết cuộc sống của người thợ mỏ là ở trong lòng đất, đối với họ , "trần " là cái gì đè nặng trên đầu, mặc dù thành quen, họ chẳng mấy quan tâm. Trần lắp kính ở khách sạn có thể là một biện pháp để bù đắp gánh nặng tâm lý không mong muốn. Tuy nhiên, việc mong muốn ngắm bầu trời những khi thư giãn lại là sự bù đắp không cần thiết. Chỉ có điều tra về xã hội học mới làm sáng tỏ bức tranh toàn cảnh, vì nhà ở luôn thể hiện những mong muốn của cuộc sống, ý tưởng về bù đắp là quá phiến diện.

Đồng thời, nếu đặt vấn đề là chuyên môn nào của hoạt động nghề nghiệp nhất thiết phải đặt dấu ấn của mình vào nhà ở của mỗi người, thì trong thời đại xây dựng hàng loạt, công nghiệp hoá này xem chừng không thực hiện được. Như vậy có mâu thuẫn không ? Không. Chỉ mâu thuẫn khi tiếp cận với vấn đề sinh thái. Sinh thái học là chìa khoá để hiểu quy luật chung về tương hợp và không tương hợp của những môi trường khác nhau và các biện pháp bù đắp thích hợp. Những quy luật này, gắn liền với "nhiệm vụ xuyên suốt" phải bao quát hết mọi mức độ môi trường quy hoạch đô thị, từ đơn vị nhà ở đến cơ cấu xây dựng đô thị to lớn, mà mối quan hệ nội bộ hoàn toàn mới, bầy giờ mới bắt đầu hé mở ra.

Nghiên cứu sâu về diễn biến khí hậu

Chùng nào chưa xác định chính xác nhóm cần bù đắp nào tham gia trong việc hình thành môi trường sinh thái của đô thị thì nên phân biệt ra thành nhóm chính, nhóm phụ. Song, rõ ràng là yếu tố khí hậu thiên nhiên sẽ luôn là công cụ, nhờ đó có thể tạo cân bằng sinh thái cho môi trường xây dựng đô thị. Tối đa có ba trong số năm bộ môn khoa học tham gia vào sinh thái học đô thị, chủ yếu dựa trên yếu tố khí hậu - thiên nhiên. Đó là các bộ môn theo thứ tự là: xây dựng đô thị, y-sinh, địa lý, kinh tế-xã hội và khoa học-kỹ thuật. Trong sinh thái học đô thị thì nhân tố địa phương của khí hậu-thiên nhiên đặt lên hàng đầu do tính chất quan trọng của nó. Đó là động lực của diễn biến khí hậu thiên nhiên cũng như ảnh hưởng tới quá trình sinh thái. Kinh nghiệm về khí hậu học kiến trúc chỉ ra rằng việc sử dụng động lực này có một phạm vi khá rộng, từ tính toán bình thường các điều kiện khí hậu- thiên nhiên trong thiết kế và xây dựng cho đến cải biến các thông số vi khí hậu nhờ biện pháp kiến trúc cảnh quan. Các điều kiện khí hậu - thiên nhiên càng cực đoan bao nhiêu thì tính toán càng phải cơ động bấy nhiêu và khả năng can thiệp, can nhắc của con người và cải biến chúng theo hướng cần thiết càng lớn bấy nhiêu.

Đúng như vậy, các biện pháp tích cực của xây dựng đô thị nhằm cải biến khí hậu đã được chú ý, ở nhiều nơi tại miền nam. Quán tính, quá trình khí hậu ổn định lâu dài ở miền bắc gây khó khăn cho việc nghiên cứu các phương pháp cải tạo khí hậu. Chẳng hạn như để loại trừ tuyết đọng tại đường phố của một số thành phố miền bắc, người ta đã thiết kế luồng gió chạy dọc phố. Thực ra, cách giải quyết thuần túy về khí động này có khả năng lùa hết tuyết đi được. Nhưng rồi do tăng tốc độ gió, lại kết hợp với nhiệt độ thấp nên lại ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người. Phương án tốt nhất hiện nay là đặt đường chệch với hướng chủ đạo của gió tuyết một góc 20-45°. Lượng tuyết nhỏ tích đọng lại không cản trở chuyển động, còn gió buộc phải thay đổi quỹ đạo chuyển động, và tốc độ gió cũng giảm đi.

Chiều nắng cũng là một trong những vấn đề chủ yếu của miền bắc. Phương pháp tốt nhất để chiều nắng căn hộ và sân là cố gắng đặt trùng góc hướng tối ưu cho đại bộ phận các ngôi nhà. Khi đó mặt bằng công trình xây dựng sẽ có hình gần như bầu dục, hợp lý về mặt

khí động học, gió trượt dọc theo cạnh công trình, ít làm lạnh nhà, không tạo gió xoáy hoặc gió lùa. Tỷ lệ khu đất của tiểu khu cần không ít hơn 70% nằm trong vùng lặng gió.

Trong vùng khí hậu nóng, khả năng cải biến điều kiện vi khí hậu bất lợi thành thuận lợi chính là các đặc điểm khí hậu, tính không đồng nhất và không ổn định (chênh lệch nhiệt độ ban ngày và ban đêm cũng như nhiệt độ bề mặt khá lớn, hướng và tốc độ gió hay thay đổi, tồn tại các điều kiện khí hậu ở quy mô nhỏ từ quy mô lớn). Các biện pháp đặc biệt chú ý để cải biến khí hậu nóng là sơ đồ tiếp cận sinh thái trong điều kiện cực đoan của miền nam cũng như toàn bộ quy luật chung làm cơ sở nghiên cứu những phương pháp chủ động hơn để cải thiện cả khí hậu khắc nghiệt của miền bắc, làm sạch môi trường xây dựng đô thị khỏi các tác động có hại của yếu tố nhân chủng.

Song, ngay từ đầu, chúng ta đã đa động tới ý tưởng chung về cải biến khí hậu của kiến trúc. Nội dung là trong bất kỳ cơ cấu đô thị nào, những ngôi nhà xây dựng hàng loạt, kích thước của chúng, nguyên tắc bố trí, chất lượng cơ động của không gian đều có quan hệ với môi trường chung quanh. Thông thường, sự can thiệp như vậy là bất lợi, vì ta đã trừ tính trước các hậu quả; song nếu chỉ sử dụng phương pháp tính toán cho từng yếu tố thì không được, vì môi trường luôn có rất nhiều khía cạnh mà tác động tới chúng chỉ làm phức tạp thêm mối các quan hệ khó gỡ ra này.

Tác động của môi trường rất phức tạp, đòi hỏi sự đối phó cũng phức tạp. Sự lựa chọn một cách khoa học những vật liệu theo hiệu quả của các giải pháp kiến trúc -kết cấu và cảnh quan khác nhau nhằm điều chỉnh chế độ của từng ngôi nhà và tiểu khu theo từng yếu tố. Đó là kết cấu che nắng, hệ thống thông gió, khu đất xây dựng tập trung hay phân tán, cây xanh, v.v. Tuy nhiên, hiệu quả không phải là tổng cộng số học, nghĩa là danh mục đầy đủ về các biện pháp sử dụng chưa thể đảm bảo kết quả mong muốn. Vấn đề là phải hợp nhất các biện pháp trong một cơ cấu thống nhất nhằm cải thiện vi khí hậu, trong đó vai trò " người tham gia" vào cơ cấu đó sẽ được phân bố lại tùy thuộc sự thay đổi của bài toán.

Chẳng hạn, ta chúng ta xem xét thành phố X ở vùng Y. Không những người từ nơi khác đến, mà ngay dân địa phương cũng khó mà chịu đựng được vì khí hậu nơi đây (họ không thích sống trong những ngôi nhà nhiều tầng, dù cho có tiện nghi về sinh hoạt và vệ sinh) miền trước núi, nhưng lại chịu ảnh hưởng của sa mạc liền kề. Vào tháng năm, cây cối tự nhiên ở sườn núi bị cháy và từ tháng sáu đến tháng chín không mưa, cộng với gió nóng mang cát bụi từ sa mạc về, đêm thì oi bức và lạnh gió (ban ngày nhiệt độ không khí lên đến 40°C, còn nửa đêm là 28-29°C) Tấm tường bằng bê tông cốt thép bị nung nóng mạnh suốt từ sáng , tạo nguồn nhiệt bổ sung. Thành phố phát triển nên đề thêm " vấn đề đường trục", làm theo truyền thống bất lợi nên bổ sung thêm cái nóng nữa. Cây xanh ở đường phố và công viên thì bố trí bị động và kém hiệu quả. Ngay cả việc trồng cây xanh để phòng lạnh có từ xưa cũng gặp khó khăn do lá cây bị phủ đầy những lớp bụi. Tiếp tục xây dựng trong những điều kiện đó, chẳng có ích gì, bởi trong môi trường bất lợi, chỉ làm xấu thêm.

Cách giải quyết vấn đề bắt đầu từ việc thay đổi, không phải của ngôi nhà mà từ các đặc trưng khí hậu của môi trường bên ngoài.. Muốn vậy phải nghiên cứu thung lũng với núi non bao quanh thành phố nhằm tìm kiếm " đồng minh" trong cái kho tàng thiên nhiên đó. Và phát hiện ra ở đây có gió lạnh, xảy ra về ban đêm, từ thành phố và thổi dọc theo lòng thung lũng. Luồng gió lạnh mạnh nhất về ban đêm hút vào nó mọi dòng không khí, lan theo núi và thường xuyên gây lạnh. Thành phố nằm trên đáy thung lũng một ít, trên một khu đất rộng đã bị sườn phía tây của một dãy núi nung nóng mạnh . Dòng không khí nóng từ sườn dốc leo lên núi ở độ cao 30-40m, qua thành phố giảm đi đáng kể. Dòng không khí nóng luồn vào thành phố gây ra sự chênh lệch nhiệt độ không khí của thành phố về ban đêm với gió nóng hơn từ sườn dốc. Giữa chúng tạo nên một lớp không khí dày đặc hơn , có dạng một đệm không khí, theo đó luồn phía trên trượt đi mà không thổi xuống dưới. Chính lớp đệm này không chỉ gây chênh lệch nhiệt độ mà còn làm không khí ứ trệ, và không khí của thành phố không luân chuyển đi được.

Điều đó có nghĩa là nếu ta làm mất được luồng không khí nóng thì giải quyết được việc đưa nó vào thành phố. Đối chứng được

lập cho luồng không khí lạnh mạnh nhất , nó phải lôi kéo được dòng khí nóng từ sườn dốc mà không làm giảm vận tốc. Muốn thế, cần phải trồng vườn, công viên và đưa nước vào đại bộ phận sườn phía tây. Vấn đề là ở chỗ phải chọn và bố trí cây và bụi cây theo tính toán, cấp nước,v.v. Thu hút vào thành phố và phá vỡ " lòng" của dòng không khí lạnh bằng biện pháp quy hoạch và xây dựng tại các khu vực khác nhau. Muốn vậy, trước tiên phải xác định các đường thông khí chính (bắt buộc phải đi qua). Theo những đường này, tất nhiên có xe cộ tham gia giao thông nhưng chỗ gồ ghề sẽ bị làm xói lở và cuốn đi bởi các luồng không khí. Đến lượt mình, những đường này làm " lòng" để thông dòng không khí từ khu nhà ở ra (theo nguyên tắc mô tả trên đây, được xây dựng trên hoàn lưu núi-thung lũng). Tại chính khu đất xây dựng sẽ lựa chọn vị trí để xây dựng các kiến trúc cải biến khí hậu, là những nhà cao tầng có giải pháp đặc biệt cơ động về không gian, có khả năng giữ lớp không khí lạnh ở phía trên của luồng không khí và hướng xuống dưới, vào khu đất xây dựng. Những ngôi nhà dọc theo con đường cũng phục vụ cho mục đích này, tức là thu lấy dòng khối không khí và duy trì hướng và tốc độ của nó trước khi đưa vào dòng chính ra ngoài thành phố. Do hình dạng đồ sộ và phức tạp của ngôi nhà, nhịp điệu ngắt quãng từng đoạn không cho phép giảm tốc độ gió, mà trong nhiều trường hợp còn làm tăng nó lên. Mặt nhà cũng vậy, cần xây dựng quay vào phía trong, thông thoáng tối đa, phân đoạn có tấm nhô hẳn ra, bổ sung hệ thống cây xanh đặc biệt.

Trong trường hợp này, giải pháp thuần túy về khí hậu cho phép giải quyết được nhiệm vụ khá quan trọng, dù cho chỉ bảo vệ một phần của môi trường đô thị khỏi các loại ô nhiễm. Vì tất cả các dòng không khí làm việc theo một sơ đồ thống nhất, nên đồng thời với việc rửa và làm mát, chúng phải rửa sạch và tải đi các chất thải độc hại.

♣ Hoàn cảnh sinh thái của kiến trúc

Chẳng bao giờ người ta xác định đặc điểm kiến trúc của Trung Á qua đất sét, kiến trúc gôthic của châu Âu qua đá và kiến trúc Nga qua gỗ, bởi ngày nay có biết bao nhiêu vật liệu nhân tạo, sản xuất từ

công nghệ hiện đại, tính độc đáo trong sáng tạo phụ thuộc nhiều vào quy luật sinh thái.

Sinh thái kiến trúc đặt trong tay chúng ta một công cụ, nhờ đó không những đáp ứng được yêu cầu hiện nay mà còn đảm bảo mối liên hệ thời gian. Không phải chỉ là từng kiến trúc từng niệm, mà chúng sẽ còn sống mãi sau này cho hậu thế của chúng ta.

Từ ý tưởng đến thể hiện

Kiến trúc sư của thế kỷ trước chẳng cần nghĩ về tính sinh thái của vật liệu xây dựng dùng để xây nhà và đô thị. Gỗ, đá, đất sét là thịt của thịt trái đất, "đời sống" của công trình làm bằng những vật liệu đó dần dần bị hư hoại đi không phải có gì mâu thuẫn với chu trình tự nhiên về trao đổi chất và năng lượng trong sinh quyển. Rồi đến bê tông cốt thép, atphan, kim loại, chất dẻo. Đó là bức tường ngăn không xâm nhập được giữa con người và các tia vũ trụ mà họ cần, giữa lớp phủ trái đất và môi trường không khí, v.v. Còn khi bị phá huỷ, đa phần trong số đó trở thành nguồn nhiễm bẩn của sinh quyển, là bộ phận quan trọng của vấn đề bùng nổ sinh thái. Ngăn chặn chúng là điều không thể, vậy cần phải tìm vật chất thay thế cơ bản, đáp ứng yêu cầu sinh thái. Đó là việc làm của mai sau.

Song chúng ta lại đứng trước một vấn đề có vị thế khác Việc sử dụng những vật liệu phi sinh thái bản thân nó không phải là vấn đề nghiêm trọng, nếu điều đó không tăng thêm trọng lượng cho việc vi phạm chung về cân bằng quan hệ sinh học-xã hội tại các cấp độ quan hệ khác nhau của đô thị, dân cư của nó và thiên nhiên chung quanh. Phải chăng chính các sơ đồ xây dựng và tổ chức không gian kiến trúc của đô thị đến nay vẫn chưa có tính sinh thái : các mâu thuẫn thường xuyên tăng lên giữa động lực của quá trình sống, mối quan hệ cá thể và xã hội, những kết cấu tĩnh và cứng nhắc của đô thị hiện nay, trong khi những quá trình và các mối quan hệ vẫn tồn tại. Sơ đồ đô thị cứng nhắc cản trở giải quyết vấn đề đa dạng và đa diện về chống nồng độ thừa của các chất có hại và năng lượng của quá trình công nghệ, cũng như nồng độ "kinh phí" của kế hoạch xã hội. Người ta cũng xem đó là một thứ stress.

Cần làm sáng tỏ : tính cứng nhắc của sơ đồ kiến trúc phi sinh thái đã cản trở sự phát triển hài hoà của hệ thống sinh thái-xã hội, khó mà tạo điều kiện tiếp cận hợp lý về kỹ thuật, còn đam mê chỉ có thể xảy ra trong tương lai trong thời gian nhất định. Quan điểm là : phương tiện tối thiểu mà đạt tốc độ và độ chính xác tối đa. Sự hài hoà trong thiên nhiên được thiết lập theo quy luật phức tạp hơn, công nhận vô điều kiện như những nhà phát kiến ra phòng sinh học hiện đại - đó là những công trình sư chế tạo tàu biển, máy bay, kỹ thuật vô tuyến. Vấn đề thật phức tạp khi có thể trả lời nhanh chóng và chính xác câu hỏi : kiến trúc phải có hình thức và nội dung về sinh thái như thế nào ? Thời đại của chúng ta là thời đại hình thành kiến trúc đó vì vậy phải hết sức chú ý phục vụ mọi thứ gắn liền với tìm tòi sáng tạo ra nó.

Chớ nên nói rằng kiến trúc trong suốt thời gian tiến hoá không chịu nghiên cứu kỹ bí mật trong "cấu tạo" của các cơ thể sống. Chúng ta nhớ đến F. Brunelleski, Leonard de Vinci, v.v. nhưng phương pháp phòng sinh là một công cụ thực hiện những nguyên tắc sinh thái trong kiến trúc ở thời đại của chúng ta. Sự hợp lý trong cấu tạo của sinh vật có một vai trò quan trọng trong nghiên cứu phòng sinh kiến trúc, một khoa học ứng dụng đang tiếp tục truyền thống áp dụng phương pháp phòng sinh vào những phát minh kỹ thuật mới nhất. Những công trình nổi tiếng, lặp lại hình thức của tự nhiên, như gian chính trong nhà triển lãm Turin của P. Necvi, toà nhà ở Hollywood tự động điều chỉnh mái của A. Mutniakovith, tháp truyền hình Ostankino của I.Nikitin và D. Burdin là những sự thể hiện thành công và độc đáo về khối không gian, tính cơ động, có tính kinh tế cao, xuất phát từ "duy lý luận" mọi thứ trong tự nhiên.

Có nhà lý luận và thực hành về phòng sinh học nổi tiếng đã từng nói : "Đặc điểm của giai đoạn nắm vững hình thức của thiên nhiên sống trong kiến trúc là ở chỗ bây giờ ta không chỉ biết về ngoài, hình thức của thiên nhiên sống mà còn thiết lập mối quan hệ sâu sắc giữa quy luật phát triển thiên nhiên với kiến trúc. Phòng sinh học kiến trúc dựa trên cơ sở phương pháp luận của triết học khoa học, đồng thời làm phong phú thêm nhận thức thế giới của chúng ta bằng cách phát hiện những mối quan hệ tương hỗ cụ thể và quan trọng giữa

một bên là những nguyên tắc và quy luật đặc trưng của sinh quyển, một bên là phạm vi kỹ thuật và kiến trúc. Đó là cái sáng tạo, cái căn bản và cái hiệu quả tiềm tàng của phương pháp mới".

Tuy nhiên, trong tương lai, việc mô hình hoá phỏng sinh và thiết kế nhà cũng như quy hoạch đô thị không đụng chạm đến nhiều mặt của hoạt động sống của người trong môi trường xây dựng đô thị, không tính kể tới việc tiếp cận sinh thái với kiến trúc một cách chưa đầy đủ. Ví dụ, khi thể hiện ý tưởng sinh thái vào kiến trúc sẽ kéo theo sơ đồ không gian được gợi ý từ thiên nhiên, có thể thấy thành công trong một số đồ án quy hoạch đô thị. Đặc biệt, việc tổ chức khu dân cư đã áp dụng nguyên tắc tổ chức không gian và các mối quan hệ tương hỗ nhằm thoả mãn yêu cầu xã hội tương lai và yêu cầu sinh thái của xã hội. Sơ đồ quy hoạch không gian tạo điều kiện cho quá trình tự phát triển tách ra khỏi ranh giới của nó. Đâu phải ngẫu nhiên mà bố cục quy hoạch không gian của khu kinh tế mới (KKTМ) có đả động tới cơ cấu thực vật. Trung tâm giao tiếp tập trung mọi dạng dịch vụ công cộng cho mọi nhóm tuổi. Dân số tối thiểu của KKTМ là 100.000 người. Đối lập với tiểu khu, là đối tượng thường bị phê bình thẳng tay về vấn đề phát triển dân cư một cách hài hoà, do vậy nảy ra ý tưởng trung tâm vùng (hoặc trung tâm đô thị), nơi có thể thực hiện được mọi tiềm năng sinh học - xã hội của con người. Trung tâm giao tiếp trở thành trung tâm " tạo sống" hay " bức xạ" của nguồn năng lượng này, trong đó có những ý tưởng sinh thái thú vị.

Đó là đối với người. Còn trong mối quan hệ tương hỗ với kiến trúc và thiên nhiên thì chúng thực hiện theo nguyên tắc môi trường nhân tạo không can thiệp đến nơi đến chốn vào môi trường tự nhiên. Nguyên tắc này dựa trên cơ sở nghiên cứu đề tài mang tên " Đô thị sinh thái ", vạch ra cho tương lai xa. Cấu trúc không gian của đô thị này có một bộ phận trên mặt đất (nhà ở và công trình công cộng), còn bộ phận khác nằm dưới mặt đất (công trình công nghiệp, nhà kho). Tại đây có sự phân chia thành những vùng sinh thái . Tuy nhiên tính sinh thái hoàn toàn của đô thị là điều còn tranh cãi, vì trong đó chỉ chứa một điều kiện là mối quan hệ tối ưu giữa môi trường nhân tạo và môi trường thiên nhiên. Điều có liên quan đến sinh thái người là sao không giải quyết tối ưu vấn đề quan hệ xã hội ? Các lợi ích về

sinh học người có ảnh hưởng rõ rệt tới sơ đồ thứ hai : nó ở trong môi trường nhân tạo có cách ly, hít thở không khí nhân tạo và vỏ ngăn che làm bằng vật liệu kín khí là cản trở liên hệ với môi trường tự nhiên cần thiết cho cơ thể người.

Cách giải quyết nửa vôi đó rất đực trưng cho giai đoạn nghiên cứu hiện nay về kiến trúc sinh thái . Chính vậy, một mặt còn chưa nghiên cứu đầy đủ các khái niệm về môi trường kiến trúc sinh thái, mặt khác, không có phương pháp luận cho phép sáng tác những đồ án kiến trúc riêng, như là hình mẫu về kiến trúc sinh thái có tỉ lệ khá lớn (đô thị, thậm chí là quần thể đô thị). Điều này là sự thật, bởi xuất phát từ chính nội dung của sinh thái học nhằm khảo sát cơ thể bất kỳ, hiện tượng bất kỳ như là một bộ phận của tổng thể thống nhất. Song chính thế mà trong giai đoạn nghiên cứu hiện nay, kết quả tìm kiếm chung cũng như của địa phương đều rất quan trọng. Có hai lợi ích: áp dụng thực tế, thoả mãn yêu cầu hiện tại, đồng thời bổ sung vào danh mục các giải pháp tìm kiếm, làm giàu kinh nghiệm.

Theo quy luật, cuộc sống hiện tại lại gợi ra các phương pháp và biện pháp, dựa trên việc sử dụng các thành phần của thiên nhiên : mặt trời, gió, nước, v.v. Nảy sinh từ tư cách mới, những thành phần này không chỉ biện minh cho hy vọng hão huyền của chúng ta mà trở thành bảo đảm khả năng thực hiện từng bước trong lĩnh vực kiến trúc sinh thái. Dưới cái tên "kiến trúc mặt trời", ngày nay xuất hiện những cấu trúc nhiều tầng - kể hậu sinh của những ngôi nhà cổ xưa có sử dụng hiệu quả năng lượng mặt trời không thể sánh nổi. Đó có thể là một ngôi nhà bình thường có gắn thiết bị, là bộ gom hay kết cấu nào đó, mà cũng có thể là những kiến trúc độc đáo, có chức năng để tích tụ năng lượng mặt trời. Mặt chính của công trình (bộ thu năng lượng mặt trời) là các tấm chắn tối màu toàn kính chạy suốt chiều cao nhà hoặc chiếm phần lớn bề mặt nhà. Dù phẳng hay uốn lượn sóng, các tấm chắn này luôn hướng về phía mặt trời chiếu nắng và đặt nghiêng sao cho thu gom được tối đa năng lượng mặt trời. Do yêu cầu đặt hướng tối ưu nên ngôi nhà thường cầu kỳ về hình thức lẫn nhịp điệu, nhưng mang lại hiệu quả kép : thay thế nhiên liệu truyền thống và giảm được ô nhiễm môi trường chung quanh trong một thời gian dài, khi thay bằng " nôi hơi" của mặt trời.

Trên thế giới có nhiều công trình tận dụng thành công nguồn lực thiên nhiên. Chẳng hạn, tòa nhà nằm dưới đất của khoa xây dựng dân dụng trường Đại học bang Minnesota (Mỹ) là một trong những hệ thống làm lạnh sử dụng nước ngầm tại chỗ. Trong việc cấp năng lượng cho một ngôi nhà ở 9 tầng khác xây dựng tại bờ biển đã sử dụng hợp lý năng lượng của nước cường và nước rạch. Trong thiết kế trụ sở bảo hiểm quốc gia tại Manila (Philippines) đã giảm được nhiều chi phí năng lượng cho các phòng điều hoà nhờ sử dụng gió mát.

Năng lượng không khí cũng được sử dụng nhiều trong các đồ án thiết kế. Đặc biệt có triển vọng theo hướng này là các vùng có đặc trưng nhiệt độ và khí động của luồng gió không đồng nhất ngay tại biên giới những lãnh thổ nhỏ. Cơ chế không đồng nhất của gió đã được nghiên cứu một cách toàn diện và có tác dụng khi thiết lập hệ thống điều hoà tự nhiên trong đồ án nhà nội trú. Tại đây ghi nhận sự lưu chuyển của hai luồng gió chính: gió nóng từ thảo nguyên về với tốc độ rất lớn và gió mát thổi từ biển vào. Nhiệm vụ là phải trung hoà tác động của gió nóng cho phòng ở và đồng thời sử dụng năng lượng để hút vào nó và tăng cường gió mát. Các nhiệm vụ này được thể hiện đầy đủ trong giải pháp khối-mảng của ngôi nhà và khu đất được tổ chức trồng cây xanh một cách đặc biệt. Mặt nhà chạy dài quay về phía gió nóng thu được do mặt bằng có hình răng cưa. Mặt chính này và mái hơi dốc tạo thành góc tù ở hồi nhà, trùng với chiều của vùng gió áp lực thấp. Mặt chính cũng vậy, hướng về phía biển, bố cục bởi các vòm hộp to nhỏ khác nhau, mở rộng ra về phía gió mát và buộc chúng phải hút vào phòng do chênh lệch phong áp ở hai mặt của mặt chính chạy dài.

Thiết kế này là thí dụ đặc trưng về tính hợp lý, có tính kể đến quy luật của tự nhiên, không những chẳng hạn chế người kiến trúc sư mà còn tạo thêm cho họ khả năng để thể hiện quan niệm thẩm mỹ của mình. Đây là phong cách độc đáo của kiến trúc sư.

Nếu những người tích cực trong số các kiến trúc sư đã đi vào nguồn năng lượng thiên nhiên, đòi hỏi những nghiên cứu đặc biệt và các giải pháp thiết kế phức tạp, thì cảnh quan thiên nhiên có từ đời xưa đời xưa là yếu tố khởi đầu của tác phẩm kiến trúc. Tuy nhiên,

ngay tác dụng của việc trồng cây xanh từ cổ xưa chỉ để làm sạch và vui mắt chứ không đa dụng như bây giờ. Chẳng hạn, ngày nay sinh ra "ý tưởng" thành phố vườn "với ý nghĩa là cây xanh có vai trò trong môi trường xây dựng đô thị. Mối quan hệ giữa các thành phần của môi trường đô thị của siêu đô thị cũng bộc lộ mâu thuẫn sâu sắc hơn giữa phẩm chất không tương xứng của hệ thực vật thiên nhiên và hệ động vật. Chẳng hạn, dải đất cây xanh trồng dọc theo đường cái lẽ ra để làm sạch không khí thì cũng là nơi tập trung các vật thải bỏ trong vận tải ô tô. Một ví dụ khác: tại một số thành phố Trung Á, người ta trồng nhiều cây tiêu huyền, cây ngô đồng. Theo thói quen, cây tiêu huyền trồng để trang trí, có đặc điểm là mọc nhanh, chịu hạn và côn trùng. Vì thế loại cây này dần dần được trồng phổ biến ở mọi thành phố. Từ xa xưa, ngẫu nhiên người ta tìm thấy cây này trồng lẻ tẻ, chưa có kinh nghiệm trong việc trồng hàng loạt. Nhưng rồi phát hiện ra rằng cây này gây dị ứng mạnh, có tác động tới cơ thể người ngay sau khi trồng chúng với một số lượng tới hạn.

Đương nhiên là đối với thành phố trong xây dựng đô thị hiện nay, để tạo dựng cảnh quan thiên nhiên, cần phải những nguyên tắc mới có chất lượng về tổ chức cơ cấu cảnh quan kiến trúc, có tính kể đến sự thiếu hụt nặng nề đất đai đô thị, đồng thời có yêu cầu cao về cây xanh. Nếu "Vườn của Bảy kim tự tháp" được liệt vào danh sách bảy kỳ quan thế giới vì sự độc đáo của nó, thì các điều kiện hiện nay của nhà cao tầng ở thành phố đòi hỏi trồng cây xanh theo độ cao, ở khắp mọi nơi và xem là hiện tượng bình thường. Và nếu cảnh quan thiên nhiên luôn giúp con người khi có sự hiện diện của mình, thì ngày nay phải "làm việc" trong môi trường xây dựng đô thị theo một chương trình kiến trúc-sinh thái đã vạch ra.

Chính nguyên tắc này đặt cơ sở cho thiết kế vùng chức năng-cảnh quan chung quanh đô thị lớn. Các vùng bảo vệ thiên nhiên nghiêm ngặt và các vùng tập trung công trình có hại cho sinh thái phải được phân cách bằng cây xanh, khu đệm sinh thái, tiếp giáp ngay sát khu đất xây dựng của thành phố và bổ sung thêm vào nơi nghỉ ngơi của dân đô thị. Trong việc phân khu đô thị của thành phố

lớn, người ta cũng tính kể đến sự cân bằng sinh thái của khu đất nhằm tối ưu hoá chức năng cảnh quan của thành phố và vùng ven.

Những nghiên cứu của chương trình " Ecopolis" của các nhà sinh học và chuyên gia của các ngành có liên quan về lý thuyết và ứng dụng đã gây được sự chú ý lớn . Chương trình này nghiên cứu việc thành lập một khu đồng bộ công nông nghiệp đặc biệt trong tương lai, trong đó thành phố và thiên nhiên không can nhiễu lẫn nhau, mà còn gắn kết trong một thể thống nhất, có giá trị, trên quan điểm về xây dựng đô thị và sinh thái học. Đây có vẻ là một kiểu khu dân cư tương lai, được mô tả như sau : " thành phố nhỏ nhỏ, từng bộ phận đảm bảo được sản phẩm lương thực cho người dân. Năng lượng mặt trời và năng lượng nhiệt toả trên khu đất nuôi dưỡng những cây lương thực và cây công nghiệp. Mùa màng ở ranh giới thành phố có thể cao hơn là ở quần xã tự nhiên. Nhà máy chạy theo công nghệ sạch, tiếng ồn giao thông và ô nhiễm còn ở mức tối thiểu. Qua thành phố có những con suối chảy, cuộc sống rộn rã đó đây, bướm bay giập giời, chim hót líu lo. Thay vào những thảm cỏ thường thấy là đồng cỏ với những cây thảo cho mật . Chung quanh đó, chính người dân thành phố, bằng kỹ thuật sinh học của mình, cùng nhau giữ gìn, bảo tồn rừng nấm, hoa quả, muông thú,v.v."

Hiển nhiên là loại khu dân cư này được tính cho điều kiện thiên nhiên nhất định, thuận lợi cho bối cảnh của con người và không thuộc cách giải quyết những vấn đề phức tạp của thành phố cỡ siêu đô thị. Tuy nhiên, giá trị của sự khởi xướng là rất to lớn: rõ ràng, nó đã thu hút nhiều tổ chức nghiên cứu khoa học ở trung ương tham gia nghiên cứu về thế giới động vật và thực vật ở chung quanh thành phố này.

Việc trồng cây xanh cho ngôi nhà theo chiều đứng thường mang ý nghĩa trang trí: sử dụng những cây leo, cây hoa, các dạng cây bụi thấp. Đối với mái, chỉ thường xem như khoảng sân tiếp tục để trồng cây xanh. Nhưng, khi nói về sinh khối, đứng trước tác động bất lợi của cả khối không khí trong đô thị thì cần sử dụng những giống cây đặc biệt để để bảo vệ ngôi nhà và con người sống trong đó, - không phải là đơn lẻ mà bố cục theo từng cụm, gắn liền với nhau theo một thể thống nhất tại các độ cao khác nhau, suốt từ mặt đất đến mái.

Khi đó, không chỉ là trồng cây xanh theo chiều đứng, theo chiều ngang mà là hệ thống cây xanh không gian, có khả năng thực hiện nhiệm vụ sinh thái trong kiến trúc.

Chẳng hạn, có một ngôi nhà ở 9 tầng, 100 căn hộ mang tên " Vườn treo" ở Trung Á. Ngôi nhà này xây dựng theo khối-đơn nguyên, bố trí theo các bậc theo chiều đứng, và cả ở mặt bằng. Ngôi nhà có mặt chính đối xứng cốt để tạo vi khí hậu khác nhau về hai phía. Màng nhà mặt chính làm hơi cong để không cản gió trượt dọc theo mặt nhà. Tại các mặt chính có sân thì cơ cấu khối-màng thông thoáng hơn. Cơ sở kỹ thuật của hệ thống cây xanh không gian này gồm các trụ bê tông cốt thép, sàn trong và các " túi nhánh" nhô ra ở các mức tầng nhà. Các túi này trồng cây tán và cây bụi. Việc tưới và bón thực hiện theo chế độ tập trung: ở giữa trụ có máng kỹ thuật để làm việc này. Viện nghiên cứu sinh học chỉ đạo việc chọn cây ăn quả và cây trang trí có thể phát triển tốt tại đây, Viện thổ nhưỡng cũng tham gia chọn loại đất thích hợp.

Do một trong những ngôi nhà" thời tiết " này không nằm trong kế hoạch sinh thái nên được thiết kế thành một đoạn công trình xây dựng, lựa chọn từ khối nhà tương tự có số tầng khác nhau. Cơ cấu kiến trúc cảnh quan thống nhất tạo điều kiện đáp ứng tối thiểu hai mục tiêu sinh thái : phục vụ điều hoà tự nhiên và tăng cường vòng tuần hoàn của các yếu tố trong dây chuyền *không khí- cây xanh-đất* bên trong sân nhà ở. Sự chênh lệch của khối cây xanh tạo riêng ra những luồng không khí mát và sạch. Mặt nhà không trồng cây xanh và có hướng song song với gió chủ đạo sẽ đóng vai trò của thành của kênh không khí lớn, hút những luồng đó qua căn hộ đi ra ngoài. Giải pháp hệ thống cây xanh kiểu sinh thái như vậy không áp dụng cho các tầng nhà vươn lên, mà đi xuống, chui sâu vào lòng đất. Trong trường hợp này có thể có những thay đổi nhỏ về từng nhiệm vụ và sơ đồ tương ứng về tổ chức tuần hoàn không khí. Tuy nhiên, khả năng làm lạnh mạnh môi trường vẫn có thể thực hiện được. Điều thấy rõ hơn : quy hoạch ngầm dưới đất sẽ là một phương hướng giải quyết vấn đề sinh thái một cách phổ biến rộng rãi .

Những công trình đặt ngầm có công năng và quy mô rất khác nhau như công trình giao thông và công nghiệp, thể thao và văn hoá-giải trí là biện pháp cực kỳ quan trọng để tiết kiệm đất đai và năng lượng, trung hoà có hiệu quả những chất thải có hại trong lòng đất. Trong việc quy hoạch đô thị ngầm phải xác định rõ rệt hai phương thức tổ chức liên hệ giữa công trình với môi trường trên mặt đất. Trường hợp thứ nhất phải căn cứ vào mức độ liên quan tới không khí, mặt trời, cảnh quan trên mặt đất; trường hợp thứ hai là tạo môi trường tự trị với một số nhất định các kênh có liên quan với môi trường mặt đất. Phương thức thứ nhất là ưu tiên nhằm duy trì sự cân bằng tâm-sinh lý cần thiết cho con người : các chuyên gia công nhận rằng con người nhanh chóng mệt mỏi khi làm việc trong điều kiện cách ly thị giác tuyệt đối với môi trường thiên nhiên quen thuộc, trong chiếu sáng nhân tạo cũng như trong điều hoà không khí. Cũng khảo sát cả những công trình trên mặt đất , được cách nhiệt hợp lý với môi trường bên ngoài. Tuy nhiên, ở dưới đất, tình hình này khó khăn thêm do không gian kín mít. Tình hình này càng trầm trọng thì tính chất lao động càng đơn điệu, số lượng người lao động càng ít và thời gian lao động càng kéo dài. Phương thức thứ hai thường áp dụng cho nơi nào đòi hỏi điều kiện sản xuất đặc biệt độc hại hoặc bắt buộc duy trì cảnh quan thiên nhiên trên mặt đất, hoặc thái độ chịu đựng để sẵn sàng xây dựng hầm lò, khai khoáng,v.v. Đã có lúc người ta kiến nghị xây nhà nhiều tầng dưới lòng đất , nơi có những hầm lò bị bỏ không. Ngoài các cơ sở phục vụ công cộng , kho tàng và gara, tại đây có thể đưa vào những công trình giao thông và những công trình thể thao lớn, nhằm thay đổi cảm giác chịu gánh nặng tâm lý tới cơ thể người.

Có thể lấy ví dụ về phương thức thứ nhất. Đó là toà nhà UNESCO. Trung tâm văn hoá G. Pompidou và Trung tâm thương mại ở Paris. Ý tưởng chung là hợp nhất những công trình có chức năng khác nhau và xây dựng tại nhiều nơi khác nhau - không hề làm hỏng tính thống nhất về phong cách và quy mô có ý nghĩa lịch sử của quần thể kiến trúc hiện có của Paris, song đã ẩn những công trình nhiều tầng đồ sộ và hiện đại xuống lòng đất. Người ta cũng đã áp dụng những nguyên tắc tương tự để thiết kế nhà ở tư nhân tại một số nước.

Cũng nói thêm rằng ngay kiến trúc dân gian ở vùng khí hậu nóng cũng như khí hậu lạnh thường tận dụng tính chất nhiệt kỹ thuật của đất để giữ nhiệt hoặc làm mát nhà. Chẳng hạn, nhà dân gian vùng Tây Pamir (Hình 1) nhờ bố cục gọn gàng, hình dạng thuôn thuôn và nằm sâu đáng kể trong lòng đất nên đã giải quyết tốt cả bài toán vi khí hậu và nhiệt kỹ thuật. Cách giải quyết tương tự cho ngôi nhà được xem là sinh thái nếu đưa các biện pháp truyền thống cổ xưa đó vào những công trình hiện đại có quy mô đồ sộ. Nhưng nếu những công trình này chỉ lặp lại một cách máy móc và thêm thắt vào tiện nghi sinh hoạt hiện đại thì giải pháp sinh thái này chỉ là vật cồng của mốt. Ví dụ, giải pháp nhà sinh thái ở Merton Miles (Mỹ, kiến trúc sư G. Bernard, Hình 2) cũng còn gây nhiều tranh cãi. Tất nhiên, từng "túp nhà nhỏ" biệt lập ngầm dưới đất có nhiều ưu điểm, nhưng còn gây nhiều hoài nghi đối với những tính danh gắn với nó: nào là hàng ổ tiện lợi cho ngày nghỉ cuối tuần có lối ra trực tiếp với thiên nhiên, còn ở trong thành phố được quy hoạch thì buộc con người phải hải lòng với " mối nối" hợp lý, điều chỉnh được của không khí trong lành và chỗ tiếp xúc với thiên nhiên, phần lớn của cuộc đời ở trong vi khí hậu nhân tạo, chiếu sáng nhân tạo , trong không gian đầy rẫy những nhân tạo, dù cho đó là kiến trúc ngầm dưới đất.

Tác giả đồ án " Thành phố gọn gàng" người Mỹ đã tạo ra cho tương lai của những người dân các tiện nghi tối đa: đường ô tô riêng biệt, đường đi bộ không có chỗ giao nhau, thời gian từ nhà ở đến chỗ làm việc là tối thiểu, không gian có thể chuyển đổi được,v.v. Đồng thời, cũng lưu ý bạn đọc phải ghi nhớ nhiều vị trí, theo đó con người trong thành phố này phải giảm bớt nhu cầu về máy móc và sử dụng các bộ phận chức năng cực kỳ hợp lý. Theo tác giả, thì thành phố như vậy sẽ ít vi phạm hệ thống sinh thái và sử dụng ít nguồn tài nguyên thiên nhiên hơn, con người sống thích hợp với từng chu trình của nhịp điệu sinh học nhằm đảm bảo chế độ thực hiện chức năng suốt ngày đêm của thành phố. Đừng quên rằng cuộc sống theo chu trình cá nhân có thể phá hoại mối quan hệ tự nhiên của con người cho đến gia đình, rằng nhịp điệu của chu trình sản xuất và công tác tính cho 24 giờ, đảm bảo lao động về ban đêm mà không bị gián đoạn.

Giống như một ưa chuộng của tác giả " thành phố gọn gàng", người đi trước cùng tư tưởng là Paolo Soleri lại tuyên bố trắng ra là nhất trí với ông này. Tuy nhiên, ý tưởng của Soleri nhằm tổ chức biện pháp kiến trúc sinh thái hài hoà với môi trường chung quanh, tạo điều kiện phát triển cá tính con người, trong "thành phố gọn gàng" quan tâm tối đa đến tính thực tế, nên từ ý tưởng phong phú chỉ còn lại khung cốt được điều chỉnh cho hợp lý. Đó là sự khác biệt cơ bản có tính chất nguyên tắc. Tên tuổi của Soleri ngày nay được công nhận không chỉ như một trong những người nổi tiếng cả kiến trúc hiện đại Mỹ mà còn là của cả thế giới. Biểu tượng này thể hiện sự tổng hợp giữa kiến trúc và sinh thái trong đồ án thiết kế thực tế. Soleri là nghệ sĩ và chiến sĩ, một trong những người đi đầu đã đẩy lùi nguy cơ phải chọn giải pháp *nghiêm túc, sâu sắc, triệt để* như sinh thái học đã chỉ ra. Thuật ngữ Soleri "kiến-sinh thái" đó cũng là tên của đồ án thiết kế đô thị mà cũng là phương hướng đồng bộ dựa trên những nguyên tắc hợp dung các quy luật kiến trúc và sinh thái." Tôi cho rằng, trong mọi vấn đề của kiến trúc thì vấn đề tổ chức môi trường quanh ta, cộng sinh giữa thiên nhiên và con người một cách rất hài hoà là điều quan trọng nhất", - đây cũng là cương lĩnh của ông. Đặc điểm trong phong cách kiến trúc của Soleri, là công trình nghiên cứu với phạm vi rộng lớn từ ngôi nhà riêng biệt cho đến một thành phố khổng lồ, trong đó áp dụng những nguyên tắc về cấu trúc cơ thể tự nhiên. Qua sự xâm nhập vào nội dung của thế giới quy hoạch đô thị đã gây ra, biến dị tự nhiên, nó tách ra khỏi việc áp dụng hạn chế các điều kiện khí hậu-cảnh quan khác nhau vào tổng đô thị (thành phố vùng sa mạc, thành phố nổi). Quan niệm " tối thiểu hoá" không gian của ông không bao giờ cản trở các mối quan hệ thường xuyên của nhà ở trong đô thị với môi trường thiên nhiên bên ngoài. Hơn nữa, nguyên tắc của giải pháp thông thoáng dành lại cho con người tác động tự do: hoặc là có thể thêm thắt vào, xây dựng nốt trong ranh giới ngỏ của dự định chung. Ông cố thử hiểu con người như một cá thể của cộng đồng, có ước mơ về sự hài hoà trong xã hội và đặt ước mơ đó trong sơ đồ cấu trúc thành phố của mình.

Hình 1. Nhà ở dân gian vùng Tây Pamir - một ví dụ về giải pháp vi khí hậu và nhiệt kỹ thuật hợp lý(bố cục gọn gàng, hình dạng thuôn thuôn, nằm sâu trong lòng đất):
1. Các phòng ở chính ; 2. phòng đệm ; 3. mái che; 4. kho dụng cụ gia đình ;
5. kho lương thực ; 6-7. chuồng nuôi gia súc ; 8. kho thức ăn gia súc

Hình 2. " Nhà sinh thái" của kiến trúc sư G. Bernard (Mỹ)

♣ Thành phố là một hệ sinh thái

Như vậy, mục đích cơ bản của sinh thái kiến trúc ngày nay là tìm kiếm, nghiên cứu và áp dụng trong thiết kế những nguyên tắc thiết lập môi trường cảnh quan kiến trúc nhân tạo, kết hợp hài hoà với lợi ích của môi trường thiên nhiên và môi trường sống của con người.

Hệ thống nhiều mức độ về tổ chức môi trường kiến trúc sinh thái xây dựng dưới dạng của hai sơ đồ trái nghịch nhau: từ chung đến riêng - phương diện thiên nhiên; và từ riêng đến chung - phương diện sinh học-xã hội, con người. Cả hai sơ đồ thực hiện ăn khớp nhau nhằm phản ánh trong cơ cấu kiến trúc-sinh thái các quy luật của tự nhiên và con người, xác định các biện pháp bù đắp, khắc phục mâu thuẫn giữa chúng. Trong cả hai trường hợp đều nói về giới hạn (khả năng thiên nhiên tạo môi trường, sức khoẻ cho con người và giá trị đầy đủ về sinh địa lý học), khả năng thích nghi (hệ thống sinh thái và cơ thể người) và các biện pháp bù đắp (nếu các giới hạn của thiên nhiên và con người bị cạn kiệt). Các lợi ích tương hỗ của sinh thái học người và sinh thái học thiên nhiên thường đan kết với nhau, tuy nhiên khi chúng ta chú tâm đến sinh thái học người , ở bình diện thứ nhất có sự tham gia của hệ thống các giới hạn về thích nghi và bù đắp, biểu hiện ở các mức độ nghiên cứu về xã hội-vệ sinh, sinh học (là phổ biến) và sinh vật nhằm dự báo ngắn hạn và dài hạn về sức khoẻ con người và hậu duệ của họ. Sơ đồ cũng có mục đích duy trì hoặc tổ chức cân bằng sinh thái chung, tại bình diện thứ nhất mà ta quan tâm về môi trường.

Việc kiến tạo môi trường kiến trúc-sinh thái đòi hỏi những nghiên cứu dài hạn, mà chỉ ngày nay mới có sức đào xới lên. Tuy nhiên không phải chờ đến kết quả cuối cùng ở tận tương lai xa tít ở nơi nào đó. Với ý nghĩa này, thời gian không ủng hộ chúng ta, và nếu không bắt đầu can thiệp tích cực vào các quá trình của môi trường quy hoạch đô thị, thì sau này, ngay khi có đầy đủ kiến thức rồi cũng chẳng giúp đỡ gì được cho chúng ta. Cách tiếp cận kiến trúc-sinh thái

với những vấn đề hóc búa trong thiết kế cần được áp dụng song song với những nghiên cứu dài hạn nhằm hiệu chỉnh cho một giai đoạn nào đó. Để bắt đầu, cần sử dụng ngay những kết quả đã có. Chẳng hạn, khi chúng ta tiến hành nghiên cứu vi khí hậu trong nhiều năm ở vùng Trung Á, trong đó không đưa tác động nhân chủng vào nội dung nghiên cứu, song ngay trong khi nghiên cứu quá trình khí hậu-thiên nhiên, chúng ta phải chú ý tới tính không đồng nhất của môi trường không khí ngay tại giới hạn lãnh thổ của các thành phố nhỏ và sử dụng dữ liệu này để cải thiện môi trường vi khí hậu địa phương. Ngày nay, các dữ liệu về môi trường không đồng nhất được sử dụng trong bài toán sinh thái kiến trúc mà chúng ta khảo sát, với những biểu hiện phức tạp hơn nhiều :khi có sự can thiệp tích cực của yếu tố nhân chủng, tính không đồng nhất của môi trường giúp chúng ta tích hợp thành bức tranh toàn cảnh. Từ cách tích hợp, sẽ tìm được phương pháp biến đổi toàn cảnh theo yêu cầu của mình.

Trong môi trường xây dựng đô thị (hệ thống sinh học là thứ yếu so với hệ thống tự nhiên là chính yếu), chúng ta phân biệt các vùng sinh thái sau đây :

Vùng sinh thái phát sinh(VPS) có nguồn vật chất tập trung mạnh (hoặc năng lượng) có tác dụng định hướng. Các nguồn có ảnh hưởng xấu như nhà máy xi măng ở ngoại ô thành phố, cần chuyển ra ngoài ranh giới đô thị, đánh dấu âm (-); nguồn có ảnh hưởng tốt như đồn điền ở phía tây khu dân cư đô thị trồng cây trúc quỳ, toả ra fitonxit (có tác dụng chống vi khuẩn) có chức năng " vệ sinh" của môi trường. Bất kỳ môi trường đô thị nào cũng có đủ loại chất lượng của VPS mang dấu âm và dấu dương (+). Loại thứ nhất là các xí nghiệp công nghiệp, trạm nổi hơi, đường giao thông chính, chỗ đỗ xe,v.v. Loại thứ hai là các công viên, dải cây xanh bảo vệ thành phố.

Nhu cầu của vùng sinh thái (NVS) cơ bản là hấp thu vật chất, chứ không phải thải bỏ chúng. Thông thường, đó là môi trường vùng cư trú. Nó có thể là dấu âm nếu nằm trong vùng chịu ảnh hưởng (- VPS) hoặc quá bão hoà thứ vật chất nào đó, thậm chí có tính chất tốt (nếu đồn điền cây trúc quỳ nằm trực tiếp trong khu ở, thì không khí quá bão hoà fitonxit có thể dẫn đến hậu quả xấu).

VPS và NVS là *những vùng sinh thái cơ bản*. Trong cải tạo, chúng có vai trò quan trọng trong gọi là *các môi trường trung gian* (sẽ nói chi tiết sau này): lọc sạch (VSL), khu trú (VSK) và trung hoà (VST). Loại thứ nhất làm thay đổi lượng và chất của chất tập trung và bằng cách vận chuyển thông quá (transit), đưa đi xa hơn nữa. Loại thứ hai hạn chế ở một số ít yếu tố và nhóm yếu tố. Loại thứ ba đặc biệt độc hại, phải cách ly hoàn toàn, là chất không dễ chuyển hoá.

Thực ra, không thể phân chia các vùng sinh thái một cách thuần tuý và rành rọt, vì muốn xác định lượng, chất, cách bố trí, hướng tác động thì phải tăng cường, khu trú hoặc lan truyền ảnh hưởng của chúng sang các vùng sinh thái lân cận nhờ các phương tiện kiến trúc-cảnh quan, kỹ thuật, v.v. Chúng ta phát hiện quy luật quan trọng này : các vùng sinh thái có dấu âm ở bất cứ nơi nào cũng có xu hướng hợp nhất và tăng cường ảnh hưởng của mình; các vùng sinh thái mang dấu dương thường phân nhỏ ra và bán kính ảnh hưởng của chúng thường giảm đi. Bởi vậy, các vùng sinh thái phát sinh mang dấu âm cần phải hạn chế, cách ly ảnh hưởng của chúng trong yếu tố tuần hoàn hoặc làm chúng bị gián đoạn. Trái lại, các vùng sinh thái phát sinh mang dấu dương thì cần hợp nhất lại và tận dụng ảnh hưởng chung trong một chu trình sống duy nhất của thành phố.

Việc thực hiện những nguyên tắc của tổ chức vùng sinh thái cho khu đất xây dựng có thể thuyết minh qua đồ án thiết kế phát triển khu đông- nam của thành phố mà ta đang khảo sát. Các vùng sinh thái phát sinh dương được tập hợp trong một cấu trúc không gian duy nhất, bố cục sao cho phân nhỏ có mức độ tác động của VPS âm, bố trí một phần dưới lòng đất để kết hợp thu hút chất thải bởi các khối cây xanh.

Khi phân bố vùng sinh thái và bố trí các công trình của chúng cần chú ý rằng, mặc dù thành phố đặt trên phần đất đai thung lũng, có điều kiện xây dựng thuận lợi nhất về mặt sinh thái, nhưng vì kê sát ngay đó là một bể không khí nhiễm bẩn, không đồng nhất gây bất tiện nghi cho bức tranh chung về vi khí hậu do ở trên một nền ô nhiễm có hại. Từ đó, chức năng của tất cả các vùng sinh thái mang dấu dương dùng để lọc sạch theo tầng bậc, phân nhỏ và đưa ra các

thành phần chung không mong muốn. Điều này giúp cho việc xác định cơ cấu xây dựng theo kiểu *cơ cấu chiếm không khí*, thu hút tối đa không khí mát và sạch về ban đêm và sáng sớm, thổi từ khe núi liền kề và cản con đường ô nhiễm bên ngoài tích tụ ở phần phức tạp của thành phố về ban ngày. Biện pháp này có thể trở nên hiệu quả để cải thiện môi trường đô thị ngay cả khi khôi phục lại thành phố.

Hình 3. Đồ án thiết kế phát triển khu đông-nam của thành phố dựa trên phân vùng sinh thái khu đất nhằm tối ưu hoá môi trường và cải thiện vi khí hậu.

1- trung tâm vùng sinh thái phát sinh âm; 2- trung tâm vùng sinh thái phát sinh dương

Bây giờ chúng ta trở lại với môi trường trung gian thường gặp trong đời sống. Môi trường của xe buýt mà chúng ta đi và về hàng ngày có phải là môi trường sinh học-xã hội trung gian không? Có phải là nó hình thành trong đó cái gọi là khí hậu tâm lý, người ta cảm thấy quá nóng hoặc quá lạnh tùy thuộc cảm giác khi chúng ta đến đích. Chính xác hơn là cảm giác của chúng ta tùy thuộc là xe chạy qua công viên hay kê với bãi rác thành phố. Tại Cực bắc, như là những trạm gác thám hiểm, các thành phố và thị trấn trở thành những cơ sở của phương pháp môi trường trung gian, và có thể thích hợp với một số vùng miền khác. Trong điều kiện vùng núi cao mà làm việc ở độ cao 3500-4000m trên mặt biển cần phải có thời gian thích nghi: thoạt tiên phải có kế hoạch làm việc trong môi trường trung gian ở độ cao 2000m. Chính tại độ cao này, môi trường trung gian có dấu hiệu của cả hai *môi trường thường xuyên cực hạn*.

Khái niệm môi trường trung gian rất cần thiết trong việc thiết lập cơ cấu kiến trúc-sinh thái. Chính vì lẽ đó mà người ta thiết kế những công trình xây dựng hàng loạt, chính những công trình này xác định bộ mặt tương lai của thành phố. Cơ cấu kiến trúc-sinh thái mang tính hai mặt của một nhiệm vụ : mặt ngoài là tổ chức sinh thái cho môi trường xây dựng đô thị, còn mặt trong là tổ chức môi trường bù đắp-thích nghi (tức môi trường trung gian) để trở thành môi trường sống trong chu trình sinh học-xã hội của con người " lao động-sinh hoạt- nghỉ ngơi".

Hình 4 trình bày sơ phác cơ cấu kiến trúc-sinh thái " Cái bát xanh" trong điều kiện của Trung Á, nguyên tắc dựa trên " Vườn treo", phát triển trong một không gian nửa kín của một hệ thống kiến trúc cảnh quan được hình thành theo quá trình lặp lại sự tuần hoàn của dòng không khí núi ở quy mô nhỏ , và làm thông thoáng các căn hộ nằm ở sườn núi. Công trình có môi trường độc lập với môi trường

chung, có khối tích quán tính lớn, diện tích mặt nhà là cực tiểu khi khối tích không gian bên trong là cực đại. Bố trí trồng cây xanh theo tầng bậc cho phép tạo không gian bên trong của " bát" có môi trường không khí thuận lợi và riêng biệt. Mật độ dân cư đông đúc, thành phần dân số khác nhau đòi hỏi bố trí rải rác trung tâm công cộng và dịch vụ . Muốn vậy phải giải phóng các căn hộ ở hai đường vòng ở tầng một và tầng tám. Đặc điểm về lối sống, truyền thống dân tộc và tồn tại số lượng lớn gia đình đông con , với tỉ lệ phụ nữ lao động ở nhà là khá lớn. Kết hợp với vấn đề lao động, còn phải dự tính các phòng đặc biệt khác ở tầng dưới của " bát" Đứng ra thì cũng có các phòng thể thao và sân chơi ở tầng trên cùng dành cho thanh niên. Việc đưa các tập thể vào với cộng đồng kéo theo các mối quan tâm thực chất khác phức tạp hơn,cần tiếp tục nghiên cứu thêm.

Cơ cấu của nhà ở tổ chức môi trường sinh học-xã hội thường xuyên, có đưa vào biện pháp bù đắp riêng, ví dụ phản ảnh trong cơ cấu về hoạt động nghề nghiệp của người cư trú.

♣ Sinh thái học và tính độc đáo của kiến trúc

Kiến trúc khi dựa trên nguyên tắc sinh thái sẽ có nhiều nét độc đáo, vì vậy có thể nói về phương hướng có triển vọng mới của nghệ thuật này. Nguyên tắc đó là thiết kế nhà và công trình không phải là làm nên những công trình riêng biệt mà là thành phần của cơ cấu kiến trúc sinh thái, thực hiện những chức năng sinh thái nhất định của hệ thống sinh thái phụ, đảm bảo tính phi tiêu chuẩn của kiến trúc phổ thông, thậm chí khi áp dụng phương pháp công nghiệp hoá xây dựng. Tính phi tiêu chuẩn là bước đầu tiên tiến tới kiến trúc độc đáo. Chúng ta thấy rằng, cách tiếp cận sinh thái, một mặt không hạn chế yêu cầu của kiến trúc hiện đại trong quy mô lớn, mặt khác tách bóc quy mô đó khỏi mảnh đất quê hương. Khi công trình kiến trúc trở thành thành viên tham gia quá trình sinh thái dù ở mức độ cải biến vi khí hậu của môi trường chung quanh, thì ngay khi làm biến đổi hình thức cũng không nghiên cứu thẩm mỹ đến nơi đến chốn được, còn

Hình 4. Dự án kiến trúc-sinh thái " Cái bát xanh"

chức năng sinh thái của nhà hoặc công trình sẽ đưa chúng gần với các giải pháp tự nhiên, " thiên nhiên" hơn.

Tất nhiên, không phải ngày nay mới sinh ra những nguyên tắc về cải biến vi khí hậu với các phương tiện kiến trúc. Từ xa xưa, những kiến trúc của tác giả khuyết danh đã được xây dựng, dẫn dắt bởi truyền thống và những ý tưởng lành mạnh. Và ngày nay, trong xây dựng hàng loạt theo phương pháp công nghiệp, người ta đã vận dụng những biện pháp hay nhất của kiến trúc dân gian vào xây dựng hiện đại. Nhưng không phải ở đâu và bao giờ cũng thành công. Chẳng hạn, ở vùng Baltic nghệ thuật tạo hình và bóng dáng của kiến trúc xa xưa đập khuôn mau chóng lạ thường trong môtip của kiến trúc hiện đại, và bị chinh phục trong cả xây dựng bằng bê tông cốt thép. Trái lại, quá trình này ở Trung Á không hoàn toàn đơn giản và kéo dài. Cho đến nay, những thành công hiếm hoi không thể hình thành được một phương hướng toàn vẹn mở ra con đường phát triển xây dựng phổ thông theo dân gian độc đáo. Chẳng hạn, việc sử dụng nguyên tắc sáng tác nhà ở dân gian (dạng kiến trúc phổ thông nhất) chỉ mang lại ít nhiều kết quả tốt trong xây dựng nhà ít tầng. Điều có liên quan tới nhà cao tầng là việc áp dụng các biện pháp riêng lẻ của kiến trúc nhà ở dân gian, không mang lại chất lượng mới, còn khái niệm truyền thống thì ngày nay đã trở thành lỗi thời rồi. Vậy nên cho tới nay, trong đa số trường hợp, tính độc đáo của kiến trúc chỉ được thể hiện ở đây qua các đặc tính về hoa văn trang trí. Các chấn song cửa sử dụng trang trí hoa văn dân tộc là một trong những biện pháp phổ biến nhất tỏ vẻ cho xây dựng hàng loạt, lặp đi lặp lại quá nhiều đã trở thành nhàm chán và đơn điệu.

Đồng thời, đặc điểm của kiến trúc cổ, dân gian của thời đã qua và những đặc điểm hình thành của kiến trúc ngày nay có nhiều điểm tương đồng. Khi tìm kiếm con đường để tổng hợp các đặc điểm này của kiến trúc Trung Á, kế hoạch đưa ra đợt đầu là yếu tố khí hậu thiên nhiên, là một trong những yếu tố quan trọng có ảnh hưởng đến sự hình thành kiến trúc và ít thay đổi về thời gian và không gian so với các yếu tố khác. Chính yếu tố này lần đầu tiên ràng buộc tại đây những nguyên tắc tổ chức môi trường kiến trúc, chọn vật liệu và kết

cấu xây dựng, và từ đó, là cả về thẩm mỹ của kiến trúc dân gian. Hơn nữa, tại sao chỉ là ở Trung Á? Hình bóng truyền thống của những phố cổ tại thành phố vùng Baltic, với nhịp điệu độc đáo của các mái chòm nhọn có độ dốc mái dựng đứng? Phải chăng do mưa, tuyết, gió, ẩm ướt và ngôi lợp bằng gỗ đòi hỏi đặt độ dốc lớn đến như vậy? Phải chăng hình thức của kiến trúc đương đại buộc phải có bóng dáng như vậy? Có phải chính những cái hiên trong nhà ở dân gian cần thiết cho việc hứng những tia nắng hiếm hoi của mặt trời phương bắc, rồi tái hiện bởi những cửa sổ xây lồi ra ngoài của thời nay, tạo mảng phong phú cho ngôi nhà?

Tại Trung Á người ta rất muốn trung hoà được đặc điểm cực đoan của khí hậu và bắt đầu khuyến khích việc sáng tạo các giải pháp cho kiến trúc hiện đại. Tuy nhiên, thoáng nhìn đã thấy ngôn ngữ của những công trình cổ đơn giản và ngắn gọn đến mức như mã hoá, thì khi "sao chép" với quy mô xây dựng mới và bằng những vật liệu xây dựng mới, chắc chắn là rồi phải im bật. Vấn đề là ở chỗ nhà dân gian truyền thống của phương Tây đã trải qua nhiều thế kỷ lớn mạnh lên cùng với số tầng: do đất đất đỏ và yêu cầu của chính quyền thành phố, nhà chỉ có thể phát triển theo chiều cao. Vì vậy, những tính chất của nhà cao tầng từ lâu đã được xác lập, rèn giũa và tới thế kỷ của chúng ta thì đã sẵn sàng hiện đại hoá. Ở phương Đông, từ cổ xưa, việc bố trí nhà cửa đã phát triển theo chiều ngang. Nhà nhiều tầng có ở đây là từ đâu mang tới, nó xa lạ với điều kiện khí hậu thiên nhiên khắc nghiệt và đặc điểm sinh hoạt. Sự thay đổi tích cực của lối sống của cư dân trong những năm sau chiến tranh đã dẫn tới sự cách biệt giữa kiến trúc dân gian ít tầng với kiến trúc hiện đại nhiều tầng xây dựng hàng loạt. Cần khắc phục vấn đề này trong những điều kiện của thiên nhiên cực đoan, có tiềm năng sinh thái mạnh mẽ (khí hậu nóng, tuần hoàn vật chất có tốc độ cao). Điều này có nghĩa là sẽ phổ biến quy luật của nó cho các vùng khác của đất nước, kể cả biện pháp và phương tiện tạo lập môi trường sinh thái kiến trúc. rèn cơ sở kiến trúc có thể phản ánh tính độc đáo của địa phương và mang tính dân tộc về cơ cấu di truyền học.

Tuy nhiên cần có người trung gian, vừa gần với dân gian, vừa gần với hiện đại, vừa mang tính địa phương, vừa dễ phổ biến. Người đó chính là thiên nhiên. Không thể có người trung gian nào khác được. Và sự ví von này là đúng nhất nếu cảnh quan được đưa vào chỗ mà vấn đề có dạng phức tạp và mâu thuẫn nhất. Đó chính là những ốc đảo hẻm núi lạnh lẽo ở Trung Á đã chính xác bao nhiêu khi buộc phải có những biện pháp nhà ở dân gian. Và cũng lúc này, hình bóng, mảng tường, đai dầy hẻm, chẳng khác nào dây phố chằng chịt nhà tú phía; không còn hao hao giống chút nào đến hình bóng, tổ chức không gian, phối hợp mặt phẳng với bố cục cây xanh trong xây dựng hiện đại nữa. Và có phải là nghịch lý không, khi làm mất những dây phố và quảng trường với môi trường nhân tạo, với bố cục các sân nửa kín và kín từ đá, cây xanh và nước ở nơi cách xa thành phố nóng và bụi hàng chục cây số ... bằng bàn tay và khối óc con người! Nơi đây cũng có nhiều cây xanh, kênh nước hoàn toàn có thể thay thế những con suối, và những bức tường của nhà cao tầng che râm không kém hẻm núi. Tất cả đều bố cục theo một quy tắc khác.

Có thể nói rằng chúng ta đang lạc quan hoá tình hình. So sánh bằng mắt, đối chiếu bằng cảm giác, thì về phương diện khoa học chẳng chứng minh được điều gì. Căn cứ vào những quy tắc nghiên cứu vi khí hậu, chúng ta khảo sát hẻm núi ở gần thành phố, thậm chí ở vùng ven. Những hẻm núi này đã được lựa chọn kỹ càng theo nguyên tắc tương tự và cơ học trong tổ chức vi khí hậu nhà ở dân gian và phép so sánh với xây dựng nhà nhiều tầng hiện nay và trong tương lai. Kết quả đã phát hiện ra quy tắc là nhà nhiều tầng có thể áp dụng thuận lợi các biện pháp nhà ở dân gian. Và tất nhiên là khi đó cơ cấu nhà nhiều tầng phải hợp lý hơn khi chú ý tới kiến trúc dân gian. Chính vì thế đã phát sinh giải pháp bố cục không gian của nhà " Vườn treo", " Cái bát xanh" và một số nhà nghỉ miền duyên hải.

Nhà ở dân gian gắn liền chặt chẽ với thiên nhiên. Ngoài ra, chính nhờ có các điều kiện khí hậu-thiên nhiên cục đoạn mới có khả năng phân biệt được các biện pháp kiến trúc dân gian tiến bộ với các biện pháp không có triển vọng, tạo điều kiện thoát khỏi hẫng lối sống dân dã lạc hậu, phong tục tôn giáo, v.v. Hẻm núi, đó là một hình mẫu

kiến trúc ở độ cao nhất của thiên nhiên, một vị trí khí hậu -thiên nhiên đa dạng nhất có thể tìm thấy trong môi trường xây dựng đô thị thực tế ở mọi vĩ độ. Hẻm núi chỉ ra cho chúng ta cách ứng xử với quá trình của môi trường không khí: tăng cường hay kìm hãm, hoà hợp với môi trường nên hay tạo riêng môi trường, chống nóng chung bề mặt đất hay chỉ một bộ phận của ngôi nhà (nguyên tắc tạo gió nhẹ), hoặc là tạo dòng không khí nhân tạo thay vì thông gió tự nhiên. Tiện đây cũng giới thiệu một biện pháp đã áp dụng trong thiết kế nhà ở tại vùng cực ở Bắc Thụy Điển là: tạo thông gió cục bộ nhẹ nhàng để bảo vệ gió lớn.

Thiên nhiên của kiến trúc, chính thực là như vậy. Nó không phải tạo ra theo hình thức đi từ các nước vùng duyên hải mà theo nguyên tắc nguyên tắc của quá trình sinh thái cần thiết ở quê hương. Nắm vững nguyên tắc, nhào luyện thành hình thức, điều này chỉ có thể nảy sinh tại mảnh đất quê hương, một cách tự nhiên, không chỉ cho hôm nay, mà cả cho quá khứ và tương lai.

Có một điều không thể thay đổi: kiến trúc phổ thông - thành phần cơ bản của tế bào thành phố và là mảnh đất chủ yếu đặt ý tưởng sinh thái. Đâu phải ngẫu nhiên vợ được của quý, mà phải lần lượt thực hiện ý tưởng qua xây dựng đô thị, trong thiết kế nhà ở, trong trang trí, thể hiện đặc điểm của đời sống cộng đồng, chứ không phải chỉ là các biện pháp sinh thái kiến trúc tưởng tượng ra. Khi khảo sát các nguyên tắc sinh thái làm cơ sở thiết lập môi trường thuận lợi của thành phố ở mọi cấp độ, chúng ta gọi nó là " kiến trúc chiến lược". Nó không phải là cái đối chứng cho những công trình độc đáo, mà trước hết phải xác định phương hướng hình thành và phát triển. Chúng ta không có tham vọng gọi nó là kiến trúc của tương lai, mà khiêm tốn hơn, chính xác hơn gọi là *kiến trúc có tương lai*.

Phụ lục 1. ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC YẾU TỐ KHÍ TƯỢNG TỚI CON NGƯỜI
(nguồn : " GS.TS Đào Ngọc Phong: Một số vấn đề về Sinh khí tượng ,
nxb KH&KT-1984)

Yếu tố	Đặc điểm	Tác động đến con người	Biện pháp tránh
Bức xạ mặt trời	-Gây tác động quang hoá. Tia nắng có thể xâm nhập vào cơ thể qua bề mặt da và mắt. - Có tác dụng diệt mầm của một số loại ký sinh trùng gây bệnh (phổi nắng diệt trứng giun đũa)	- Tác dụng quang hoá xảy ra trên da, làm cho da sạm màu. Hậu quả: hình thành sắc tố da, làm dày lớp sừng ở da, sớm lão hoá da, gây ung thư da. - Tia tử ngoại gần 0,3μ gây viêm nhiễm quang hoá nhất thời giác mạc mắt	Dùng kính thủy tinh màu, kem bôi da, trang bị bảo hộ lao động thích hợp
Nhiệt độ	- Tác động và gây cảm giác trực tiếp bề mặt da. - Gây nóng hay lạnh tùy tương quan nhiệt độ không khí và nhiệt độ bề mặt cơ thể - Thay đổi nhiệt độ môi trường, làm mất cân bằng nhiệt.	Nhiệt độ cao gây những biểu hiện sinh lý: + <i>Tim mạch</i> : nhiệt độ KK tăng cao, người thích nghi với nắng thường có biểu hiện sinh lý ít hơn so với người chưa thích nghi với nóng : mạch, huyết áp, tốc độ máu đều chậm và thấp hơn. + <i>Hệ thần kinh</i> : vỏ não có vai trò trong việc điều chỉnh nhiệt khi thích nghi với nhiệt độ cao,	<i>Khí hậu nóng ẩm gây ra các điều kiện căng thẳng đối với sinh lý con người, nhất là các tác động lên cơ chế cân bằng nhiệt và các chức năng khác của cơ thể. Cần rút ra được giới hạn chịu</i>

		cảm giác đều bình thường hoá trở lại. + Rèn luyện thích nghi với nhiệt độ: thích nghi nhất thời để chịu nóng, chịu lạnh, nhưng để dễ chịu phải rèn luyện qua thời gian dài, nhất là làm quen với nơi mới đến.	<i>đạt tới đa của cơ thể người trong hoàn cảnh khí hậu nhiệt đới gió mùa Việt Nam</i>
Độ ẩm	- Có vai trò quan trọng trong cân bằng nhiệt và liên quan tới mức độ lạnh. - Độ ẩm thích hợp với cơ thể người vào khoảng 50%	- Phân biệt :độ ẩm thời tiết độ ẩm có nguồn gốc từ đất. - Độ ẩm đất gây hại cho bệnh nhân lao và hen, độ ẩm thời tiết liên quan đến mưa và sương mù-gây hại cho bệnh nhân viêm phế quản, viêm phổi và thấp khớp.	Cơ thể người Việt Nam chịu được ẩm cao hơn, khoảng 80%. Cần có biện pháp nhân tạo (điều hoà không khí, gảm hút ẩm...)để ẩm khí quyển không tác động tới sức khoẻ và điều kiện làm việc.
Gió	Tác dụng : lưu thông không khí, điều chỉnh tự nhiên nhiệt độ môi trường, làm sạch môi trường	- Tác động xấu : + Làm trẻ sơ sinh đến 3 tuổi dễ viêm phổi, người già mắc bệnh tim mạch, xuất huyết não. +Gió ạnh và đột ngột làm mất nhiệt cơ thể. + Gió nóng khô (gió Lào)gây mất nước, sốt cao, suy dinh dưỡng ở trẻ sơ sinh, suy nhược cơ thể ở người lớn.	Trong sinh khí tượng, gió được chú ý nhiều vì trực tiếp gây và phát triển một số bệnh. Gió ulla đông-bắc và các loại gió địa phương không thể coi thường, cần có biện pháp chống tránh cảm, nhiễm lạnh, tai biến tim mạch
Mùa	- Thân nhiệt có thể thay đổi ±0,5 độ C theo	Những tác động cơ bản có tính chất chu kỳ đối với những cơ chế sinh lý	

	mùa. _ Tuân hoàn qua da và nhiệt độ da thay đổi theo mùa - Chuyển hoá cơ bản theo mùa	và đối với một số bệnh thường gặp theo mùa là : máu, nước tiểu, chuyển hoá, nội tiết, huyết áp, bệnh phổi, ung thư, thấp khớp, mắt, nhiễm trùng da, loét dạ dày, tâm thần....	
--	---	---	--

Phụ lục 2. CÁC MỨC CẢM GIÁC NHIỆT CỦA NGƯỜI VIỆT NAM

(nguồn :GS,TSKH. Phạm Ngọc Đăng : Môi trường không khí, nxb KH&KT-1997)

Có một thông số biểu hiện mối liên quan chặt chẽ giữa con người và khí hậu, đây cũng là một chỉ tiêu chủ quan nhằm đánh giá mức độ tiện nghi vi khí hậu trong nhà. Đó là các mức cảm giác nhiệt. Cảm giác nhiệt (CGN) của con người phụ thuộc vào trạng thái vi khí hậu, mức độ lao động nặng nhẹ, trang phục, thói quen thích nghi với điều kiện đã sống. Mức cảm giác nhiệt thường được xác định bằng nghiên cứu thực nghiệm, được tiến hành với dân cư ở từng vùng khí hậu khác nhau theo từng lứa tuổi, mức độ lao động, giới tính, ứng với các mùa khác nhau. Trị số giới hạn mức cảm giác nhiệt thường được định lượng bằng nhiệt độ hiệu quả tương đương (TEET). Ở nước ta đã có nhiều người, nhiều cơ quan tiến hành thí nghiệm để xác định các điều kiện tiện nghi nhiệt của môi trường vi khí hậu đối với người Việt Nam. bảng sau giới thiệu kết quả của một số tác giả trong nước.

Ghi chú: $T_{EET} + 0,5 \cdot (T_k + T_v) - 1,94\sqrt{v}$

trong đó : TEET : nhiệt độ hiệu quả tương đương

T_k : nhiệt độ bầu khô ($^{\circ}C$)

T_v : nhiệt độ bầu ướt ($^{\circ}C$)

v : tốc độ gió (m/ s)

1) Phạm Ngọc Đăng (1966)

Trang thái VKH	Mức CGN	Nhiệt độ tương	hiệu quả tương đương	Nhiệt độ ($\varphi+80\%$,	KK ($v=0,5m/s$)
		Mùa lạnh	Mùa nóng	Mùa lạnh	Mùa nóng

Lạnh	Lạnh Hơi lạnh	17,3 18,5		19,8	
Tiện nghi	GH dưới Tiện nghi GH trên	20,0 23,3 26,5	24,4 27,0	21,5 24,5 29	25,5 29,5
Nóng	Hơi nóng Nóng		28,5 29,2		31,5

2) Nguyễn Huy Côn, Đỗ Bảo Toàn (1965):

- Giới hạn dưới: 23 độ EET
- Cảm giác tiện nghi : 24 độ EET
- Giới hạn trên : 26 độ EET

3) Nguyễn Huy Côn, Trịnh Xuân Minh (1977-79):

- Tiện nghi nhiệt mà nóng : 23 độ EET
- Tiện nghi nhiệt mùa lạnh: 21 độ EET
- Phạm vi tiện nghi mùa nóng : 18,8-27 độ EET
- Phạm vi tiện nghi nhiệt mùa lạnh : 16,7-24,7 độ EET

4) Ngô Huy Ánh và ctv. :

- Giới hạn dưới : 20 độ EET
- Tiện nghi nhất : 23,7 độ EET
- Giới hạn trên : 27,5 độ EET

Phụ lục 3. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM SINH THÁI-XÃ HỘI CỦA NHÀ Ở CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

(nguồn : KTS.Nguyễn Cao Luyện. Từ những mái tranh cổ truyền. Nxb Văn Hoá, Hà Nội,1977)

1. Là sản phẩm của quá trình chống tránh những tai ương và tận dụng những ưu đãi của khí hậu-thiên nhiên nhiệt đới. Từ đó mà sáng tạo một không gian cư trú đáp ứng những yêu cầu tâm lý và sinh lý, thể chất và tâm hồn của con người Việt nam.
2. Là kiến trúc mở độc đáo, tạo sự thông thoáng tối đa, không chỉ chống nóng mà còn chống rét, phòng chống những cơn trùng nhiệt đới làm hại nhà cửa.
3. Sử dụng ngay sản vật của thiên nhiên nhiệt đới làm vật liệu xây dựng, thích hợp với việc chống nắng, chống nóng, chống ẩm, chống mối.
4. Tạo cảm giác gần gũi, sáng sủa, hài hoà và thoải mái đối với ngôi nhà.
5. Không hoàn toàn giống nhau ở các vùng khác nhau trong cả nước. Bố cục, dáng dấp bên ngoài ,mái ,cửa ,v.v. đều thể hiện rõ ý đồ chống, tránh, hoặc tận dụng đặc điểm khí hậu- thiên nhiên tại địa phương.
6. Quy hoạch không gian kiến trúc dân tộc của ngôi nhà (cổng, sân, vườn, nhà) khá độc đáo và thích hợp.

7. Là kết quả của " những công trường của tình hữu ái" . Không ai làm nhà một mình. Đó là đặc điểm mang tính xã hội của kiến trúc nhà ở cổ truyền.

Phụ lục 4. NHÀ Ở SINH THÁI

(nguồn : Nguyễn Huy Côn. Kiến trúc và môi sinh. Nxb Xây Dựng, 2004)

Từ những năm 1990, trên thế giới đã xây dựng thành công một số nhà ở sinh thái. Chẳng hạn, các nước EU đã xây dựng "thành phố màu xanh" với tiểu khu nhà ở Skotteparker ở Copenhagen, Đan Mạch. Công trình này đã được giải thưởng quốc tế về tiết kiệm năng lượng khi sử dụng năng lượng mặt trời để đun nước, đảm bảo hơn 60% nhu cầu nước nóng cho cả năm. Ưu điểm thứ hai là do sử dụng chung một hệ thống thông gió cho một cụm 4-5 toà nhà nên đã giảm tổn thất nhiệt đến 20%. Ngoài ra, việc áp dụng thêm các biện pháp hỗ trợ khác như sử dụng kính ít bức xạ, máy trao đổi nhiệt, thiết bị điện có hiệu suất sử dụng cao nên đã tiết kiệm được hơn 60% khí đốt, 30% nước và 20% điện, nhanh chóng bù đắp được chi phí tăng thêm trong giá thành do trang bị mới. Đến nay, loại nhà ở sinh thái này đã lan ra khắp châu Âu. Tại châu Á, bước đầu có những nghiên cứu và xây dựng có triển vọng. Tại Ấn Độ đã xây dựng các nhà hình ống phù hợp với khí hậu nhiệt đới có sân lộ thiên, nhà mái dốc, có hệ thống của thông gió chạy suốt mặt cắt nhà; hoặc hình thức nhà quay vào phía trong, tránh được ánh nắng chói chang , lấy thông gió nằm ngang qua chính nhà ở một cách có hiệu quả. Các kiến trúc sư ở đây quan niệm đó là kiến trúc sinh thái. Các kiến trúc sư Malaysia thì thiên về việc thiết kế công trình cao tầng, tiết kiệm được 40% năng lượng tiêu thụ và tạo ra những biện pháp độc đáo để người ở có thể tiếp xúc được với thiên nhiên ngay cả khi ở các tầng cao chót vót.

Như vậy, nhà ở sinh thái là kiến trúc nhà ở được áp dụng các thành tựu về khoa học xây dựng hiện đại và sinh thái học trong thiết kế hợp lý các yếu tố vật chất cũng như năng lượng của không

gian trong và ngoài công trình nhằm chuyển đổi tuần hoàn trong một hệ thống nhất định với hiệu quả cao, tiêu thụ ít năng lượng, cân bằng sinh thái và không gây ô nhiễm môi trường. Không thể có nhà ở sinh thái nếu không áp dụng hàng loạt các tiến bộ về vật liệu xây dựng, thiết bị, kỹ thuật xây dựng, v.v. cũng như các công nghệ mới về thông tin điện tử, năng lượng mới và tái tạo năng lượng, nghĩa là mọi điều kiện cần thiết cho việc *sinh thái hoá* nhà ở. Chúng ta có thể nêu những biện pháp cụ thể như: trồng cây trên sân thượng, áp dụng kỹ thuật nhà kính, thông gió tự nhiên, sử dụng năng lượng sạch, nước sạch và công trình xanh ngoài nhà cung cấp một môi trường giàu oxy.

Tóm lại, nhà ở sinh thái có những đặc điểm sau:

- *Thiết kế xây dựng "theo con người"*. Điều đó có nghĩa là vừa có bố cục quy hoạch phù hợp với hoạt động của con người xuất phát từ yêu cầu thẩm mỹ và tâm lý để tạo ra môi trường ở, vừa có kích thước không gian phù hợp với cơ thể người, đặc biệt chú ý tới các thành phần: trẻ em, người già và người tàn tật. Công trình phải hài hoà với môi trường xã hội chung quanh về phương diện văn hoá- lịch sử.

- *Tôn trọng tự nhiên và bảo vệ sinh thái*. Điều đó có nghĩa là nhà ở phải tồn tại hài hoà với môi trường tự nhiên và giảm bớt được các ảnh hưởng tiêu cực của môi trường nhân tạo trong việc cân bằng sinh thái.

- *Sử dụng có hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên và năng lượng* trong mọi khâu: quy hoạch, thiết kế, thi công, sử dụng quản lý công trình. Kết hợp biện pháp nhân tạo với tự nhiên, kỹ thuật hiện đại với kinh nghiệm truyền thống để nâng cao tối đa hiệu quả sử dụng tài nguyên và năng lượng.

- *Phải đảm bảo vệ sinh trong một môi trường lành mạnh*, có lợi cho sức khoẻ. Cần sử dụng vật liệu "xanh" không độc hại, bền, tái sử dụng được, thu gom và xử lý rác thải. Đặc biệt phải phát huy tác dụng của cây xanh để cải thiện môi trường nhà ở.

- *Đảm bảo không gian mở và linh hoạt*, phù hợp với sự phát triển và chức năng sử dụng, thích ứng với phát triển của xã hội. Ưu

tiên áp dụng cơ cấu kiến trúc và các hệ thống trang bị linh hoạt, dễ bảo dưỡng.

Thích hợp với các đặc điểm trên đây, hiện hình thành hai loại nhà ở sinh thái: nhà ở xanh và nhà ở lành mạnh. *Nhà ở xanh* chú trọng phủ xanh môi trường cư trú trong cả năm, chú trọng sử dụng vật liệu xây dựng không gây ô nhiễm môi trường, chú trọng tài nguyên nước và tiết kiệm nước, nhất là nước sinh hoạt, triệt để sử dụng ánh sáng tự nhiên và đèn tiết kiệm năng lượng, khai thác năng lượng mặt trời để sưởi ấm, phân loại và xử lý rác thải để tận dụng ở mức cao nhất. *Nhà ở lành mạnh* chú trọng hơn đến vai trò của con người trong môi trường sinh thái, đặc biệt chú trọng hai yếu tố chiếu sáng tự nhiên và thông gió, cũng như các biện pháp giảm ô nhiễm bếp và nhà vệ sinh. Tất nhiên, loại hình nhà này còn đòi hỏi chống ồn tốt và cũng phải phủ xanh môi trường bên ngoài như nhà ở xanh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. *F. Ramat*. Les principes de l'écologie appliquée. Hatier, 1991
2. *G.I. Poltorak*. Problemi arkhitekturnoi ekologii. Znaniye, 1995
3. *Svarts S.S*. Problemi ekologii cheloveka. Filosofiya, 1984.
4. *Lippsmeier G.*. Xtroitelxto v uxloviakh zarkogo klimata, M. 1994
5. *Đào Ngọc Phong*. Một số vấn đề về sinh khí tượng. Hà Nội, 1984.
6. *Phạm Ngọc Đăng*. Môi trường không khí. Khoa học và Kỹ thuật. 1997
7. *Nguyễn Cao Luyện*. Từ những mái tranh cổ truyền. Khoa học và kỹ thuật, 1977
8. *Nguyễn Huy Côn*. Kiến trúc và môi sinh. Xây Dựng, 2004

Nguyễn Huy Côn
MẤY VẤN ĐỀ VỀ SINH THÁI KIẾN TRÚC
Biên soạn xong tháng 12.2004
(file BVMT/27x2ps)

HÀ NỘI, 2005

